

LÊ MAI LĨNH

NGUYỄN THỊ SÂM
NHỮNG DẤU CHÂN
ĐỌC ĐƯỜNG KHÁNG CHIẾN

NHÀ XUẤT BẢN Ý TRỜI
HOA KỲ, 2024

Kính dâng hương hồn Mẹ



LỜI NGỎ

VÀI CON SỐ NĂM LIÊN QUAN TỚI TÁC PHẨM “NGUYỄN THỊ SÂM, NHỮNG DẤU CHÂN ĐỌC ĐƯỜNG KHÁNG CHIẾN”

Tâm bút SƯƠNG BIÊN THÙY/ LÊ MAI LĨNH

Năm 1963, khi đang học lớp đệ Tam, ban C, Trường trung học Võ Tánh, Nha Trang, tôi đã xuất bản tập thơ **NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU**, bằng tiền bán chiếc xe đạp cà tàng và vài bộ áo quần vĩa.

Nhưng hẳn nhiên, tập thơ tôi đã chuẩn bị trước đó vài năm.

Và, như thế là truyện dài về Nguyễn Thị Sâm, tôi cũng có ý định, từ nỗi hoang tưởng, đại ngôn, mộng mơ, cũng vào thời gian đó, những năm đầu thập niên 1960.

Từ 1963 tới năm 1992, tức 29 năm, trong trí nhớ tôi chỉ biết **NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU**, ngoài ra tôi không nhớ chi hết.

Nhưng tới năm 1992, bên kia Đập Đá, Huế, trong một quán lá cạnh vườn bắp và ‘lá trúc che nghiêng mặt chữ điền’ của Hàn Mặc Tử, ba anh em chúng tôi, nhà thơ Trần Vàng Sao, nhà thơ Thái Ngọc San và tôi, đang chiến đấu với đĩa lòng heo, vài cái bánh tráng nướng, tô nước mắm nêm, hai lít rượu pha cồn, tôi càng phục trí nhớ các anh hơn và sợ các anh hơn.

Đó là lúc, sau khi kể năm Mậu Thân, anh Trần Vàng Sao cùng ông Thích Đôn Hậu vượt Trường Sơn ra Bắc, anh nói tới tập thơ **NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU** của tôi, và anh hỏi tôi truyện dài Nguyễn Thị Sâm viết đến đâu rồi làm tôi lặng người, xấu hổ.

Tôi có viết đâu, mà hỏi tới đâu.

Lúc này tôi run thật, chứ không phải chỉ sợ.

Đúng, năm 1963, khi in NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU, tôi có đại ngôn, khoác lác. Và cũng từ trạng, nỗ, trở, là chính đó, tôi trưng ngay bìa sau, của tập thơ:

NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU:

Nhớ tìm đọc truyện dài Nguyễn Thị Sâm.

Hẳn nhiên, tôi cũng không thể tự thú với anh, rằng tôi chỉ trở, trạng, nỗ, thôi mà.

Rồi lâu sau đó, trong một bài viết về Sương Biên Thùy, nhạc sĩ Nguyễn Phú Yên, lại viết:

“Ngày trước, khi bắt đầu học đệ nhị cấp, tôi đã nghe tên này, tác giả của tập thơ Nỗi Buồn Nhược Tiểu. Với một đứa học trò yêu văn chương, chỉ cần nghe tên một tập thơ, của một nhà thơ trẻ, tự xuất bản tác phẩm của mình, thì đứa học trò đó đem lòng ngưỡng mộ.

Thập niên 1960 ở Huế, từng xuất hiện các tập thơ như Vòng Túi Nhục của Thái Luân, Quê Nhà của Chu Sơn, Hoa Cô Độc của Ngô Kha, và rồi tiếp đó là Nỗi Buồn Nhược Tiểu của Sương Biên Thùy.

Các tác giả trẻ tuổi ấy, là những người sinh ra trong chiến tranh, tình cảm của họ không còn mang phong vị cổ điển như xưa, mà thấm đẫm tư duy về hiện thực, về trạng huống xao xuyên, thao thức, băn khoăn, ưu tư trước ngưỡng cửa cuộc đời, trước số phận con người và sinh mệnh đất nước.

Tôi cứ tưởng nhà thơ Sương Biên Thùy từ Quảng Trị đi vào đất học là xứ Huế, nhưng không, với tuổi trẻ thích phiêu bồng, anh đi xa hơn, vào học tận Nha Trang.

Năm 1963, chính tại nơi đây, anh cho xuất bản tập thơ đầu tay của mình, NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU.

Tác phẩm của một anh học trò Trường Võ Tánh đã làm giật mình giới cầm bút ở đây, vì cậu học trò nào từ xa mới đến mà dám chơi trội, “bóp còi qua mặt” các tao nhân mặc khách của xứ thùy dương, nhất là ông “vua thơ” Sao Trên Rừng thì ra mặt dọa dẫm”.

Trước là nhà thơ Trần Vàng Sao, sau là nhạc sĩ Nguyễn Phú Yên, đã không cho tôi trốn nợ với văn chương, và nhất là không cho tôi thất hứa với mẹ tôi.

Do vậy, tác phẩm “NGUYỄN THỊ SÂM, NHỮNG DẤU CHÂN DỌC ĐƯỜNG KHÁNG CHIẾN”, hai anh Trần Vàng Sao, Nguyễn Phú Yên có vai trò như hai bà mẹ cho tác phẩm ra đời.

Hay nói cách khác, nếu không gặp hai anh, không nghe những nhắc nhở, những hoài niệm, một thời quá vắng của hai anh, tác phẩm này bị chôn vùi vào quên lãng, và tôi cũng không còn nhớ tới lời hứa của mình với người mẹ của mình.

Nhưng tại sao, không là truyện dài?

Tôi xét mình không còn đủ thời gian để viết truyện dài. Đoạn đường giữa tôi và huyết mộ không còn xa, sẽ dở dang, đứt đoạn là điều tôi thấy rõ.

Thêm vào đó, những người mẹ Việt Nam đều có chung một mẫu số: hy sinh cho chồng con, một nắng hai sương, gánh đời truân chuyên, đầu tắt mặt tối, không có gì khác, hiếm những ngoại lệ.

Nên tôi chọn viết về mẹ tôi, những nét rất riêng, rất Nguyễn Thị Sâm.

Từ 1963, tới nay, 2024, là 61 năm, để thực hiện một lời hứa. Tác phẩm này, tôi cũng sẽ gửi tặng, KHÔNG BÁN.

Những bạn nào thấy khó khăn, không thể yên vui, giữ làm kỷ niệm.

Nó là một thứ hàn thử biểu tâm hồn, thấy được những hỷ, nộ, ái, ố.

Hay nói như các nữ văn, thi hữu: Diễm Trân, Cung Lan, Lãm Thúy, Hồng Thủy, Ý Nhi, văn chương Lê Mai Lĩnh có tác dụng như Thần dược:

Khi bạn buồn, nó giúp bạn vui.

Khi bạn vui, muốn buồn, nó cũng chu toàn sứ mệnh.

Khi bạn khóc, muốn cười, nó sẽ cười, trước khi bạn mở môi, cười.

Nó sẽ là dầu xanh, dầu cù là, và sẽ là lá xông, khi trái trời, trở gió.

Nói thêm, e rằng mang tiếng nói xạo. Nên tôi thôi nói. Đọc, thưởng thức, rồi sẽ biết.

Trái lại, những ai có tiền, không biết làm gì, ủng hộ cho Khùng, chút chút.

Lần này, cũng gởi về trong nước, tất cả, duy nhất, trao tặng một nhà văn, thi sĩ, gốc lính VIỆT NAM CỘNG HÒA, cực cực tài hoa, chưa tiện nêu tên.

Nay mai, khi có tiền tôi xướng danh, chắc chắn quý vị sẽ cười xòa, và đưa hai tay: Khùng là số Một, chọn đúng người.

USA, 30-4-2024.

Lê Mai Lĩnh

1. PHÁC THẢO TIỂU SỬ NHÀ THƠ / NHÀ VĂN / NHÀ BÁO LÊ MAI LĨNH

• Lê Mai Lĩnh tên thật là LÊ VĂN CHÍNH, sinh năm 1942 (khai sinh 1944). Sinh quán: làng Quảng Điền, xã Triệu Đại, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

• Khởi nghiệp Văn chương từ năm 15 tuổi (1957) với bút hiệu SƯƠNG BIÊN THÙY.

* Từ sau ngày lưu vong sang Hoa Kỳ (1-1994) lấy bút hiệu LÊ MAI LĨNH.

• Trước năm 1975, đã cộng tác với các tạp chí: *Nghệ Thuật, Khởi Hành, Văn Học, Quần Chúng, Đời, Văn, Gió Mới, Ngàn Khơi, Tiền Phong...*

Viết bình luận chính trị cho các nhật báo: *Hòa Bình, Độc Lập, Da Vàng, Sóng Thần, Gió Nam, Quyết Tiến, Quạt Khởi, Tranh Đấu...*

• Xuất thân khoá 1/68 Trường Sĩ quan Bộ binh Thủ Đức.

Thư ký Tòa soạn nguyệt san Trường Bộ binh Thủ Đức.

• Năm 1962, nhận GIẢI NHẤT VĂN CHƯƠNG PHẬT GIÁO do Tỉnh hội Phật giáo Quảng Trị tổ chức vào dịp Phật Đản mùa hè 1962.

• Năm 1969, bút chiến với nhà văn Mặc Đỗ trên tuần báo *Khởi Hành* về vấn đề “Mặc Cảm Kaki Trong Văn Học”

• Năm 1971, bút chiến với nhà văn Uyên Thao trên tuần báo *Đời* của nhà văn Chu Tử về vấn đề “Con Ngựa Gỗ Ấn Quang và Thành Troy Nam Việt Nam”.

• Năm 1971, tranh cử Dân biểu Hạ nghị viện tại đơn vị Phan Thiết, Bình Thuận.

• Năm 1972, nhân danh một thi sĩ Việt Nam đề nghị MỘT GIẢI PHÁP HÒA BÌNH CHO CHIẾN TRANH VIỆT NAM bên cạnh những giải pháp của Nixon, Lê Đức

Thọ. Giải pháp này đã được đăng tải trên nhiều mặt báo bấy giờ và phổ biến tại Trường viện Quốc hội.

- Sau ngày 30-4-1975, bản thân xem như mình “đi tu” mà đòi gọi là Lao động khổ sai trong 3.102 ngày, qua 10 trại tù (mà bản thân xem như chùa) từ Nam ra Bắc.

Trong nhà tu (tạm gọi như thế), tại trại K4/ Tân Lập/ Vĩnh Phú, vào đêm 20-7-1979 (đêm ghi nhớ Hiệp định Genève 1954 chia cắt Tổ quốc), ông “thầy tu” Lê Văn Chính đã treo cổ tự tử sau khi viết hai lá thư: một gửi ông Lê Duẩn, Tổng Bí thư Đảng CỘNG SẢN Việt Nam yêu cầu thay đổi đường lối lãnh đạo, một gửi Ban giám thị trại đòi hỏi cải thiện chế độ lao tù.

Được tha khỏi trại (mà bản thân gọi là đã đắc đạo), “xuống núi” từ ngày 30-11-1983.

Để mưu sinh giữa nhà tù lớn từ Nam Quan đến mũi Cà Mau, bản thân đã chơi những trò chơi như sau: phụ thợ hồ, vịn thợ mộc, vá và bơm xe đạp (và mọi thứ xe linh kinh khác), phụ bếp, bếp trưởng, chùi cầu tiêu, bỏ mồi cà phê, thuốc lá, bia lên cơn (tục gọi là bia sinh tố), rượu Gò Vấp, rượu Ông già bật ngựa, gạo, nếp, các thứ đậu (xanh đen đỏ), buôn bán ve chai, buôn hương bán phấn (nhang đèn và phấn bảng học trò), nuôi heo, nuôi gà, nuôi chó, nuôi mèo, nuôi dê, trồng nho, làm chủ quán nhậu.

- Sau ngày phái đoàn Mỹ phỏng vấn xong, đốt quán nhậu, sống bằng nghề vay nợ (trình độ vay nợ sau đại học), làm thơ, viết văn, và uống rượu... cho tới giờ lên máy bay (12 giờ đêm 10-4-1994). Đang lúc tay kéo cái bị lác, áo quần vung vãi... Công an cửa khẩu lại hỏi xin tiền.

Lúc đó mới tỉnh ra và nghĩ mình là cha bộ đội.

- Sang Hoa Kỳ hôm sau cũng là ngày 10-4-1994 theo diện tỵ nạn chính trị H.O.

Hai tuần sau khi qua Mỹ bắt đầu sự nghiệp viết chùa, viết miếu cho các tạp chí *Văn Học* và *Tranh Đấu* ở Pháp, Đức, Na- Uy, Gia Nã Đại và Hoa Kỳ là *Khởi Hành*, *Hồn Việt*,

Sài Gòn Times (California), Góp Gió, Chính Nghĩa (Washington State), Việt Báo (Colorado), Thế Giới Mới, US Việt (Texas), Phương Đông, Thăng Long, Asian Times, Dân Chủ Mới (Massachusetts), Thời Mới (Philadelphia), Cỏ Thơm (Virginia), Quốc Gia, Đi Tới (Canada), Quê Mẹ (Pháp), Cánh én (Đức), Đất Đứng (Na-Uy), Dân Việt, tiếng nói của người Việt tỵ nạn Cộng sản tại bang Connecticut.

- Từ năm 1995, Chủ nhiệm, Chủ bút nguyệt san *Lửa Việt*.
- Ngày 23-4-2000, nhận lời mời của Ban chấp hành Cộng đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal, Canada đã đến nói chuyện trước gần 1.000 đồng hương nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương với nội dung bài thuyết trình: “ĐÃ TỚI LÚC CẦN PHẢI ĐƯA NHỮNG NHÀ LÃNH ĐẠO HOA KỲ LIÊN QUAN TỚI CHIẾN TRANH VIỆT NAM TRONG HAI THẬP NIÊN 60-70 RA TRƯỚC VÀNH MÓNG NGỰA”.
- Tháng 11 năm 2000, nhận lời mời của Tiến sĩ Nguyễn Bá Long, chủ tịch Liên minh Các lực lượng Dân chủ Việt Nam, sang Pháp ký vào Hiến chương 2000 nhằm mục đích vận động cho Dân chủ và Tự Do tại Việt Nam, nhân danh một văn nghệ sĩ Việt Nam lưu vong.

TÁC PHẨM

1. *Nỗi Buồn Nhược Tiểu* - NXB Hoa Sen, Nha Trang, 1963
2. *Lời Phản Kháng Của Những Người Làm Thơ Châu Á* - NXB Thái Độ, Sài Gòn, 1967
3. *Góp Gió - tuyển tập thơ của 100 nhà thơ quân đội*, Cục Tâm lý chiến, Sài Gòn, Việt Nam
4. *Thơ Lê Mai Lĩnh* - NXB Sông Thu, California, Hoa Kỳ, 1997
5. *A Lasting Mirage - tuyển tập thơ các nhà thơ thế giới*, Thư viện Thi ca Hoa Kỳ, 1997
6. *B.40 - tuyển tập nhiều tác giả*, Làng Văn, Canada, 1997
7. *Hậu B.40 - tuyển tập nhiều tác giả*, Làng Văn, Canada, 1997
8. *Đứng Ngồi Không Yên, phóng bút* - Ý Trời xuất bản, Hoa Kỳ, 1999
9. *Vườn Thơ Hải Ngoại - tuyển tập thơ nhiều tác giả*, Tủ sách Phụ Nữ Thời Nay, Hoa Kỳ, 2001
10. *Lưu Dân Thi Thoại - bút luận 25 Năm Thơ Hải Ngoại*, Cội Nguồn, Hoa Kỳ, 2003
11. *Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại* - tuyển tập thơ nhiều tác giả, Hội Văn hóa Việt Pháp, Paris, 2003
12. *Những Đứa Con Hoang - kịch độc thoại*, Cội Nguồn, 2005
13. *Chân Dung Lê Mai Lĩnh, song ngữ - A Poet's Portrait*, Cội Nguồn, 2005
14. *Trăng Trên Dòng Thạch Hãn, thơ / truyện / tùy bút* - in chung với nhà thơ Vương Lệ Hằng, Ý Trời xuất bản
15. *Tuyển tập Lê Mai Lĩnh, thơ, văn, tiểu luận, phê bình văn học, nhận định chính trị.*
16. *Thơ Tình Thế Kỷ* - in với Vương Lệ Hằng, Ý Trời xuất bản
17. *Lương Quyên, cô láng giềng* - Ý Trời xuất bản, 2016

18. *Tuyển tập Văn Miền Nam Thời Chiến* - Thư Quán Bản Thảo xuất bản
19. *Tuyển tập Thơ thời chiến Miền Nam* - Thư Quán Bản Thảo xuất bản
20. *Chân Dung Người Lính, Thi Sĩ Miền Nam* - NXB Nhân Ảnh, 2023
21. *Cuộc Phẫu Thuật Văn Chương* - NXB Nhân Ảnh, 2023
22. *Thơ Của Những Người Thua Cuộc, The poems of the loses* - do nhà văn Nguyễn Hữu Thời tuyển chọn và dịch sang Anh ngữ.
23. *Nguyễn Thị Sâm, Những Dấu Chân Dọc Đường Kháng Chiến.*

2. NGUYỄN THỊ SẦM, NHỮNG DẤU CHÂN DỌC ĐƯỜNG KHÁNG CHIẾN

Tâm bút SƯƠNG BIÊN THÙY

Vâng, Nguyễn Thị Sầm là mẹ tôi.

Cha tôi là một kháng chiến quân.

Ông thoát ly gia đình cùng bè bạn, sau khi quân phiệt Nhật bỏ bom phá cầu Ga, Quảng Trị.

Dân Quảng Trị, lũ lượt tản cư về các vùng quê, Quảng Điền, Bồ Bản, An Cư, trong đó có gia đình tôi và gia đình Lương Quyên, mà tôi gọi là Cô Láng Giềng, tôi dành cho LQ, nguyên một tập thơ, mà tôi tin, LQ sẽ là một thứ Mộng Cầm của Hàn Mặc Tử hay Song Châu của Bích Khê, khi văn học sử không hẹp hòi với tôi vài trang giấy.

Vâng, Nguyễn Thị Sầm là mẹ tôi, mà 61 năm trước, tôi đã dọa, khoe, là tôi sẽ viết một truyện dài về bà mà có lẽ chỉ có nhà thơ Trần Vàng Sao còn nhớ.

Ông hại tôi rồi, Sao Trần Vàng ơi!

Thế thì làm sao tôi quyết cuộc đời và hứa hão với mẹ tôi?

Tôi chỉ nghe biết, từ ông ngoại trở về sau, trước nữa là mù. Ông ngoại tôi có một người anh là thân phụ của LQ, làm quan trong triều đình nhà Nguyễn.

Vì thế, người chị của LQ là LN, làm vợ cháu nội của ông Nguyễn Văn T., một vị quan nổi tiếng trong lịch sử thời kỳ đó. Và tôi cũng thành thật khai báo rằng thì là, nếu Đà Lạt không di tản đêm 1-4-1975, giữa chúng tôi và LN, đã có một thiên tình sử. Tôi e rằng như rứa.

Vì rằng, đang mới ngập ngừng manh nha mà tôi vẫn nghĩ, tôi nợ LN một chai nước hoa và một thỏi son môi.

Vâng, mẹ tôi là Nguyễn Thị Sầm.

Cha tôi, dù có bằng tiểu học, nói tiếng Pháp như gió, nhưng chắc chẳng có danh phận, chức tước gì.

Nói như tướng Trần Độ, chế độ ta không sử dụng nhân tài, không tin người có tài.

Sau ngày di cư, trên đôi vai mẹ tôi, là một gánh hàng xén lưu động. Dấu chân mẹ tôi trên mọi nẻo đường, từ vùng tề ra vùng kháng chiến.

Tôi mong ước và cầu những tháng năm đó, mẹ cha tôi có nhiều đêm tặng cho nhau, những quà tặng do Thượng đế trao ban, là những Adam và Eva, sao lại không nhỉ?

Tôi nhớ, khi gia đình quyết định hồi cư lên thị xã Quảng Trị, tức là bỏ vùng kháng chiến, mọi người lớn đều biết, kể cả cha tôi, trừ anh em tôi.

Quà tặng chia tay mẹ tôi cho cha, là 10 mét vải kaki, một cái đồng hồ và một kí lô kẹo chanh.

Sau này, tôi nghe nói khi được cơ quan thông báo, gia đình đồng chí đã trốn về vùng địch, cha tôi té ngựa giữa chợ.

Thì ra, tôi bây giờ đôi lúc làm kịch sĩ, Trần Trung Đạo sợ lắm, là có từ người cha kịch sĩ ngày đó.

Tôi lại mơ, ước và mong trước ngày chia tay, hai ôn mục có những đêm trong vòng tay nhau, Adam và Eva.

Có hai lần mẹ tôi nghỉ chợ và xem bị Tây hiếp.

Ngày đó, mẹ tôi áng chừng 35.

Thằng Tây cầm súng vào nhà, nó đưa mẹ tôi cái bị đồng xuống bếp lấy nước cho nó, trong ý đồ tách riêng mẹ tôi ra. Tôi bám sát mẹ tôi.

May lúc đó có một thằng Tây khác vào, thằng Tây trước bỏ đi.

Tôi áng chừng, sau này có thể thằng Tây sau là cấp chỉ huy của thằng trước.

Một lần khác, như mọi lần khi nghe Tây về, những người đàn bà như mẹ tôi, lấy lọ nôi, mồ hóng bôi đen mặt mày hay áo quần.

Mẹ tôi ngồi giữa, anh em chung quanh.

Cũng lần này, mắt tôi nhìn thấy chị hàng xóm có tật ở chân, trẻ hơn mẹ tôi, bị hai thằng Tây hiếp, mà tôi là khán giả từ thằng thứ nhất đến thằng thứ hai. Tôi nhìn chăm chú.

Sau đó chị sang nhà tôi, ngồi vào bếp lửa mùa đông, hai thằng Tây khác vào, chúng lôi chị xuống bếp nhà tôi, cạnh chuồng heo và...

Sau đó, chúng bắt con heo nhà tôi.

Đó là lần đầu tôi biết chửi.

Lúc này tôi bị ngọng, nên tôi đã chửi như sau:

“A ang dà mi bác he. Ao mi áng à ao bắt he ao”.

Dịch sang tiếng người không ngọng:

“Ai sang nhà mi bắt heo, sao mi sang nhà tao bắt heo tao”.

Cái khùng khiếp không là chuyện mất heo.

Cái khùng khiếp là tôi đã ghi sâu và bị ám ảnh mãi, chuyện xà neo của hai thằng Tây trên người chị ấy.

Cùng với dục tính trời trao cho một thi sĩ, và chuyện chứng kiến chị ta bị hiếp dâm lúc 6, 7 tuổi, làm nên một tôi có khuynh hướng mạnh về dục tình sau này.

Năm 1976, cha tôi trở về. Mẹ tôi nói ông bảo lãnh cho chúng tôi, Ông nói để cho cách mạng giáo dục, khi nào tiến bộ, chính phủ sẽ khoan hồng. Tôi ra tù năm 1983. Phần khác biệt tâm tính, phần kinh tế khó khăn, mẹ tôi đã sống những năm cuối đời khốn khó. Mẹ tôi mất năm 1987, khi tôi đang ở Sài Gòn, đạp xe xích lô.

3. ÔNG TÔI, ÔNG TRÙM TÍT

Tổ tiên tôi xuất xứ, là dân đánh cá.

Vùng biển Cửa Việt, nơi tổ tiên tôi giăng lưới nhiều đời.

Đến đời ông nội tôi, không rõ do đâu, ông lên Quảng Trị làm quản gia cho nhà buôn Quảng Tường.

Dòng họ tôi thấp cổ bé miệng, bị dân làng kỳ thị.

Nói đúng ra, bị các ông lớn địa chủ xem thường, như ông Cửu Tạo, ông Trây Thứ.

Họ gọi chúng tôi là dân NOỐC, dân ghe, chài.

Khi có người chết, chỉ được chôn bìa làng, không được chôn trong trung tâm.

Sau khi làm quản gia cho hãng buôn Quảng Tường, có tiền, ông mua được chức Trùm, mới được nể nang đôi chút.

Trùm đây là trùm gì, tôi không biết, nhưng chắc không phải Trùm sò, hay Trùm giang hồ.

Ông tôi hiền lắm mà.

Cha tôi là đứa con trai duy nhất của ông.

Cùng tiếng gọi kháng chiến chống thực dân Pháp, cha tôi lên đường, sau khi Nhật bỏ bom phá cầu Ga, Quảng Trị.

“Cha tôi còn, nhưng người theo kháng chiến,

Phung phí một đời cho ảo tưởng hôm qua,

Sống, chết tới nay, tôi không còn biết,

Dư ảnh lu mờ, kỷ niệm phôi pha.

Từ cha tôi lên đường kháng chiến,

Mẹ tôi về lo việc bán buôn,

Mang tuổi thơ, tôi đã biết buồn,

Không lúc cười, dù hoạt kê trước mặt,

Mắt không tươi, dù đời không buộc chặt.

Tôi ngũ nhòai vào vũng lớn suy tư,

Mang niềm đau nhức tiểu ru tư.

Xin chối từ mọi tư vương vị ngã,

Đi vào đời bằng Tân nhân bản

Xin kéo cờ các ngổ hồn nhân dân”.

(thơ làm năm 15 tuổi)

Sau khi qua Mỹ, là người duy nhất trong phái, tôi quyết tâm làm một cái gì đó.

Xây dựng ngôi Chùa là bước thứ nhất.

Hơn 20 năm trước, khi ấy tiền đô còn giá trị lắm.

Tôi gởi về \$3.000, cùng con cháu góp sức, Chùa được hình thành.

Công và thành chung quanh là những bước sau.

Buổi khánh thành, tôi lo luôn.

Viên chức chính quyền, thân hào nhân sĩ, bà con xóm làng, đều được mời tham dự.

Xem video, tôi mắt mặt làm sao.

Sửng muồn run người.

Sau 30-4-1975, những mồ mả họ tôi, theo chủ trương của Lê Duẩn, gom lại và được cấp một miếng đất tại ngay trung tâm làng, cạnh Chùa và hồ sen, theo như bây giờ, gọi là đất vàng.

Lúc này tôi còn trong tù.

Sau này con cháu khảm khá, khu nghĩa trang bê tông hóa và xây tường chung quanh, tôi góp \$700.00 = 14.000.000 VNĐ.

Cũng lúc này, con cháu gọi sang, hỏi tôi có muốn tách hộ khẩu cho ông bà nội, ông bà cố không, hẳn nhiên là tôi bằng lòng.

Chuyện là như thế này.

Khi di dời mộ, có trước có sau, nên mộ phần của ông bà tôi nằm sát bìa nghĩa trang.

Nay muốn tách hộ, nghĩa là đưa ra khỏi nhà chung, xây biệt thự, lâu đài cho quý vị, tùy thích.

Tôi bằng lòng xây “biệt phủ” cho quý vị.

Ông tôi, bây giờ là ông Trùm Tít, cả làng đều biết tên, sau ngày cha tôi lên đường tham gia kháng chiến, ông dành tình thương cho ba anh em tôi.

Những ngày mẹ tôi buôn bán xa, ông làm mọi chuyện nội trợ.

Mỗi lần nghe Tây về, ông gánh một đôi gánh và cái chét (loại cuốc nhỏ) làm người đi nhặt phân trâu bò.

Cũng buổi chiều ngày tang thương đó, trong toàn làng bị lửa cháy, Ông nép mình dưới một guồng máy xe đạp nước.

Khi Pháp rút, chúng bắt theo một đàn bò.

Chúng giao ông cây roi và một cuộn dây thừng, ra dấu cho ông dẫn đàn bò theo chúng lên đồn Đại Hòa.

Trên đường đi, có tiếng mìn nổ lớn, ông bị hất bay xuống ruộng, may mà không bị thương.

Lúc về, chúng cho ông mấy ổ bánh mì và mấy hộp thịt.

Đó là lần thứ nhất trong đời, anh em chúng tôi ăn lương thực của đế quốc.

Một lần nọ, Tây bên đồn Bò Bản về bố ráp.

Một viên lính Tây người Việt vào nhà tôi khám xét.

Nó tìm thấy tờ biên lai bà nội tôi ủng hộ vàng cho Việt Minh trong Tuần lễ vàng do ông Hồ phát động.

Nó bắt ông tôi.

Trên đường đi, nó nói với ông tôi nếu cho nó tiền, nó sẽ thả.

Tôi thấy nó dẫn ông tôi trở lại. Ông lúi cúi trong bụi tre rút ra một gói tiền trao cho nó.

Ông là một nhân tố giúp tôi trở thành thi sĩ.

Ông biết chữ hay không, tôi không biết, nhưng chắc là không.

Nhưng ông thuộc nhiều ca dao, câu hò và câu đố.

Sau những lễ hội cúng tế trong làng, thôn xóm, mọi người đều ngồi chung quanh ông, nghe ông ngâm, hát, nói những câu hò, ca dao, ra điều thích thú lắm.

Có lần ông lên mật khu Ba Lòng thăm cha tôi, ông bị lạc một ngày đêm trong rừng. Ông nói may trước đó, ông có mua một miếng mít chín ăn cầm hơi.

Hôm sau, ông gặp và bị hai tên du kích bắt.

Chúng nghi ông làm gián điệp của Pháp.

Ông nói tên cha tôi, nên được chúng dẫn về Ủy ban kháng chiến Ba Lòng.

Sau hiệp định Genève 1954, chia hai VIỆT NAM, cha tôi từ chiến khu về làng, nhờ người cháu lên tỉnh nói với ông tôi, rằng cha tôi muốn dinh tề, tức về đầu thú, muốn ông tôi về để tính chuyện.

Nghe thế, ông tôi mừng lắm, cho tôi cùng về theo.

Nhưng không biết vì sao, trên đường về làng, ông ghé vào chợ Sãi, mua mấy mét vải kaki.

Lẽ nào ông tiên liệu những bất trắc?

Và bất trắc thật. Cha tôi đã thay đổi ý định.

Khoảng một tuần nơi quê nhà, cả ba thế hệ gia đình tôi, (ông/ cha/ cháu) đi qua những cánh đồng, thăm và đốt nhang, cắm trên những ngôi mộ người thân yêu.

Khi đến thăm mộ bà nội tôi, tức vợ ông, ông đã khóc.

Những giọt nước mắt trên khuôn mặt nội tôi ngày đó, ghi đậm trong ký ức tôi, mỗi lần nhớ về tôi đều khóc, như hôm nay tôi đang khóc đây.

Bà nội tôi chết vì bệnh sốt rét tại vùng núi Ba Lòng, khi lên giúp o tôi sinh đẻ.

Tôi nghe nói, ngay đêm đầu sau khi chôn, cạp về húc mộ, nhưng dân làng biết đã la vang và lấy xoong, nòi đánh báo động.

Hôm sau ra, thấy mộ bị đào khá sâu.

Sau đó, người chị tôi lên săn sóc cha tôi bị bệnh, cũng bị chết vì sốt rét.

Làng tôi, một ngày tang thương

Theo lệnh Việt Minh, dân làng tôi rào làng chiến đấu. Lính Pháp bên đồn Bò Bản về lùng, thấy vậy chúng ghét.

Chúng đốt nhà dân sạch sành sanh.

Chỉ duy nhất nhà ông cậu tôi còn sót, là nhờ các nhà chung quanh cháy, khói bao trùm nhà cậu, nên chúng không thấy.

Cũng lần này, nhà một ông cậu khác, có căn hầm bí mật chứa trên 10 người.

Vì nhà cháy, bị nghẹt thở, có chị nọ chạy ra khỏi hầm, bị Pháp phát hiện, chúng bắt hết, trói tay, đem lên miếu âm hồn làng bán xâu táo.

Trong số này có ông cậu tôi, một người y tá của kháng chiến quân, Nguyễn Công Hải.

Cậu là em ruột của hai người dì, mẹ tôi gọi bằng chị, là con ông bác, Nguyễn Thị Lương Nga, Nguyễn Thị Lương Quyên.

Sau 30-4-1975, cha tôi về, mẹ tôi nói ông bảo lãnh chúng tôi trong tù, ông bảo để cho chúng học tập tiến bộ.

Vài năm sau, ông nói thẳng Thiệu lấu cá, nói một câu rất hay hung.

“Đừng nghe những gì CỘNG SẢN nói, hãy nhìn những gì CỘNG SẢN làm”.

Sau đây là một đoạn thơ tôi làm về cha, mẹ tôi.

*“Cha tôi là Lê Văn Thông,
Từ người kháng chiến yêu nước năm 45,
Biết nói tiếng Pháp như gió.
Sau trở thành tên đảng viên CỘNG SẢN chỉ biết cầm
súng cắc-bụp-xoè.
Giờ đã 80 tuổi, nằm một chỗ chười ông HỒ CHÍ
MINH và tập đoàn lãnh đạo CỘNG SẢN VIỆT NAM.
Bởi theo các ông mà thân tàn ma dại.*

*Mẹ tôi là Nguyễn Thị Sâm,
Tàn tảo một mình nuôi 4 đứa con từ ngày chồng
tham gia kháng chiến,
Nhờ thế, chúng tôi lớn khôn.*

Ba người anh tôi,
Một người đi lính Biệt Động Quân,
Một người đi Thủy Quân Lục Chiến,
Một người đi Biệt Kích Dù.
Còn tôi, ngành Chiến Tranh Chính Trị.
Sau 30 tháng 4, mẹ tôi bị cha tôi nạo một trận nên
thân,
“Sao mẹ cho chúng đi toàn thứ dữ”?

Mẹ tôi đã chết sau ông đúng mười năm,
Sau hai ngày Công an dẫn Ban Thuế vụ vào nhà
người anh tôi, không đi cái tủ thờ bằng gỗ cấm lai,
và bắt theo con heo nái cùng bày con để trừ vào thuế
nông nghiệp, lúc trên tường cái Huân Chương 40
năm tuổi đảng của cha tôi đỏ chói, treo lủng lẳng.
Im lặng đồng lõa,
Mẹ tôi tức hộc máu mà chết”.

.....

“Tôi vào quân trường Thủ Đức học vài món ăn chơi.
Cầm súng, ném lựu đạn, xóc lưỡi lê về phía trước,
Biết nhắm vào ai.

Tôi biết bò dưới hỏa lực và chủ động cho đường đạn bay
tới.

Tôi biết di chuyển theo đội hình và thế nào là hiệp đồng
tác chiến.

Chùng đó đủ cho tôi biết chơi trò chơi chiến tranh.

Ba người anh dữ dằn của tôi chơi ở Bình Long, An Lộc,
Khe Sanh, Hạ Lào, Cổ Thành Quảng Trị.

Tôi biết mình nhỏ con, trời gà không chặt, lấy đầu thân
công lực, chơi bạo, chơi xa.

Tôi về Tiểu khu Bình Thuận, quần quanh rong chơi,
trong mật khu Lê Hồng Phong, Tam Giác Sắt,

Cầm chắc khẩu súng trong tay,
Nảy cò, làm thơ và uống rượu.

Năm 1970, tôi, thiếu úy đẹp trai, Lê Văn Chính, ra ứng cử dân biểu.

Chọn cho mình vị thế đối lập, nên cứ lấy lập trường “4 Không” của TT Nguyễn văn Thiệu “mà đực”.

Tôi còn nhớ buổi tiếp xúc cử tri tại vườn hoa thị xã Phan Thiết, tôi nói:

Nếu mãi duy trì lập trường 4 KHÔNG, sẽ có ngày ta đi bên này đường Gia Long (con phố chính) thì CỘNG SẢN đi đường bên kia.

Vào tiệm cà phê, ta, CỘNG SẢN ngồi chung mỗi bàn.
Cử tri vỗ tay rào rào.

Kết quả tôi về NHÌ, từ dưới đếm lên.

Ngài đại tá Ngô Tấn Nghĩa nhìn tôi, ghét như con “dog”.

Ông đuổi tôi ra khỏi Tiểu khu Bình Thuận.

Làm hai người bạn tôi, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Ngọc Hương, cũng khai tử luôn tạp chí *Quê Hương* và quán Cà phê Chùa.

4. BẦU SỮA MẸ



Em bé Hà Nội, Đến hẹn lại lên, Mới tình đầu, Ngày tàn bạo chúa, Tuần lễ Thánh, Trẻ mãi không già là những cuốn phim chúng tôi được xem suốt thời gian đi tù Cộng Sản từ Nam ra Bắc.

Có những cuốn phim chúng tôi phải coi đi, coi lại năm, bảy lần.

Đó cũng là một hình thức học tập, nên không ai trong chúng tôi có quyền vắng mặt, dù có bị đau ốm, trái trời trở gió.

Có những đêm đang ngồi xem phim, trời mưa như thác đổ, tù nhân cũng không được rời sân bãi, phải chịu trận dưới mưa, ướt như chuột, lạnh cóng cả người.

Không thể hiểu khác đi, đó là hình thức tra tấn mới, một lối tra thù mới mà những kẻ chiến thắng dành cho chúng tôi, những kẻ bại trận.

Một lối tra thù của những trái tim chó sói.

Phim đầu tiên chúng tôi được xem tại Trảng Lớn, dưới chân núi Bà Đen, ba ngày sau khi vào trại là phim *Em Bé Hà Nội*.

Phim do nữ diễn viên Trà Giang đóng.

Tôi chỉ còn nhớ một mình cô ta, những ai nữa tôi quên, chẳng muốn nhớ làm gì.

Tôi nhớ lâu, có lẽ nhờ hai cái vú của cô.

Và những ngày sau đó, toàn trại, lán nào ở lán đó, chúng tôi học tập, phê phán, nhận định về tính ưu việt của nền điện ảnh xã hội chủ nghĩa.

Dưới đây là phần phát biểu của tôi:

- Thưa cán bộ quản giáo, thưa các bạn, này giờ các bạn phát biểu quá nhiều về nội dung và kỹ thuật của phim.

Nào là ánh sáng, âm thanh, kỹ thuật thu hình, cận cảnh và viễn cảnh, nào là xe tăng, thiết giáp, nào là sự tàn phá của bom đạn Mỹ lên thủ đô Hà Nội, lên miền Bắc, những đoàn người sơ tán, những rừng xe đạp nói lên nền văn minh nông nghiệp của “thủ đô phẩm giá con người”, tôi tưởng như thế đã quá đủ, nên tôi không nói thêm gì về việc đó.

Điều tôi muốn nói, điều ám ảnh tôi hoài hoài trong đêm vừa qua sau khi xem cuốn phim, đó là hai cái vú của chị Trà Giang mà tôi gọi là Bầu Sữa Mẹ.

Ôi, hai cái vú của chị Trà Giang, nó mới đẹp làm sao! Hai cái vú của chị Trà Giang, người nữ diễn viên tài sắc vẹn toàn của phe xã hội chủ nghĩa miền Bắc phải tự hào về nữ diễn viên ấy, về hai cái vú ấy.

Hai cái vú không to cũng không nhỏ, hai cái vú không ngắn cũng không dài, hai cái vú không đen cũng không trắng, hai cái vú không cứng cũng không mềm.

(Khi tôi nói không cứng cũng không mềm, tôi nghe tiếng bạn bè chung quanh rì rào, có được bốp, được sò đầu mà biết cứng hay mềm).

Nhưng thưa cán bộ, thưa các bạn, điều tôi muốn nói không phải là hai cái vú, mà là cái ở bên trong hai cái vú, mà là cái ở xa xa, dưới hai cái vú.

Tôi muốn nói đến giòong sữa mẹ, qua hình ảnh chị Trà Giang, người nữ diễn viên tài sắc vẹn toàn, có hai cái vú không đen không trắng, không ngắn không dài, không mềm không cứng (tôi nghe tiếng bạn bè, lại cứng mềm nữa ông nội ạ).

Vâng, những giòong sữa mẹ.

Tất cả chúng ta đều lớn lên từ giòong sữa mẹ.

Kể cả bác Hồ kính yêu của chúng ta, kể cả các ông trong Bộ Chính trị, vì tất cả mọi người chúng ta đều có cho mình một người mẹ.

Chúng ta đều từ những giòong sữa mẹ lớn lên.

Trong đau khổ nhọc nhằn, một nắng hai sương, trong thao thức trăn trở ngày đông sâu, đêm đông cạn, mẹ đã nuôi ta lớn lên, trong giông gió bão bùng, trong hạn hán lụt lội, trong đau tất mạt tối, trong còng vai gãy lưng, mẹ vẫn không sờn lòng, nuôi chúng ta lớn lên từ giòong sữa mẹ.

Thế nhưng, (thưa cán bộ và các bạn, cho tôi đốt thêm điều thuốc nữa, rồi tôi phát biểu tiếp).

Thế nhưng, thật tội nghiệp cho mẹ, đón đau cho mẹ.

Thật tội nghiệp đau đón cho hai vú của chị Trà Giang, thế nào mà chẳng có lúc bị bầm dập, bị bóp.

Nhờ sữa mẹ lớn lên, nhưng rồi những đứa con của mẹ, ngang tàng, hung hãn, đứa chạy theo chủ nghĩa này, đứa vượt đuôi theo chủ nghĩa khác, không còn nhớ tới mẹ, chúng chém giết nhau, gà nhà bôi mặt đá nhau, phá trường phá lớp, phá nhà thờ chùa chiền, bom đạn bắn phá bừa bãi lên thân thể của mẹ, lên quê hương của mẹ, bằng sức thúc đẩy, chiêu dụ của những chủ nghĩa ngoại lai, xa rời dân tộc.

Những đứa con của mẹ, nhờ giòong sữa mẹ lớn khôn, giờ không còn nhìn mặt anh em, giết nhau không chùn tay, chặt đầu không chút xót thương, mắt con mẹ đã mù, tai con mẹ đã điếc, tội nghiệp cho mẹ biết bao, tội nghiệp cho cái bên trong và cái bên dưới của chị Trà Giang biết bao, là

giòng sữa mẹ, là giòng sữa của chị Trà Giang, gái một con trông mòn con mắt.

Ồi chị Trà Giang đẹp nảo nùng, múp, mượt và mượt biết bao, nhờ phe xã hội chủ nghĩa, nhờ tài lãnh đạo thần thánh của Bác đã hun đúc lên chị Trà Giang, người nữ diễn viên số một, hàng đầu của điện ảnh Hà Nội.

Người nữ diễn viên có hai cái vú không ngắn không dài, không đen không trắng, không cứng không mềm, được đem đi trao đổi văn hóa từ Đông sang Tây, từ Paris đến Ma Rốc, từ Angola tới Luân Đôn, từ Chi Lê tới Mạc Tư Khoa, hai cái vú trừ danh nhất thế kỷ hai mươi ngập tràn máu lửa của người dân vô tội.

Hai cái vú của chị Trà Giang có sức mạnh tố cáo những thế lực bạo tàn phi nhân và phi dân tộc.

Thật tội nghiệp và oan ức vô cùng cho cái bên trong và nhất là cái bên dưới của chị Trà Giang.

Thật oan ức vô cùng cho cái bên trong và nhất là cái bên dưới của chị Trà Giang.

Suốt đêm hôm qua tôi không ngủ, chập chờn trong ký ức tôi là hai cái vú của chị Trà Giang, người nữ diễn viên, sản phẩm của bác Hồ kính yêu và chủ nghĩa xã hội cực kỳ ưu việt, cùng với hai cái vú của chị Trà Giang, mượt và mượt hết ý, tôi còn nhớ những đầu lâu người chết bị chôn sống, những xác người bị banh ra vì mảnh đạn pháo kích, những trận bom rơi của những thế lực ngoại bang, tất cả làm tôi những lúc êm dịu nhớ tới hai cái vú của chị Trà Giang, không đen không trắng, không to không nhỏ, không dài không ngắn, không cứng không mềm.

Lúc này tôi nghe bạn bè chung quanh nói, đêm nay khối thằng “bắn máy bay”.

Những lúc kinh hãi khi nghĩ tới những hồn ma xác chết. Cảm ơn chị Trà Giang, cảm ơn hai cái vú của chị Trà Giang.

Chị Trà Giang muôn năm.

Hai cái vú của chị thật vô cùng vĩ đại.

Hai cái vú, hình ảnh bầu sữa mẹ, đem chiến thắng về cho nhân dân.

Phần phát biểu của tôi đến đây là hết.

Trên đây là lời phát biểu thật tới 99,99 phần trăm của tôi ngày hôm đó. Và kể từ năm đó cho tới suốt gần 10 năm tù, tôi là đũa bị theo dõi tận tình nhất.

Chúng cho mình phát biểu, không phải vì tự do, nhưng là chúng nó muốn đo mức “phản động” của mình tới đâu.

Tôi sợ chó gì chúng nó.

Được dịp cho mình nói hết ý nghĩ của mình, được hâm nóng nhiệt tình anh em và mua vui cho anh em chốc lát là thích lắm rồi.

Trước sau tôi vẫn là:

*“Tù bọn này, đừng có sợ linh tinh,
Làm thế, chỉ khổ cho thân mình.
Hơi sức đâu, mà lo trời mưa nắng,
Cứ bơ người mà giữ sức bình sinh”.*

Và nhờ thế, tôi đã sống sót.

Và nhờ thế, hôm nay tôi tiếp tục chiến đấu.

Sứ mệnh của nhà văn, không thể quay lưng với số phận dân tộc. Trước một dân tộc khổ đau, vì bạo tàn, vì áp bức, vì độc tài, trước đồng bào đang bị bóc lột, bị chà đạp, bị mất quyền làm người, khi phẩm giá con người bị cướp đoạt.

Là nhà văn, anh là một con chó, tệ hơn một con chó, nếu anh không lên tiếng bênh vực, đấu tranh, đòi lại quyền làm người cho nhân dân anh.

Cuộc đấu tranh, hẳn không phải thành công trong một sớm một chiều, và đôi khi nếu cần hy sinh, phải hy sinh cả một đời nhà văn, một thế hệ.

Anh là nhà văn, anh phải đốt lên ngọn lửa, ngọn lửa đấu tranh, cho đời anh còn lại hay cho đời sau tiếp tục, khi anh thấy cuộc đấu tranh đó rõ ràng, dứt khoát là có chính nghĩa,

là đúng, trước một kẻ thù nhân dân, hiện nay là Cộng Sản, đã quá rõ ràng là phi nhân và tàn bạo, một lũ cướp của giết người, lộ liễu, trắng tráo mà ai cũng biết, mà ai cũng ghê tởm.

Nói ra điều này không có gì là mới, nhưng nó vẫn phải được nói lại nhiều lần, như một điệp khúc, mãi mãi, được nhắc lại.

Là cần thiết, mãi mãi được nhắc lại, vì cuộc chiến đấu có thể sẽ còn lâu dài, trong khi đó không nhiều, nhưng có những kẻ đang tâm thỏa hiệp với kẻ thù nhân dân, vì được chia chác những bổng lộc, với Cộng sản, bằng tài sản cướp bóc của nhân dân hay bằng bán rẻ tài nguyên Tổ quốc cho ngoại bang. Chúng mua chuộc những kẻ trước đây cùng hàng ngũ với chúng ta, nay quay lại phản bội nhân dân, phản bội những chiến hữu của họ trong cuộc chiến rõ ràng có chính nghĩa.

Chưa chiến thắng được Cộng Sản trong nước do những khó khăn chúng ta chưa vượt qua, do đội ngũ chúng ta chưa hoàn bị, do tổ chức chúng ta chưa hoàn thiện, nhưng chúng ta không thể để những tên phản bội ở hải ngoại tác oai tác quái, làm trở ngại cho cuộc đấu tranh của chúng ta, làm thất bại niềm hy vọng của nhân dân và chiến hữu trong nước đang tiếp tục chiến đấu trong lòng kẻ thù, đang hy vọng vào sự tiếp sức của chúng ta, không nhiều nhưng chắc chắn có và cần thiết.

Là những đứa con của mẹ, nhờ bầu sữa mẹ, chúng ta lớn khôn, làm người, chúng ta không thể hoài hoài làm những đứa con bất lực.

Hãy làm lại, sau một lần thất bại. Hãy đứng lên, sau một lần vấp ngã. Mẹ không tha thứ cho chúng ta, những đứa con của mẹ, một lần ngã xuống là gục luôn, một lần thất bại là xuôi luôn.

Hãy nghĩ về tổ quốc mẹ đang bị dày xéo, đồng bào mẹ đang làm than bởi những đứa con vong ân bội nghĩa, bán linh hồn cho quỷ ngoại lai.

Hãy đoàn kết lại, cùng làm một cuộc Phục Sinh, vì Mẹ, cũng là vì quê hương, tương lai giống nòi.

Tôi tâm niệm, như thế.

5. ĐỘC THOẠI GIỮA ĐÊM KHUYA

Tôi ngồi đó, dưới vòm trời nhà hát đó, đêm nay, mà lòng quặn đau khôn nguôi.

Chung quanh tôi là 37 khán giả người Mỹ, trước mặt tôi là những đồng bào tôi, trên sân khấu đang trình diễn những cây đàn và những bài hát của quê hương, dân tộc.

Tôi cũng nhận ra ngay, rất rõ ràng là người cán bộ Cộng Sản đó, trưởng đoàn, là thằng bạn thân của tôi hơn 30 năm về trước khi chúng tôi còn học chung một trường. Tôi hơn anh hai lớp, và ngày đó tôi và anh đang tập tễnh cầm bút, viết văn, làm thơ.

Đêm hôm nay, ở đây, tôi đến để phá anh. Tôi tin tưởng việc làm của tôi là đúng. Tôi phải phá đoàn văn công của anh. Tôi phải phá đoàn văn công của anh.

Nếu có khả năng làm được, đàn, tôi cho theo đường đàn, trống, tôi cho theo đường trống.

Tôi phải đập nát, phá nát.

Trừ những con người thì tôi không động đến.

Nhưng tôi không làm được điều đó vì tôi chưa thể làm được điều đó.

Và lại, nếu có làm được, chắc chắn tôi cũng không làm, trong hoàn cảnh đó, điều kiện đó.

Những suy nghĩ và ý định phải làm của tôi là đúng, nhưng những người Mỹ kia, rõ ràng là họ không hiểu ý nghĩa việc làm của tôi và chấp nhận hành động của tôi.

Những người Mỹ kia, họ không hiểu là đúng, nhưng có một số người Việt chúng ta, xem chừng trí thức lắm, cũng làm như không biết ý đồ thâm độc của những người lãnh đạo CỘNG SẢN VIỆT NAM.

Đó là, chúng đang sử dụng âm nhạc dân tộc nói riêng hay văn hóa nói chung, như những Viên-Đạn-Bọc-Đường hay Bàn-Tay-Sắt-Bọc-Nhung, một mặt đánh vào hàng ngũ những người chống Cộng ở hải ngoại, một mặt che giấu tôi

ác và lừa bịp người lưu vong nhẹ dạ, cả tin và dư luận thế giới.

Âm nhạc dân tộc là hay, văn hóa dân tộc là quý, nhưng chúng ta phải thấy rằng, còn có một cái hay và quý hơn cả âm nhạc và văn hóa, đó là con người của dân tộc.

Nhưng hơn mấy mươi năm qua, từ ngày ông Hồ đem chủ nghĩa Cộng Sản vào Việt Nam đày đọa nhân dân, có bao giờ ông Hồ và tập đoàn CỘNG SẢN VIỆT NAM nhắc nhở hay phát triển văn hóa dân tộc đâu.

Từ trong nhà trường tiểu học, trong lớp mẫu giáo, trẻ em đã được khuyến khích, được dạy: “*Tiếng đầu đời con gọi Stalin*”. Hay: “*Thương cha thương mẹ thương chồng/ Thương mình thương một, thương ông (Stalin) thương mười*”.

Đầu môi chót lưỡi, ngay cả ông Hồ và những người lãnh đạo chớp bu, mỗi lần nói ra điều gì, cũng Marx nói, Engels dạy, Stalin khuyên, Mao Chủ tịch bảo. Chứ có bao giờ họ nói Tô Hùng Vương, Thánh Trần Hưng Đạo, như ông cha ta nói đâu.

Họ làm gì có văn hóa dân tộc. Tuyên tập Mao, tuyên tập Lenin, tuyên tập Engels, tuyên tập Karl Marx là sách gối đầu giường, là kinh nhật tụng của đảng viên, thì làm gì có văn hóa Văn Lang, văn hóa dân tộc.

Âm nhạc dân tộc, văn hóa dân tộc, mấy mươi năm qua bị đày đọa tận cùng bằng số.

Con-người-dân tộc bị những người lãnh đạo Cộng Sản dẫn dắt vào hết cuộc chiến tranh này đến cuộc chiến tranh khác, phục vụ cho những âm mưu ngoại bang dưới chiêu bài Nghĩa vụ quốc tế.

Và hiện nay, họ đang chuẩn bị cho con-người-dân tộc vốn đã bị đày đọa đầy đó nhận lãnh một bất hạnh mới là làm tiền đồn chống Trung Cộng, cho thế lực ngoại bang mới.

Bây giờ chủ nghĩa Cộng Sản đã chết, những thần tượng, những thánh sống như Stalin, Marx, Lenin, Hồ Chí Minh đã là đất sét, bùn nhơ, chúng lại tìm về ve vãn, vuốt ve, tâng bốc nhạc dân tộc, văn hóa dân tộc. Nói cách khác, họ đang dùng văn hóa dân tộc, trong đó có âm nhạc, như chiếc phao để kéo dài sự chết chìm cho chính họ.

Trước mặt tôi, đêm nay, là người bạn của tôi hơn 30 năm về trước. Tôi không hận thù bạn tôi.

Những ý định, lời nói và việc làm, như những cái búa tạ, tôi định gõ lên đầu những người lãnh đạo CỘNG SẢN VIỆT NAM, đêm nay tôi không dùng nó để gõ lên đầu người bạn tôi được.

Những nghệ sĩ đó, già nua, hóc hác, ốm đói, tôi không hận thù họ. Hơn thế, tôi thương họ vô cùng.

Những khó khăn của đời sống gia đình họ, tôi biết.

Những cay đắng của thời kỳ vây bủa trên thân phận họ, tôi biết.

Tôi biết rằng, trong thâm tâm họ, làm sao có thể quên những ngôi mộ tập thể do VC chôn sống đồng bào họ năm Mậu Thân trên chính quê hương của Huế.

Một chuyến đi Mỹ trình diễn âm nhạc, với họ, như một lô trúng độc đắc, sẽ có một số tiền, sẽ có những chuyện kể về xứ lạ quê người, làm quà cho bà con, bạn bè.

Nhưng tiền bạc thì chắc chắn không bao nhiêu, vì thế nào mà họ không phải chia chác cho đám cán bộ địa phương để thực hiện đề nghị ra đi.

Không loại trừ khả năng là họ phải hiến dâng thể xác để được lên đường, với một lũ cán bộ hám tiền và hám gái.

Tôi nói điều này từ cơ sở nguồn tin, từ chính nhà văn nữ Dương Thu Hương đã tố cáo, khi tôi còn ở trong nước, là để được in một quyển sách, người lãnh đạo văn hóa Hà Nội cũng đòi Dương Thu Hương ủng hộ “khoản ấy”.

Hay như ca sĩ Ái Xuân tố cáo viên giám đốc Sở Văn hóa thành Hồ, đòi ủng hộ “cái ấy” mới được cho vào phái đoàn xuất ngoại trình diễn văn nghệ.

Một dạo, báo chí thành Hồ công khai lời tố cáo này. Tôi đâu có nói ngoa.

Còn như chuyện vui xứ lạ, chẳng lẽ họ phải nói, đêm hôm trước bị ném cà chua và trứng thối ở Massachussettes, đêm hôm sau bị dàn chào ở New Heaven...

Tôi thương họ, vì giá như đất nước được lãnh đạo bởi những người thực tình thương dân, thương nước, tạo được cơm no, áo ấm cho mọi người, mọi người đều được quyền sống tối thiểu làm người thì sẽ không còn ai chống lại họ thì đêm hôm nay, chúng tôi đã đón tiếp đồng hương của mình trong tình yêu thương máu mủ.

Tôi đoán biết, rồi đây khi đoàn trở về, báo chí CỘNG SẢN ở Huế, ở VIỆT NAM sẽ ca tụng đoàn thành công rực rỡ.

Dối trá là nghề của họ.

Tôi ngòi đó, đêm nay lòng quặn đau như thắt.

Một cái gì đó đã ngăn cách, chia lìa tình cảm giữa tôi và người bạn văn nghệ của tôi hơn 30 năm trước.

Một cái gì đó ngăn cách tình đồng hương giữa tôi và những người nghệ sĩ kia.

Tôi nói lại, tôi không thù oán họ, tôi thương họ.

Nhưng tôi cũng không thể để yên, bằng lòng cái việc, qua họ, những người lãnh đạo CỘNG SẢN VIỆT NAM đang dùng âm nhạc dân tộc, văn hóa dân tộc như những viên-đạn-bọc-đường hay là bàn-tay-sắt-bọc-nhung đánh vào những lực lượng yêu nước chống Cộng ở hải ngoại, một lực lượng nếu làm tốt được vai trò lịch sử của mình, thì sẽ dự phần rất lớn lao, yểm trợ cho những lực lượng trí thức và quần chúng trong nước, trong nỗ lực giải trừ chế độ Cộng Sản Việt Nam.

Con hấp hối và ngày tàn của chế độ CỘNG SẢN đã quá rõ ràng, nhưng không phải vì thế chúng ta ngồi chờ cho đến lúc nó sụp đổ, mà chúng ta phải tiếp tục đấu tranh, tăng cường đấu tranh, thường trực đấu tranh, cho ngày đó tới mau được ngày nào hay ngày đó.

Vì rằng mỗi ngày kéo dài của chế độ là mỗi ngày nhân dân ta tiếp tục lâm than, đày đọa giữa địa ngục đỏ cộng sản.

Chương trình kết thúc, buổi văn nghệ đã vãn, tôi tiến tới bắt tay người bạn tôi.

Sau khi đã nhận diện ra nhau, tôi nói thẳng với anh là tôi trong phái đoàn đến đây để chống phá buổi văn nghệ của anh.

Tôi nói với anh, như tôi đã nói trên, là ý đồ của những người lãnh đạo CỘNG SẢN VIỆT NAM đang dùng âm nhạc dân tộc như những viên-đạn-bọc-đường, những bàn-tay-sát-bọc-nhung, mà bạn và những nghệ sĩ kia là người thực hiện công tác, chuyên chở vũ khí ra hải ngoại, làm công việc chống đỡ cho chế độ độc tài phi dân tộc.

Khi tôi nói ra điều suy nghĩ đó, người bạn tôi lấy tay dụi vào mắt, tôi áng chùng bạn tôi muốn khóc.

Và khi đó, tôi chuyển câu chuyện qua hướng khác.

Tôi nói với bạn tôi rằng bây giờ gặp lại nhau sau nhiều năm xa cách, tạm thời chúng ta quên chuyện đó, chúng ta nói về những kỷ niệm, những bạn bè còn lại ở Huế của chúng tôi.

Anh cho tôi biết nhà thơ Lê Văn Ngăn còn ở lại Quy Nhơn làm báo. Nhà thơ Thái Ngọc San, sau khi trả thẻ đảng, giờ làm phóng viên thường trực cho tờ *Thanh Niên* ở Huế.

Nhà thơ Trần Sao Vàng đã trở lại viết cho tờ *Sông Hương* mỗi tháng ra một số.

Cuộc gặp gỡ giữa tôi và anh (nhà thơ Võ Quê) đêm nay làm tôi liên tưởng đến lần gặp gỡ của nhà văn Mai Thảo và

người bạn học cũ là nhân vật Bình Sút trong truyện ngắn “*Người Đàn Bà Trong Vành Đai Trắng*” mà tôi đã đọc cách đây hơn 30 năm.

Sau những ngày tham gia kháng chiến, tác giả (Mai Thảo) nhận diện được bộ mặt CỘNG SẢN giành phần lãnh đạo và hướng cuộc kháng chiến của toàn dân đi theo con đường Maxism, tác giả lựa chọn trở về thành (dinh tề).

Trên đoạn đường trở về thành từ vùng kháng chiến, tác giả phải đi qua một “vành đai trắng” đầy bất trắc. Ở đó, anh có thể ăn đạn từ hai phía, Pháp và Việt Minh.

Trên đoạn đường đó có một ngôi nhà thờ đồ nát, nơi đó thường xuyên có những tên du kích rình rập để ám sát, bắn lén hay chặt đầu những người chạy về thành, bị xem như hợp tác với Pháp.

Tác giả lên đường, hướng về thành, ngang qua một ngôi giáo đường, mặc cho số mệnh, năm ăn năm thua, lòng hồi hộp, lo âu, thấp thỏm.

Ngôi nhà thờ đồ nát kia, như là lưỡi hái của định mệnh, như là bản án tử hình, như là hồi chuông báo tử, như là giờ cáo chung của phận người, số kiếp.

Và, đúng như dự báo, một bóng đen, từ ngôi nhà thờ đi ra, chậm rãi, khi tác giả còn khoảng cách 200 thước.

Cái gì đây để chọn.

Bênh cách nào đây.

Giương cũng chết mà thủ cũng chết. Mặ bệnh thì không có rồi.

Thua là cái chắc.

Trắng tay trước mắt.

Cứ đi tới. Tiến bước.

Và hai người đã cùng lúc nhận ra nhau.

Không cười. Cười được cái nỗi gì lúc đó.

Nhưng cũng không đến nỗi ngẫu hay mang bộ mặt đám ma với nhau.

Hai người là bạn.

Bạn từ những ngày còn ở trường, bạn từ những ngày còn mặc quần xà lỏn, bạn từ những ngày còn phá xóm phá làng, nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò.

Và bây giờ, họ nói với nhau về kỷ niệm bạn bè.

Con Thúy, hoa khôi lớp ngày xưa, đã lấy chồng và bây giờ là góa phụ. Con Hằng, chồng mất tích trong mặt trận Sông Lô, giờ ở Hà Nội bán một cửa hàng tạp hóa.

Chồng nó là thằng Quân, một cây văn nghệ ngày xưa của lớp mình. Thầy Hòa dạy Văn giờ ở Nam Định, không biết đời sống ra sao?

Bình Sút là cái tên tác giả (Mai Thảo) đặt cho Bình từ những ngày thơ ấu đó, vì Bình bị sút một phần ở môi.

Có thể nào đây là cơ hội cho Bình trả thù vì sự đùa nghịch đó.

Tác giả nghĩ thầm trong bụng.

Nhưng khi trở lại thực tế, khi được Bình hỏi, giờ cậu định đi đâu, tác giả không thể nói dối được.

- Tôi muốn về Hà Nội, những năm tháng kháng chiến đã qua, không thể làm cho tôi đủ sức tiếp tục nữa.
- Tôi muốn về tìm một đời sống khác rồi tính sau.
- Bình Sút im lặng. Mặt nhìn xuống đất, tay vân vê cái gì cộm cộm ở bên hông, ánh chùng như khẩu súng lục.
- Bình Sút nói với tôi Cậu đi đi. Và tôi thấy Bình Sút khóc. Và tôi đi. Và tôi đi.
- Nhưng tôi cũng không thể không chờ đợi những viên đạn bắn từ phía sau, từ nòng súng của bạn tôi.
- Đi được một khoảng thật xa, tôi ngoái nhìn lại và tôi thấy Bình ngòì xuống, gục mặt trong lòng hai bàn tay.

Đoạn văn trên không phải là nguyên văn của Mai Thảo, nhưng tôi nhớ lại, ánh chùng Mai Thảo viết như thế.

Những giọt nước mắt của nhà thơ Võ Quê, những giọt nước mắt của Bình Sút hôm đó, cùng với những tiếng nói phản kháng, phê bình như những cái búa tạ đập lên đầu chế độ Cộng sản Việt Nam hiện nay, như những gáo nước lạnh tạt vào mặt những tay lãnh đạo Hà Nội của Ủy viên Bộ Chính trị CỘNG SẢN là Vũ Oanh, là tướng Trần Độ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng hay những nhà trí thức nhận được chân lý, lẽ phải, như Ngô Thúc, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Phan Đình Diệu, Dương Quỳnh Hoa, Nguyễn Hộ, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự v.v... là dấu hiệu cho thấy, là đến lúc cái «nhất điếm lương tâm» còn lại trong con người họ bắt đầu lên tiếng nói, cái tia lửa cuối cùng của trái tim họ bắt đầu chiếu sáng.

Và chính những giọt nước mắt đó, những tiếng nói lương tâm đó, những tia lửa trái tim đó sẽ đưa tới sự cáo chung của chế độ dối trá, bạo tàn và phi nhân, là chế độ Cộng Sản Việt Nam hiện nay.

Con người có thể bị thua cuộc ở một giai đoạn nào đó vì những dối trá, bạo tàn, phi nhân, nhưng cuối cùng, con người luôn luôn là kẻ chiến thắng.

Những người lãnh đạo Cộng Sản hiện nay, sau chiến thắng nhờ dối trá, bạo tàn, nay là lúc họ phải chấp nhận thất bại, nay là lúc họ phải trả giá vì sự dối trá và bạo tàn của họ.

Ngày Chiến Thắng của Nhân Dân, tức là của con người sắp tới, phải tới.

Con người luôn luôn là kẻ chiến thắng.

Nhiều người Cộng Sản hiện nay muốn trở lại làm người.

Tiếng nói của Lương Tâm và Trí Thức đã cất lên.

Những ngọn lửa của Trái Tim Người đã bắt đầu chiếu sáng.

Xin Thượng đế giúp cho những người lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam tìm được cho họ một cái chết êm dịu.

Hãy giúp họ sáng suốt nhìn thấy lỗi lầm để làm một cuộc Sám Hối trước nhân dân và lịch sử.

Amen!

6. NHÀ VĂN DIỆM TRÂN, NGƯỜI EM VĂN CHƯƠNG

*(Nhà văn, thơ, dịch giả, cầu thủ cánh trái đội bóng
Washington DC)*



VĂN, THƠ LÊ MAI LĨNH NHƯ THÀN DƯỢC.

Tôi gặp em năm tôi 20, em 22 (nhất gái hơn 2).

Cũng có thể năm em 20, tôi 21 (nhì trai hơn 1).

Trên là tôi viết theo giấc mơ của tôi.

Còn trong thực tế, chúng tôi gặp và thân nhau, qua nhà văn CUNG LAN, trong sinh hoạt văn chương của VBVN/DBHK.

Chúng tôi xem nhau như anh em, trong tinh thần văn chương, chữ nghĩa.

Nhờ thế đến hôm nay, sau 10 năm, cũng là anh em.

Khi hay tin em dọn nhà lên Austin/ Texas, tôi ứa nước mắt, nhớ em vô cùng, Diễm ơi.

Tôi nhớ một lần em bỏ một buổi tập bóng - em là cầu thủ tiền đạo, cánh trái, của đội bóng nữ Washington DC.

Em chờ gần một giờ tại trạm xe bus Maryland đón tôi. Sau đó em chở tôi về tiệm phở KOBE, khu EDEN.

Đêm đó tôi giới thiệu tuyển tập LÊ MAI LĨNH.

Chúng tôi gọi hai tô phở, em giành trả tiền.

Em ái mộ anh, nhà thơ, cho em hân hạnh mời anh.

Em nói thế và tôi im lặng.

Sau đó, em tiếp tục chở tôi sang nhà VIỆT NAM, cho một cuộc phỏng vấn của Đài truyền hình Hoa Thịnh Đốn với tôi.

Tối đó, em ngồi cạnh tôi bán sách và giữ tiền, như một nội tướng.

Trước khi chia tay sau đêm RMS, tôi tặng em tất cả những cuốn sách tôi có.

Sau đây là những điều nhà văn, nhà thơ, dịch giả kiêm cầu thủ bóng đá, nói với tôi sau khi đã đọc hết những cuốn sách của Khùng thi sĩ.

“Văn, thơ của anh như THẦN DUỘC.

Lúc vui, đọc để buồn. Lúc buồn, đọc để khóc. Cũng có lúc, thơ, văn anh cho độc giả đọc, vừa khóc vừa cười, vừa buồn vừa vui.

Chúng có một cái gì cuốn hút, hấp lực, trong văn chương anh. Chúng không giống bất cứ tác phẩm nào, của tác giả nào.

Đọc xong hôm nay, ngày mai đọc, cũng thích thú.

Đọc tháng này, tháng sau đọc lại, cũng lôi cuốn, không nhàm chán.

Mỗi lần đọc, là mỗi lần khám phá ra những điều mới lạ, thú vị.

Văn thơ anh, không héo, không khô, luôn tươi rói, với những hình ảnh, ý tưởng lạ hoắc.

Muốn nhìn hoài, không chán ngán, muốn ôm ấp, không ngừng nghĩ, không muốn chia lìa, khuất xa.

Em rất lười đọc, nhưng với anh, em không chịu thối, không thể bỏ lỡ một phút giây nào, có thể cầm, nắm, những trang viết của anh.

Cảm ơn nhà thơ đã cho em khóc cười, cũng có lúc vừa cười vừa khóc, theo những bài thơ ngọt ngào, những trang văn cay đắng, của những nhiều nhượng đời, chiến tranh, tù tội, chia cắt, lìa xa”.

Những nhận xét của nhà văn/ nhà thơ/ dịch giả DIỆM TRẦN nhiều người khác cũng đã nói, như nhà thơ Tuyết L., nhà văn Hồng Thủy, nhà văn Cung Lan...

“Thơ anh như THẦN DUỢC, chữa lành những cơn nóng lạnh, đổi thay thời tiết, từng giờ”.

Như họa sĩ RỪNG từng nói máu trong người đang nguội, đọc thơ LML máu nóng lên.

Như góa phụ BTL nói, mặt nóng, hồng hào trở lại nhờ đọc thơ tình của Khùng thi sĩ.

Nhưng nghĩ tới việc em bỏ một buổi tập bóng, chờ tôi một giờ ở trạm xe bus, tranh trả tiền hai tô phở làm tôi cảm động lắm. Ủa lẽ.

“Kiếp này đã lỡ, hẹn em kiếp sau”.

Tôi xin dùng câu văn rất cải lương trên làm câu kết cho bài viết này.

Viết thêm:

Tháng Tư này, tôi sang Austin thăm con, chúng tôi có thể gặp, mời nhau một ly cà phê hay một tô phở.

Lần này, em hãy để anh bao em.

Lần này anh giàu to, vô mệnh.

Tiền nhiều để làm gì?

Những nhà triệu phú nói vậy.

Anh cũng nói vậy, vì anh đã là triệu phú của kinh nghiệm, của vốn sống, sau 7 năm làm lính + 86 tháng làm tù + 66 năm cầm bút xung phong + 30 năm làm người cầm bút lưu vong = 101 năm từng trải, chiến tranh, tù tội, lưu vong.

Thử hỏi có ai giàu hơn anh?

81 tuổi, gánh trên vai, buộc trong hồn, đè nặng trên đôi chân, đau nổi đau quê nhà, khóc cho tiếng khóc trăm họ.

Ai, ai, ai giàu hơn anh, những tang thương thế thời,
những nhiều nhưong đất nước.

Ai mà chịu thấu và anh đã chịu thấu.

81 tuổi, viết ngày đêm, không hết chuyện.

Viết xong chuyện nọ, xọ sang chuyện kia.

Viết, viết.

Viết, viết.

Viết, viết.

Viết.

Chào em, nhà văn, nhà thơ, dịch giả.

Cầu thủ cánh trái, đội bóng thủ đô.

DIỆM TRẦN.

Viết tiếp

24/8/2023.

Ngày 6-8-2023 vừa qua, là lâu lắm, dễ chừng đã trên 10 năm, tôi mới gặp lại em.

Nhan sắc, chân dung vẫn vậy, không già đi chút nào.

Đặc biệt lần này, theo em, là người mẹ 96 tuổi cùng đi.

Bà cụ vẫn còn minh mẫn, tinh táo, cười vui cùng con cháu.

Trước tô phở, ly cà phê sữa đá, đã hóa giải cơn nóng nghệt ngã của vùng trời khí hậu sa mạc, giúp chúng tôi tâm tình chuyện văn chương cùng với nhà văn Trương Vấn, người chủ của trang web T.VAN & BAN HUU, nơi hơn 15 năm nay, là lãnh địa cho văn chương LML đậm nụ, nảy mầm, tung hoành.

Chúng tôi chia tay nhau trong nỗi ngậm ngùi hồi tiếc.

Hẹn gặp lại vào dịp NOEL 2023, cho một hội ngộ văn chương tại Houston, (đọc thơ và RMS, CUỘC PHẤU THUẬT VĂN CHƯƠNG).

Cô em văn chương sẽ tình nguyện làm tài xế cho ông anh Khùng thi sĩ.

Đời này, dễ gì tìm được cô em như em.

Khi tôi thông báo cho cô về bài viết này, cô mail cho tôi:

“Ha ha. Thôi anh, đừng nói quá, em ngưng.

Đâu có chơi professional cho DC đâu.

Mà cũng chẳng dám nhận là nhà văn, nhà thơ, dịch giả.

Nghe sợ lắm.

Hẹn gặp anh vào Noel”.

DT.

Và tôi trả lời:

"OK. Anh sẽ nói nhẹ hơn.

Anh không gọi nhà văn, mà là văn hào.

Anh không gọi nhà thơ, mà là thi bá.

Anh không gọi dịch giả, mà là đại dịch giả.

Gọi thế, được không hề?

Trong nghề, nghề nào cũng vậy.

Sự khiêm tốn là cần thiết, nhưng không vì thế mà chúng ta đánh mất sự kiêu hãnh, nhất là trong sinh hoạt văn chương, khi những yếu tố để trở thành như thế, em nắm vững, có thật.

Yên tâm.

Sau lưng em có “Khùng thi sĩ” phù hộ, độ trì, lúc sống cũng như chết.

Không có chi mà, sao mô”.

7. NHÀ THƠ DU TỬ LÊ, VỊ HOÀNG ĐẾ HAY TÊN NÔ LỆ TÌNH YÊU



Nếu trên cõi đời này không có người đàn bà, thì đã không có Du Tử Lê, nhất là Du Tử Lê thi sĩ.

Như thế cũng có nghĩa là, người đàn bà, một nhân tố cần thiết khủng khiếp, cho Du nói riêng và cho những người cầm bút nói chung.

Khủng khiếp ở đây tôi nói theo nghĩa tối cao, vĩ đại, muôn năm, vạn tuế, chứ không theo nghĩa con rắn độc khủng khiếp, con sư tử Hà Đông khủng khiếp hay con cọp cái khủng khiếp.

Xin các mẹ bình tĩnh và tha tội cho con.

Vâng, không có đàn bà thì không có Du Tử Lê, một Du Tử Lê thi sĩ.

Trên đây mới là phần nhập đề.

Đối với tôi, nhập đề là quan trọng. Xong được một cái nhập đề khoái chí, là từ đó tôi phăng phăng, tới luôn.

Tôi bắt đầu đi vào phần thân bài.

Trước năm 1971, tôi không chơi thân với Lê.

Thỉnh thoảng gặp anh ở các tòa soạn báo ở đường Phạm Ngũ Lão hay Võ Tánh, là lúc tôi đến giao bài và đòi tiền nhuận bút..

Tôi nói đòi tiền, vì nhiều vị chủ báo thời bấy giờ kỳ cục lắm.

Họ rất lười biếng trong việc thanh toán tiền nhuận bút.

Trừ ông Quỳnh ở nhật báo *Hòa Bình* thì có tiếng năng hơn.

Trở lại chàng Du. Năm 1971, khi tôi đang phục vụ tại Đại đội Chiến tranh Chính trị tại Phan Thiết, từ Sài Gòn ra công tác, anh có ghé thăm tôi, nhưng tôi không có mặt. Khi người hạ sĩ quan trực đại đội cho biết như thế tôi cảm động và thương Lê lắm lắm.

Tháng 7 năm 1971, tôi ra ứng cử của dân biểu theo lời xúi giục của ông Hà Thúc K. vì ông nhìn tôi như một lý thuyết gia của nhật báo *Da Vàng* của Đại Việt.

Với tư cách một ứng cử viên độc lập, tôi phang vào chủ trương 4 không của TT Nguyễn Văn Thiệu. Tại 18 địa điểm vận động, tôi có tới 16 địa điểm được cử tri vỗ tay hoan hô nhiệt liệt nhờ lối nói hùng biện của tôi.

Nhưng than ôi, tôi là người nói cho họ nghe sướng tai, nhưng không phải là người cho tay họ bỏ phiếu ông thiếu úy đẹp trai vào thùng.

Tôi thất cử là cái chắc nụi.

Sau bầu cử, Đại tá Tỉnh trưởng Ngô Tấn Nghĩa bản tiếng đề nghị tôi tự động xin chuyển chuyên ra khỏi Tiểu khu. Tôi lì. Đi đâu bây giờ. Đi làm cái chi.

Một ngày kế tiếp, có người bạn làm ở phòng Tổng quản trị nói với tôi là tôi đã có sự vụ lệnh chuyển đi Ban Mê Thuật hay Tuyên Đức gì đó.

Và tôi đã nhận sự vụ lệnh sau đó. Trên sự vụ lệnh, người đánh máy xóa chữ Đắc Lắc (Ban Mê Thuật) thay vào chữ Tuyên Đức (Đà Lạt).

Tôi nói với vợ tôi, Trần Thị Kim Hạnh (hoa khôi khóa I Biên tập viên) rằng, người ta cho mình đi Du Lịch chứ không phải Đi Đày.

Ôi Đà Lạt, nơi những ngày đầu tôi và Kim hò hẹn, khóc, cười, méu máo và yêu nhau.

Ôi Đà Lạt, những ly cà phê đắng và những giọt rượu nồng cay chần gối. Cảm ơn Bộ Tổng tham mưu. Cảm ơn Đại tá Ngô Tấn Nghĩa.

Ta lại về vương quốc của tình yêu. Ta lại về dấu xưa kỷ niệm, đêm tân hôn cảnh sát vào kiểm tra giấy tờ khách sạn Duy Tân, đêm trắng mặt dờn phòng dù hai trái lửa ôm vào nhau cũng không đủ ấm với cơn lạnh mùa đông Đà Lạt.

Đoạn văn này không lạc đề, vì chính đây là dịp tôi gặp lại Du Tử Lê thường xuyên, đều đặn, mỗi năm hai, ba lần.

Vâng, chính tại Đà Lạt làm tôi gặp lại Du Tử Lê.

Tôi gặp Du Tử Lê, ngồi chung bàn cà phê ở Tùng, bia 33 cổ lùn tu bằng miệng ở Mê Kông và lần nào bên cạnh Lê cũng có một “cô Bắc Kỳ nho nhỏ” hay một cô Nam kỳ “tuổi thích ô mai”.

Và lần nào cũng vậy, Lê giới thiệu “đây là bà xã tôi”.

Phản ứng tự nhiên tôi nói “xin chào chị”, dù chị thua tôi từ 7, 8 tuổi hay đôi khi cả một giáp.

Tôi ở Đà Lạt 4 năm, từ đầu năm 1971 tới lúc tan hàng, đêm 1-4-1975.

Trung bình mỗi năm hai lần, có năm Lê vượt chỉ tiêu là 3 lần, xòm xèm Lê có mười bà xã để cho tôi chào chị.

Có hay không một Lê với bà xã ở Vũng Tàu tôi không biết. Có hay không một Lê với bà xã trong những vườn cây ở Lái Thiêu, tôi không biết. Riêng Đà Lạt, tôi thấy Lê đã có một tiểu đội bà xã.

Như thế ta thấy rằng, với Lê, một tiểu đội là quá ít.

Nhưng nếu bảo Lê có hơn một đại đội, thì vô tình chúng ta đã đề cao Lê.

Và nếu là một đại đội thì giờ này Lê đã sụm bà chè.

Công bằng và đúng nhất, Lê có áng chừng khoảng một trung đội bà xã.

Tôi lại nghĩ rằng các vua chúa ngày xưa, tính về số lượng, có thể hơn Lê, nhưng nếu thực sự khai thác tài nguyên, kể cả lực lượng tăng phái, các vua chúa cũng chỉ triển khai mặt trận ngang bằng quân số của Lê, một trung đội.

Một kỷ niệm khác với Lê.

Lần cuối cùng tôi gặp Lê tại Đà Lạt là sau Hiệp định Paris. Lê hỏi tôi để xin bài cho nguyệt san *Tiền Phong* của Tổng cục Chiến tranh Chính trị.

Bấy giờ tôi có 5 bài đánh máy sẵn ở nhà do Uyên Thao trả lại.

Chuyện rằng, sau khi giữa tôi và Uyên Thao nổ ra trận bút chiến trên báo ĐỜI của Chu Tử chung quanh vấn đề do Uyên Thao đặt ra “*Con Ngựa Gỗ Ấn Quang và Thành Troie Nam Việt Nam*”, Uyên Thao ngán tôi lắm.

Bấy giờ, tờ báo *Sóng Thần*, dù đứng tên chủ nhiệm là Trùng Dương, nhưng mọi chuyện do Uyên Thao quyết định.

Tôi có cở phàn trong *Sóng Thần*, tôi trong Ban biên tập chủ lực, dù tôi ở Đà Lạt.

Theo yêu cầu của tôi khi về phép Sài Gòn hết tiền, Uyên Thao ứng trước cho tôi 30,000 đồng để viết bài.

Sau đó tôi trả nợ cho Uyên Thao 5 bài: 1/ *Ấn Quang và Cộng Sản*, 2/ *Ấn Quang và Giai Đoạn Đấu Tranh Chính trị Trong Tương Lai*, 3/ *Việt Nam và Nhu Cầu Cách Mạng Xã Hội*, 4/ *Tập Đoàn Lãnh Đạo Cộng Sản Hà Nội Đang Toan Tính Gì Ở Miền Nam*, 5/ *Vai Trò Quân Đội Trong Thời Hậu Chiến*.

Lý do Uyên Thao trả lại bài, theo anh nói với tôi, vấn đề *Ấn Quang* chính quyền không muốn báo chí đề cập đến nữa.

Vậy những bài kia sao Uyên Thao cũng trả lại, tôi không muốn đổi chất, đổi lượng làm gì.

Tôi đưa cho Du Tử Lê ba bài, giữ lại hai bài liên quan Ân Quang.

Nguyệt san *Tiền Phong* đăng hết ba bài của tôi liên tiếp trong ba số ba tháng.

Có một điều thú vị là *Tiền Phong* đã có lần cho tôi nằm trên phu nhân Trung tướng Trần Văn Trung, tên bà là Trần Hoài Nam thì phải (hay bút hiệu).

Chuyện rằng, bài *Tập Đoàn Lãnh Đạo Cộng Sản Hà Nội Đang Toan Tính Gì Ở Miền Nam Việt Nam* của tôi đăng trước, tiếp theo là bài của bà ấy *Thư Gửi Đại Tướng Võ Nguyên Giáp*.

Tên Lê Văn Chính ở cuối bài chòng lên tên bà Trần Hoài Nam ở trang sau.

Vâng, tôi đã nằm trên như thế đó.

Nói vui thôi mà.

Mấy tháng sau tôi về Sài Gòn, ghé thăm Du Tử Lê vào trưa thứ bảy tại tòa soạn đường Hồng Thập Tự, số 2 bis, Lê nói với tôi sáng thứ hai trở lại để nhận tiền nhuận bút.

Tôi nói với Lê rằng tôi đã mua vé máy bay về lại Đà Lạt sáng thứ hai, nếu có tiền nhuận bút, anh cứ nhận thay tôi mà cà phê cà pháo, có dịp nào gặp lại, anh bao tôi. Áng chừng 9.000 (3 bài x 3.000/ bài).

Hồi còn ở trong nước, khi nghe đài BBC giới thiệu bài thơ “*Khi tôi chết hãy mang tôi ra biển*”, tôi chửi anh quá trời.

Đ.M. tôi tưởng anh còn sống để về giải phóng quê hương, giải cứu đồng bào, chứ xác chết anh về chỉ làm hôi thối mà thôi, ích lợi gì.

Bây giờ, sau gần năm năm ở hải ngoại, tôi thấy Du Tử Lê là người được báo chí nhắc nhở, nói tới nhiều nhất.

Nói tốt cũng có, nói xấu cũng có. Rằng anh là trưởng môn phái làm thơ mới lục bát, rằng với những dấu ngang,

ngắt, trên computer anh sử dụng chấm, phết rất độc đáo, mới lạ, tân kỳ, rằng anh đã im lặng chịu đựng con đàn bà ca sĩ xỉa xối, la mắng như mẹ la con, U U, Lê Lê loạn cào cào trước mặt mọi người.

Hắn ngó dzậy nhưng không phải dzậy, các người đừng làm một Du Tử Lê im lặng.

Hắn là Vua, là Hoàng Đế đó, chớ tưởng bở.

Nô lệ chỉ là vai hắn đóng trong một chùng mực nào đó vì nhu cầu chiến thuật, chiến lược.

Lúc lên ngựa, lúc ngự trên “ngai vàng” giữa đêm tối, chỉ hai người, một vua và một nô tì, để có mấy tay như ông, như Du Tử Lê.

Im lặng. Chịu đựng. Các người cứ chửi, cứ cào, cẩu, cắn, nhai, ta đi. Đêm xuống, giờ của nhà vua lên ngai.

Mặt trời lặn, giờ của nhà vua hành động.

Trong đêm đen hay sáng mờ mờ của những ngọn nến, các người mới biết, ta là vua.

Ta là vua, buồn tình, ta cúp “tiêu chuẩn”, các người có quỳ mà lạy, khóc lóc mà van xin ân huệ của ta, ta chỉ sẽ ban, nhỏ giọt, nhỏ giọt, nhỏ giọt.

Hãy chết đi.

Hãy lịm người đi.

Có rên la bai bãi nhà vua cũng không tha.

Trời lúc đó cũng vắng mặt, vì ta là Thượng đế, nên có gọi trời ơi, cũng vô ích.

(Tôi thừa sức viết thêm một trăm trang cho vụ việc này, nhưng thôi).

Tôi có đọc đâu đó rằng, “người đàn bà đến với tình yêu, họ ở lại, nhưng người đàn ông đến với tình yêu, rồi họ đi qua”.

Đi qua một, hai lần không ăn thua. Với Lê, phải đi qua nhiều quân, cấp trung đội, mới vừa khả năng của anh và vừa tầm dài của “ngòi bút” của anh.

Không có đàn bà, không có Du Tử Lê.

Không có cấp trung đội bà xã, không có Du Tử Lê thi sĩ.

Làm thơ tình, không thể có tình yêu hàm thụ.

Cái sướng, cái khoái, cái khổ, cái vui, cái buồn, ngòi tưởng tượng không đẻ ra được thơ tình.

Lúc Lê đang đứng trước cổng trường Gia Long, Trưng Vương vào mỗi chiều tan học, chính là lúc Lê đang đi tìm cái sướng, cái ngây ngất, cái lịm người, cái đê mê, cái dày vò, cái ngòi trên lửa, cái nhói trong tim, rất kinh nghiệm bản thân, khởi đầu và kết thúc, từ những đường gân thớ thịt, đầu lưỡi cuối môi, cằm, râu, tóc, kể cả lỗ chân lông.

Thiếu những thứ đó, làm răng mà có thơ tình đích thực, làm răng mà có Du Tử Lê.

Không có đàn bà, không có Du Tử Lê.

Không có một trung đội bà xã, không có thơ tình Du Tử Lê.

Chắc như bắp. Chắc như nụi.

Chắc như đinh đóng vào cột.

Áy và áy.

Number ONE.

Với tôi, trước sau, tôi thích tùy bút của Du Tử Lê hơn thơ Du Tử Lê.

Ra hải ngoại, với cái gọi là làm mới hình thức, dấu chéo, dấu móc, tôi cho rằng Du Tử Lê đang tự giết mình.

Đâu đó, tôi có đọc Du Tử Lê viết, “*anh chỉ sáng tạo một nửa, nửa còn lại dành cho người đọc sáng tạo*”. Tôi không đồng quan điểm này.

Người đọc và người sáng tạo là hai người khác nhau.

Người đọc chỉ thêm ý hay triển khai ý nghĩ từ tác giả cho chính nhận thức của họ (người đọc) chứ họ không làm công việc sáng tạo lại cho người khác đọc.

Và người sáng tạo, nếu thực sự là người sáng tạo, họ sáng tạo từ cái không có, chẳng ai sáng tạo tiếp, từ người khác sáng tạo, như Du Tử Lê chẳng hạn.

Duy một điều, tôi thấy Du Tử Lê thành thật, vô cùng thành thật khi anh nói: *“Đây mới là điều tôi muốn khám phá, thử nghiệm. Có thể tôi sẽ thất bại”*.

Trong khi chính Du Tử Lê thành thật nói *“có thể sẽ thất bại”*, tức là chưa tin vào điều mình làm là thành công hay đúng, thì một số người khác đã bốc Lê lên chín tầng mây, gọi Lê là trưởng môn phái, là vua lục bát.

Nói hay viết về một nhà văn, nhà thơ nổi tiếng, mình cũng nổi tiếng theo hay sao.

Tôi không tin là vậy.

Tôi nhớ đêm ra mắt thơ Tô Thùy Yên tại Boston, khi đêm về uống rượu tại nhà nhà thơ Phan Xuân Sinh, nhà văn Lâm Chương có đặt vấn đề thơ tự do (theo nghĩa bí hiểm) và thơ vần điệu, nhờ Tô Thùy Yên trả lời, tôi nháy mắt với Lâm Chương và cắt ngang câu chuyện.

Tôi biết nói dai, nói dài, cũng không đi tới đâu, làm khó cho anh Tô Thùy Yên, mắt không khí vui, thân mật của cuộc rượu.

Cho tới bây giờ, rõ ràng là người ta vẫn nhớ tới một Thanh Tâm Tuyên thi sĩ hay một Tô Thùy Yên thi sĩ, từ và nhờ, những bài thơ có vần điệu, chứ không phải từ và vì những bài thơ tự do bí hiểm.

Một bài thơ đọc năm lần bảy lượt cũng không thuộc.

Không thuộc, tức là không nhớ ngôn ngữ.

Không nhớ ngôn ngữ thì làm sao biết được tác giả diễn tả những gì qua chúng.

Cũng đêm tại nhà Phan Xuân Sinh, đêm có giọng ngâm thơ Phan Nhụy từ Houston sang.

Nhiều người khen cô ngâm hay như Hoàng Oanh. Những người này họ hại cô Phan Nhụy mà họ không biết.

Theo tôi, cô Phan Nhụy ngâm hay như cô Phan Nhụy, đúng là Phan Nhụy.

Có một điểm mà mấy “thằng” đàn ông hôm đó không biết, tôi biết.

Cô Phan Nhụy là nhân viên bán vé máy bay cho một hãng hàng không Hoa Kỳ, cô Phan Nhụy còn độc thân, cô Phan Nhụy đẹp, ngâm thơ hay.

Những yếu tố ăn tiền như thế không quan tâm, mà đi quan tâm thơ bí hiểm hay thơ không bí hiểm.

Hôm đó tôi có nói: “*Ai loạng quạng bước qua xác chết của tôi*” khi mấy người đến đứng chụp hình chung với Phan Nhụy.

Thực tình thì lúc đó, rượu nói chứ không phải tôi nói. Và bây giờ, tấm hình tôi được chụp chung với Phan Nhụy ai chụp, giờ ở đâu, ai giữ, tôi cũng không biết.

Nói tóm lại, Du Tử Lê là tên nô lệ của tình yêu, chỉ là chiến thuật giai đoạn, làm vậy, nhưng không phải vậy.

Mà phải nói Du Tử Lê là vị hoàng đế về đêm.

Và, còn dài dài, đều đều những người đàn bà, con gái khác, tình nguyện “nạp mình” cho hoàng đế.

Chúng ta sẽ có thơ tình Du Tử Lê đọc, cũng đều đều, dài dài.

8. NHẠC SĨ CUNG MINH HUÂN, ĐỜI DỄ GÌ CÓ ĐƯỢC MỘT THẲNG EM



Tôi có lỗi với nó.

Đáng ra, ngòi bút của tôi (đúng ra phải nói, ngón tay của tôi, vì tôi viết bằng một ngón tay) phải đụng nó từ lâu, hẳn nhiên là đụng nhẹ thôi, đụng êm đềm.

Nhưng đến nay, tôi mới đụng, là tôi có lỗi với nó.

Nó là đứa vô cùng dễ thương và đẹp trai, hết biết.

Lâu nay tôi vẫn nghĩ, chỉ có mình tôi đẹp trai.

Điều này, không phải tôi nói đâu, mô nà.

Người thứ nhất, người bạn học cùng trường, tên Lê Đình An, tại sân bóng chuyền, trước sân trường. Anh nói, “*CHÍNH, mày có đôi mắt đẹp quá*” là năm 1960.

Người thứ hai, năm năm sau, 1965. Trong một lá thư từ Sài Gòn, của cô sinh viên văn khoa gửi ra Nha trang cho tôi, cô viết:

“CHÍNH có đôi mắt đẹp quá. Đôi mắt làm chết lòng người ta. Bây giờ sóng biển Nha Trang và những tà áo trắng, chắc CHÍNH đã quên HẠNH ở Sài Gòn”.

Chưa hết.

Số tôi trầy trật, gian nan vô cùng.

Đó là, trong một bàn tiệc tại Đà Lạt, đường Hoàng Diệu, trước mặt con, dâu, rể, người góa phụ, nhan sắc Elizabeth Taylor, buộc miệng: “ **CHÍNH** đẹp trai quá”.

Nếu Đà Lạt không di tản đêm 1-4-1975, văn học VIỆT NAM đã có một thiên tình sử.

Tôi đâu nói dối. Tôi nói đúng, có người chứng, rõ ràng, cụ thể.

Nhưng với nó, cái đẹp trai của tôi, là đồ bỏ.

Nó đẹp trai hơn triệu lần tôi.

Đẹp trai từ lời nói, ngôn ngữ và thần thái.

Nó có nhan sắc của vị Bò tát con.

Hãy nghe nó nói và viết:

“Dạ, em sanh năm 1969 (bằng con trai đầu của tôi) tại Đà Lạt. Em sang Mỹ năm 1990 và đi học lại. Đến năm 1998, em ra trường và làm việc cho chính phủ tiểu bang, Bộ Giao thông Vận tải California department of Transportation. Em là Civil engineer”.

Hãy nghe nó nói và viết:

- *Em vừa mới check mail, nhận được 3 cuốn sách anh tặng, (tặng sách là job của anh mà) em có khoe với vợ em, vì trong 3 cuốn, anh đều có ghi tặng em và bà xã, làm cô nàng vui lắm.*

Tôi không biết quý vị sao.

Nhưng qua ngôn ngữ, tôi đọc được thần thái, nụ cười vô tư, thánh thiện trên khuôn mặt nó.

Quý Thượng đế có đồng ý với tôi như vậy không?

Độc giả là Thượng đế.

Nếu ví (vui thôi mà) CHÂN DUNG NGƯỜI LÍNH THI SĨ MIỀN NAM là một tượng đài thi ca, thì có sự đóng góp của nó vài viên gạch.

Chuyện là gần tới ngày in, có vài bài chưa đánh máy, tôi cầu viện đến nó. Hai hôm sau, nó đã gởi lại cho tôi.

Đó là *Lửa nông trong thơ Lê Mai Lĩnh* của nhà văn Trương Anh Thụy

Đó là *Sức bực phá trong thơ Lê Mai Lĩnh* của nhà thơ Phan Xuân Sinh.

Đó là bản *Phác thảo sơ lược tiểu sử Lê Mai Lĩnh*.

Nó là một đứa mê sách, chơi sách và đọc sách.

Người Mỹ hàng tháng dành tiền đi du lịch.

Người Việt mình dành tiền cho bên nhà, cha đau, mẹ yếu, em trai cưới vợ, em gái lấy chồng.

Nó hàng tháng dành tiền mua sách.

Nó là một con mọt sách.

Người đời nên sợ hai loại người: người đọc sách và người ăn trộm.

Tôi sợ nó, nên tôi nói với nó nhà anh có gần 300 cuốn sách, anh tặng hết cho em.

Hôm nào thu xếp qua, anh em mình nhậu một bữa, rồi đem sách về.

Nó nói, nhậu, không có em, làm tôi cụt hứng.

Tôi còn nói, nếu em không có tiền, anh cho vé.

Nay thì biết, nó giàu hơn tôi.

Vài tháng nữa, nó về VIỆT NAM.

Nó nói em sẽ nhận cho anh 20 tập thơ tặng bạn bè bên nhà.

Em đi cả gia đình, hành lý cả ngàn pounds.

Tôi chưa viết về nó, tới nay tôi thấy mình có lỗi với nó.

Nhưng mới hôm qua, nó đóng vai Người hùng khiến tôi không thể để lâu hơn.

Chuyện là bài viết của tôi về VUA TRUYỆN NGẮN Lâm Chương, hay và vui hết biết.

Nhưng bị nhiều lỗi chính tả, tôi đâu có thể nhờ nó mãi. Nhưng nó tự động, tình nguyện ra tay, chặt, chém, treo đầu mấy thằng, mấy con sai chính tả.

Làm bài viết về ông thầy của tôi đẹp hơn, tươi tắn hơn.

Đời này có được mấy thằng em như nó.

Nên nó là đứa em cưng nhất của tôi.

Có được đưa em như nó là tu muôn kiếp.

Phải thế không, chàng kỹ sư công chánh, nhạc sĩ và là con một sách?

Nói thêm chút chút, cho phải đạo anh em.

Hôm rồi, một tài hoa nọ bị bệnh COVID bên nhà, theo vang vọng nghìn trùng từ Khùng thi sĩ, nó chơi luôn hai chai \$200.00.

Mọi người sợ nó chưa.

Nó là kỹ sư - nhạc sĩ Cung Minh Huân đó nghe.

9. NHẠC SĨ TRẦN GIA TOẢN, GỞI VÀO HƯ KHÔNG LỜI TẠ LỖI BẠN HIỀN

Khi người bạn tôi, anh Nguyễn Tiến Việt, báo cho tôi biết Trần Gia Toản đã qua đời, mắt tôi rung rung ngấn lệ.

Nhưng đến khi nghe theo T.Vấn, tôi vào trang web của anh, mục Tù Khúc, nghe giọng hát của Toản với ca khúc *Ngày Xa Đà Nẵng* thì tôi đã khóc thật sự.

Khóc như mưa đổ, như thác gào.

Cô con gái lớn của tôi, tay phải nắm lấy vai tôi, tay trái xoa vào lưng tôi. Cháu gái thứ hai thì lấy napkin đưa cho tôi lau nước mắt, trước computer, trong tiếng hát của Toản, Trần Gia Toản.

Thế là giấc mơ tôi từ khi ra hải ngoại được ngủ với Toản một đêm, được cụng ly với Toản trong một cuộc rượu và nói lời xin lỗi với Toản và vợ con anh, đã không thể thực hiện.

Đành rằng cuộc đời là phù vân. Đành rằng sống chết là lẽ thường. Đành rằng cuộc đời là vô thường, sắc sắc không không.

Nhưng với tôi, cái chết của Trần Gia Toản, nằm ngoài điều tôi dự liệu.

Có một cái gì đó sớm sửa quá, oan nghiệt quá.

Một

Trên chuyến tàu từ Bắc vào Nam cuối năm 1980 chở đầy xiềng xích, hai người chung nhau một còng số 8, có tôi và Trần Gia Toản.

Sau đó, tôi và Toàn được trại biên chế chung vào đội nông nghiệp, ngủ chung một phòng.

Ngày lại ngày, mọi sinh hoạt giữa chúng tôi đều như nhau.

Không khí sinh hoạt khi đã vào Nam được tự do, thoải mái hơn khi còn ở ngoài Bắc.

Thêm vào đó là có gia đình thăm nuôi đều đặn, lúc người này, lúc người khác nên cà phê và trà không còn là thứ hiếm hoi.

Có trà, có cà phê tức là có nhạc vàng, có hộp mặt, có nụ cười và tiếng hát mỗi đêm.

Bên trái chỗ tôi nằm là Phong Đầu Bạc, phân biệt với Phong Râu (tức Trần Ngọc Phong), tác giả *Chúa nhật của người tù*.

Bên trái tôi là anh Phạm Văn Bình, thi sĩ, tác giả bài thơ được Phạm Duy phổ nhạc rất nổi tiếng *Chuyện Tình Buồn*.

Bên phải của Phạm Văn Bình là Trần Gia Toàn. Toàn là người năng nổ nhất và hát nhiều bài nhất của mỗi đêm văn nghệ.

Chỗ nằm của tôi và Phong Đầu Bạc biến thành “sân khấu về đêm”.

Hầu như đêm văn nghệ nào tôi cũng phải ngồi nghe hay đi tản chiến thuật để dành chỗ cho sân khấu về đêm.

Những đêm đầu nghe là thích, nhưng những đêm sau nghe là bị “tra tấn”.

Người “tra tấn” tôi nhiều nhất là Trần Gia Toàn.

Có một lần tôi bị bệnh sốt rét Gia Rai, đêm đêm không làm sao ngủ được.

Tôi bày tỏ sự giận dữ, giận hờn và tôi đề nghị Toàn, nếu không ngưng thì phải tổ chức văn nghệ về đêm thỉnh thoảng thôi, chứ không thể liên tục hằng đêm như thế được.

Những người khác họ không nói ra, nhưng tôi nghĩ, họ cũng không muốn bị “tra tấn” mãi như thế được.

Lời đề nghị của tôi không được Trần Gia Toàn và mấy ông máu ca hát nghe theo.

Từ đó, tôi tỏ ra không còn thân thiện với Toàn như trước.

Và điều khốn nạn đã đến với tôi.

Đó là:

Vào một lần gia đình thăm nuôi, tôi tổ chức một bữa cơm thân mật mời bạn bè, tôi đã không mời Trần Gia Toàn như những lần thăm nuôi trước.

Tôi xem đây như một sự trả thù.

Thế nhưng, khi đang ngồi ăn phía sau hàng hiên của căn nhà đối diện, tôi thấy Trần Gia Toàn cầm chén đĩa ra bể nước rửa, tôi hỏi hận quá.

Tôi thấy mình hèn mọn, nhỏ nhen, ti tiện, bần xỉn, xấu xa, nói chung tôi thấy mình đã mất tình người.

Nỗi đau này tôi mang theo khi ra khỏi tù.

Nỗi đau này đeo đẳng tôi cho tới ngày hôm nay.

Kể cả bây giờ, khi đang ngồi viết những dòng này.

Hai

Năm 1989, tôi được một người bà con nhờ làm quản lý một đại lý bán bia và nước ngọt ở phường Tân Phú.

Dù là tiền của người khác, nhưng nó nằm trong tay, trong túi tôi nên tôi được chi tiêu thoải mái.

Tôi gặp Trần Gia Toàn vào thời gian này tại chợ Ông Tạ, đường Thoại Ngọc Hầu.

Tôi đưa bạn về quán nhậu của tôi với cái tên rất văn nghệ: Quán Bên Đường.

Quán Bên Đường là tên một bài thơ của Quang Dũng, chính thi sĩ Phan Lạc Giang Đông đã chọn cho tôi làm tên quán.

Tôi mời Trần Gia Toàn điếm tâm một tô phở.

Bấy giờ tôi cho hai chị em một cô gái đặt xe phở trước quán.

Bấy giờ tôi không có ý niệm cho thuê mặt bằng gì cả. Và lại, hai cô này rất đẹp, tôi thì lại thích nhìn gái đẹp.

Trong lúc ăn, tôi có hỏi Trần Gia Toàn tiền vốn cho một chuyến buôn gạo thò bằng xe đạp là bao nhiêu.

Trần Gia Toàn nói là 30 ngàn đồng.

Sau khi Toàn ăn xong, tôi đưa cho Toàn 30 ngàn đồng và nói: tôi cho bạn mượn số tiền này làm thêm vốn, khi nào có bạn trả lại tôi, tôi trả lại cho bà chủ.

Trước khi Toàn ra về, tôi có dúm vào tay Toàn một bao thuốc Jet.

Điều này thì tôi không nhớ rõ lắm.

Có thể nay mai, ngày mốt hay ngày kia, khi gặp Toàn bên kia suối vàng, bên kia thế giới hay gặp Toàn nơi thiên đường hay địa ngục, tôi sẽ hỏi lại Toàn điều này và tôi sẽ thừa lại cùng quý bạn hữu.

Ba

Qua năm 1990, Quán Bên Đường phá sản, mà quán phá sản vì tôi, vì tôi mê gái và nhậu.

Tôi có máu văn nghệ và được khách mệnh danh là ông chủ quán văn nghệ vui vẻ nhất thế giới.

Ai muốn ghi sổ tôi cũng cho ghi. Khách mời tôi một điều thuốc Jet, tôi mời lại khách nguyên gói.

Khách mời tôi một chai bia, tôi mời lại khách nguyên cả thùng bia.

Vì bà chủ không phải là chủ ngân hàng hay nhà máy in tiền nên nhìn sổ nợ sau một năm tôi quản lý quán là 1,520,000 đồng, tôi biết trước số phận của mình.

Tôi xin nghỉ việc và mang theo cô gái Huế, là người nấu bún bò Huế rất Huế của Quán Bên Đường đi theo.

Lúc này, tôi đang lo hồ sơ H.O.

Hằng ngày tôi đi vay nợ để ăn và lo dịch vụ.

Tôi nghĩ đến Trần Gia Toàn.

Hay nói theo ngôn ngữ nhà binh, Trần Gia Toàn nằm trong tầm ngắm của tôi.

Và lúc này, tôi biết mang máng, mục tiêu là Gò Vấp.

Phải công nhận ông đại úy an ninh quân đội Trần Gia Toàn khá nổi tiếng.

Tôi lên Gò Vấp tìm Toàn không mấy khó khăn.

Lần đầu tôi tìm đến nhà, Toàn đi vắng.

Những đứa con thì không biết Toàn đi đâu.

Mục tiêu đã có, tầm ngắm đã không sai.

Hãy thư thả.

Hai tuần sau với chiếc xe đạp, tôi lên đường hướng Gò Vấp.

Tôi gặp Toàn ngồi bên quây thuốc lá.

Tôi ngỏ lời về khoản nợ 30 ngàn đồng.

Toàn nói với tôi đang bị kẹt, hay bạn chờ tôi qua Mỹ gửi về trả bạn.

Lúc này Toàn đã được phỏng vấn xong.

Tôi biết ý Toàn là nếu để qua Mỹ, bạn sẽ trả cho tôi vài trăm đô la. Nhưng đang chạy gạo từng ngày, làm sao tôi chờ vài trăm đô lâu quá.

Cuối cùng, sau nhiều lúc nhìn nhau ngao ngán và xấu hổ, tôi đề nghị với Toàn: hay là bạn cố gắng trả cho tôi 15 ngàn, còn 15 ngàn tôi tặng cho bạn.

Sau vài phút lưỡng lự, Toàn kéo học tử thuốc lá đếm đủ 15 ngàn đưa cho tôi.

Trước khi về, Toàn có mời tôi một điếu thuốc Apsara.

Bốn

Nói theo ngôn ngữ bóng đá, cuộc đấu giữa tôi và Toàn kết quả là 2-1. Tôi thắng Toàn một trái: hào sảng cho bạn

mượn tiền, nhưng tôi lại thua Toàn hai trái (một và ba): không mời com và đòi nợ.

Hôm nay, nhân đây tôi xin có lời tạ lỗi với anh và vợ con anh.

Tôi cũng xin tạ lỗi những người bạn của Trần Gia Toàn.

Rằng thì là tôi đã sống không vuông tròn, không đẹp với anh em bạn bè.

Lời cuối với bạn ta, Trần Gia Toàn.

Tôi sẽ ngủ với bạn, tôi sẽ cụng ly trăm phần trăm với bạn. Và bây giờ thì tôi cũng sẽ hát như bạn, vào một ngày nào đó, bên kia sông, đã quá cận kề.

Hãy ngủ yên, bạn ta, Trần Gia Toàn.

10. NHÀ VĂN LÂM CHƯƠNG, VUA TRUYỆN NGẮN



Ngày hôm qua, Lâm Chương gọi hỏi tôi đã biết Phan Xuân Sinh chết chưa?

Tôi trả lời, thưa thẩm quyền, em đã biết.

Tôi hỏi lại anh, ông và tôi, ai sẽ là người theo PXS trước. Ông nói, bạn và tôi cùng 1942, Nhâm Ngọ, sẽ sống lâu lắm.

Tôi hỏi căn cứ vào đâu bạn nói vậy.

Ông nói vì bạn và tôi đã làm cho nhiều con gái cưng của Chúa lên bờ xuống ruộng.

Nay Chúa hành, cho sống lâu để trả nợ tình, cho biết hậu quả, thế nào là “trụ”.

Tôi nghĩ thầm trong bụng, tay này dóc tổ.

Vì rằng, Ông là dân Biệt động quân, đêm ngày trên rừng, thời gian đâu mà dê gái.

Tôi cũng nghe nói, đôi lần lính ông bắt mấy con cọng cái đem về cho ông, hí hửng, tưởng thế là lập công với thẩm quyền.

Nhưng nào ngờ, bị ông la, sao không bắt thằng Lê Duẩn, Hồ Chí Minh, đi bắt con gái, đàn bà, tưởng như vinh quang lắm.

Rồi Ông thăm hỏi quê quán, chồng con, và cũng như bác Hù, ông hỏi tháng này kinh nguyệt có điều hòa không?

Đoạn Ông lấy trong túi áo gói thuốc lá Quân tiếp vụ, mời con cọng cái một điếu. Nó từ chối, Ông cho nó nguyên gói, nó nhận.

Những ngày về phép thì uống rượu, lấy đầu thời gian mà gái gú.

Nhưng công bằng mà nói, về số lượng thì tôi có thể hơn ông, nhưng về chất lượng sao tôi sánh được với ngài đại úy.

Với ông, xấp lá cà, tao ngộ chiến, tiền pháo hậu xung, đánh nhanh rút lẹ.

Với tôi, dân “con tôm con tép”, đấu pháp là bằng cái lưới.

Muốn gì, phải nói, thuyết phục, trào cuống họng em mới OK, im lặng cho chút chút, làm thành tích đảng nam nhi.

Ông, nhà văn ít tác phẩm, vì ông rượu và hành quân miệt mài, lấy đầu thời gian mà viết.

Nhưng văn ông, truyện ngắn, thì thầy chạy.

Tôi không ngu khi gọi ông là VUA TRUYỆN NGẮN.

May ra có Như Không là ngang ngửa.

Văn chương của ông chậm rãi, như đôi lần đi Ngã ba Chú Ía, Ngã 5 Chuồng chó hay Trung tâm Tiếp huyết, như lúc nâng ly, trong các cuộc nhậu, dẫu 100%.

Nhưng về chiều sâu thì thăm thẳm chiều trôi.

Văn ông nhân bản, nồng hậu, có luận đề, có cái còn lại sau khi đọc.

Cái sướng sau khi xem văn chương ông là cái đọng lại là vị ngọt của mật, của men rượu, còn trong cuống họng.

Tôi xem ông là thầy, là sư phụ, là vì rứa.

Tôi thường gọi ông vắn kẻ, khi em này not ok, khi em kia nói chờ tới mùa trăng sau, em khác hiển bình gác cửa.

Đôi lần ông nói mày dẫn đến gặp tao, vừa lý thuyết vừa thực hành, may ra mày mới ngộ.

Mày còn ngu lắm.

Tôi nói, dẫn đến gặp đại bàng, đến cháo cũng không còn cho tui mút, húp, lêm (thiếu chữ i).

Ông nói, vậy tùy mày, rồi cúp máy.

Cái ông Lâm Chương này, vô phước cho ông khi làm công dân nước Đại Cồ, chứ nếu là Âu Tây, ông đã cầm cái Nobel văn chương từ muôn năm xưa.

Muốn biết sự nghiệp văn chương Lâm Chương, vào Google mà hỏi, tui không có thời gian trả lời mô.

Khủng khiếp lắm.

11. NHÀ VĂN MAI THẢO, CÒN NỢ TÔI “BẦY THỎ NGÀY SINH NHẬT”



Tôi được gặp ông, nói chuyện, uống cà phê ba lần.

Tôi cảm ơn nhóm SÁNG TẠO nói chung, và hai ông Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo nói riêng.

Những tác phẩm của hai ông là sách gối đầu giường của tôi, từ những năm trung học Đệ nhất cấp của thế kỷ trước.

Lần thứ nhất, năm 1963, sau khi in thi phẩm **NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU**, tôi đem về Sài Gòn tặng vài tòa soạn.

Tòa soạn tạp chí **VĂN NGHỆ** của nhà văn **LÝ HOÀNG PHONG**, là nơi tôi ghé đầu tiên.

Tôi gặp nhà thơ Sao Trên Rừng lần thứ nhất tại đây, mà thấp thòm lo âu, sợ ông "đục"!

Vốn là, sau khi tôi in **NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU**, ông nói tôi chơi trội ông. Ông nhận mình là **VUA THƠ** Nha Trang, tại sao tôi in thơ trước.

Nguyên văn lời bạn tôi nghe ông nói: "*Tao là vua thơ nơi này, hấn, thẳng cha căng chủ kiết nào đến đây ra thơ trước, tao gặp nó, tao "đục" không còn cái mũi để thờ*".

Rất may ông Lý Hoàng Phong không giới thiệu tôi là Suong Biên Thùy với Sao Trên Rừng.

Tôi lầm lũi ra về sau khi trao tập thơ tặng ông.

Tòa soạn SÁNG TẠO, là nơi thứ hai tôi đến. Ông cầm tập thơ của tôi, nhìn bìa trước, bìa sau, rồi để sang bên.

Qua vài câu xã giao, ông để tôi ngồi “chiêm ngưỡng” ông suốt buổi.

Ông coi như tôi không có mặt trên cõi đời này.

Ông viết, viết, cắm cúi viết.

Chỉ có ông, tôi và thằng bé ngồi trước cửa.

Ông viết bằng bút bi màu xanh và giấy in báo gấp lại.

Sau này quen nhiều nhà văn, tôi mới biết là ông đang viết bài trả nợ lại cho các báo đăng truyện nhiều kỳ, nơi ông đã nhận tiền nhuận bút ứng trước, từ trước.

Sau khi viết xong, ông gọi thằng bé đưa bài, ông mới cầm lại cuốn thơ của tôi và nói chuyện.

Ông hỏi tôi làm thơ lâu chưa, ở đâu, đang làm gì, quen ai ở Sài Gòn.

Đoạn ông mời tôi ra quán cà phê bên cạnh.

Sau đó chúng tôi chia tay.

Đó là lần thứ nhất tôi gặp ông, thần tượng văn chương của tôi thời trai trẻ.

Lần thứ hai, là khi ông chủ trương bán nguyệt san NGHỆ THUẬT mà tôi có đăng bài.

Bài của tôi, cùng trang với VŨ KHẮC KHOAN, mới là hách chớ.

Bài của tôi có tựa đề NHỮNG ĐIỀU NÓI VỚI KIM HẠNH, cũng là cô nữ sinh Văn Khoa, tác giả của câu văn: “Người đàn ông có đôi mắt sao đẹp thế, đôi mắt làm chết lòng người ta. Bây giờ sóng biển Nha Trang và những tà áo trắng, chắc CHÍNH đã quên HẠNH ở Sài Gòn”.

Trước khi về, ông có nhờ tôi một việc là nhờ ra Sài Gòn tìm mua cho ông tập truyện ngắn BẦY THỎ NGÀY SINH NHẬT mà ông đang muốn tái bản.

Ông hứa sau khi tái bản, sẽ tặng tôi một cuốn.

Hôm sau tôi trở lại, với tập truyện trong tay.

Ông vui lắm và tôi cũng vui, vì nghĩ mình đã hoàn thành sứ mạng.

Lần thứ ba tôi gặp ông, là lúc ông về tòa soạn đường Cống Quỳnh, lo tờ tuần báo MÀN ẢNH của nhà báo QUỐC PHONG, lúc này nhà văn THANH NAM là thư ký tòa soạn.

Lần này tôi không có ý định gặp ông mà là gặp nhà văn CHU TỬ, khiếu nại việc ông đứng về phía UYÊN THAO chơi xấu tôi.

Chuyện là trên tuần báo ĐỜI, đăng một bài viết của nhà văn UYÊN THAO, có tựa đề CON NGỰA GỖ VÀ THÀNH TROY NAM VIỆT NAM.

Nội dung chính ông cho rằng Phật giáo ÁN QUANG đưa VC vào SAIGON năm MẬU THÂN.

Đọc bài đó, tôi nực gà, máu bút chiến sôi lên, năm ngón tay bàn tay phải muốn xuống đường.

Tôi chơi một bài phản biện.

Ông CHU TỬ cho đăng. Tỷ số bảy giờ là 1 - 1, nói theo ngôn ngữ bóng đá.

Sau đó, UYÊN THAO phản đòn, tỷ số là 2 - 1.

Tôi chơi một cú chính diện, đẹp mắt, như huyền thoại, CHU TỬ thối còi việt vị. Tôi tức như bị bò đá.

Tôi chơi lại trọng tài, chơi một bài 3 trang, tố ông “tham nhũng” dư luận.

Vì lúc này đang có phong trào chống tham nhũng của linh mục Trần Hữu Thanh.

Lần này tôi muốn đến khiếu nại trọng tài.

Ông CHU TỬ xin lỗi tôi, lý do là vấn đề Ấn Quang, lúc này tế nhị, chúng tôi không muốn kéo dài cuộc bút chiến.

Hôm nay thư ký vắng, ngày mai anh đến nhận tiền nhuận bút, cà phê thuốc lá.

Chính lần này tôi gặp lại nhà văn MAI THẢO, vì khi vào gặp CHU TỬ, phải đi ngang qua bàn làm việc của ông.

Khi bắt tay tôi, ông giới thiệu tôi với THANH NAM, đây là anh LÊ VĂN CHÍNH, người vừa viết về vợ cậu trên tuần báo KHỎI HÀNH.

Đó là bài tôi viết về nhà văn Túy Hồng, vợ ông. THANH NAM bắt tay tôi và nói cảm ơn.

Hôm sau tôi trở lại với mẹ sắp nhỏ, CHU TỬ rút trong túi áo bà ba trao tôi một xấp bạc tờ 500.

Ra khỏi tòa soạn, tôi đếm đúng 5.000. Đó là lần đầu tiên, má sắp nhỏ sợ “Khùng thi sĩ” và suy tôn tôi làm anh hùng.

12. MỘT CHÚT SÀI GÒN GIỮA LÒNG PARIS



Nếu những ai đã ở Sài Gòn và đến Paris và ngược lại, những ai đã ở Paris và đến Sài Gòn, nhưng lòng vẫn nhớ thương về chốn cũ, nhớ từng con đường, nhớ từng vỉa hè, nhớ từng khu phố, góc lộ, gốc cây, hàng hiên mái ngói, đều có thể nói rằng: Một chút Sài Gòn giữa lòng Paris hay Một chút Paris giữa lòng Sài Gòn.

Chúng ta không ngạc nhiên về điều này.

Vì xin nhớ rằng, 300 năm về trước, khi xây dựng thành phố Sài Gòn, những ông tây bà đầm thực dân bấy giờ đã muốn Sài Gòn là hình ảnh của Paris.

Điều này khởi đi từ hai lý do tâm lý.

- Một, về phía người Pháp, họ muốn Sài Gòn là hình ảnh của Paris, muôn đời thuộc về họ, là của họ.
- Hai, về phía người Việt, người Việt phải hiểu rằng, Sài Gòn là Paris là muôn đời lệ thuộc nước Pháp.

Từ những nguyên nhân bắt nguồn do lịch sử như thế, nên kiến trúc hai thành phố giống nhau.

Những ngày đi giữa Paris tôi tưởng mình đang đi giữa ngày Sài Gòn.

Những đêm lang thang phố xá Paris tôi tưởng mình đang đi trong Chợ Lớn hay khu Trần Hưng Đạo, khu Chợ Cũ, khu Tự Do của Sài Gòn về đêm.

Ngã tư, ngã năm, ngã sáu, ngã bảy Paris, y chang ngã tư, ngã năm, ngã sáu, ngã bảy Sài Gòn. Thậm chí, y chang như thế của người đi bộ Sài Gòn hay Paris như nhau. Thậm chí y chang như thế của dòng xe cộ chạy không hàng lối, không vạch vôi ngăn cách Sài Gòn hay Paris như nhau. Thậm chí, y chang như nhau của Paris hay Sài Gòn là những đồng rác cao nghệu dưới mỗi góc cây không ai màng bận tâm lo nghĩ. Cũng y chang như thế là Sài Gòn hay Paris, những vũng nước vàng khè khai khai bốc mùi hôi cạnh gốc cây hay trong những con hẻm vắng.

Những vũng nước, khai khai, vàng vàng, hôi hám như thế cũng dễ tìm thấy trong khu đậu xe tại phi trường Charles De Gaulle giữa hai chiếc xe đậu cạnh nhau.

Trên lầu cao của khách sạn những đêm khó ngủ, nhìn xuống con đường trước mặt, tôi còn nhìn thấy hình ảnh Sài Gòn là lúc vài cô gái, vài gã bụi đời, vài người trong dáng hành khất, lầm lũi đi dọc theo vỉa hè thành phố lúc 2 hay 3 giờ sáng.

Tôi không biết họ đi đâu, về đâu, làm gì? Nhưng đêm nào của Paris cũng có những phần đời như những phần đời của Sài Gòn mấy mươi năm về trước.

Đi tự tin, dù là phận gái. Đi thản nhiên, dù là bụi đời. Đi không chút do dự, dù là hành khất. Hình ảnh và tâm trạng của họ rất chung giữa Paris/Sài Gòn.

Ở Mỹ không bao giờ có cảnh tượng như thế. Quân cướp và cảnh sát không thể để họ yên. Không dí dao thì cũng bị chặn xét giấy tờ. Không bị cướp thì cũng bị mời lên xe.

Nước Mỹ là rõ ràng. Không chấp nhận mờ mờ ảo ảo cho người đi đêm.

Những ngày ở Paris, tôi nhớ Sài Gòn... Nhớ Sài Gòn của những ngày tan học, theo ai ra trường bám gót dõng theo của thời dậy thì mụn còn trên mặt. Giờ giữa Paris, tuổi đời chồng chất, gần ngày huyết mộ, tôi còn theo ai, ai cho tôi theo.

Đành trở về sống trong mộng mơ về một Sài Gòn giữa thời trai lúc đang là Paris thời khú đế già nua, mắt mờ tai điếc, miệng móm răng long, tóc bạc da mồi, vất ra hàng hiên cũng chỉ làm phế liệu chẳng còn me tây nào muốn nhặt. Nhặt về làm chi? Làm chi mà nhặt về? Về làm chi mà nhặt? Mà làm chi mà nhặt về? Nhặt về, chi mà làm...?

Những ngày ở Paris, tôi nhớ Sài Gòn.

Nhớ Sài Gòn của những ngày về phép từ trận địa, ghé Kim Sơn làm ly cà phê đá hàng hiên, nhìn thiên hạ đi qua trong vẻ đứng đưng thân quen, xa lạ mà gần gũi.

Thời là thế. Thế là thời.

Hãy đứng đưng không buồn không vui.

Một thời dù thế. Dù thế một thời. Nhưng sao tôi vẫn nhớ Sài Gòn quay quắt dưới bầu trời Paris, dù đêm hay ngày.

Có cô nào, bà nào, dù đẹp hay xấu, trắng hay đen, già hay trẻ, của Paris, cho tôi ôm đêm nay, chỉ ôm thôi, cho tôi nghĩ mình đang ôm Sài Gòn, Việt Nam mê say đắm đuối. Một Sài Gòn Việt Nam một thời xưa tôi làm người ngạo nghễ, cao đầu bước tới, hiên ngang giữa đồng bào tôi com no áo ấm, em cháu tôi được cấp sách đến trường không bao giờ bận tâm về cái ăn cái mặc.

Chứ tôi không nói tới một Sài Gòn hôm nay dân tôi chết đói, em cháu tôi đầu đường xó chợ kiếm sống bằng cơm thừa canh cặn trong những hàng quán sang trọng dành riêng phục vụ cho những “ông đầy tớ” nhân dân bụng phê,

túi tiền dày cộm với những đồng đô la cướp từ xương máu mồ hôi của đồng bào tôi.

Giữa Paris đêm nay tôi muốn thở hơi thở Sài Gòn/ Việt Nam.

Một Sài Gòn không bị bắt bớ tù đày vô duyên cớ.

Một Sài Gòn không bị cướp ngày cướp đêm công khai lộ liễu như dưới thời đại mệnh danh XHCN của Đảng mọi rợ mang tên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Giữa Paris đêm nay tôi muốn cất cao tiếng hát tự do như một thời tôi đã hát tự do trong lòng Sài Gòn Việt Nam thuở trước.

Giữa Paris đêm nay tôi muốn dang tay múa bút như một thời của Sài Gòn Việt Nam tôi đã múa bút dang tay.

Bút tự do làm nên những tác phẩm để đời.

Bút nô lệ chỉ là những quái thai chết yểu.

Bằng chứng hơn 60 năm mệnh danh văn học hiện thực XHCN tại miền Bắc, tới nay có tác phẩm nào cho những người Cộng sản tự hào hay không?

Điều đau đớn và nhục nhã nhất cho những người lãnh đạo Cộng sản Việt Nam, những tác phẩm nổi tiếng lại là những tác phẩm nguyên rửa tội ác của Cộng sản đứng nhất và hay nhất, điển hình như TRUYỆN KỂ NĂM 2000 của nhà văn Bùi Ngọc Tấn và ĐÊM GIỮA BAN NGÀY của nhà văn Vũ Thư Hiên.

Nhưng có lẽ tôi sai khi bảo họ đau đớn và nhục nhã.

Vì rằng bọn họ là những người không có trái tim.

Không có trái tim của CON NGƯỜI. Bọn họ là những con vật người có trái tim của loài thú ăn thịt đồng loại.

Rất rõ ràng, những người Cộng Sản Việt Nam đang ăn thịt đồng loại, là nhân dân của họ.

Lịch sử không thể viết khác đi về bọn lãnh đạo Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam 25 năm qua.

Họ là những con thú ăn thịt đồng loại, là những con thú chỉ biết ăn thịt người.

Vì rằng, những nạn nhân của chúng không chấp nhận cho chúng đồng loại.

Giữa Paris tôi đâu muốn hành hạ tôi bằng những ví von, so sánh đau đớn là thế.

Giữa Paris tôi cũng muốn cười.

Giữa Paris tôi cũng muốn vui.

Giữa Paris tôi cũng muốn enjoy quá đi chứ.

Nhưng tôi không thể cười, nhưng tôi không thể vui,

Vì lẽ, Paris quả là hình ảnh của Sài Gòn.

Mà Sài Gòn là Việt Nam.

Mà một Việt Nam đang dầu sôi lửa bỏng buộc mình phải đứng ngồi không yên.

Làm sao mà cười, làm sao mà vui.

Hai mươi lăm năm làm kẻ ngoại cuộc, không được dự phần làm chủ đất nước mình, thì đã trải qua 9 năm tù ngoài và bảy năm lưu vong biệt xứ.

Giữa Paris những ngày này, tôi được hít thở không khí Sài Gòn, dầu chỉ là tưởng tượng, cũng giúp mình đôi chút khỏa lấp nỗi nhớ, chờ mong, cảm ơn Paris.

Cảm ơn những vỉa hè Paris rất Sài Gòn.

Cảm ơn những khu phố, mái ngói, những ngã năm, ngã sáu, ngã bảy của Paris rất Sài Gòn.

Cảm ơn cả những đồng rác, những con chuột chết, những vũng nước khai khai của Paris cũng rất Sài Gòn.

Cảm ơn những phận đời làm lũ trong đêm của Paris cũng rất Sài Gòn.

Dù thế, tuy nhiên tôi không thể cúi xuống hôn mảnh đất Paris rồi bảo rằng tôi đang hôn lên mảnh đất Sài Gòn/ Việt Nam.

Vì theo tôi, điều này là quá đáng, nếu không nói là dối trá.

Tôi ghét sự dối trá.

Điều tôi còn nhớ mãi tới hôm nay là vào buổi chiều cuối cùng của hai ngày Đại hội công bố Hiến chương, sau khi tôi lên phát biểu bài tham luận, lúc trở xuống hội trường, một vị trí thức trong số những người tham dự ngồi bên cạnh tôi hỏi: “Tiền đâu cho các anh hoạt động? Các anh tin là các anh có thành công hay không?”.

Tôi biết rõ, qua thái độ và giọng nói, là vị trí thức này hỏi với sự thành thực, có lòng quan tâm chứ không phải với thái độ mỉa mai.

Vì thế tôi trả lời như sau:

- Thưa anh, về mức độ thành công, nhiều hay ít, chúng tôi chưa thể biết trước được, nhưng chúng tôi làm với một lòng tin là **CHÚNG TÔI LÀM ĐÚNG**.

Và lại, trong bối cảnh tình hình thế giới, xu thế dân chủ toàn cầu đang trên đà nở rộ và những chế độ phản dân chủ lại trên đà cáo chung. Thêm vào đó, những báo hiệu cho thấy, chế độ Cộng Sản Việt Nam không thể tồn tại trong một thời gian ngắn.

Việc làm của chúng tôi như góp thêm một bàn tay xô sập căn nhà mục nát hay bức tường sắp xiêu vẹo.

Thêm nữa là, chúng tôi làm theo lương tâm của một người công dân yêu nước và sự thôi thúc của tiếng gọi con tim của một người trí thức. Còn như vấn đề tài chánh, tôi không nghĩ là khó khăn.

Khi mình làm Đúng, làm Tốt, với một bàn tay Sạch, quần chúng, nhân dân, quý Mạnh Thường Quân trên toàn thế giới sẽ tiếp sức ủng hộ mình.

Thưa anh, ngồi chờ có tiền và chờ đủ tiền, không bao giờ có.

Phải nghĩ rằng, nhất định thành công mới làm, sẽ không bao giờ có những cuộc Cách Mạng.

Cách Mạng không bao giờ vô ích. Vì rằng, chính sự thất bại của Cách Mạng hôm nay cũng lại là **MỘT BÀI**

HỌC VÔ GIÁ cho ngày mai, cho hậu Thế Hệ, cho những cuộc Cách Mạng trong tương lai.

Xin phép quý bạn đọc cho tôi được dùng đoạn trả lời trên đây làm phần kết luận cho bài viết này.

Cảm ơn mọi người tôi đã gặp ở Paris.

Cho anh gì đấy 10.00. Cảm ơn Paris đã cho tôi sống và hít thở không khí Sài Gòn/ Việt Nam trong những ngày nhớ nước thương nòi, ruột đau đòi đoạn.

Xin cho tôi được chết giữa Sài Gòn Việt Nam không còn Cộng Sản.

13. THANH HỒ, HOẠ SĨ, NGƯỜI TRỢ XẠ THỦ CHO THƠ TÔI



Họa sĩ Thanh Hồ, lái xe Velo Solex, nhà thơ Sương Biên Thùy ngồi sau, ôm eo ếch, là hình ảnh của một tòa soạn tạp chí di động.

Nhiều người biết THANH HỒ là họa sĩ, biết SƯƠNG BIÊN THÙY là thi sĩ.

Một thi sĩ, họa sĩ, đủ làm nên một tạp chí.

Thuê một vỉa hè, vẽ một bảng hiệu, là xong, một tòa soạn ra đời.

Nhưng bấy giờ, chúng tôi không nghĩ vậy, làm vậy.

THANH HỒ, thuê một căn nhà đường Phương Sài, mặt tiền. Nhà để trống ban ngày, nhà chỉ là nơi về ngủ, đêm đêm. Đã nhiều lần tôi lưu đêm tại đó.

Nhà mặt tiền, bạn bè văn nghệ nhiều, sao không nghĩ tới việc mở tiệm cà phê.

Bạn bè nhiều, mở tiệm, tiệm sập sớm.

Bấy giờ, Hồ vẽ quảng cáo cho hai rạp chiếu bóng TÂN TÂN và QUANG VINH.

Anh còn mở điểm vẽ chân dung cho lính Mỹ, gán ngã tư vào phi trường.

Đó là lúc anh hái ra tiền, nên việc cà phê, thuốc lá, điểm tâm cho nhà thơ là chuyện nhỏ.

Ngày anh chuẩn bị phòng triển lãm tại Ty Thông tin, tôi là người được anh nhờ viết lời giới thiệu in trên giấy mời.

Nghĩ lại, tôi cũng ầu, cũng trạng, nổ.

Coi trời bằng vung.

Có nhiều bài thơ trong NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU, tôi làm thời gian này tại nhà anh.

Anh hiền lành, xuề xòa, hào phóng.

Anh cười mím chi, ít khi thành tiếng.

Này là lúc anh có cô nhân tình nhỏ nhỏ tên THANH, sau này là mẹ của các con anh, như thế là cuộc tình viên mãn.

Ngày tôi về Nha Trang năm 1983, sau khi ra trại tù, anh phụ trách vẽ minh họa cho tờ báo KHÁNH HÒA.

Anh đưa tôi đến trước cổng trường VÕ TÁNH uống cà phê.

Chính lúc này anh ký họa cho tôi bức hình, quá nét, tôi đã dùng nó cho nhiều sách của tôi sau này.

Anh đưa tôi về nhà, lục trong tủ sách, lấy ra tập thơ NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU cuối cùng còn lại.

Sau này tôi khoe và tặng cho nàng góa phụ cô đơn, là nàng thơ của nhiều bài thơ tình hết sảy con cào cào.

Điều này tôi có nói tới trong bài 25 NĂM TRỞ LẠI NHA TRANG, mà vua truyện ngắn LÂM CHƯƠNG khen hết lời và tặng tôi tô phở HÒA, thay giải NOBEL văn chương.

Qua Mỹ lâu lắm, tôi mới bắt liên lạc được với anh.

Ngày nghe tin anh bệnh, tôi có gửi tặng anh \$100.00. Anh cảm động lắm. Chị vợ, đi nói với một bà láng giềng Bắc kỳ 1975, bà này có bạn Facebook của tôi một thời gian, chị ca ngợi hành động của tôi và sau đó im luôn.

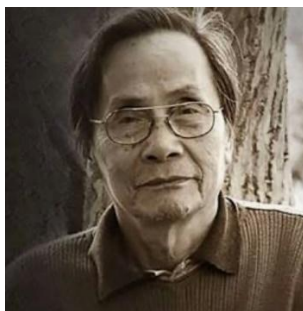
Lâu sau ngày họa sĩ mất, tôi mới biết, nghe nói con anh ở Sài Gòn thành công trên con đường nghệ thuật như anh.

Đúng là hổ phụ sinh hổ tử.

Thôi thì, rồi cũng gặp nhau hết dưới mộ chí hay suối vàng.

Phải thế không TÔ ĐÌNH SỰ, NGỌC THÙY KHANH, THANH HỒ - những bạn thơ một thời quá vãng.

14. NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH TOÀN, TÔI VÀ NHÀ HÀNG KIM SƠN



Tôi là đàn em của ông ấy, dù ông ấy có cho tôi làm đàn em của ông ấy hay không.

Nhưng tôi nghĩ ông ấy không từ chối. Có mát mát chi mô.

Khi ông ấy có **MẬT ĐĂNG** (thơ), **HAI CHỊ EM HẢI** (truyện) và sau này **ÁO MƠ PHAI** (truyện) thì tài sản của tôi chỉ là vài bài thơ học trò ve gái.

Tôi gặp được Ông và ngồi chung bàn uống cà phê với ông lần đầu tiên là khi ông về thay **DƯƠNG KIÊN** làm **CHỦ BÚT** tạp chí **VĂN HỌC** do **PHAN KIM THỊNH** làm **CHỦ NHIỆM**, tòa soạn tại số 61 đường **LÊ VĂN DUYỆT**, đoạn nhìn vào công viên **TAO ĐÀN**.

Tôi chia tay ông, về Nha Trang, ra biển, tập làm người "điên" như **BÙI GIÁNG**, như **SAO TRÊN RỪNG**, như **PHẠM CÔNG THIỆN**, như **THẾ PHONG**.

Năm tháng tiếp theo, tôi đi bụi đời. Nghĩ mình đẹp trai, có máu văn chương, đã xuất bản tập thơ **NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU**, đã chọc giận được **SAO TRÊN RỪNG**, gặp đàn bà, con gái, người nào đẹp bắt mắt, tôi đều yêu, đều tỏ tình yêu.

Hẳn nhiên, có người đồng ý yêu tôi, như yêu một thằng điên, cho vui.

Cũng có người từ chối.

Và cứ thế, tàng tàng, ngày lại ngày.

Năm 1966, tôi làm timekeeper cho hãng thầu RMK - BRJ tại phi trường BỬU SƠN, Phan Rang.

Mỗi chiều thứ tư lãnh lương, vừa bước xuống xe là bạn bè đã chờ sẵn: TÔ ĐÌNH SỰ, CHU TRÀM NGUYỄN MINH, NGỌC THÙY KHANH, TRẦN HỮU NGŨ..., những nhà thơ “lớn” tinh lẻ, quàng vai nhau vào nhà hàng, quán nhậu.

Vì rằng: “TRỜI SINH RA BÈ BẠN, ĐỂ QUÀNG VAI ẤM ÁP CUỘC RONG CHƠI” (thơ Nguyễn Bắc Sơn).

Cũng năm đó, nổ ra phong trào thanh niên, sinh viên HUẾ/ SÀI GÒN chống MỸ, ĐỐT XE MỸ.

Tôi bị mặc cảm phạm tội khi chính mình lại đi làm cho sở MỸ.

Tôi bỏ việc về SÀI GÒN lang thang.

Một chiều thứ bảy nọ, vào quán cà phê La Pagode, tôi gặp lại ông, Nguyễn Đình Toàn.

Sau khi chào hỏi nhau xong, ông mời tôi sang ngồi chung với ông.

Tôi được giới thiệu người đàn ông bên cạnh là nhà văn NGUYỄN XUÂN HOÀNG.

Tôi lại im lặng trước hai ĐẠI CA VĂN CHƯƠNG.

Tôi còn nhớ trong tay NGUYỄN XUÂN HOÀNG cầm mấy trang bản thảo của một truyện ngắn có tựa đề MÂY VÀN VŨ.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG chia tay trên chiếc Vespa, nói là đem truyện lên cho TRẦN PHONG GIAO.

Còn lại tôi và Ông.

Ông hỏi tôi có rảnh không, qua đài phát thanh PHÁP Á đường PHẠM NGŨ LÃO, xem chương trình nhạc chủ đề thu thanh giới thiệu tiếng hát của BÍCH HỢP.

Hẳn nhiên là tôi OK.

Khi vào đến đài, bà BÍCH HỢP vào phòng thu âm, tôi và ông vào phòng bên ngoài, cách ly bằng một bức tường bằng kính.

Hôm đó, chương trình NHẠC CHỦ ĐỀ giới thiệu một BÍCH HỢP của TÂN NHẠC với nhạc phẩm ĐƯỜNG XƯA LỐI CŨ của nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ.

Phòng bên này, nhà văn nói lời giới thiệu xong, bên kia phòng BÍCH HỢP cất tiếng hát.

Tôi còn nhớ phong thái, dáng bộ và giọng nói của Ông.

Hai tay chấp sau lưng, đứng thẳng, mặt ngẩng cao và cất tiếng nói:

“Hôm nay, chương trình NHẠC CHỦ ĐỀ giới thiệu BÍCH HỢP. Một BÍCH HỢP của TÂN NHẠC, chứ không phải một BÍCH HỢP của CHÈO, CÁI LƯƠNG của HÀ NỘI nhiều thập niên trước.

Nhiều thập niên trước 1954, HÀ NỘI là của BÍCH HỢP, BÍCH HỢP là của HÀ NỘI.

Đêm đêm, tiếng CHÈO, CÁI LƯƠNG, VỌNG CỔ của BÍCH HỢP vang xa, lan rộng, khắp phố phường từ NHÀ HÁT LỚN HÀ NỘI.

Hôm nay, người NỮ NGHỆ SĨ của chúng ta, BÍCH HỢP, sẽ trở qua TÂN NHẠC với nhạc bản ĐƯỜNG XƯA LỐI CŨ.

ĐƯỜNG XƯA LỐI CŨ, ĐƯỜNG XƯA LỐI CŨ...

Và bên kia, BÍCH HỢP cất cao tiếng hát.

Cũng hôm đó, tôi được chiêm ngưỡng vẻ đẹp thơ ngây, trẻ con, hồn nhiên của những QUỲNH GIAO, HOÀNG OANH, HỌA MI, họ đến cho chương trình THIẾU NHI tiếp theo sau.

Trên đường trở lại cà phê CÁI CHÙA, tôi nói với nhà văn:

“CHIỀU NÀY EM MỚI NHẬN 3.000 TIỀN NHUẬN BÚT BÊN NHẬT BÁO TIN SÁNG CỦA NGÔ CÔNG ĐỨC. HAI ANH EM MÌNH TÌM ĂN MỘT CÁI GÌ ĐÓ”.

Ông dẫn tôi vào nhà hàng KIM SƠN, gần cạnh LA PAGODE cà phê.

Từ lâu, KIM SƠN, với tôi là CÀ PHÊ VĨA HÈ những chiều cuối tuần, từ đơn vị về phép, ĐỂ RỬA MẮT.

Bên trong KIM SƠN là gì, tôi không biết.

Với tôi là CÔM VĨA HÈ, HÀNG QUÁN BÌNH DÂN, là CHỢ BẾN THÀNH, là HÈM NGUYỄN THIÊN THUẬT.

Vào nhà hàng, ngoài vấn đề tiền bạc CHẶT, CHÉM còn là VỤNG VỀ TRONG VIỆC CẦM MUÔNG và ĐĨA, MẮT TỰ NHIÊN, THOẢI MÁI trong ăn, uống.

Ông hỏi tôi SƯƠNG BIÊN THỦY muốn kêu gì?

Bấy giờ không gọi là "order". Tôi nói tùy anh.

Ông gọi cho mỗi người MỘT CON GÀ NHỎ RÔTI (loài gà sau này qua Mỹ, như gà TYSON giá từ 3 dollar).

Cái tôi lo, là không biết với 3.000 có đủ cho buổi ăn hay không?

Khi người bồi bàn tới hỏi có dùng thêm bia không, tôi nói với anh, với em là đủ, anh nên gọi thêm cho anh.

Anh TOÀN gọi thêm chai thứ hai.

Với tôi, nói như thi sĩ NGUYỄN BẮC SƠN, mấy chục chai "đồ bỏ", hướng gì mới một chai, nhưng tôi lo sợ là không đủ tiền trả thì mất mặt.

Khi trả tiền xong, thì ra CÒN LẠI RẤT NẶNG TAY.

Sau này tôi hối hận là mình mất dịp thể hiện lòng ái mộ với đàn anh văn chương.

Hai anh em trở lại CÀ PHÊ CHÙA.

Anh kể cho tôi nghe chuyện tình của bà BÍCH HỢP thời vàng son ở Hà Nội mà tôi không nên nói ra.

Chúng tôi chia tay trước giờ Sài Gòn giới nghiêm.

15. NGHIÊM NGỘ LANG, CHÁU TÔI



Những năm trung học đệ nhất cấp trước 1975, cháu chậm chạp, ngu ngơ, lù khù.

Đôi người nói cháu bị chạm điện, té giếng, điện giật. Cháu tỉnh bơ, cứ như người Sài Gòn.

Nhưng sau 1975, khi có trong tay cái bằng trung cấp kế toán, cháu về Cà Mau làm thư ký kế toán cho một cộng ty xuất khẩu gạo, sau lên làm phó giám đốc, Cổ nhân nói không sai, cháu ôm cái lu mà chạy.

Mẹ cháu em tôi.

Cha cháu, Nghiêm Sỹ Anh, giáo sư Anh văn Trường trung học Nguyễn Hoàng, Quảng Trị.

Sau khi mẹ cháu tốt nghiệp trung cấp ngành Lâm sản, nhận nhiệm sở Ty Lâm nghiệp Phan Rang, cha cháu con đực theo con cây, vào Trường Duy Tân, Phan Rang.

Lúc này tui đi lính, tui hết biết những gì sau đó.

Lang có ông bác là Nghiêm Sỹ Tuấn, bác sĩ quân y, cây viết chủ lực của tạp chí Y KHOA, với TRANG CHÂU và những cây viết dạng không vờ.

Ông hy sinh tại mặt trận Khe Sanh trước mùa hè đỏ lửa.

Khi nghe cháu về Cà Mau, tôi sợ cháu bị muỗi ăn thịt, tôi gọi phon cho cháu xin địa chỉ để tặng cháu \$200.00.

Nhưng cháu nói, bác gọi cho mẹ cháu, cháu không cần.

Lang gốc miền Bắc di cư 1954, nên gọi tôi bằng bác thay vì cậu.

Sau này nghe tin công ty của cháu thua lỗ, phá sản, tôi mừng hóm.

Vì rằng thì là, khi một công ty quốc doanh thua lỗ là lúc tiền đã vào trong nhà giám đốc, cháu tui là phó, chắc cũng có chút cháo, mười mười tửu thôi.

Điều này tôi làm thầy bói, trúng trật, không bao đảm.

Bây giờ cháu và vợ, hai con, nhà hai tầng, trung tâm thành phố.

Vợ công nhân viên, chồng bán cà phê, nước giải khát.

Một người, xưa lù khù, nay vác cái lu.

Cổ nhân nói hơi bị đúng.

Lù khù ôm cái lu mà chạy.

Tết này cháu tự lái xe vào Sài Gòn thăm nội ngoại.

Tôi mừng, vì tưởng cháu có xe, nay mai làm Việt kiều về nước, có cháu làm tài xế đi uống bia không ôm.

Nhưng cháu nói xe mượn của ông anh vợ. Ông, đại lý buôn xe.

Sẽ không có bài viết này, Nghiêm ngộ Lang, cháu tôi. Nhưng tháng 7-2023 vừa qua, cháu làm một việc làm tôi sợ, từ đó tôi thương cháu xiết bao.

Hàng năm, quê tôi có ngày Chạp mả vào giữa tháng 6 ta. Năm nay, cháu thay mẹ về ngoại dự.

Như mọi người, cháu quần jean, áo pull, mũ tai bèo, cầm cuốc làm cỏ trên các mộ chí.

(Lang ơi, cậu đang khóc đây).

Trước lúc cháu và bà chị dâu tôi về, tôi không biết.

Tôi gọi cháu qua messenger, hỏi cháu có tiền không, cho cậu mượn vài triệu, cậu trả cháu khi về.

Lang nói, cậu thoải mái.

Trạng chưa.

Cháu cho cậu mượn 2 triệu tặng anh chị Mạch và 1 triệu mua hoa quả, nhang đèn cúng ông bà.

Vài ngày sau tôi nhớ 2 cậu em con bà O, em gái cha tôi. Tôi không thể không nghĩ tới.

Tôi hỏi Lang còn tiền không?

Lang nói cậu thoải mái.

Trạng chưa.

Tôi nói cho cậu mượn 4 triệu.

Hai cho mỗi người, PHÚC và HẠNH.

Lang nói cậu xem lại, cháu thấy cậu Hạnh khá giả lắm. Tôi nói Hạnh khá, mừng cho Hạnh, nhưng cái tình anh em, cậu phải lo.

Vậy là, cái thằng cháu lù khù ngày xưa, nay cả một lu tiền. Vậy trước sau, tôi mượn cháu 7 triệu.

Cháu cũng cho tôi biết, phần cháu, cháu cũng ủng hộ nhà thờ 1 triệu 500 ngàn.

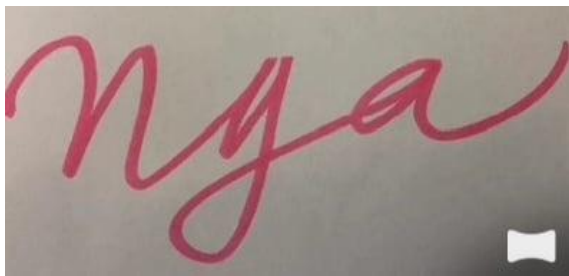
Điều này làm tôi sợ cháu.

Tôi là cậu, tôi ở Mỹ, tôi 1 triệu, trong khi cháu 1.500.000, cháu VIỆT NAM.

Nên sau khi cháu về lại Phan Rang, qua hệ thống MONEYGRAM, tôi gửi cháu \$400.00, trên 9 triệu, và nói với Lang, cậu tặng lại cho cháu tiền cháu đã cúng ông bà.

Lang ơi, cậu hết khóc rồi.

16. NGUYỄN THỊ LƯƠNG NGA, THƠ LÀM TỪ MỘT GIẤC MƠ



1/ Có thể là Nga, cũng có thể dì Nga.
Cũng có thể là Nga hay em yêu dấu và em yêu dấu.
Cũng có thể là Nga, là nàng hay là thiếp.
Sao không là ái khanh, ai cấm cháu gọi là dì.
Bởi sự thế, chỉ có hai người biết.
Và Đà Lạt, nếu không bỏ chạy đêm 1 tháng 4-1975,
một thiên tình sử ra đời là điều không thể tránh.

2/ 49 năm qua, anh vẫn gọi tên em hằng đêm là Nga,
góa phụ cô đơn.
49 năm em hằng hằng hiện hữu trong trái tim anh, thi sĩ.
Em bất diệt và em bất biến.
Cháu luôn nghĩ tới dì, hổ thảm trong tim.
Và cháu tự nguyện ném mình xuống, lấp đầy hổ thảm.
Đà Lạt bỏ chạy, giấc mơ thần tiên bắt tại.

3/ Anh còn nợ mình một lọ nước hoa, một thỏi son môi
và những hoàng hôn Than Thở, bình minh Thung Lũng
Tình Yêu.

Anh còn nợ mình những vòng tay ôm, những bàn tay
xiết và những nụ hôn, không thể mặn nồng hơn.

Trẫm còn nợ Ái Khanh chiếc áo dài hoa, màu trắng , trẻ
trung hơn lòng góa phụ.

Chưa kịp may, Đà Lạt di tản.

Trẫm còn nợ Ái Khanh những xuất phim Hòa Bình,
chưa kịp lấy vé, Đà Lạt bỏ chạy.

Trẫm còn nợ Ái Khanh,

Trẫm còn nợ Ái Khanh,

Có còn không, kiếp nào sẽ trả.

4/ Anh nhớ Nga, giữa tiếng thông reo, vi vu, gió thoảng,

Anh nhớ Nga, giữa rừng hoa, mùi thơm Bích câu,

Anh nhớ Nga, giữa thác đổ Prenn,

Anh nhớ Nga, giữa con nước ầm ầm Cam Ly, thác,

Anh nhớ Nga, đôi thông hai mộ,

Anh nhớ Nga, Thủy Tiên, Duy Tân, Palace,

Lỡ những hẹn hò,

Phải thế không Lương.

5/ Nga ra đi, mang theo những dòng lệ sót,

Nga ra đi, mang theo nỗi cô đơn tiền kiếp,

Nga ra đi, mang theo miên viễn, hỏ thăm tâm hồn.

Nga ra đi, mang theo những ước mơ chưa toại.

Nga, Nga, anh yêu em.

Nga, Nga, cháu yêu dì.

17. NHÃ CA, NHÀ THƠ, EM YÊU CHỊ



Tôi biết hấn.

Hấn và tôi, anh em, khác cha mẹ, nhưng cùng gọi một ông trời bằng ông.

Hấn, tôi, đều dân nhược tiêu, nên hết Nhật, Pháp đê đầu cười cỏ, nay đến CỘNG SẢN.

Một thằng bạn là Mỹ thì chơi trò đêu, khi vui thì ở, khi buồn thì rút.

Hấn là nạn nhân của ông trời và bà Nhã Ca.

Ông trời sinh nó, pha chế liều lượng như thế nào, tôi không biết. Những gì tôi biết là nhiều hơn những người khác.

Nên vì vậy, hấn bị bệnh yêu lung tung. Yêu bỏ ăn, bỏ ngủ, suốt ngày chỉ ngồi làm thơ.

Vì vậy, nhà thơ - dịch giả ĐỖ TU NGHĨA, người qua đời đã một năm nay, nói Lê Văn Chính là người làm thơ nhiều nhất tỉnh Quảng Trị.

Mà hấn làm thơ nhiều thật.

Nhưng nhiều mà có hay hay không, mới là vấn đề.

Mỗi lần làm xong một bài thơ, hấn đi bộ ra Bru điện gởi vào SÀI GÒN, vì hấn nghĩ nếu chậm, Sài Gòn không có thơ lên báo.

Ngày nào hấn làm 5 bài thơ là hấn 5 lần ra bưu điện, khoảng cách là 1 km.

Thấy ai đẹp, hấn đều yêu. Lỗi này tại ông trời, đừng đổ thừa cho hấn.

Mà không chỉ một mình hấn, mà là thằng nào làm thơ, đều như rứa.

Một duộc.

Bệnh tật như Hàn Mặc Tử, Bích Khê cũng bày đặt ôm 4, 5 bà.

Hấn còn khỏe, rất khỏe là đặng khác, hấn ôm 5, 7 bà, có chi mô nà.

Hấn hư là tại ông trời.

Hấn cà chớn là tại ông trời.

Và... cũng tại bà Nhã Ca.

Sao lại chọn đăng thơ hấn trên tuần báo NGÀN KHÔI.

Rồi bày đặt in thêm tám chân dung của hấn, cạnh bài thơ.

Hấn không lên con sao được.

Lên con diên, vì sượng.

Sượng quá, hấn đem khoe với bạn bè, tao đã lọt được vào mắt xanh thi sĩ Nhã Ca, Trần Thị Thu Vân.

Mà tám hình đẹp khủng khiếp.

Hình chụp hấn nằm, úp mặt xuống giường, nhắm mắt như một người chết, như xác chết trên cao nguyên.

Bài thơ có tựa đề là TĨNH VẬT, viết về anh hùng Nguyễn Thái Học.

Hấn chỉ nhớ mấy câu.

"Hương nằm trong cát,

Cát nằm trong lư,

Chân dung Nguyễn Thái Học,

Nằm ngoài vàng son.

Chân dung Nguyễn Thái Học,

Nằm ngoài vàng son".

Bài thơ hấn trách móc đời, trách móc người, đã không nhớ, đã quên công lao của tiền nhân, của những người anh hùng.

Dù có hương, có lu hương, nhưng chân dung người anh hùng, cũng nằm ngoài vầng son.

Nhã Ca, em yêu chị,

Hấn nói, không phải bây giờ, ở tuổi 82, mà hấn nói, khi đã qua đây thì được mấy ngày.

15 hay 16 gì đó.

Trong thời gian này, hấn hay nằm mơ.

Lúc thì đấu súng, lúc thì đấu kiếm, lúc thì thi bơi, lúc thì chạy bộ.

Với nhà thơ có thơ hay lắm, là Trần Dạ Từ.

Mà những lần thi như rứa, trọng tài lại là bà Thu Vân Trần Thị.

Lần đầu đấu súng, súng không có đạn.

Lần sau, nòng súng bị vẹo.

Lần tiếp theo, bà trọng tài vào nhà hộ sinh.

Từ đó, trò đấu súng, dẹp.

Không đấu súng, chuyển sang đấu kiếm.

Nhưng cũng bất thành, vì kiếm, order bên Congo, nhưng bên đó bị động đất,

Nên hợp đồng bị hủy.

Dần dà, mỗi thù không đội trời chung, giữa hai "thi hào" cũng nguôi ngoai.

Được biết, nay ông bà đang hưởng già bên Thụy Điển, hấn đã book vé sang thăm, quỳ lạy bà, tha thứ cho hấn, con nít mà yêu tào lao.

Bày đặt mâm non, lại thích yêu mâm già.

Lẽ nào trong văn giới, cũng có phi công trẻ lái máy bay bà già.

Thơ của hấn ngày xưa, rất lâu lắm rồi, cho nàng:

"Anh gọi tên em cho đỡ nhớ,

Trần Thị Nhã Ca,

Trần Thị Nhã Ca.

Anh gọi tên em hàng đêm,

Anh gọi tên em hàng đêm,

Trần Thị Nhã Ca”.

Thơ Nhã Ca xuất hiện lần đầu trên tạp chí HIỆN ĐẠI số 1 của nhà thơ NGUYỄN SA.

Tôi còn nhớ hai câu và ôm nó suốt hơn 60 năm, chỉ vì, em yêu chị.

"Bầy chim én cũ qua thành phố

Về gọi thời gian vỗ cánh bay”.

Có người nói, không có Trần Dạ Từ, không có Nhã Ca.

Sai. Trật lất.

Công bằng, công tâm mà nói, không có Trần Dạ Từ, cũng có một Nhã Ca, nhưng là một Nhã Ca khác, chưa biết ra rãng, bây giờ.

Nhưng nhờ có Trần Dạ Từ, mới có một Nhã Ca của hôm nay.

Chúc hai ông bà, những ngày cuối đời, viên mãn bên xứ trời Tây, Thụy Điển.

Bù lại những năm tháng khổ ải trong ngục tù CỘNG SẢN.

Việc hẩn book vé sang thăm, không có mô.

Hẩn nói dóc, nói trạng đó, Khùng thi sĩ mà.

Nghe lời nó, có ngày bán cái chi đó.

Việc lo tiền in sách tặng, đã đủ cho nó bỏ hơi tai rồi.

Không có chuyện em book vé sang thăm chị mô.

NHÃ CA, em yêu chị.

Tôi viết theo trường phái văn chương “NGÃU HỨNG,” do vậy, tôi có thể viết tới Tết CONGO, vẫn chưa xong.

Vậy thế nào là trường phái văn chương NGÃU HỨNG.

Tôi còn nhớ đã lâu lắm, tôi có đọc một bài viết hay một cuốn sách, nói về trường phái này, mà lâu lắm rồi tôi không thấy ai nhắc lại, không thấy báo bài nào nói tới.

Trường phái này có nghĩa là:

Anh có thể viết, không cần có gì trước trong đầu, không cần gì phải suy nghĩ lung tung.

Anh vào bàn viết vô tư với cái KHÔNG, khi bắt đầu viết.

Nhưng khi anh bắt đầu viết, là bắt đầu có chuyện, là khởi cuộc đao binh.

Cái gì đến trước, anh viết trước, và tuân tự anh viết những cái đến sau.

Ví dụ, anh đang diễn tả một cuộc mây mưa, rồi chợt đến trong đầu anh, ý nghĩ sư NHẤT HẠNH có vợ con, anh viết về ông ta, tu mà dâm, tu mà mê gái.

Rồi trong đầu anh, nhảy tới trận bóng đá nữ hay máy bay về VIỆT NAM.

Nghĩa là “ngẫu hứng”.

Đó là trường phái văn chương “ngẫu hứng” mà, và “NHÃ CA, em yêu chị” là một thử nghiệm.

18. NHA TRANG, 25 NĂM TRỞ LẠI



Hai mươi lăm năm qua, tôi đã để lại thành phố này một đứa con, không biết trai hay gái, tên nó là NỖI BUỒN NHƯỢC TIÊU.

Hai mươi lăm năm qua, tôi đã lưu lạc giang hồ.

Tôi chọn cho mình giang hồ và đời bắt tôi lưu lạc.

Hai mươi lăm năm qua, tôi đã sống tưởng chừng như tôi đã chết.

Hai mươi lăm năm qua, tôi đã đi nhiều nơi và tôi đã làm nhiều việc. Những nơi tôi đã đến là cùng hang cùng ngõ, từ Bắc chí Nam. Nơi có núi có sông, có thác có ghềnh, có đỉnh cao vực sâu. Có lạnh như dao cắt và nóng như lửa đốt. Có bom đạn ác liệt và tình yêu nên thơ. Có đau đớn thể xác và ngây ngất dục tình. Có máu chảy và nước mắt rơi. Có máu tươi ngọt, u uất và nước mắt đốn đau, hạnh phúc. Có thủy chung và có phản bội. Có nước mắt trẻ thơ và nụ cười tuổi già. Có sự sống và có cả cái chết. Có tiếng gió vi vu của thông và tiếng rì rào của sóng. Có tiếng gầm thét của đại bác và tiếng thở hân hoan của khoái lạc. Có Đà Lạt hoa và Hoàng Liên Sơn tai mèo, núi.

Có tất cả. Có tuột luột.

Những việc tôi đã làm là tùm lum tà la.

Nhớ không hết.

Nghĩ mệt óc.

Viết tón giấy.

Duy có một điều, tôi không thể nào quên. ĐÓ LÀ LÀM THƠ.

Làm thơ trong lúc cày ruộng, nghĩ trong đầu, thuộc, tối về chép lại.

Làm thơ bên bếp lửa, giữa giờ giải lao, trên bao thuốc lá Sông Cầu, giữa cơn lạnh mùa đông Yên Bái.

Làm thơ lúc đang tắm cho heo, tay chà, đầu nhớ.

Làm thơ trong lúc bụng đói còn cào, phải uống nước lạnh, để đánh lừa bao tử ở Lào Cai.

Làm thơ lúc hân hoan vì trước mặt có thịt, cá, bánh chung ba ngày Tết ở Vĩnh Phú.

Làm thơ lúc phá rừng trồng sắn, lúc leo núi dẫn tre, lúc lội sông gánh nước.

Làm thơ lúc gánh củt tưới rau, sau đó biết mình thành công, vì thơ làm ra không thú.

Chẳng hạn như những câu thơ dưới đây, có thú đâu:

*“Trời trong xanh buổi sáng hôm nay,
Soi xuống hố phân, thấy mặt mình vẫn còn tươi sáng.
Còn nét thơ ngây, còn dáng hình người.
Chưa có gì ra vẻ đười ươi.*

*Hồi những cục phân còn xác bắp cọng rau,
Trôi lênh bênh, giữa bầy giòi bọ,
Trông các em, thân quá làm sao,
Giữa đời ta, chuỗi ngày lem lọ.*

Đại khái, đại để, đại loại, là như thế.

Hoặc nữa, làm thơ vào buổi sáng, giữa núi rừng, lúc mặt trời mọc, trong gió mát, trời thanh, bình minh dậy.

Làm thơ vào giữa trưa, dưới cánh đồng, lúc nắng chang chang, mồ hôi nhễ nhại, mệt lả.

Làm thơ vào buổi chiều, công việc trong ngày đã xong, đôi vai nhẹ tênh, thơ thới.

Làm thơ vào ban đêm, rệp cắn, muỗi đốt, người nằm, chật như cá hộp.

Đại khái, đại để, đại loại, là như thế.

Hoặc nữa. Nhưng thôi.

Và, đã có lần tôi sém chết vì thơ. Nhưng đã có, rất nhiều lần, tôi sống được nhờ thơ.

Làm thơ và ngay cả những bài thơ làm ra, quả tình có một điều gì thật kỳ lạ.

Và cũng là một điều thật kỳ lạ, là khi anh làm thơ, anh phải thiết tha, đam mê, yêu một cái gì đó.

Một cái gì đó, có thể là quê hương anh dẫu yêu, lý tưởng anh tôn thờ, hay là một nhan sắc người tình, một dáng đàn bà trẻ con, nổi cô đơn góa phụ, một thoáng qua tuyệt vời yêu dẫu, mà anh yêu, tưởng chừng như có thể chết đi được...

Phải thế không, họa sĩ Thanh Hồ?

Thanh Hồ, tôi gọi tên anh ngày trở lại, sau hai mươi lăm năm, là vì hai mươi lăm năm qua anh đã cất giữ giùm tôi một đứa con, mồ côi mồ cút.

Nếu không có anh, thì nó đã không còn. Và không nhờ có anh, tôi là cha nó, đã không còn cơ hội nhìn lại mặt nó, con của tôi, **NỖI BUỒN NHƯỢC TIÊU**.

Tôi cảm ơn anh.

Tôi phải cảm ơn anh, vì một lý do khác nữa là ngày đó đã hai mươi lăm năm rồi, tôi rách nát làm sao.

Tôi đâu có làm thơ được, tôi đâu có in thơ được, nếu thiếu đi những ly cà phê, những gói thuốc lá thì đời buồn lạ. Nhưng anh đã tiếp tế cho tôi, thường xuyên, đều đặn để tăng nguồn cảm hứng lúc sáng tác, dẫu con con nhưng cần thiết biết bao, cho một gã làm thơ, cho một đời thi sĩ.

Ngày đó, đã hai mươi lăm năm rồi, khi trở lại trên mỗi bước chân đi, dẫm lên đá cuội, trong công viên, dẫm lên cát mịn, dọc bờ biển biếc, trắng xóa bọt sóng, gió từ khơi xa phả hơi mặn lên mặt người..., tôi nhớ lại như vừa mới đây, như vừa mới hôm qua, chúng ta...

Thế mà, đã lâu lắm rồi. Ngày xưa. Đã hai mươi lăm năm. Đã một phần tư thế kỷ. Khiếp thật.

Phải thế không Thanh Hồ?

Phải thế không Thanh Hồ, đã hai mươi lăm năm qua.

Đã hai mươi lăm năm qua.

Nhìn lại. Mất. Còn. Được. Có. Không. Những gì.

Nó-đã-là-như-thế thì nó-phải-là-như-thế.

Nhưng mà, liệu chúng ta, có lẽ nào để cho nó mãi mãi là như thế được. Trong chúng ta, ngày đó, giờ còn lại mấy ai.

Bạn bè đã xa.

Có đứa đã chết.

Có đứa đã điên.

Người còn vật vờ.

Giờ là lúc, không khiếp sợ, không trách móc, không chạy trốn.

Ai hay ai dở đã biết.

Ai còn ai mất đã rõ.

Ai đúng ai sai đã tường.

Giờ không còn là lúc mọi người nguyên rửa nhau.

Phải thấy được cái đúng cái sai của chính mình, để mà lo liệu, để mà nghĩ tới quê hương.

Tất cả chúng ta đều là những kẻ chiến bại trước sự nghèo đói của nhân dân. Trước quê hương khổ đau, chúng ta đều có tội, dấu chúng ta khoác cho nhau màu áo nào.

Thanh Hồ ơi, tôi đã muốn khóc.

Thì ra, tôi còn mềm lòng quá nhỉ.

Và, tôi đang khóc đây.

Trong tôi, từ cha sinh mẹ đẻ, chưa bao giờ, không bao giờ có lòng thù hận.

Ngày xưa đã một thời tôi cảm sung, vì tôi không thể không cảm sung. Ngày xưa, anh em bạn bè tôi đều làm như thế, tại sao tôi lại không.

Tách mình ra khỏi số phận chung là điều tôi không muốn.

Và lại, bấy giờ chiến tranh với tôi như một trò chơi, nói theo ý thơ của một người bạn tôi, nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn:

*“Chiến tranh này như một trò chơi
Suy nghĩ làm gì cho hao tâm tổn khí”*

Do đó, nếu lên được thiên đường một mình, tôi cũng không lên.

Buồn lắm, nhớ bạn bè quá, lấy ai để *“quàng vai ấm áp cuộc rong chơi”* (thơ Nguyễn Bắc Sơn).

Và bây giờ chúng ta còn sống.

Vậy thì, xin thưa với những người đã chết, rằng thì là, lỡ đã chết, dẫu với lý do nào, thì xin cứ hạnh phúc ngủ yên.

Tôi nói hạnh phúc ngủ yên, vì rằng chết được cũng là điều hạnh phúc. Vậy thì, xin đừng về quây chúng tôi nữa.

Và những người còn sống, dẫu vì lý do nào mà chưa chết được, xin đừng quên cái giá phải trả, trước tương lai dân tộc và lịch sử giống nòi.

Vì rằng, CON NGƯỜI, DÂN TỘC và LỊCH SỬ là một quan tòa nghiêm minh lắm, sẽ không tha thứ cho những ai đã sống mà không sống ra hồn người.

Nước mắt và trái tim tôi đây, ngày trở lại sau hai mươi lăm năm, xin trao tặng quê hương và bạn bè.

19. NHÀ THƠ NGUYỄN NGUYỆT, MỘT NHAN SẮC THI SĨ



1.

Nguyệt làm thơ.

Nguyệt không làm thơ mới là điều lạ.

Nhưng Nguyệt đã làm thơ, không chỉ 1 bài, 1 tập thơ, mà những 4 tập, 1 hồi ký và 3 tập thơ.

- *Tuổi Thơ Sôi Nổi, hồi ký*

- *Chim Cánh Cụt Mẹ*

- *Tiếng Đàn Xưa*

- *Ngõ Đá.*

Với hồi ký *Tuổi Thơ Sôi Nổi*, mà Du Tử Lê, ông đã tận tình mổ xẻ từng ngọn nguồn, con chữ và ý tưởng.

Điều này, chẳng phải là một vinh dự cho Nguyệt, đó sao.

Ba tập thơ, gồm trên 300 bài thơ.

Trong và nơi đó, ở đó, Nguyệt đã cho ngòi bút của mình, chu du trăm cõi, qua các nẻo can qua, vùng quê nhà, từ Pháp qua Việt Minh và ngược lại, của một thời xôi đậu, ngày quốc gia đêm CỘNG SẢN.

Điều khủng khiếp hơn là những biến động lịch sử đó đã được ghi dấu vào ký ức, khi cô bé Nguyệt mới 5 tuổi và kéo dài tới lúc người con gái xinh đẹp Tiên Phước, mà có lúc trông chừng như dân Hollywood, có chàng trai lạ đón về dinh, rồi tới lúc Nguyệt cho ra đời 4 con gấu con, Nguyệt vẫn còn làm thơ như say, làm thơ tới chết, mà bài thơ mới nhất SAY THƠ như một TUYÊN NGÔN THƠ. “SAY THƠ VÀ SẼ CHẾT VỚI CÔI THƠ”.

2.

Người đàn bà đó không làm thơ mới là chuyện lạ.

Thơ của bà không mênh mông trời biển, không bát ngát trăng sao, cũng là lạ, mới lạ.

Vì rằng ngay từ lúc mới sinh, trong chuỗi ngày thơ ấu, tâm hồn bà đã được tắm đẫm giữa bát ngát hồn thơ, ca dao, mênh mông thi phú.

Thêm vào đó, dòng tộc nội ngoại bà không là dạng vừa.

- “Ông nội một đời làm lý trưởng nhân đức, hiền hậu.

Trong làng, xã ai cũng thương yêu ông hết mực”.

- “Ông ngoại làm thầy thuốc Bắc”.

- Bà nội tôi con nhà gia thế, bà có cốt cách kiêu sa, con nhà đài các.

- Về làm vợ ông nội tôi, lý trưởng, thương dân nghèo, đã mua đất cho dân.

- “Riêng cha tôi, thì làm Hương bộ, được tước Cửu phẩm và nghề chính là dạy học.

Cha thường ru tôi ngủ bằng những bài ca dao tí tì tì. Phụ tình phàn hoặc ngâm thơ của cụ Huỳnh Thúc Kháng.

Cả 4 đứa con vây quanh để nghe cha ngâm bài thơ *LUU BIẾT* của cụ Huỳnh Thúc Khang, mà đến bây giờ tôi còn thuộc:

Trăng trên trời có khi tròn khi khuyết,

Người ở đời sao khỏi tiết gian nan.

Đáng trọng phu tùy ngộ nhi an,

Tổ hoạn nạn hành hồ hoạn nạn.
Tiền lộ định tri thiên hữu nhĩn,
Thâm tiêu do hứa mộng hoàn gia,
Mấy nhiều năm cũng vẫn chưa già.
Nọ núi Án, này sông Đà,
Non sông ấy còn chờ ta thêu dệt.
Tụ tán chẳng qua là tiểu biệt,
Ngựa Tái Ông họa phước biết về đâu.
Một mai con tạo có cơ cầu,
Người bốn bể vẫn nằm trong bầu trời đất cả.
Ư bách niên trung tu hữu ngã.
Dầu bể cạn, sông khô, trời nghiêng đất ngã,
Tấm lòng vàng tạc dạ vẫn không mòn.
Trăng kia khuyết đó lại tròn.

(Huỳnh Thúc Kháng)

Người đàn bà, sinh ra và lớn lên trong môi trường đó, không thể không làm thơ và chắc hẳn thơ bà phải có hơi hướm của tiền nhân, tiền tổ.

Người đàn bà đó, có tên trong khai sinh, trong sổ bộ đời, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

Trên đây là bối cảnh, tương quan giữa những con người trong gia tộc làm nên hồn vía thơ của Nguyệt.

Sau đây là môi trường, không gian sống, làm cho chất liệu thơ khai mở.

- “chung quanh nhà cha mẹ trồng rau, ớt, cà.
- những đám ngò gai thơm phức, cà tím, cà trắng, cà pháo ra hoa đủ màu.
- giàn mướp bên ảng nước trái thòng xuống đất, hoa vàng rực rỡ, ong bướm tung bưng bay hút mật.
- trước sân nhà có cây thanh trà, đến mùa hoa ra đầy cành thơm ngát một vùng.
- gió buổi sáng hây hây, nắng đã hồng như những sợi tơ trời óng ả bay xiên xiên, hoa bưởi rơi bay theo chiều gió”.

Trong đêm họp mặt văn chương tại biệt phủ thơ của nhà thơ Lê Hữu Minh Toán, 29-12-2023, thành phố Houston, nơi được xem như thủ đô thứ hai văn chương VIỆT NAM lưu vong sau Nam, Bắc California, mà con đường Bellaire, song song còn có những tên đường Nguyễn Văn Thà, Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Hồ Ngọc Cẩn, Trần Văn Hai, đủ gây cho chúng ta niềm nhớ quê hương và lịch sử.

Vâng, đúng đêm hôm đó, nhà thơ đã ký tặng tôi 1 tập hồi ký và 3 tập thơ.

Ba tập thơ với hàng trăm bài thơ đủ thể loại, đủ đề tài, cùng với những cung bậc, lên cao, cao vút, xuống thấp, thấp lè tè, như cuộc đời của bà, của những con người, của những tháng năm thời kháng chiến.

Pháp đến, Việt Minh đi, trốn như chuột.

Pháp đi, Việt Minh đến, làm như thằng ông nội.

Thơ bà, nói theo ngôn ngữ nhà văn Mai Thảo, là mệnh mông biển trời, bát ngát trùng khơi.

Bất cứ điều gì lọt vào mắt bà, là bà cho thơ nghênh đón.

Một lần đi shopping, có thơ cho shopping.

Một lần văn cảnh Golden Bridge, bà có thơ cho Bridge Golden.

Thơ, như những đồng dollar nằm trong túi, bà lấy ra trang trải cõi và nổi lòng.

Thoạt đầu tôi định viết: *Quê hương trong thơ Nguyệt*, tôi bỏ.

Tiếp đến, *Tình yêu trong thơ chị Hằng*, cũng là Nguyệt, tôi bỏ.

Bè thế gia tộc đó, hình ảnh đoàn viên, gắn tình keo sơn đó, trang thơ phải là trang thơ của NGUYỆT về dòng tộc của Nàng.

Trong thơ của Nguyệt, không thiếu một ai.

Ông nội/ bà nội/ ông ngoại/ bà ngoại/ cô/ dì/ anh/ chị/ con Khanh/ Khánh Vân/ con Hên /thằng Út, nghĩa là 4 CON GẤU của nhà thơ đều hiện hữu.

1/ Ngoại của tôi, dài nhất 148 câu:

*“Tuổi thơ đời ngoại làm con của Phật,
Gởi vào Chùa vì có số khó nuôi,
Tiếng kinh đêm sâu lắng vọng trên đồi,
Đã đến lúc trăng vừa tròn hương sắc.*

*Ngoại bỏ quê để làm dâu, làm vợ,
Chưa biết gì thôn thức của tình yêu,
Như nàng tiên thuở đôi tám diệu hiền,
Về với Ông ruộng cò bay mỗi cánh.*

*Số ông đào hoa vợ hầu vợ chánh,
Đông kẻ làm, người ở lấm xa hoa,
Ngoại hiền từ nên không muốn ăn thua,
Luôn giúp người gặp cơn hoạn nạn.
Giếng nước trong ngoại dẫn con ra tắm,
Đêm trăng về, tảng lá lạnh ngoài sân,
Ngoại hát con nghe về điệu Thông tầm,
Ngủ trên vai ngoại lúc nào chẳng biết.*

2/

*Thương nhớ CÔ tôi,
Cô ơi, giờ cô mãi không về,
Mái nhà tranh, hàng tre xanh hiu hắt,
Nhà cô ở sau những cánh đồng,
Bờ ruộng cong queo, lúa vàng chen lán,
Dưới chân mình ướt đẫm sương đêm,
Chiều có người tựa cửa chờ con về,
Niêu cơm nóng hổi, cá đồng mới kho,
Trứng gà so, cô luộc dầm nước mắm.*

*Cô là tấm gương đức hạnh,
Sống nghĩa tình, làng xóm mến thương.*

*Thương cuộc đời cô hiu quạnh
Thương đời cô dãi dầu mưa nắng,
Trong ký ức con cô luôn ẩn hiện,
Suốt đời con không thể nào quên.*

3/

*Nhớ cha mẹ lắm,
Con gửi hồn con đến suối vàng,
Còn không cha mẹ của lòng con,
50 năm, nửa đời gió bụi,
Thuở ấy thanh bình, một dấu son.*

*Cha làm cá nhám, mẹ giã tiêu,
Nghệ tươi, chuối khúc lót dưới nồi,
Cá sấp từng khoanh, đun lửa củi,
Thơm lừng ăn mãi chẳng muốn thôi.*

4/

*Mẹ hái dâu nuôi tằm.
Mẹ tôi đi hái lá dâu com
Nuôi mấy nong tằm, bụng đầy tơ,
Màu đỏ hồng tươi vừa chín tới,
Dằm hôm kéo sợi sắp đầy nơi.*

*Trăng đậu bên thềm, mẹ quai thao,
Mau mau mẹ hỏi chị đang chờ,
Chiếc áo lụa tơ màu trắng sữa,
Cho người con gái đẹp duyên mơ.*

5/

*Chị tôi,
Đôi má hồng lên giữa cuộc đời,
Chị là con gái tuổi hoa tươi,
Đất màu chưa dậy mùi chinh chiến,*

Thơm ngát đôi sim tím ngút trời.

*Đã có gì đâu tuổi đôi mươi,
Phấn son chưa điểm, má môi cười,
Có người từ chốn xa xăm lại,
Gởi vết thương lòng cho chị tôi.*

6/

*Kỷ niệm tuổi thơ với anh tôi.
Thời thơ ấu ếm đêm
Nơi làng quê yêu dấu
Có dòng sông xanh biếc
Có núi đồi bao la
Hoa sim tím ngút trời
Hoa lau như sóng bạc
Gió chiều đầy đưa hương
Điều anh bay cao vút.*

7/

*Khanh, con yêu của mẹ.
Đã bao đêm má thao thức, nghĩ thương con,
Đưa con gái đầu lòng, mang nhiều hoài bão,
Nay con trưởng thành, đẹp người đẹp nét,
Nhưng trong lòng má luôn mang nhiều hối hận,
Để con lên 8 tuổi phải giữ bầy em nhỏ,
Con còn đi kiếm củi, hái rau ngoài đồng.*

8/

*Khánh Vân của mẹ,
Cô bé dịu hiền có mái tóc nâu,
Da trắng mịn, môi son, muốn hôn lên mãi,
Mắt một mí, màu hạt dẻ,
Cô bé nay trở thành thiếu nữ,
Hay cô sinh viên vừa mới ra trường.*

Cái dáng cô dài các,
Vẫn mái tóc hạt dẻ, môi son,
Khuôn mặt trái soan ngày xưa mẹ thích,
Đượm nét đoan trang.

9/

Hên, con trai của má.
Khi mang bầu má áo ước,
Sinh con ra là đứa con trai,
Trời tiết xuân gió nhẹ mưa bay,
Hoa xuân còn đầy trên cành,
Bướm từng đàn bay ngang cánh đồng lúa mới,
Con chào đời vào sáng sớm tinh sương,
Má mừng vui hơn bao giờ con ạ,
Niềm hạnh phúc ngọt ngào,
Má nghĩ tới tương lai.

10/

ÚT cưng,
Con nhớ con ẽnh ương không nào,
Dưới đường mương nước chảy thao thao,
Tháng 10, trời se se lạnh,
Con bì bõm ra bắt đem vào.

ÚT của má thương ơi, chờ nhé,
Mai má về ôm con má hôn,
Lên đầu con như hồi con còn bé,
Thương trai út của má quá chừng.

Trên đây là thơ của Nguyệt, của những tháng ngày qua, xưa, của tình thâm, của kỷ niệm, hoài vọng.

Nguyệt bây giờ, của mấy mươi năm sau, hẳn nhiên là một Nguyệt khác, mà bài thơ sau đây như một tuyên ngôn thơ, cho những đời thơ tới:

SAY THƠ

Say thơ nên hồn ta luôn ngỡ ngẩn,
Say cả đời mà chẳng nói cùng ai.
Trăng khuyết để một mai trăng tròn,
Còn đời thơ có lúc lại vui đây.
Thơ là biển tình nồng, càng dâng sóng,
Đêm huyền mơ ánh sáng của trăng thanh,
Thơ là núi cao vời, chờ mây trắng,
Thướt tha lòng, ôm cả mái đầu xanh.

Thơ là suối mùa xuân chảy loanh quanh,
Bên những cánh đồng hoa và cỏ mượt.
Thơ là tình đôi uyên ương chờ đợi,
"Nếu trót đi xin hãy gắng quay về"

Ta trót một đời say thơ mơ mộng,
Rằng hồn bay, theo những nấc cung đàn,
Đang réo rắt từ muôn phương ảo vọng,
Trở về đây vẫy hội của xuân hồng.

Ta say và sắp chết với thơ lòng,
Viết nên những bài thơ tình đắm đuối.
Ai tô son cho ý vị hương đời,
Hãy cùng ta với những ngày sau chót,
Tung từng cánh thơ bay tận lên trời.

Dẫu thơ sâu, thơ vô nghĩa, khổ đau,
Cũng đủ cho đời sông, chảy vì thơ,
Cũng đủ cho lòng say từng câu chữ,
Hãy dung dăng múa bút đến không ngờ.
Say thơ và sẽ chết với cõi thơ.

*Không còn gì để nói, chờ mong.
Say thơ và sẽ chết với cõi thơ.*

20. NGUYỄN BẮC SƠN, PHAN THIẾT, NHỮNG HỒI ỨC MUỘN



Ra trường Thủ Đức, cuối năm 1968, tháng nào không nhớ, tôi chọn về Phan Thiết, tiểu khu Bình Thuận. Sau này tôi mới biết, chọn thế là sai lầm, vì gia đình tôi, mẹ tôi, ở Phan Rang, Ninh Thuận.

Âu cũng là số phận an bài.

Tới nay, tôi mới thấy cuộc đời tôi, những ngã rẽ, đều do số mệnh an bài, từ việc lấy vợ, hai vợ, cho tới việc đi Mỹ muộn màng vào năm 1994. Vì rằng, tôi biết tôi có hai cơ hội đi Mỹ, trước và sau 1975.

Nhưng, đúng là số phận.

Biết nói sao bây giờ.

Nhưng cũng không sai, khi tôi nói nếu tôi đi Mỹ trước đây, trong hai lần đó tôi đã không có thành quả văn chương, như hôm nay.

66 năm cầm bút rong chơi, phon phon trên xa lộ văn chương, nói theo ngôn ngữ nhà văn VÕ PHIẾN, phon phon, thì tôi phon phon quá đi chứ, với đúng 22 tác phẩm gởi ra cuộc đời, ném vào cõi ta bà thế giới.

Ra trường, đi phép về Phan Rang.

Đúng lúc về Phan Thiết trình diện, cũng là lúc người anh của người bạn tôi, phi công trực thăng, bay về Phan Thiết. Tôi có mặt trên chuyến bay này.

Khi đến Phan Thiết, nhìn xuống phi đạo, tôi không khóc mà tôi nghĩ tới một bài thơ, và bài thơ đã làm xong trong vài ngày sau, trên phố Gia Long, con phố chính của thành phố biển này.

CHÀO PHAN THIẾT

*Chào người,
Ta chào Phan Thiết,
Chào từ trên cao,
Ta chào Phan Thiết, dưới mình ta.*

*Chào người,
Ta chào Phan Thiết,
Chào nước mắt thơm nồng,
Chào cây cầu chia đôi thành phố,
Chào sông Cà Ty,
Xuôi ra biển.*

*Chào người,
Ta chào Phan Thiết,
Chào lâu Ông Hoàng,
Chào Hàn Mạc Tử,
Chào bà Mộng Cầm,
Và nàng Thương Thương, đâu rồi.*

Chào người,
Ta chào Phan Thiết,
Chào mật khu Lê Hồng Phong,
Tam giác sắt,
Và rồi tự hỏi,
Đã bao người sống sót,
Đã bao người hy sinh,
Bao cây cỏ.
Mai này,
Ta sống hay phân bón cỏ cây.

Chào người,
Ta chào Phan Thiết,
Chào bà trong pharmacy,
Chào ngày sáu viên RUMEX.
Cảm ơn bà cho ta nhớ KIM.

Chào người,
Ta chào Phan Thiết,
Ta chào Phan Thiết.
Dưới mình ta.

+ RUMEX, tên một loại thuốc đau đầu, vì mùi nước mắm khi mới đến.

+ KIM, là KIM HẠNH, cô biên tập viên, mẹ của các con tôi.

Bài thơ này không hay, theo tôi, dù là của tôi.

Nhưng sau này, chẳng biết yêu gì, thích gì, nhà thơ Viên Linh đã cho đăng trên tuần báo KHỞI HÀNH của Hội Văn nghệ sĩ quân đội, rồi chọn đăng lại trong cuốn GÓP GIÓ.

Hội gồm 100 NHÀ THƠ QUÂN ĐỘI của Cục Tâm lý chiến.

Tôi nói lại, bài thơ này xoàng, không hay, nên những ai nói THƠ MÌNH. VỢ NGƯỜI là không đúng.

Trình diện phòng nhất Tiểu khu, tôi có thêm một tuần phép lang thang phở xá.

Chính thời gian này, không nhớ do ai, tôi gặp và chơi thân với nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn.

Một đêm đọc thơ được anh em văn nghệ tỉnh lẻ tổ chức tại nhà Nguyễn Bắc Sơn, mà tôi là khách mời.

Bây giờ nghĩ lại, thật tội cho anh em và thật đáng trách, là tôi.

Họ, xem tôi quá cao, trong khi thực sự, tôi đã ra gì đâu trong thời gian đó.

Tôi đoán chừng họ khoái tôi, thương tôi, nể nang tôi, vì cái vẻ văn nghệ của tôi nhiều hơn là tài năng văn nghệ.

Tôi đẹp trai, nhan sắc ưa nhìn, đáng người nghệ sĩ, kịch sĩ.

Dù tóc không phiêu bông, mới ở quân trường ra mà.

Khi tôi nói, đọc thơ, cũng là lúc mắt, tay, chân tôi cùng đọc thơ và nói.

Tôi, như một thổi nam châm cuốn hút anh em.

Đêm thơ đó, tôi vừa khóc vừa đọc.

Điều này tôi không biết.

Mãi tới sau này, Nguyễn Bắc Sơn nói, đêm đó “cậu” có khóc.

Tôi không trách Nguyễn Bắc Sơn, sao từ anh xuống “cậu” mau thế.

Đó là thói quen của SƠN, của Khùng thi sĩ.

Lính CON RỪA (địa phương quân), chiến tranh chính trị, lang thang là chính.

Tôi theo anh em, anh em theo tôi, cà phê, thuốc lá miết.

Sáng ghé cơ quan nhận lệnh, không có lệnh, tự tôi ra lệnh.

- Lên nhà thi sĩ TỪ THẾ MỘNG, xây chùng, là gặp lúc chàng về phép.
- Đến nhà thơ NGUYỄN NHƯ MÂY, cá hấp cuốn bánh tráng.
- Qua nhà nhạc sĩ PHAN ANH DŨNG uống nước mắt quê hương, mỗi là ốc hương, mực khô nướng.

Mắt nước 30-4 là chậm.

Đáng ra mắt nước từ những ngày lang thang ăn nhậu đó.

Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, mọi đảng.

Vào thời gian đó, tôi là chủ xị mọi cuộc nhậu, là đạo diễn mọi cuộc họp mặt văn chương, văn nghệ, văn gừng.

Tôi đẹp trai, ăn nói lưu loát, làm thơ như nói chuyện, nói chuyện như làm thơ.

Tôi hiền lành, dễ thương, có chút lấu cá.

Tôi hiểu anh em, anh em không hiểu hết tôi.

Không có tôi, Phan Thiết không có tạp chí QUÊ HƯƠNG, dấu chỉ ra được 2 số là ngủm.

Nhưng tôi biết, hai số QUÊ HƯƠNG đó, tới nay vẫn còn trong tủ sách của anh bạn tôi, nhà báo ở LA GI, Bình Thuận, Phan Chính.

Không có tôi, Phan Thiết không có quán CÀ PHÊ CHÙA tại số 88 đường TRẦN HƯNG ĐẠO.

Ba người cùng chủ xị cho quán ra đời là: NGUYỄN BẮC SƠN, NGUYỄN NGỌC HƯƠNG. SƯƠNG BIÊN THÙY.

Bấy giờ, chúng tôi là ban đại diện nhật báo SÓNG THẦN, có bảng hiệu đảng hoàng VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NHẬT BÁO SÓNG THẦN.

Đó cũng là thời gian NGUYỄN BẮC SƠN lên mây.

Thi sĩ NGUYỄN BẮC SƠN là một hiện tượng văn học mà.

NGUYỄN BẮC SƠN được nhà văn CHU TỬ trao 30.000đ, giá bằng 4 lượng vàng, như một NOBEL văn chương bỏ túi.

Chúng tôi tiêu chung số tiền đó cho sự ra đời của quán CÀ PHÊ CHÙA.

Ai muốn đến uống cũng được.

Có điều tự phục vụ.

Mỗi buổi sáng, tôi dậy sớm, chuẩn bị lò than và nồi nước sôi.

Mọi khâu khác, người nào uống tự lo.

Rửa chén, ly, phin, cuối ngày tôi làm.

Và, không quên nói tới. Anh em ai muốn ủng hộ quán hộp sữa, cân đường, vài trăm gram cà phê cũng welcome.

Nhưng sau khi tôi ra ứng cử dân biểu, ông đại tá Ngô Tấn Nghĩa nhìn tôi như cái gai, ông chuyển tôi lên Đà Lạt, từ đó quán CÀ PHÊ CHÙA nghỉ chơi.

Tôi có thể viết nhiều hơn thế, nhưng thôi, khi nghĩ tới hai người bạn tôi, hai cánh tay tôi, hồi đó, đã ra người thiên cổ, NGUYỄN BẮC SƠN, NGUYỄN NGỌC HƯƠNG, tôi không muốn gọi lại những kỷ niệm xưa. Buồn.

Hãy thông cảm và tha thứ cho tôi.

21. NHÀ THƠ NGUYỄN BẮC SƠN, SÀI GÒN VÀ TÔI

Ông ta có CHIẾN TRANH VIỆT NAM VÀ TÔI, tại sao tôi không có: Nguyễn Bắc Sơn, Sài Gòn và tôi.

Tôi không biết, từ Phan Thiết, ông đi SÀI GÒN bao nhiêu lần.

Nhưng tôi biết, với phong thái ông, tính tình ông, cái bướng của con người ông, thì ông có về SÀI GÒN, như người thương về thành phố.

Con người nhà thơ như ông, không hợp với thành phố.

Một Sơn của phố biển Phan Thiết, phải chung cùng, đụng chạm, đánh đấm (vì hai ông đều có võ) với một SƠN Phương Bối, Blao, SAO TRÊN RỪNG.

Thành ra, tôi thường nhận lệnh của ông, đi Sài Gòn giùm ông, thay ông, lo cho ông.

Ông cần một cái thẻ báo chí ư? Em lo cho đại ca, về SÀI GÒN, gặp VIÊN LINH, ông có cái thẻ báo chí, KHỎI HÀNH.

Để lập công với ông, để ông cho tôi đứng cạnh ông, trong hàng ngũ thi hào, tôi xin thêm cho ông cái thẻ thứ hai, Nhật báo ĐỘC LẬP mà tôi là bình bút chur bộ.

Có thẻ báo chí, những hai thẻ, ông có quyền mua nhà trong làng báo chí, oai chưa tề.

Tôi cầm 20.000đ của ông và 20.000đ của đại úy Vĩnh Vu vào SÀI GÒN, lại gặp nhà thơ Viên Linh.

Nhà thơ Viên Linh chở tôi tới văn phòng làm việc của Hội Văn nghệ sĩ quân đội, đường Phan Đình Phùng, đóng tiền 60.000đ cho ba người .

Chúng tôi tưởng mua nhà như mua tôm, tiền trao cháo múc.

Chờ lâu quá, cả ba người đều mất hy vọng, nên quyết định lách tiến lại.

Tôi lại y lệnh hai đại ca, về SÀI GÒN rút.

Lại nhà thơ Viên Linh đưa đi rút tiền.

Nhưng những cái đó là chuyện nhỏ.

Cái lúc thi hào về dự đại hội văn nghệ sĩ mới khủng khiếp và tôi vẫn là kẻ đưa lối dẫn đường.

Hôm khai mạc đại hội tại trại Đào Bá Phước đường gì, tôi không nhớ.

Tôi đã sắp xếp với ban tổ chức để tôi lên giới thiệu NGUYỄN BẮC SƠN.

Vì rằng, giới thiệu một thi sĩ, khác với việc giới thiệu chú binh nhì Nguyễn Văn Hải, cũng là anh.

Khi bạn tổ chức mời nhà thơ SƯƠNG BIÊN THUY lên sân khấu, hội trường đã lao xao.

Tôi nói.

Tôi sẽ giới thiệu, một chốc lát nữa đây, có một người đến từ cung trăng, anh là một hiện tượng lạ trong thi đàn hôm nay, với VIỆT NAM và cả với thế giới (nở mà).

Anh là người đã làm nổ tung tòa soạn KHỞI HÀNH của chúng ta.

Vì sự xuất hiện của anh như một quả pháo.

Tôi xin giới thiệu trước các chiến hữu, văn, thi hữu, nhà thơ NGUYỄN BẮC SƠN.

Tôi đưa tay phải chỉ về hướng anh ngồi.

Anh đứng dậy, bẽn lẽn, như gái về làm dâu nhà chồng.

Cả hội trường náo loạn, tiếng vỗ tay, reo hò.

Chiều và tối hôm đó, cả ngày hôm sau, anh bị bắt cóc.

Nhóm nắm áo, bọn kéo tay, lũ khiêng anh như khiêng báu vật.

Anh không còn nhớ tôi.

Và tôi cũng quên anh.

Tôi cũng bị nhóm khác nắm áo, kéo tay, có điều không bằng anh, vì tôi chỉ là nhà thơ, còn anh là thi sĩ.

Đêm đó, tôi tưởng tôi mất bạn tôi rồi.

Tôi sẽ trả lời sao với vợ anh, chị Xuân Hồng, ca sĩ, xướng ngôn viên đài phát thanh.

Ba ngày sau đại hội, chúng tôi về lại Phan Thiết, tiếp tục, quàng vai ấm áp cuộc rong chơi.

22. NHÀ BÁO VŨ NGỌC LONG: ĐỊNH MỆNH, NGƯỜI SẼ BIẾT TAY TA



(Gởi hồn Vũ Ngọc Long)

Vào một buổi sáng mai, ngày cuối năm, Trần Trung Đạo với chiếc máy ảnh cầm tay, hối thúc chúng tôi lên chiếc xe MiniVan của Lâm Chương. Gã họ Lâm đóng vai tài xế.

Đêm hôm qua, tiệc rượu tàn lúc 5 giờ sáng. Lâm ra về muộn nhất.

Và giờ này, chất men chưa tan biến trong máu của chàng.

Bảy người chúng tôi mặc cho chàng dẫn đưa.

Cõi âm hay cõi dương cũng mặc.

Cái chết tai nạn của Long còn ám ảnh trong trí chúng tôi.

Nơi chúng tôi đến là thư viện J.F. Kennedy, nằm cạnh bờ biển thành phố Boston.

Màu nước xanh, màu tuyết trắng, nhưng lòng chúng tôi thì rối ren, đục ngầu, những tang thương thời thế, những mất mát bạn bè, những nhiều nhưng thế sự.

Trong nụ cười vẫn chứa chất niềm đau.

Trong tiếng nói đùa cợt vẫn âm vang nỗi xót xa thân phận.

Những niềm đau, những xót xa không dứt được, không từ bỏ được. Chúng tôi không nhận nó từ ngoài, mà nó đã có sẵn từ trong.

Và nó cứ lớn dần theo năm tháng. Đọc thơ của Lâm Chương, thấy ngay điều đó.

Và cũng thấy ngay điều đó trong thơ của Phan Xuân Sinh, Phạm Nhã Dự.

Ở Trần Minh Trí, Nguyễn Thanh Huy là những thăm thì, những sáng bày tỏ, bên cốc cà phê, tâm sự, những trăng trở, dày vò, đứng ngời không yên, cho phận người, phận nước.

Chúng tôi biết những điều đó làm khổ mình, làm tàn phai nhan sắc mình.

Những ngày không thấy ăn là ngon, những đêm không thấy ngủ là cần thiết.

Hoài hoài những mộng mị, không bà tiên, mà là những kê gào, thét la của bạn bè nằm xuống, oan ức, tức tưởi, nơi núi rừng Việt Bắc của những năm tù tội, nơi biển cả sóng gào, cuồng nộ, cuốn đi những người thân yêu, chôn xuống lòng đại dương của những lần chạy trốn khỏi nước.

Hãy quên là có ngay một đời bình yên, không mộng dữ đeo bám.

Hãy phó mặc cho cuộc đời mà bình tâm ăn, ngủ, đi., ia là tiêu tán đường ngay những vết hằn trên mặt người khô héo.

Chúng tôi biết điều đó, nhưng làm sao quên đi, hay phó mặc, khi mỗi ngày qua báo chí, đài phát thanh, chúng tôi biết đất nước mình đang bị cắt từng khoảnh bán cho ngoại bang, khi con cháu mình là tuổi thơ Việt Nam, là tương lai giống nòi, con trai thì không được đến trường, phải lầy lắt cuộc đời đầu đường xó chợ, du thủ du côn, lăn vào đời kiếm sống; con gái mới 14, 15 tuổi đã trở thành trò chơi

giải trí cho những tên tài phiệt ngoại quốc đổ vào, mượn danh đầu tư, buôn bán, nhưng thực ra, là một cuộc săn gấu tơ với sự đồng lõa tiếp tay của đám cán bộ mọi cấp, mọi nơi, trong guồng máy lãnh đạo của Cộng Sản hiện nay.

Chúng tôi không quên.

Chúng tôi phải nhớ.

Chúng tôi không phó mặc.

Chúng tôi phải lao vào.

Sứ mệnh của những người cầm bút, chúng tôi phải lên tiếng.

Thiên chức của những người làm văn học, chúng tôi phải ghi chép trên giấy trắng mực đen.

Qua văn học, chúng tôi đang viết lịch sử.

Trên một bức tường trong thư viện có ghi câu nói của cố Tổng thống Kennedy: “A man may die, nations may rise and fall, but an idea lives on”.

Vâng, tôi tin điều đó.

Những bạn bè tôi sẽ chết, như tôi sẽ chết, nhưng những tác phẩm của họ là những bài thơ, những truyện ngắn, những nhận định văn học, là Ra Biển Gọi Thâm, là Đồi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười, là bất diệt.

Trần Trung Đạo chỉ vào một tảng đá giữa gò tuyết cao, nói với Lâm Chương: “Ông ngồi đó tôi chụp vài tấm hình làm kỷ niệm. Trong anh em, ông là người có hy vọng đi sớm nhất”.

Gã nhà thơ họ Lâm ngoan ngoãn nghe theo lời dù còn chống chế, tiếc đời: “Chưa chắc ha”.

Một gã, với nụ cười trẻ thơ vô tội như hấn.

Một gã, với tiếng nói và giọng đọc thơ hào sảng như hấn, thật hiếm hoi ở đời này.

Hấn và thằng Đạo, nhất định là, chắc chắn là, nếu có một cuộc bình bầu “người tài hoa và dễ thương”, cả hai đều giải nhất đồng hạng.

Nhưng có một cuộc bầu “Hoa hậu Đàn Ông” thì cả hai chỉ được “Á hậu” đồng hạng. Chức Hoa hậu dành cho Phạm Nhã Dự.

Nhưng không bao giờ có Hoa hậu đàn ông, vì không có phần “mặc áo tắm”, nên Phạm Nhã Dự phải chờ tết Công-gô mới có chức phận này.

Qua các tạp chí *Văn Học*, tôi biết tên Lâm Chương từ lâu, trước 75. Nhưng mãi tới năm 1982 tôi mới gặp anh trong nhà tù Cộng sản tại Z30B Long Khánh.

Tôi ở đội rau xanh, anh ở đội lâm sản.

Nhờ ở đội lâm sản nên anh được ra vào trại tự do hơn chúng tôi.

Và nhờ thế, những đường, mỡ, bột ngọt, tôm khô, rượu, tôi nhờ anh mua giùm.

Những ngày nghỉ, chúng tôi thường gặp nhau trà đạo, đọc cho nhau những bài thơ làm trong tù.

Có lần tôi bày tỏ với anh ý định trốn trại, vì muốn nhờ anh hướng dẫn đường đi nước bước.

Anh cản tôi là không nên làm điều đó. Theo anh thì chẳng còn bao lâu nữa đâu ngày chúng ta về.

Nghe anh nói, tôi không nuôi dưỡng ý định đó nữa.

Sau đó, đúng như anh nói, tôi được thả ra khỏi trại trước anh mấy tháng.

Khi anh về, không hiểu vì sao biết được chỗ tôi đang ở là trại của của một người bạn tôi, anh đến thăm tôi. Chúng tôi hẹn hôm sau gặp lại để uống rượu và nói chuyện đời.

Nhưng tôi đã lỡ hẹn với anh vì một chuyến chở bia đi bỏ đạo với chiếc xe đạp thồ.

Từ đó chúng tôi mất nhau.

Sau này, khi qua định cư tại Connecticut, tôi nhận được thư của anh.

Anh viết: “Qua Mỹ đã lâu chắc bạn lấy lại phong độ cho thân thể rồi (không còn ốm đói, mặt cứ vêu ra hốc hác như ngày ở trong tù). Vì thế ta chả cần hỏi How Are You? Qua

Mỹ không lâu lắm mà bạn đã xuất chiêu quây nát cả một góc chiếu văn nghệ.

Nhân danh tình bạn, nhân danh một thằng khoái đọc thơ bạn, ta nhắc nhở cho bạn rằng, tên du côn thi sĩ đó không vừa đâu, chọc nó coi chừng có ngày nó thiếu để bạn đó.

Ta qua đây, già rồi, học hành không được mấy chữ, đành đi làm cu li. Đọc *Dân Chủ Mới* thấy bạn xuất chiêu đều, cũng muốn nhắn tin liên lạc, nhưng không biết bạn còn chịu uống rượu không (cà phê thì ta không hạp).

Ta nhớ ngày ra tù, hẹn bạn ở trại mộc trên đường Lê Văn Duyệt để uống rượu và sau đó bạn lặn mất. Ta cũng chẳng buồn tìm kiếm.

Uống rượu chứ đâu phải đi vay nợ mà ngồi chờ".
(Boston, 27.1.95)

Từ đó chúng tôi lại có nhau.

Từ đó, tôi lại được chiêm ngưỡng nhan sắc chàng thi sĩ hiền lành, có nụ cười dễ thương, vô tội.

Nỗi buồn của chàng hiện nay cùng lượng bia rượu mỗi ngày ngấm vào cơ thể, đó là điều lo ngại của chúng tôi.

Câu nói đùa của Trần Trung Đạo có lẽ bắt nguồn từ những lý do đó.

Cũng buổi sáng hôm đó, một lần khác, Trần Trung Đạo nói: "Các ông già quá rồi, hai mươi năm nữa chắc chẳng còn ai sống sót.

Khi đó chỉ còn tôi một mâm một chiếu".

Hẳn nhiên đây là câu nói đùa của Đạo.

Nhưng một điều không đùa, xét về quy luật của tạo hóa, thì chúng tôi xuống lỗ trước Đạo là điều chắc chắn.

Nhưng cũng chắc chắn một điều khác, khi bên cạnh Đạo còn có Võ Tài, La Cẩm Tú, Ngô Minh Hằng..., những người không thể bắt kịp chúng tôi trên đường xuống huyệt mộ.

Lịch sử và văn học là những tiếp nối, trao tay, bàn giao, kế thừa.

Hôm qua, La Cẩm Tú gọi điện thoại đọc cho tôi nghe bài thơ *Đêm Hẹp Mặt* tại nhà Trần Hoài Thư.

Đây là một bài thơ thành công.

Hơi thơ thoải mái, ngôn ngữ bình dị, nhưng gây được ấn tượng cho người đọc.

Tôi nghĩ rằng, những người có mặt trong đêm đó được chị nhắc lại trong bài thơ, hẳn thích thú bài này lắm.

Tôi nói với chị cái ý của Trần Trung Đạo, chị nói rằng, Trần Trung Đạo yên tâm là hai mươi năm sau chị vẫn còn có mặt trong chiếu văn nghệ với Đạo.

Chị nói, số tử vi của chị, ngoài 80 tuổi chị mới ra đi.

Tôi không muốn nhìn La Cẩm Tú ở cái tuổi 80.

Vâng, tôi sẽ không được nhìn chị ở cái tuổi 80.

Những điều tôi vừa viết ở trên, thật tình không phải là chủ đích của bài viết này.

Sở dĩ tôi quanh co, tản mạn, tẩn mẩn, vì tôi chưa biết phải bắt đầu thế nào đây, để nói về nỗi xót xa, đau đớn của tôi về cái chết của Vũ Ngọc Long, mà Đạo gọi phone báo cho tôi vào lúc 2 giờ sáng ngày nọ.

Mới hôm nào đây, từ Đức quốc, anh cùng hai cháu sang thăm Hồ Công Tâm và Việt Hùng, tôi đã được anh gọi về “trình diện hẹp mặt” sau gần 25 năm mất nhau.

Đêm thật khuya, bên đĩa lòng heo của phu nhân nhà thơ Trần Trung Đạo với đầy đủ rau thơm và ngò gai, thơm hương mùi vị quê nhà, tại am thất nhà thơ Hồ Công Tử, với những bạn bè văn nghệ, chúng tôi đã nói với nhau về chuyện viết văn, làm thơ, về trách nhiệm và sứ mệnh của người cầm bút trong cuộc đấu tranh giải trừ chế độ Cộng Sản Việt Nam, và những chuyện khác liên quan tới mục đích đó, như dự báo tương lai ngày về khi chế độ Cộng Sản sụp đổ.

Bao giờ về và làm những gì khi về. Anh nói liên tục cũng như anh đã viết liên tục hơn 10 năm qua trên các báo hải ngoại.

Sau 25 năm gặp lại, anh có già đi, những trăn trở nước non làm anh khắc khổ hơn trên khuôn mặt. Nhưng ở anh, vẫn toát ra đáng dấp, phong thái của một người cầm bút mà tôi gặp lần đầu, khi chúng tôi cộng tác với nhật báo *Sóng Thần* năm 1970.

Tôi là người tham gia viết bài. Anh là người trong ban điều hành, tả xung hữu đột.

Mùa Hè Đỏ Lửa 72, anh là người đại diện *Sóng Thần* ra Quảng Trị làm công việc gom xương những người chết vô thừa nhận và cứu trợ nạn nhân.

Anh là mẫu người vừa lý thuyết vừa hành động.

Mất anh, chúng tôi mất đi một chiến hữu quý hiếm.

Mất anh, cuộc chiến mất đi một tay súng và một ngòi bút sắc bén.

Đồ chó chết, thằng Định Mệnh!

Những đũa mặt khi, những người mặt thú, những quân cướp của giết người, bọn ăn gian nói dối, thì mày để yên.

Sao đũa bạn tao, hào khí ngút trời, việc nghĩa ra tay, lẽ phải bênh vực, thì mày rình rập, bắn lén, bắn tía, dút nọc?

Mày sẽ biết tay ta.

Đồ chó chết, thằng Định Mệnh!

Ông báo cho mày biết, ông còn mấy thằng bạn văn nghệ, cũng là chiến hữu của ông, mày không được lơ ngơ đụng tới chúng.

Mày hãy hưu chiến cho bọn ông vài chục năm.

Vâng, chỉ cần mày hưu chiến vài chục năm, sau đó mày muốn gì, bọn ông chiều.

Điều sau cùng, tôi muốn nói với hồn bạn tôi:

Thưa hồn bạn Vũ Ngọc Long,

Anh đã viết ra, đã chỉ cho chúng tôi *Tim Nẻo Đường Về* qua tập nhận định chính trị của anh xuất bản tại Đức năm 1992.

Thì hôm nay, ngày mai, chúng tôi sẽ về.

Nhất định chúng tôi sẽ về.

Dẫu không còn anh là bạn đường trước mặt, nhưng anh mãi mãi là bạn đường trong trái tim chúng tôi.

Anh đang sống mãi trong cuộc đấu tranh, giữa lòng dân tộc.

“A man may die, nations may rise
and fall, but an idea lives on”.

23. NHÀ THƠ PHAN XUÂN SINH, ĐÊM, CHÉN RƯỢU MỜI NGƯỜI



Chỉ ngồi lại với nhau trong bảy tiếng đồng hồ.

Vâng, chỉ bảy tiếng đồng hồ, nhưng những người anh em chúng tôi đã tới từ Philadelphia, từ New York, từ New Jersey, từ Connecticut, từ Canada...

Đường xa, mặc.

Thời gian, bỏ.

Sức khỏe, quên đi.

Chúng tôi lên đường và chúng tôi đã tới.

Đêm Boston, cơn mưa mùa hạ muộn màng đã treo cổ cái nóng hớn xược trong phòng khách của nhà thơ Dư Mỹ, chứa trên 50 người ngồi san sát nhau, vừa đủ cầm đũa để gắp, cầm ly để cụng, sưởi ấm tâm hồn nhau giữa những người cầm bút chơi trò chơi chữ nghĩa.

Đêm ở đó, Boston.

Nhà ở đó, Dư Mỹ.

Thơ ở đó, của Phan Xuân Sinh, Dư Mỹ.

Đêm ở đó là đêm của Phan Xuân Sinh-Dư Mỹ.

Đêm của “ chén rượu mời người”.

Bạn bè ở Mass, gần xa, đều có mặt. Già trẻ, mới cũ, gái trai, đều có mặt.

Văn Bia, Tuệ Chương, Trần Trung Đạo, Nhã Nam, Phạm Thành Tính, Lâm Chương, Hạ Thi Nhân, Lý Đồng Giao, Việt Hùng, Lương Thu Trung... đều có mặt.

Bên cạnh các ông là các bà.

Các bà tới đó đêm nay để chia sẻ niềm hân hoan cũng như nỗi nhọc nhằn của những ông chồng không giống ai.

Những ông chồng ăn không nhằm bữa, ngủ không nhằm lúc, miệt mài với những con chữ trên computer, trên bàn đánh máy, trên trang giấy trắng, lúc đêm khuya, lúc gần sáng, giữa ban ngày hay vào giờ hoàng hôn, phút bình minh.

Nếu không có những đáng-phu-nhân như chị Phan Xuân Sinh, chị Du Mỹ, chị Trần Hoài Thư, chị Trần Trung Đạo, chị Trung Nhân, chị Lê Mai Linh, chị Lâm Chương, chị Việt Hùng, chị Cúc... với một tấm lòng rộng mở, với một trái tim bao dung và một cái đầu có chữ, thì các ông chồng đã không cầm bút được để cho đời tản phong là những nhà văn, nhà thơ.

Nếu không có các chị, thì đời này đã không có *Ra Biển Gọi Thầm*, *Sợi Tóc Nhớ Nhung*, *Chén Rượu Mời Người*, *Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười*, *Thao Thức*, *Mùa Đông Quạnh Vắng*... và nhiều lắm, tôi không nhớ hết.

Vâng, những người cầm bút chúng tôi xin tri ân những người vợ.

Đêm hôm nay, đêm của *Chén Rượu Mời Người*.

Chén Rượu Mời Người là tên của tập thơ, là đứa con tinh thần, là kết quả của những đêm thao thức, của những ngày trăn trở, suy nghĩ trong đêm, miệt mài trong ngày, của hai người làm thơ, Phan Xuân Sinh và Du Mỹ.

Trong *Chén Rượu Mời Người* có vị cay của ớt và tiêu, có vị mặn của muối và nước mắt, có cái đắng chát của người cầm súng, có nỗi nhục nhã của người lính chưa chiến đấu đã bị ép mình thua cuộc, có nỗi hờn căm của người vong quốc và cũng có trong đó, những hân hoan của một tình yêu chín tới, từ những người tình, từ những người vợ.

Đêm hôm nay, đêm của *Chén Rượu Mời Người*, đêm của chị Trần Hoài Thu vừa hát vừa khóc, đêm của chị Phan Xuân Sinh, chị Du Mỹ ấp úng không ra được nửa lời, đêm của chị Trung Nhân nghẹn ngào không nói hết tâm sự, đêm của rộn ràng tình yêu mới tới trong ánh mắt nhìn Hạ Thi Nhân kín đáo trao gửi, đêm của chị Trần Trung Đạo, chị Lê Mai Linh cười rộn ràng như trẻ nít, đêm của chị Việt Hùng hát như thở hai mươi...

Vâng, đêm hôm nay là đêm của *Chén Rượu Mời Người*.

Đêm có nụ cười và đêm có cả tiếng khóc.

Đêm của hân hoan và đêm của xót đau.

Đêm hân hoan vì những người bạn có con ra đời, ném vào trần thế và sống mãi với thiên thu.

Đêm của xót đau, vì thấy trước đêm sẽ tàn, cuộc vui sẽ hết, ngày mai chia tay, đâu về chôn cũ, đâu biết chữ ngờ, đâu biết ai còn ai mất.

Đêm hôm nay, đêm của *Chén Rượu Mời Người* và đêm của MC Trần Trung Đạo thất nghiệp.

Đêm coi như không có MC Trần Trung Đạo.

Đêm của micro nằm đó, không ai lấy số, không ai phải đợi chờ lâu, đêm tuần tự luân phiên, đêm từng người, hết anh tới chị, hết bạn tới tôi, giải bày tâm sự, góp tiếng góp lời, cho đêm nồng nàn sức sống, phủ dụ đời người, cho nhau và có nhau.

Đêm vô biên trong lòng, đêm *Chén Rượu Mời Người*
bất tận trong mỗi trái tim hiện diện.

Và cứ thế, đêm tiếp tục.

Chén Rượu Mời Người cứ rót.

Đêm nâng ly.

Đêm uống ừng ực.

Đêm nhâm nhi.

Đêm tỉnh táo như Nguyễn Bá Đình, Nguyễn Văn Tánh,
Nguyễn Thanh Huy, Trung Nhân, Đông Nghi, Lâm
Chương.

Đêm gà chết như Lê Mai Linh, Trần Hoài Thu.

Đêm ngủ khò như Trần Minh Trí, Trần Mộng Lâm.

Đêm ngát ngưỡng như Phan Xuân Sinh, Dư Mỹ.

Đêm đào ngũ chạy làng như Văn Bía, Tuệ Chương.

Đêm mộng mơ dấu yêu như Hạ Thi Nhân.

Đêm mắt biếc, hồ thu như Thủy Trang.

Đêm ở đó, Boston.

Nhà ở đó, Dư Mỹ.

Thơ ở đó, Phan Xuân Sinh, Dư Mỹ. Bàn bè đến đó, từ
bốn phương, tám hướng.

Đêm bất diệt.

Đêm hôm nay, đêm của *Chén Rượu Mời Người*.

Đêm của những con chim đến từ núi lạ, xoải cánh, ngựa
cổ hát chơi. Đêm nồng nàn hơi ấm anh em.

Đêm ngọt ngào tin yêu bằng hữu. Cảm ơn và đa tạ đêm.

Cảm ơn *Chén Rượu Mời Người*.

Cảm ơn Phan Xuân Sinh và Dư Mỹ. Cảm ơn hai nhà
thơ xứ Quảng.

24. THI SĨ THẠCH NHÂN TRẦN ĐÌNH BÉ, MỘT NHÀ THƠ YẾU MỆNH



Tôi được tin BÉ mất khi còn trong tù, năm 1979, qua một người đồng hương, anh Nguyễn Văn Diễn, người Đông Hà.

Anh chết vì đạn pháo kích vài ngày trước 30-4 tại mặt trận Hậu Nghĩa. BÉ có một người em hiện ở ngoài quê. TRẦN ĐÌNH THÀNH.

Sau ngày qua Mỹ, tôi liên lạc được với THÀNH, tôi biết thêm về BÉ, những bất hạnh dồn dập.

Tôi gửi tiền cho em, nhờ giúp tôi hai việc:

1/ Làm một mâm cơm tưởng vọng BÉ, nhờ em đốt một nén nhang thay cho những bạn bè ngày xưa của thi sĩ.

2/ Số tiền còn lại làm một hành trình đi tìm vợ con của BÉ.

Hiện nay không biết đâu.

SAU ĐÂY LÀ CHUYỆN VỀ BÉ, THẠCH NHÂN TRẦN ĐÌNH BÉ.

*“Tôi reo hò dựng cờ nhân bản mới,
Những bàn tay tả hữu hãy rời xa,*

*Nơi đây thánh địa tình yêu đang mời gọi,
Người nắm tay người, khởi xướng khúc hoan ca".*

Trên đây là 4 câu thơ của BÉ, tôi còn nhớ, từ một bài thơ dài đăng trên tạp chí *Bách Khoa* ở Sài Gòn, Thủ đô văn hóa miền Nam.

Bấy giờ, dân văn nghệ tinh lễ, địa đầu giới tuyến, có thơ đăng trên tạp chí *BÁCH KHOA* là một niềm vui sướng và hãnh diện.

Điều này hình như chỉ có một mình BÉ.

BÉ là một khuôn mặt văn chương nổi trội nhất trong đám anh em chúng tôi, tập tễnh viết văn, làm thơ bấy giờ.

Trong số những người yêu văn chương Quảng Tri, không ai là không biết *THẠCH NHÂN TRẦN ĐÌNH BÉ*.

Tôi chơi thân với anh từ những năm trung học đệ nhất cấp, Trường trung học *NGUYỄN HOÀNG*.

Nhờ anh và tủ sách của nhà anh, tới nay tôi mới sáng láng như ri.

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Anh và tủ sách nhà anh, là đèn soi sáng tôi.

Trong tủ sách nhà anh, chỉ có dăm ba cuốn của *TỰ LỰC VĂN ĐOÀN*, như *HỒN BUỐM MƠ TIÊN*, *GÁNH HÀNG HOA*, *ĐÔI BẠN*, *ĐOẠN TUYỆT*.

Nhưng lại đầy ắp, sum sê, chất ngất, những *NGƯỜI VIÊN KHÁCH THỨ 10*, *THÀNH CÁT TƯ HẸN*, *CÁCH MẠNG VÀ HÀNH ĐỘNG*, *CHỦ NGHĨA THỰC DÂN MỚI - THỰC CHẤT VÀ HUYỀN THOẠI*, *CA TỤNG THÂN XÁC*, *LUYỆN ÁI QUAN*, *SIU CÔ NƯƠNG*, *BÓN MƯỜI*, *BUỒN NÔN*, *NGƯỜI XA LẠ*, *CỬA CHUỘT VÀ NGƯỜI*, *CHÙM NHO UẤT HẬN*, *CUỐN THEO CHIỀU GIÓ*, *NGƯ ÔNG VÀ BIỂN CẢ...* và đầy đủ những tạp chí

HIỆN ĐẠI, THẾ KỶ HAI MƯƠI, VẤN ĐỀ, SÁNG TẠO, VĂN NGHỆ, với những khuôn mặt văn chương hàng đầu bấy giờ: NGHIÊM XUÂN HỒNG, VŨ KHẮC KHOAN, NGUYỄN SỸ TẾ, LÊ VĂN SIÊU, NGUYỄN VĂN TRUNG, NGUYỄN SA, MAI THẢO, THANH TÂM TUYỀN, QUÁCH THOẠI, DƯƠNG NGHIÊM MẬU...

Tôi và BÉ thay nhau lấy sách gối đầu giường.

Ngày đó, chúng tôi chưa đủ khôn để hiểu hết, nhưng đủ trí nhớ để hiểu trong chừng mực, giới hạn.

CÂU CHUYỆN CỦA MÙA HÈ NĂM 1962, MÀ TÔI CẢM GHÉT NÓ.

Năm đó, mùa hè 1962, Tỉnh giáo hội PHẬT GIÁO tổ chức một kỳ trại 2 đêm 3 ngày, kéo dài theo bờ sông THẠCH HẪN, từ trước chùa tới cuối bãi cát về chợ SÃI.

Một lễ đài, cũng là sân khấu, thật lớn lao được dựng lên.

Chúng tôi, những PHẠM VĂN BÌNH, NGUYỄN VĂN CHÁNH, NGUYỄN VĂN THẢO, PHAN BÁ ÂN, TRẦN ĐÌNH BÉ, LÊ VĂN CHÍNH, LÝ THƠ HIẾU... trong gia đình Phật tử Quảng Thiện, cũng trong ban văn nghệ, có mặt đêm ngày cho những sinh hoạt Phật tử.

Cũng lần này, tỉnh hội tổ chức một cuộc thi văn chương về Phật giáo.

Ba người trong nhóm anh em chúng tôi đoạt luôn ba giải TRẦN ĐÌNH BÉ, PHAN BÁ ÂN, SƯƠNG BIÊN THÙY.

Rồi mùa hè chấm dứt, cũng là lúc chúng tôi chia tay.

Chúng tôi chia tay và mãi mãi không gặp nhau.

Tôi nói, tôi căm ghét mùa hè 1962 là vậy.

Nguyễn Văn Thảo vào Sài Gòn, Lê Văn Chính vào Nha Trang, Trần Đình Bé vào Quy Nhơn, Chu Vương Miện vào Quảng Ngãi, Phạm Văn Bình vào Huế.

Những người còn lại tại vị quê nhà.

NHỮNG NGÀY QUY NHƠN VỚI BÉ

Từ Nha Trang, tôi ra Quy Nhơn nhờ BÉ viết bài BẠT cho tập thơ NỖI BUỒN NHƯỢC TIẾU.

Những ngày Quy Nhơn, chúng tôi “quàng vai ám áp cuộc rong chơi”, nói như nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn.

Một ngày lên Ghềnh Ráng, thăm mộ Hàn Mặc Tử, còn lại lang thang biển bờ.

Lúc này BÉ làm gia sư cho một gia đình bà con gốc Quảng Trị.

Gặp nhau, chúng tôi không nói nhiều với nhau.

Mỗi đứa có những dòng suy tưởng riêng, về phận nước, phận người.

Tôi về lại Nha Trang, BÉ trụ lại Quy Nhơn.

MỘT ĐÊM NHA TRANG VỚI BÉ THỨC SUỐT ĐÊM TRÊN BÃI CÁT VÀNG

Sau ngày tôi in xong tập thơ nhờ tiền bán chiếc xe đạp và nhất là nhờ sự hào phóng của Đại đức THÍCH ĐẠI NGHĨA, giám đốc nhà in HOA SEN, BÉ vào Nha Trang ở lại với tôi, một đêm thức trắng trên bãi cát vàng Nha Trang.

BÉ nói, đời tôi sẽ không êm đềm với những trăn trở thể hiện qua những câu thơ, bài thơ:

*“Từ cha tôi lên đường kháng chiến,
Mẹ tôi về lo việc bán buôn,
Mang tuổi thơ tôi đã biết buồn,
Không lúc cười, dù hoạt kê trước mặt,
Mắt không vui, dù đời không buộc chặt.
Tôi ngủ nhòai vào vũng lớn suy tư,*

*Mang niềm đau nhọc tiểu ưu tư.
Xin chối từ mọi tơ vương vị ngã,
Đi vào đời bằng tâm nhân bản,
Xin kéo cờ mọi nẻo hồn nhân dân”.*

Sáng hôm sau, BÉ về lại Quy Nhơn bằng chuyến tàu chợ muộn trong ngày.

Mà cái vé cũng do BÉ bỏ tiền mua. Lúc này, tôi không có tiền.

Tiền bán thơ gởi các nhà sách, trước đó nhóm bạn tôi, nhà thơ TRẦN PHIÊN NGUNG, nhà thơ LÊ VĂN CẦU, và đưa con ông chủ nhà may HÀ NỘI, chúng “dụ” tôi đi gom tiền lại, vừa đủ cho một châu nhậu bia và mực khô nướng giữa bãi biển Nha Trang.

Nhân đây, tôi không thể không nhắc lại và cảm ơn bà chủ “*xinh đẹp ôi là xinh đẹp*” của nhà sách NGUYỄN LÊ, bên hông chợ ĐÀM, đường Phan Bội Châu.

Tôi gởi bà 20 cuốn, giá văn nghệ 12 đồng.

Hôm đến xin thanh toán, nhận tiền, dù sách chưa bán hết, bà cũng đưa cho chúng tôi 200 đồng.

Tôi nói chúng tôi, vì chúng tôi đi ba người, mà hai đứa ông nội kia, như thể công an áp giải tôi, phải làm theo yêu cầu của chúng.

Sau khi tập thơ ra đời, tạo thành một tiếng dội, không vang, trong giới học trò.

Học trò mà in thơ là điều hiếm có. Có đôi lần ra phố ĐỘC LẬP, ngang qua một nhóm nữ sinh, tôi nghe họ xì xầm, chỉ vào tôi, ông ấy là thi sĩ SƯƠNG BIÊN THÙY, làm tôi sướng rơn lên.

Nhưng cũng vì vậy, nhà thơ SAO TRÊN RỪNG đòi đánh tôi học xì dầu, tôi nghe bạn bè kể lại.

“SƯƠNG BIÊN THỦY là thằng nào dám đến đây in thơ qua mặt ông. Ông là vua thơ nơi này, ông chưa in sao nó dám in. Gặp nó, ông sẽ đánh cho học xì dầu.”

HAI ĐÊM VỚI BÉ TẠI ĐÀ LẠT

Một chiều cuối tuần, tôi thả Honda xuống dốc Hòa Bình ra hướng Hồ Xuân Hương, tôi gặp cùng lúc hai ông bạn, nhà thơ LÊ VĂN NGĂN và TRẦN ĐÌNH BÉ.

Hai người không biết nhau.

Tôi chở cả hai người đến một quán nhậu khu THỦY TIÊN.

Tôi để hai ông ngồi đó, tôi đến nhà một người em văn nghệ, nhà thơ TRẦN KIM NGỌC, lấy một chai JOHNNY WALKER, cùng với NGỌC đến quán.

Đêm đó, ngoài chai rượu, chúng tôi chơi thêm một lít rượu đậu nành.

Chúng tôi tan hàng vừa lúc giờ giới nghiêm, 12 giờ đêm.

Đêm đó và đêm hôm sau, BÉ ngủ lại nhà tôi và chúng tôi rong chơi hai ngày khắp Đà Lạt.

Nhớ lúc trả tiền mới ghê, không gồm.

Không ai trong chúng tôi có tiền, nhưng là quán quen, nên tôi được ghi sổ nợ.

Ghi sổ nhậu đã là chuyện thường ngày của lính tại tôi.

Nhưng để làm oai, lấy le, với hai cô nữ sinh BÙI THỊ XUÂN, con gái bà chủ, cũng có thể là học trò của ông giáo nhà thơ, đẹp trai, đào hoa TRẦN VĂN LỆ, tôi đưa ra cùng lúc 4 cái thẻ báo chí làm tin: SÓNG THẦN, DA VÀNG, ĐỘC LẬP, KHỞI HÀNH.

Tôi thoáng thấy hai cô nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên và cảm phục.

Tôi chia tay nhà thơ THẠCH NHÂN TRẦN ĐÌNH BÉ từ đó cho tới ngày biết tin anh qua đời trong trại tù.

Mùa hè năm 1962 đã làm chúng tôi chia tay, giã từ những giấc mơ văn chương.

Thi văn đoàn *Giới Tuyển* phải ngang tầm Tự Lực Văn Đoàn. Chúng tôi phải có tên trong lịch sử văn chương nước nhà. Đó là những suy nghĩ, ước mơ thời nhỏ dại.

NÓI RÕ HƠN VỀ THI VĂN ĐOÀN *GIỚI TUYỂN* QUẢNG TRỊ NĂM 1960

Vào khoảng cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60, cả MIỀN NAM rộ lên phong trào thành lập các thi văn đoàn và đặt bút hiệu lạ lùng, quái đản, cãi lương, hò quảng, rất sến.

Hầu như tỉnh nào cũng có thi văn đoàn.

Còn bút hiệu, nào là MÂY ĐẠI DƯƠNG, SAO TRÊN RỪNG, TRĂNG BAN MAI, GIÓ NGÀN PHƯƠNG, MÂY TRÊN NGÀN...

Bút hiệu của tôi SƯƠNG BIÊN THÙY cũng ra đời từ dạo đó và người chọn cho tôi là nhà thơ ĐẶNG SĨ TỊNH.

Quảng Trị mình cũng ngon, cũng có những nhà thơ “nhón” xuất hiện trên các báo Sài Gòn, sao không chơi một cái thi văn đoàn nhỉ.

Một buổi họp mặt văn chương được tổ chức tại nhà tôi, mà lu nước mưa và cái gáo dừa là nguồn giải khát miễn phí.

THI VĂN ĐOÀN *GIỚI TUYỂN QUẢNG TRỊ* ra đời năm 1960, trong bối cảnh và điều kiện như thế.

Buổi đầu gồm các thi văn hữu như sau: PHẠM VĂN BÌNH, TRẦN ĐÌNH BÉ, ĐỖ TU NHƠN, ĐỖ TU NGHĨA, ĐẶNG SĨ TỊNH, LÊ THANH XUÂN, NGUYỄN VĂN TÁNH, THÁI TĂNG PHƯƠNG, LÊ CẢNH XINH, CHU VƯƠNG MIỆN, LÊ VĂN CHÍNH, HỒ THẾ VĨNH, NGUYỄN CHÍ KHẢ, NGUYỄN CHÍ KHÂM, NGUYỄN HỮU HIỀN, LÊ ĐÌNH CAI, DƯƠNG VĂN MUA, ĐỖ VĂN PHÚC, LÝ THƠ HIỆU, CHÂU THẠCH...

Chúng tôi chung tiền, góp bài, chuẩn bị cho số báo ra mắt thật oai hùng, để “nộ” các em nữ sinh, tình nhân.

Nhưng khi Phan Bá Ân và Lê Văn Chính đem vào nhà in ĐẠI HỌC của Viện Đại học Huế, họ đòi tiền in quá lớn, nằm ngoài khả năng chúng tôi.

Giấc mơ thi hào, thi bá tan biến.

Nhưng chúng tôi vẫn âm thầm sáng tác gửi về các tạp chí Sài Gòn.

Càng về sau, số lượng anh em Quảng Trị góp vào văn chương thủ đô ngày càng nhiều, có mặt trên các tạp chí BÁCH KHOA, GIÓ MỚI, PHỔ THÔNG, THỜI NAY, VĂN NGHỆ TIỀN PHONG, KHỞI HÀNH, NGÀN KHỞI, NGHỆ THUẬT...

Sau này, chúng tôi (LVL) mời thêm những văn thi hữu gốc QUẢNG TRỊ tham gia vào văn thi đoàn như sau:

PHAN KHÂM, LÊ VĂN TRẠCH, TRẦN PHI, TRẦN QUỐC PHIỆT, NGUYỄN LIÊN HUNG, NGUYỄN THỊ VĨNH PHƯỚC, NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI, LÊ NGỌC PHÁI, LÊ NGỌC KHA, HOÀNG LONG HẢI, PHAN SỸ TRUNG, HỒ SỸ MỪNG, NGUYỄN VÔ CÙNG,

NGUYỄN THỊ BẠCH THẢO, ĐÌNH QUANG TUYẾT,
GIANG THẠCH NHÂN, NGUYỄN THỊ NHO.

Tính tới nay, thi văn đoàn đã tròn 62 tuổi (1960-2022), dù không rầm rộ, không tiếng tăm lớn, nhưng nó vẫn âm thầm tồn tại.

Những CHU VƯƠNG MIỆN, ĐỖ VĂN PHÚC, NGUYỄN CHÍ KHẢ, NGUYỄN CHÍ KHAM, PHẠM VĂN BÌNH, NGUYỄN VĂN CHÁNH, SƯƠNG BIÊN THÙY, ĐỖ TƯ NHƠN, ĐỖ TƯ NGHĨA, PHAN PHỤNG THẠCH từ những ngày đầu, vẫn tiếp tục góp vào văn học nước nhà những tác phẩm văn chương có giá trị tính tới bây giờ.

Và sau, những PHAN KHÂM, CHÂU THẠCH, LÊ VĂN TRẠCH, LÝ THƠ HIỆU, NGUYỄN LIÊN HÙNG, NGUYỄN THỊ VĨNH PHƯỚC, ĐÌNH THỊ QUANG TUYẾT, NGUYỄN THỊ BẠCH THẢO, NGUYỄN TUYẾT MAI, LÊ NGỌC PHÁI, LÊ NGỌC KHA, VĂN THỊ DO, GIANG THẠCH NHÂN, VƯƠNG LỆ HẰNG, cũng có những tác phẩm quý góp vào văn học nước nhà.

THI VĂN ĐOÀN *GIỚI TUYẾN* QUẢNG TRỊ VẪN
TỒN TẠI TỚI HÔM NAY VỚI TUỔI THỌ ĐÃ 62 NĂM.

BÉ ơi,
TRẦN ĐÌNH BÉ ơi,
THẠCH NHÂN ơi

Bạn bè xưa vẫn nhớ tới bạn, nhớ con người lầm lũi, khi bước đi luôn nhìn xuống mặt đất phía trước, như người từ cõi trên hiện về.

Và bây giờ, bạn đã trở lại người cõi trên, là điều dễ hiểu thôi mà.

Phải vậy không bạn ta?

Dù em bạn, TRẦN ĐÌNH THÀNH, chưa tìm ra năm xương của bạn, nhưng sá gì một nhúm xương. Nhưng

chúng tôi vẫn tin, vợ con bạn vẫn an vui, một nơi nào đó, với niềm KIÊU HÃNH, chồng tôi, cha tôi, là một THI SĨ.

Hẹn gặp bạn vàng nơi suối vàng hay suối gì cũng được, miễn ngó thấy nhau, chộ nhau là nhất, phải không bạn ta, THẠCH NHÂN TRẦN ĐÌNH BÉ?

25. NHÀ THƠ THỤY SƠN, NGÀY KHÔNG GIÓ



Bài viết này, viết theo trường phái văn chương NGÃU HỨNG, do tôi TÁI SINH.

Tôi tìm thấy nó qua một bài báo cách nay hơn 65 năm.

Và từ đó tới nay, không thấy ai lên tiếng chủ quyền.

Nay, tôi tạm giữ làm CHA NUÔI.

Nay mai nếu có ai đòi lại, tôi xin trao lại, không điều kiện.

Thế nào là văn chương NGÃU HỨNG, xem hết quý Thượng đế sẽ hiểu,

Độc giả là Thượng đế.

Từ lâu lắm rồi, trên Facebook tôi đã gặp những bài thơ của bà.

Tôi đã nhìn, chiêm ngưỡng vẻ đẹp rất lạ lắm của chúng.

Tôi đã chột, đóng dấu mộc, vào đôi mắt cú vọ của tôi.

Tôi nâng niu, chiều chuộng, không một phút ngại ngùng, rời xa.

Đây là thơ của bà, nhưng tôi lại nghĩ là lời kinh, kinh thơ, lời của thần thơ.

“Người đàn bà cặm cũi

*Nhặt ký ức thời gian giấu vào gấu áo
Soi nhớ trong quên
Soi hình trong bóng
Thấy trắng trong đen
Thấy không trong có”.*

Đây là thơ chẳng?

Làm thơ 66 năm qua ba thể chế Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu, tôi chưa từng thấy những lời thơ lộng lẫy, kiêu sa như vậy.

*“Có tiếng nấc
Của bầy chim sẻ
Bỏ phố về rừng
Từ buổi can qua
Thương cọng lúa non
Oằn mình chín vội
Mai sa trường
Thiếu phụ hóa chinh phu”.*

Đọc những câu thơ của bà, tôi sướng làm sao, cả mê toi nữa.

Làm tôi nhớ tới giờ Việt Văn của 60 năm xưa, đệ nhị, khi ông thầy giảng bài *Tổng Biệt* của nhà thơ Tản Đà.

*“Lá vàng rơi rắc lối Thiên Thai
Suối tiễn, oanh đưa, những ngậm ngùi
Nửa năm tiên cảnh
Một bước trần ai
Ước cũ duyên thừa có thể thôi!
Đá mòn, rêu nhạt
Nước chảy, huê trôi
Cái hạc bay lên vút tận trời
Trời đất từ đây xa cách mãi.*

*Cửa động
Đầu non,
Đường lối cũ
Ngàn năm thơ thảo bóng trăng chơi”.*

Ngày đó, ông thầy nói, bài thơ của Tản Đà có nhiều THẦN NGŨ, đậm nét nhất là chữ VÚT. Nay thơ bà:

*“Tiếng NÁC của bầy chim sẻ
Chim về rừng từ buổi CAN QUA
Cọng lúa OẢN MÌNH CHÍNH VỘI
Mai sa trường
Thiếu phụ hóa CHINH PHU”.*

Tôi không thể nghĩ khác, đó cũng là những THẦN NGŨ...

Tôi còn nghĩ, bà không LÀM THƠ, mà là CAO THƠ.
Một câu, bà sắc lại còn vài chữ.
Một đoạn, bà sắc lại còn vài câu
Một bài, bà sắc lại còn dăm dòng.

*“Mai về
Tắm giặt trên sông cũ
Lòng nhớ
Bãi bờ phía bãi xa
Áo trắng vạt dài
Mây khói trắng
Dịu dàng em
Thuở ấy, 13.*

*Mai rồi
Hoàng hạc lặng im
Trên đồi cỏ
Một màu sim tím... chiều*

Về trường
Rung lên tiếng chuông
Yêu thương
Là cả bài thơ không đề”.

Thơ bà này, là thơ của ÁNH SÁNG.

Nhưng nay, thời nhiều nhượng, buổi can qua, nên tạm thời, thơ bà “bị” nằm trong BÓNG TỐI.

Ngay cả những cây bút gạo cội, những cây đa cây đề, trong giới phê bình cũng chỉ đề cập tới những điều không nằm trong chủ đích thơ của bà.

+ Thơ của bà, không phải dăm ba câu tình yêu nam, nữ.

+ Thơ của bà, không phải dăm ba câu về Thiên, về Phật.

Nếu chỉ vậy thôi, thì hóa ra thơ bà chỉ làm cho cuộc đời đềm đẹp

Nếu chỉ vậy thôi, hóa ra thơ bà chỉ là làm dáng trí thức.

Bây giờ, thời của nhiều nhượng, can qua, thời của “mời đi uống cà phê, mời lên phòng làm việc”, nên thơ bà lui về ở ẩn.

Những nhà phê bình kia, cũng có thể họ cũng nghĩ vậy, nên tốt nhất phớt lờ, không nên đào sâu, dao kéo, phẫu thuật...

Cho ổn yên!

Tại sao tôi nói rứa. Vì rằng thì là,

NGÀY KHÔNG GIÓ là một tai họa của lịch sử và dân tộc.

NGÀY KHÔNG GIÓ, đã thể hiện sứ mệnh của một người cầm bút, nơi đây là một thi sĩ và trách nhiệm công dân của bà đó.

Tôi không gọi tên, nhắc lại một lần nữa, tôi không gọi tên của bà, lý do tôi nói sau.

PHẢN KHÁNG và DỰ BÁO, chính là mục đích của tác giả.

Không may cho tôi, là tôi đã không ÔM được NGÀY KHÔNG GIÓ trong lòng, nên tôi bị nghèo nàn về phần trích dẫn thơ, làm phong phú cho ý tưởng của mình muốn diễn đạt.

CHIẾN TRANH, con quái vật chiến tranh, thế giới sẽ không bao giờ hết chiến tranh.

Sứ mệnh của thi sĩ là PHẢN KHÁNG CHIẾN TRANH.

Bà đã làm điều đó.

*“Hãy ngừng chiến tranh
Cho chim non còn tổ
Cá con bơi lội giữa ao hồ
Đời ngắn quá
Xin một lần dừng lại
Người thương người, biển cạn hóa mênh mông”.*

Chỉ có điều hơi lạ là bà kêu gọi người thương người, nhưng bà chỉ quan tâm chim, cá.

Theo tôi, cơ quan Liên Hiệp Quốc nên chọn bà làm đại sứ bảo vệ môi trường và súc vật.

Về bảo vệ môi trường thì bà đúng là một DŨNG SĨ.

Bảo vệ môi trường bằng thi ca:

*“Đêm hiện hữu
Quặn tiếng thở dài của biển
Sạc lở nổi buồn
Thủy táng niềm đau
Núi đã khô
Nghìn đêm rừng dịch chuyển
Dư chấn hỗn mang
Thương tích mặt trời
Con sông đổ xuống ngày sinh tử*

*Con sông không về
Liệt xác khúc trầm luân”.*

Thi ca của bà PHẢN KHÁNG chiến tranh và sự tàn phá môi trường.

Không những thế, chỉ có thế, mà bà con đưa ra nhưng DỰ BÁO về tương lai nhân loại.

NGÀY KHÔNG GIÓ, ấy là ngày Tận thế.
NGÀY KHÔNG GIÓ / NGÀY KHÔNG GIÓ / NGÀY
KHÔNG GIÓ

Cớ sao là Ngày Không Gió.
Có không là Ngày Không Gió.
Làm sao lại có Ngày Không Gió.
Làm gì có Ngày Không Gió.

Gió là sự di chuyển, vận hành của không khí, tùy áp suất, mỗi nơi, vùng này vùng nọ. Gió luôn hiện hữu, thường trực hiện hữu, hằng hằng có mặt.

Có gió to gió nhỏ. Gió mạnh gió nhẹ. Gió xa gió gần.
Không thể có NGÀY KHÔNG GIÓ.

NGÀY KHÔNG GIÓ là dự báo của bà về một NGÀY TẬN THẾ.

Bà không nói khơi khơi.

Đọc câu thơ của bà “xin làm người thấp nển”, làm tôi nhớ đến hai câu thơ của nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn:

*“Những đêm mưa, em có thấp ngọn đèn
Để soi sáng những góc lòng đen tối”.*

Ngọn đèn của Nguyễn Bắc Sơn, nói về cá nhân.
Ngọn nển của bà, nói tới số phận nhân loại.
Khi nào ngọn nển, đèn tắt là loài người tiêu vong.

Nói tóm lại, thơ của bà là thơ có sứ mệnh và trách nhiệm, không phải là thơ làm dáng trí thức hay làm đềm đẹp cuộc đời. Tôi nói lại.

Nói tới chiến tranh, thế giới sẽ không bao giờ hết chiến tranh.

Hết Việt Nam, qua Trung Đông, giờ là Nga/ Ukraine.

Thế giới này sẽ hết chiến tranh chỉ khi nào những THI SĨ được đóng vai trò lãnh đạo thế giới.

Chẳng hạn như lúc đó, bà thi sĩ này sẽ là VUA của nước Đại Cồ Việt, thì chiến tranh sẽ không còn.

Bài này là bài thứ ba tôi viết.

Bài đầu, tôi bị bà chê, hời hợt, không đụng “tâm” của thơ bà...

Bài hai, tôi bị cậu em - nhạc sĩ Cung Minh Huân - chê bố cục không mạch lạc, kết luận còn lỏng lẻo, chưa đụng tới “tâm” của ngòi bút “khùng thi sĩ”.

Và tôi nghĩ, hai người kia chê là đúng.

Tôi cũng chê!

Bài này, tôi không chê nên tôi tin, bà kia, cậu em và nhiều người khác, sẽ không chê.

Hy vọng là thế!

Đôi điều nói thêm ngoài bài viết,

10, 20, thậm chí 50 năm sau, NGÀY KHÔNG GIÓ sẽ được những nhà viết lịch sử văn học khai quật lên, như khai thác một mỏ vàng văn chương.

Lúc đó, bà sẽ được nhắc tên, bên cạnh Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan..., hẳn nhiên là với sứ mệnh khác, vai trò, vị thế khác, do việc khác thời đại ra đời và trưởng thành.

Hãy tin tôi đi! Tôi nói cảm sai!

Tôi cũng muốn nói thêm, nhưng tôi cảm tôi không được nói.

Đó là, nhan sắc pha trộn, tổng hợp giữa Đông Tây của bà.

Một chút Elizabeth Taylor, một chút Nam Phương
Hoàng hậu.

Một chút Audrey Hepburn, một chút Kiều Chinh.

Tôi cũng định nói thêm về chiếc áo đầm bà thường
mặc... mà tôi chỉ thấy trong truyện cổ tích, thần thoại và
những mệnh phụ bên trời Âu.

Phải thế không nàng?

Bây giờ thì tôi nói tại sao không gọi tên nàng!

Tôi sợ phạm húy và vô phép.

Tôi viết như ri, được chưa.

26. NHÀ THƠ TRẦN THỊ CỎ TÍCH, NGƯỜI RẮC MUỐI VÀO THƠ



Thời gian qua, truyền thông và báo chí trong nước và hải ngoại rầm rập loan tin về một người đầu bếp Thổ Nhĩ Kỳ, chủ nhân một quán ăn bên ANH, đã rắc muối lên miếng thịt bò dát vàng, phục vụ cho khách hàng với giá 50.000 Mỹ kim, tương đương với 22 tấn lúa...

Riêng tôi chuyện RẮC MUỐI đó chẳng đáng bận tâm. Có một thứ RẮC MUỐI KHÁC, cần quan tâm hơn, cần tuyên dương hơn, ngay chính trên quê hương ta, ngay chính trên quê hương xứ Quảng, từ mấy mươi năm nay mà không ai biết, mà không ai nói tới, đó là RẮC MUỐI VÀO THƠ.

NẾU BÀ HỒ XUÂN HƯƠNG KHÔNG RẮC MUỐI VÀO THƠ, LIỆU BÂY GIỜ CHÚNG TA CÒN NHỚ:

"Thân em như quả mít trên cây

Da nó xù xì, múi nó dày

Quân tử có yêu thì đóng cọc

Xin đừng mân mó nhựa ra tay"

(Quả Mít)

Hay:

"Một lỗ sâu sâu mấy cũng vừa
Duyên em dính dáng tự nghìn xưa
Chành ra ba góc da còn thiếu
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa".

(Cái Quạt)

Hay như BÀ HUYỆN THANH QUAN, nếu bà không
RẮC MUỐI VÀO THƠ, mãi tới nay chúng ta có còn
những dòng châu ngọc:

"Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại, trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta".

(Qua đèo Ngang)

Gần chúng ta hơn, thi sĩ QUÁCH THOẠI, nếu không
rắc muối vào thơ, liệu chúng ta còn nhớ:

NHỮNG BUỔI CHIỀU VIỆT NAM

"Tôi đã đi trên những buổi chiều
Những buổi chiều của quá khứ
Rất cô liêu
Và mưa gió rất nhiều
Trên những buổi chiều Việt Nam
Rất thân yêu
Của ngày nay
Tôi cũng đang đi đây
Ôi con đường dài xác xơ
Lá vàng heo may
Bóng dáng xanh xao
Những em bé ăn mày
Những người anh
Máu chảy cả đôi tay

*Chiều chiến tranh
Những mẹ già run sợ
Vì tiếng súng cối xay
Đêm sắp tới rồi
Người ta đang giết nhau quá mê say”.*

Chưa hết. Người rắc muối vào thơ tiếp theo là chàng thi sĩ 3 “tê”, THANH TÂM TUYỀN:

*"Ném mẩu thuốc cuối cùng xuống dòng sông
Mà lòng mình thì phơi trên kè đá
Chiều không xanh không tím cũng không vàng
Những ống khói tàu mệt lả”.*

Tiếp theo sau là chàng thi sĩ LUÂN HOÁN, nên chẳng gọi chàng là Người Rắc Muối vào mọi ngọn ngành thi ca?

Chàng rắc muối vào ĐĨA THƠ LỤC BÁT, mà chàng hay gọi là thơ 6/8. Chàng rắc muối vào TÔ THẤT NGÔN, đặc biệt là TÔ NGŨ NGÔN, một sở trường của chàng.

Lần này, với TRẦM KHÚC MÙA THU, chàng rắc muối vào một NỒI LẬU THẬP CẨM với vai trò một HẬU VỆ, viết BÁT bằng thơ, mà nhà thơ CAO THOẠI CHÂU, vị trí của một người lính KHINH BINH, viết lời TỰA hay còn gọi là GIỚI THIỆU.

Một ông phía trước ưỡn ngực ra, một ông phía sau đưa lưng, bảo vệ cho nữ tướng thi sĩ ở giữa, đang điều binh bố trận cho 80 thằng con là 80 bài thơ đủ mọi đề tài, thể loại, hiên ngang chiến đấu, kiên cường xung phong.

Tôi sẽ nói sau tài cầm quân của nữ tướng, mà tôi gọi là THÁNH NỮ RẮC MUỐI VÀO THƠ.

Bây giờ, chúng ta nhâm nhi NỒI LẬU THẬP CẨM của ĐÁNG TÀI HOA XÚ QUẢNG:

THAY LỜI BẠT

SÓT MỘT NỤ HỒNG TRÊN ĐẤT THƠ

*chưa xưa đã Cổ Tích rồi,
dù nhan sắc chẳng thua thời thanh xuân,
vâng tôi đang nhìn chân dung,
tự làm thầy bói đoán chừng cho vui
ngày xưa tôi ghé quê người,
mang súng lặn bút tới lui xóm làng,
núi cao đồi thấp lang thang,
bỏ sót nhiều cỗi đất vàng chưa qua
cho dù qua, khó nhận ra,
đóa hoa sẽ thử thi ca nuôi đời,
nhờ người tôi càng thêm vui,
hãnh diện đổ máu giữa trời đất thơ
Quảng Ngãi xưa Quảng Ngãi giờ,
tài hoa vẫn đượm ngọt ngào cỏ hoa,
những dòng thơ thật thiết tha,
mừng cô em gái nâng tà áo hương
Cổ Tích ngay giữa đời thường,
là giá trị khó đo lường ba hoa,
kẹo gương đường phôi mạch nha,
ngọt thơm hơi thở đậm đà tình thơ*

LUÂN HOÁN

(15.11.2017)

Bây giờ, NGƯỜI RẮC MUỐI VÀO THƠ mà tôi muốn nói lời giới thiệu là AI, quý vị đọc thơ sẽ biết:

MỘT MÌNH NHỚ LẠI, hồi xưa:

ông kia - nghe rõ đây nè

từ nay hồng được kè kè theo tui
ra về thầy bạn đông vui
lỡ ai ngó thấy tui chui chỗ nào
lại thêm cái thói tầm phào
giả đờ mượn vở, kẹp vào lá thư
nắng mưa nhuộm bệnh tương tư
mắc gì ông kể trong thư vậy cà
học đâu cái kiểu điệu đà
ép vào trang vở nhành hoa tím buồn
(hôm nay ngồi ngắm mưa tuôn
sao lòng cũng... thấy buồn buồn vậy ta...)
thôi ghen - tui nói thiệt à
từ nay chớ có rà rà theo tui...
nhưng này... nếu... muốn tui vui
hiên nhà xin đặt... một gùi... ổi thom.
(hay me cóc xoài gì ... cũng được).

Trần Thị Cổ Tích

Đây là một bài thơ tình TRÉ CON RẤT NGƯỜI LỚN.
Một bài lục bát ĐẸP TỐI BẾN.

Vừa răn đe, vừa chiêu dụ, vừa khếp lại trái tim vừa mở
lòng đón mời, vừa vỗ về vừa trách móc, trêu tức, ỡm ờ.

Không nói với nhau bằng ngôn ngữ mà bằng cử chỉ,
bằng nụ cười, khoe mắt gờ trao.

Một bài thơ tình đỉnh của thơ tình.

Ai cũng thấy mình trong đó.

Của hoài niệm tuổi thơ và tình ái học trò. Là bài thơ tình
không có tuổi.

Và vì sao tôi gọi NÀNG là THÁNH NỮ RẮC MUỐI
VÀO THƠ?

Vì rằng thì là, để tiến tới thời kỳ này, THÁNH NỮ,
NÀNG đã trải qua hơn 50 năm tu khổ hạnh với tôn giáo là
THI CA hay còn gọi là THI ĐẠO .

Năm 17 tuổi, niên học 1971- 1972, lớp 11C, cô học trò TRẦN THỊ TRÂM (TTCT) cuỗm một chiến lợi phẩm, dành cho GIẢI NHẤT MÔN VĂN TOÀN TỈNH QUẢNG NGÃI, giải thưởng gồm những tác phẩm văn học nổi tiếng Việt Nam và thế giới.

1/ CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH, gồm 4 cuốn, bản dịch của học giả NGUYỄN HIẾN LÊ

2/ THI NHÂN VIỆT NAM của HOÀI THANH và HOÀI CHÂN

3/ TỰ ĐIỂN TÂM NGUYÊN của tác giả BỬU KẾ

4/ CÂU CHUYỆN TRIẾT HỌC, Phùng Thăng dịch.

Và nhiều cuốn khác mà NÀNG không nhớ hết khi kể lại trên FACEBOOK.

Trước *TRẦM KHÚC MÙA THU*, tác phẩm NÀNG "chơi" một mình, NÀNG đã có mặt với nhiều trò chơi tập thể khác:

1/ VỀ NGUỒN - nxb Văn học, 2010

2/ MỘT NGÀN NHÀ THƠ HUẾ (tập 3) - nxb Thuận Hóa, 2010

3/ TRÀ GIANG THƯƠNG NHỚ - nxb Hội Nhà Văn, 2014

4/ 100 NĂM BÍCH KHÊ - nxb Hội Nhà Văn, 2016

5/ TÂN HIỆP THƠ - nxb Đồng Nai, 2015

6/ HƯƠNG XƯA GỞI LẠI - nxb Hội Nhà Văn, 2015

7/ LẮNG ĐỘNG THANH XUÂN - nxb Hội Nhà Văn, 2020

8/ THƠ VIỆT ĐẦU THẾ KỶ 21 - nxb Nhân Ảnh (Hoa Kỳ), 2018

Và nhiều bài viết đơn lẻ, cộng tác với các tạp chí, trang mạng trong nước và hải ngoại.

Từ một cô nữ sinh 17 tuổi năm 1971, 50 năm sau, tài sản của cô là một biển trời chữ nghĩa. Với ngàn ấy tác phẩm, lai láng nguồn thơ, sung mãn nhiệt tâm, một lòng đau đáu với văn chương, không ngừng nghỉ, không kịp thở, đuổi bắt nguồn thi hứng thường trực trong đêm, miệt mài giữa ngày, giữa bao nỗi lo toan, nhưng không sáng tác dồn dập mà chỉ nhả tơ khi cảm hứng đủ chín để viết thành thơ.

Thi sĩ theo học ban Anh văn, Trường đại học Sư phạm Huế, chưa kịp xong khóa học 4 năm thì phải từ giảng trường vào năm 1975, sau khi hết năm thứ hai, vì hoàn cảnh gia đình...

Về Quảng Ngãi, NÀNG là cô giáo dạy tiếng Anh, từng chuyên ngữ một số truyện ngắn văn chương Anh sang văn chương Việt.

Mọi người nghĩ sao, đánh giá thế nào, tôi không biết. Nhưng riêng tôi, tôi bái phục nhà thơ, một trí thức vẹn toàn.

Như thế đã đủ bảo chứng giá trị “tối luôn bác tài” chưa, cho một *TRĂM KHÚC MÙA THU*, tượng đài kiêu hãnh ngạo nghễ giữa cõi đời và người trăm nỗi buốt nhói, nhiều khê?

TRĂM KHÚC MÙA THU, là khúc ca, khúc hát mùa thu của một thiếu phụ tên TRĂM, TRẦN THỊ TRĂM.

Hay khúc nhạc mùa thu trời chiều quyến rũ, giữa thình không bao la bát ngát, của mùi hương TRĂM, QUẾ phảng phất Hương Phật Đà thấp sáng đêm đêm?

TRĂM KHÚC MÙA THU hay khúc nhạc trăm trăm, nghĩa là không bay bổng, mà là thâm thì lời nỉ non, tình tự của lúa đôi?

Thực sự, *TRĂM KHÚC MÙA THU* là gì?

TRĂM KHÚC MÙA THU là một tác phẩm văn học, còn được gọi là một tập thơ, còn được gọi là đứa con tinh thần của người thai nghén, mang nặng đẻ đau.

Với độc giả, nó là món ăn tinh thần.

Mà gọi nó là món ăn tinh thần, cũng có thể gọi là mồi.

Cũng có thể gọi *TRĂM KHÚC MÙA THU* là một bàn nhậu hay mâm cỗ văn chương.

Tôi cũng nói rằng, những ai không tham dự mâm cỗ này là một thiệt thòi lớn.

Tôi cũng nói rằng, những ai đến với mâm cỗ này mà vội vàng ra đi, hay rời bàn nhậu sớm, tôi gọi họ là những kẻ phá mồi.

Hãy ngồi vào bàn nhậu, thật lâu, phải nhâm nhi, phải ngấu nghiến, dùng vội nuốt, mới thấy được, mới cảm nhận được, ngoài vị mặn của muối, mà *THÁNH NỮ* rắc vào thơ, còn có vị cay đậm đà của hạt tiêu, khác xa cái cay tàn bạo, côn đồ của trái ớt chĩa vòi hay ớt hiểm chỉ thiên tàn canh gió lộng.

Muối, tiêu, còn thêm hành tỏi, tương chao xì dầu, thắm vào đĩa Lục bát, tô Tám chữ, vạm Ngũ ngôn và đừng quên nôi lẩu thập cẩm của ông vua lục bát *LUÂN HOÁN*, người lính vị trí hậu vệ, mà khinh binh là anh cả *CAO THOẠI CHÂU* trên trận địa quê nhà của nữ sĩ.

TRĂM KHÚC MÙA THU gồm 80 bài thơ nhiều thể loại, đan trải qua nhiều đề tài, nhiều cung bậc tình cảm, tình thơ ngút trời sương khói.

Nơi đó có tình nhà, tình nước, tình quê cùng tình bè bạn, không thiếu vắng một nhan sắc nào, một bóng dáng nào.

Kinh nghiệm bản thân cho tôi thấy rằng và chắc chắn tôi nói đúng.

Đọc thơ của cô TRÂM, chị TRÂM, bà TRÂM hay TRẦN THỊ CÔ TÍCH, trong TKMT một hai lần không thấy hay, nó đang nằm ngoài da, ngoài tai... Nhưng đọc nhiều lần, như tôi hơn 10 lần, tôi mới thấy hay, thấy ngấm tiếng thơ, hồn thơ mới len vào tâm hồn, trái tim người thưởng thức.

Nghe tôi, bạn làm như vậy đi. Thú vị lắm. Đã vô cùng...

Hãy nghe tác giả bày tỏ kinh nghiệm một lần hôn nhau, bạn sẽ thấy đã ôi là đã, với nụ hôn đầu đời thiếu nữ:

KHI TA HÔN NHAU

*"em kiễng chân lên
háo hức đón từ anh
nụ hôn mùi thuốc lá
lửa trời hừng hực
em ngún dần ngún dần
cháy đến tận cùng trên môi anh*

*khi anh hôn em
nụ hôn mùi rượu chát
hương xuân tràn căng ngực
nồng nàn bút rứt
tim em đảo đảo say mềm*

*khi ta hôn nhau
nụ hôn mùi thuốc phiện
anh dật dờ trong cơn nghiện
quần quai nổi nhớ mộng du
khi ta hôn nhau
nụ hôn từ tạ
đất hỏi trời mưa sao mắt em ướt thế
mây hỏi gió rừng sao cỏ úa trên mi anh*

*cây hỏi cây sao tiếng hót ban chiều bay mắt
người hỏi người
sao lòng quá chặt
ta hỏi mình
tình nào không chênh vênh”.*

Đẹp như thế, thơ hay như thế, lãng mạn hơi bị nhiều như thế...

Thơ tình của NÀNG nhất nhất vô phương chuyển tải.

BẮT ĐẦU

*đã bắt đầu đêm nghĩ về nhau
phương xa dòng nước có xanh màu
thuyền qua từng nhánh sông lấp lửng
có nhánh riêng nào cho mai sau*

*đã bắt đầu mơ, bắt đầu mơ
nửa khuya trăng thả một giòng thơ
à ơi ve vuốt hoài thân sóng
sóng rung sóng động sóng vỗ bờ*

*đã bắt đầu nhớ một người thôi
nghe chùng hơi thở đốt bờ môi
nghe chùng hương ám luôn da thịt
gió xoắn về đâu gió rã rời*

*đã bắt đầu quên băng nỗi buồn
náo nức lưng trời thánh thót chuông
ngày lên trời tiếng kinh cầu ấy
lặng lẫy trong lòng một tiếng... thương*

Đọc thơ tình của TRÂM, TRẦN THỊ CÔ TÍCH.

Khỏe re. NÀNG thật thà khai báo hết. Ta chỉ biết đọc, nghe, thưởng thức, vui sướng với cái hạnh phúc của NÀNG.

Đọc, nghe, ngắm, vui, sướng.

Cảm ơn NÀNG.

CÓ THỂ LÀ NHƯ THỂ

*có thể đến một lúc nào đó
(cũng có thể ngay phút giây này)
ta không còn yêu nhau nữa
em vẫn yêu
tình - của - chúng - ta
yêu những lá thư
những câu thơ những nụ hôn
tuôn trào dung nham hừng hực
từ núi lửa yêu thương
từ nỗi lòng ủ kín*

*mười năm bươn bả ngược dòng
vội vã yêu
cuống quýt nâng niu tháng ngày lạc mắt
mười năm
thơ là máu nuôi tình
sông núi mịt mờ gửi nỗi nhớ nuôi nhau
mười năm
nước mắt ngâm biển mặn
trái đắng nuốt trong lòng
chưa muối nỗi tình sâu...
dẫu thế nào
vẫn mãi là em
người canh giữ ngôi đèn nhỏ
xây bằng những câu thơ
riêng cho một chuyện tình*

Độc thơ tình của TRÂM, TRẦN THỊ, tôi chợt nhớ tới bài hát mà tôi chỉ nhớ một câu. Nhưng không sao, thơ TRÂM giúp tôi đỡ nhớ.

*“ANH YÊU EM
ANH YÊU EM
NHƯ RỪNG YÊU THÚ DŨ”*

Cảm ơn. NÀNG cũng mãnh liệt không kém:

*“NHỮNG NỤ HÔN
TUÔN TRÀO DUNG NHAM HÙNG HỰC
TỪ NÚI LỬA YÊU THƯƠNG
TỪ NỒI LÒNG Ủ KÍN”*

*“MƯỜI NĂM
THƠ LÀ MÁU NUÔI TÌNH
SÔNG NÚI MỊT MỜ GỬI NỖI NHỚ
NUÔI NHAU
MƯỜI NĂM
NƯỚC MẮT NGÂM BIỂN MẶN
TRÁI ĐẮNG NUỐT TRONG LÒNG
CHƯA MUỐI NỒI TÌNH SÂU”*

Những câu thơ hay khủng khiếp.
Độc mà lạnh xương sống.
Sướng ơi là sướng!
Cảm ơn NÀNG,
TRÂM, TRẦN THỊ...

Xin thưa quý Thượng đế,
Độc giả là Thượng đế,
THƠ TÌNH CỦA BÀ ÁY LÀM TÔI ÁM ĐÀU

TÔI MUỐN SỐT

Bài thơ sau đây sẽ làm chúng ta HẠ HỎA, nếu như quý vị cũng cao máu như tôi!

*Đã đến lúc chấm dứt thôi.
Chứ thơ bà ấy hay như thế!
Thơ tình thì như thuốc phiện, bạch phiến...
Đọc, đọc và đọc...
Ai mà chịu thấu.*

Bài thơ này như liều dược thảo, giải tỏa nguồn cơn.

NGÀY TÔI VỀ QUẢNG NGÃI CÓ VUI KHÔNG?

*tôi đã về Quảng Ngãi có vui không
nắng sân ga run run màu hạnh ngộ
sợi tóc mềm ngân nga lời ca nhỏ
vỗ về tôi bao con sóng dịu dàng*

*ngày tôi về Quảng Ngãi có vui không
tách cà phê gọi hương mùa xanh cũ
gió sông Trà thổi tung niềm xa xứ
đời phong ba nay tìm lại quê nhà*

*đón tôi về Quảng Ngãi có vui không
khuya biển thức kể chuyện đời giông bão
mắt người sâu mà nổi sầu chưa cạn
lời riêng chung chén rượu cháy môi cười*

*buồn hay vui cũng xin cùng ngòi lại
quá nửa dốc đời mấy nẻo phù vân
tôi trở về ấm tình quê tình bạn
gọi bao lần
Quảng Ngãi dấu yêu ơi...*

Đọc thơ tình của TRẦM, ta đã "hot", lên cơn sốt, đôi lúc và có khi nóng đầu và chóng mặt.

Đọc *NGÀY TÔI VỀ QUẢNG NGÃI CÓ VUI KHÔNG*, thân yêu, dịu dàng, sức nức mùi quê hương, sông nước, cỏ cây hoa lá miền thôn dã.

Lòng ta đã lặng thầm, lâng lâng hồn nước tình quê.

Vậy, tiếp tục chơi tiếp, chạy, bay, nhảy vào vườn thơ 4 chữ của TRẦM, như một sở trường của NÀNG, mang nét THIỀN và TRÍ TUỆ rất đổi sáng ngời của một dáng đáp đạo hạnh.

TRÊN CÁNH MÂY TRÔI

*tôi dành cho tôi
một ngày tĩnh lặng
ngồi vẽ đời mình
trên cánh mây trôi*

*mây suốt đời bay
qua rừng qua núi
ngắt ngưỡng phiêu bồng
một cõi mênh mông*

*tôi dành cho tôi
trọn lời yêu dấu
chôn hết u sầu
vào chốn hư không*

*đời vui theo nắng
lên đồi thông ngàn
bỏ quên cay đắng
bỏ quên phũ phàng*

*tôi dành cho tôi
một đóa sen ngời
nở từ muôn kiếp
trên môi Phật về*

Trần Thị Cổ Tích

10.11.2021

(nói tiếp bài thơ TÔI DÀNH CHO TÔI)

TÔI DÀNH CHO TÔI

*tôi dành cho tôi
một ngày tĩnh lặng
ngồi xếp đời mình
trong chiếc lá khô
lá đã từng xanh
hết mình xanh ngắt
lá đã từng vàng
ngây ngắt thu sang*

*tôi dành cho tôi
bộn bề nhang khói
ngơ ngác nỗi buồn
biệt dấu trăm năm*

*mùa đi thao thức
chôn lời ước thề
chuyện tình đau nhức
mù không nẻo về*

*tôi dành cho tôi
một đóa hoa ngời
nở từ muôn kiếp
trên môi một người*

(1918)

THƠ TÌNH CỦA TRÀM NHỨC NHỐI QUÁ. BỎ ĐI
KHÔNG ĐÀNH.

CÙNG NHAU CHÚNG TA "NHÂM NHI" MỘT BÀI
NỮA THÔI NHÉ.

TRĂM KHÚC MÙA THU

*dẫu chỉ một phần trăm hy vọng
anh vẫn gửi em lời tỏ tình mạo hiểm
không hề gạn lọc chuốt trau ngôn từ đẹp đẽ
xây xắm quay cuồng anh bối rối lời thơ*

*làm sao đây
khi em đã ném đi chiếc chìa khóa mùa xuân
trong một ngày trái tim không còn nguyên vẹn
những mảnh vỡ niềm tin băm nát linh hồn*

*trả lời thế nào đây
bóng tối thời gian dần khép
ta còn gì cho nhau ngoài xưa cũ não nề
hai mảnh đời chập chờn màu hư ảo
chữ yêu thương sao có thể nguyên lành*

*đừng trách chi lời chối từ nghiệt ngã
đã dừng lại trong em từ lâu những nốt nhạc tình
ở xa kia anh núi cao chơ vơ chiều sương khói
xin cúi chào người
muộn mắt rồi
em, bóng nhỏ đường mưa*

(2019)

Nhà thơ là một người con của Huế, sinh ra và lớn lên ở
Quảng Ngãi.

Nỗi nhớ thương HUẾ đau đáu trong lòng.
Đây là một bài thơ NÀNG làm cho HUẾ ngày trở về quê xưa chốn cũ.

VỀ HUẾ

*bước rón rén khẽ giật mình trưa Huế
tôi trở về tìm trong-vất-nụ-thời- gian
hoàng thành xưa xốn xang màu rêu nhớ
sông Hương ngừng trôi sững một câu hò
tôi vén từng con sóng tìm em
tìm bóng dáng bạn bè
tìm giấc mơ giấu trong lòng Huế
thước lá non tơ cứ tưởng đã xanh cành*

*em bỏ Huế đi đâu
để bao năm qua những con đường quên ngủ
hoa bằng khuâng ray rứt tím trên đồi
nhịp Trường Tiền nửa vòng cong lơ lửng
Túy Vân bạc đầu khăn giộng gọi mùa xanh*

*siết tay Huế
siết tay những ngọt ngào rất Huế
phút yên bình
tôi cười khóc với... tôi xưa...*

TRÂM, TRẦN THỊ, là một cô gái HUẾ.

Rất đẹp.

Những điều khác, tôi đã nói hay không can đảm nói.

Nàng đẹp đến nỗi có một ông nhà thơ nọ, ngoài thất tuần, thấy chân dung nhan sắc NÀNG cảm lòng không đậu, cũng phóng bút bốn câu thơ tội nghiệp biết mấy, Thượng đế ơi.

"NGƯỜI ĐẸP, THƠ HAY
NHÌN, ĐỌC ĐỀU SAY
ĐÚNG LÀ Ủ RƯỢU
MEN THI TUYẾT THAY"

Để chấm dứt bài viết này, dù lòng tôi chưa muốn, tôi xin kể một giai thoại văn chương, không biết gọi giai thoại văn chương có đúng không, LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI ĐÀN BÀ HUẾ.

Chuyện kể rằng thì là:

Trong một cuộc rượu giữa những nhà văn, nhà thơ gốc Hà Nội tại Sài Gòn vào giữa thập niên 60, không biết câu chuyện rượu chè dẫn dắt thế nào, nhà văn TRẦN PHONG GIAO phán:

"VỚI ĐÀN BÀ HUẾ, CHỈ NÊN LÀM TÌNH NHÂN, ĐỪNG NGU LẤY LÀM VỢ".

Câu nói này tới tai bà NHÃ CA TRẦN THU VÂN.

Bà giận tím gan, dầm mật. Kẹt một nỗi là lúc đó bà đang cặp bồ với thi sĩ TRẦN DẠ TỬ Lê nào vì mày mà tao mất chồng.

Thế là bà vận động, kéo lôi, thăm thì, chiêu dụ hai bà nhà văn TÚY HỒNG, NGUYỄN THỊ HOÀNG cùng gốc Huế, lập tổ TAM TAM, HỢP ĐỒNG TÁC CHIẾN, BA MŨI GIÁP CÔNG, TIỀN PHÁO HẬU XUNG...

Trợ lực cho ba bà có thêm hai ông Bắc kỳ 54 NĂM VÙNG, MAI PHỤC, ĐỘN THỔ là TRẦN DẠ TỬ. đang xàng xê bà NHÃ CA, nhà văn THANH NAM đang đá lông nheo bà TÚY HỒNG.

Kết thúc trận địa, nhà văn Trần Phong Giao phải xin lỗi công khai trên báo chí, trong một tiệc rượu sau đó mà Trần Phong Giao phải chung chi khá đậm.

Chuyện này vẫn giới trước 1975 râm ran.

27. NHÀ VĂN TRẦN HOÀI THUR, TÊN CAO BỒI HAI SÚNG



Chân dung Trần Hoài Thư - dinhcuong (2014)

Bút danh của chàng là Trần Hoài Thư. Nhưng tôi không nói cho quý vị biết hẳn là Trần Hoài Thư đâu.

Tên khai sinh của hẳn là Trần Quý Sách.

Trần Quý Sách là một ký thác định mệnh, do ông cụ thân sinh đặt cho hẳn.

Hẳn biết điều đó, nên khi bắt đầu cầm bút như một vũ khí thứ hai, hẳn chơi luôn, tới luôn, tự đặt tên cho mình là Trần Hoài Thư.

Con là một đứa con họ Trần, Quý Sách.

Vâng, con phải là một gã họ Trần, Hoài Thư.

Quý Sách hay Hoài Thư thì cũng thế.

Một người nào đó là Quý Đô La, chúng ta không nên sợ.

Nhưng chúng ta phải coi chừng, phải sợ, cái con người Quý Sách hay Hoài Thư.

Cái con người Quý Sách hay Hoài Thư này là báo hiệu của một sự khủng khiếp ghê gớm, chẳng phải chơi đâu.

Và quả đúng như thế.

Hắn đã lên đường, đã xuống bút, đã ra tay và rút súng và chơi hai súng. Đó là những năm cuối của thập niên 60.

Đó là những năm mà Mai Thảo, Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền, Võ Phiến, Vũ Khắc Khoan, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế đang ngự trị chói lọi trên đỉnh cao Văn Học, là những đàn anh, bậc thầy mà tuổi trẻ cầm bút chúng tôi phải kính trọng, phải vị nể.

Họ khen một tiếng, chúng tôi mừng. Họ chọn đăng một bài trên *Sáng Tạo*, *Hiện Đại*, *Nghệ Thuật*, *Thế Kỷ Hai Mươi* là chúng tôi thích thú lắm.

Thế mà với hắn, cái anh chàng Trần Hoài Thư này, thì khác.

Hắn được đàn anh, bậc thầy tôn vinh, trọng vọng, nể nang ra mặt.

Vì hắn đang báo hiệu một sự khủng khiếp.

Và tàng tàng, đều đều, cứ thế, những truyện anh xuất hiện trên *Bách Khoa*, *Văn Học*, *Văn*, *Khởi Hành*, *Thời Tập*, *Ý Thức*, *Nghệ Thuật*..., những tạp chí ngạo nghễ của một thời văn học thịnh vượng, để chừng cách nay đã trên 30 năm.

Bây giờ ở đây, trước mặt, trên tay của quý vị, là *Ra Biển Gọi Thầm*, tên đứa con của hắn.

Hắn là đứa cực kỳ khôn ngoan.

Ra Biển Gọi Thầm là khôn.

Ra biển mà gào, mà la, mà hét là thua. Thua ngay.

Vì tiếng gào của hắn, tiếng la của hắn, tiếng hét của hắn, so với tiếng gào của sóng, tiếng hét của gió, tiếng la của mưa thì có nhắm nhò chi mô, có ăn thua chi mô.

Nhưng *Ra Biển Gọi Thầm* thì phê lắm. Rất ăn tiền.

Ra Biển Gọi Thầm thì lại có người nghe. Tại răng rứa? Là vì chàng đang gọi thầm với kỷ niệm, gọi thầm với quá khứ, gọi thầm với người chết, gọi thầm về quê nhà trong trí nhớ, hoài niệm.

Hắn là đứa đang sống, cho và vì, những cái không còn.

Tôi có một ý nghĩ vừa chợt đến, mà trong sáng nay, lúc thức dậy vào 2 giờ sáng để viết về chàng, tôi chưa nghĩ ra.

Là chàng, trong thế giới hoài niệm và dĩ vãng, chàng có thể là Vua, mà chàng cũng có thể là Dân.

Chàng có thể ngồi ở vị trí quan tòa hay đứng trước vành móng ngựa để nhận chịu bản án.

Tôi muốn nói là chàng có thể hóa thân hay bị hóa thân, từ và vì, những bóng ma dĩ vãng.

Kiều hãnh cho chàng biết bao và cũng tội nghiệp cho Trần Hoài Thu biết bao.

Ra Biển Gọi Thăm.

Hình ảnh của một Đạo Sĩ.

Hắn ông ta đang nhìn về phía mặt trời mọc.

Ông phải có một cây gậy trong tay. Hình ảnh mới tuyệt cú mèo.

Trần Hoài Thu, hãy võ trang cho ông già một cây gậy.

Và hẳn nhiên, ông già tóc phải trắng toát đầu bạc.

Tôi sẽ không nhắc lại tên đứa con của anh là *Ra Biển Gọi Thăm*.

Vâng tôi sẽ không nhắc lại.

Trong một mẫu quảng cáo anh gửi cho tôi nhờ đăng trên tạp chí *Dân Việt*, đại để:

Xin mời đọc vào trung tuần tháng 11

Ra Biển Gọi Thăm.

Tuyển tập 21 truyện ngắn của Trần Hoài Thu.

Có một điều anh đã làm tôi khổ, làm đau đớn cái thân già của tôi.

Điều đã làm tôi bật khóc.

Đó là anh viết:

Từ một ngôi trường đại học, với người bạn gái Trung Quốc từ chối ở lại Mỹ để trở về cùng Thiên An Môn.

Vâng, từ một trường đại học, với người bạn gái Trung Quốc từ chối ở lại Mỹ, để trở về cùng Thiên An Môn.

Còn tôi thì sao? Lê Mai Lĩnh.

Còn mày thì sao?

Bao giờ thì mày từ chối ở lại Mỹ để trở về cùng Thiên An Môn Sài Gòn, Thiên An Môn Hà Nội.

Trong thơ mày, mày đã viết:

Cùi đã có nhân dân, lửa đã có đồng bào.

Hãy thấp sáng lên một trời quật khởi.

Thì tại sao mày chưa về để cùng nhân dân, chiến hữu của mày làm nên điều đó, một Thiên An Môn Việt Nam.

Đồ chó chết. Đồ hèn. Đồ Lê Mai Lĩnh.

Hắn đã làm tôi khóc và tôi nguyện rửa tôi.

Cảm ơn Trần Hoài Thư đã cho tôi những dòng nước mắt.

Từ những dòng nước mắt bạn cho tôi đó, tôi tin là đời tôi sẽ khác hơn.

Trần Hoài Thư phone cho tôi, nhờ tôi viết cho anh một cái gì đó về đứa con của anh, dù còn 15 ngày nữa mới ra khỏi nhà in.

Tôi nhận lời ngay bởi hai lý do.

Một là, chỉ có tôi mới đủ thẩm quyền viết về anh. Tôi nghĩ vậy. Anh và tôi có cùng chung nhiều mẫu số. Cùng là Con Người, cùng một Tổ Quốc, cùng một đội ngũ, cùng một chứng nhân trong chiến tranh, cùng là dân chơi hai súng, cùng xuất thân từ lò Thủ Đức, cùng trong Ban biên tập tờ *Bộ Binh* của trường, cùng quan điểm không cho mình là kẻ chiến bại trong cuộc chiến vừa qua, cùng là thứ tù khổ sai của CỘNG SẢN, cùng là thứ lưu dân. Cái cùng sau hết, cùng cầm tinh Con Ngựa, tuổi Ngọ. Với ngần ấy cái cùng, tôi đủ “chơi” với Trần Hoài Thư.

Tôi nói điều này với Trần Trung Đạo và tôi hứa với gã nhà thơ họ Trần, là nếu tôi viết dở, tôi không còn là bạn của anh. Tôi mong bài viết này không làm tôi mất Trần Trung Đạo, như trước đây khi viết về Trần Văn Lệ, vì quá hay, tôi đã mất Lệ.

Hai là, được anh nhờ viết, là một vinh dự cho tôi. Được viết về Trần Hoài Thu là một niềm hạnh phúc của tôi. Được anh nhờ, được lọt vào mắt xanh của anh, tôi nghĩ chắc mình cũng ngon cơm. Biết đâu, nhờ hào quang của anh, tôi bớt đi sự tăm tối. Tôi tự biết mình. Tôi không bằng anh.

Trước năm 1975, đọc giả của anh nhiều lắm. Tôi thì ít xin. Trước năm 1975, nghe nói tên anh, nhiều người sợ. Tôi thì chẳng ai sợ cả. Thiệu-Kỳ-Khiêm sợ anh. Hồ-Duẩn-Đông sợ anh. Lãm-Du-Quang sợ anh. Một ngòi bút có sức mạnh bằng cả sư đoàn. Điều này có không? Nhưng một ngòi bút có thể bỏ tù một chế độ, trước nhân dân, trong lịch sử, tôi tin là có thật.

Nhưng mà, cái anh làm cho nhiều người sợ thì đàn bà họ không sợ anh. Vì thế anh có nhiều đọc giả nữ. Từ đó anh có nhiều mối tình, nhiều tình nhân. Phải thế không người anh em. Thành thật khai báo đi “đồng chí” ạ.

Sợ tôi chờ đợi lâu, không có thời gian để đọc, để viết, chàng gửi tập bản thảo cho tôi. Và tôi đã nhận. Và tôi đã đọc. Và tôi đã sợ. Tôi không còn ý định hăm hờ nữa, để đụng vào tác phẩm của chàng.

Đó là một bản phác thảo toàn bộ bản chất của chiến tranh Việt Nam. Đó là một pho tượng vô hình, khổng lồ mà mắt tôi không thể thấy hết. Đó là một bản cáo trạng, mà trong đó có hình ảnh của tôi như một thủ phạm, dấu gián tiếp, mơ hồ. Đó là một tấm gương soi thấu suốt từ dĩ vãng tới tương lai.

Tôi khán kiệt, tôi mặt rệp. Tôi u tối. Xin ông cho con đầu hàng. Bỏ cuộc. Tôi nhìn lại Lê Mai Lĩnh và tôi nhìn lại

đứa con của anh, *Ra Biển Gọi Thâm*, tôi nói với lòng tôi, chớ tưởng bỏ nghe con, chớ đại ngôn, khoác lác nghe con. Đờ Lê Mai Lĩnh.

Hắn là con Đại Bàng, mày là chim sẻ.

Hắn ta là Hải Âu, chim Ưng, mày là gà què. Nhớ nghe con. Tôi không nói ngoa đâu.

Trong khi tôi là Con Rùa (Địa phương quân), sáng từ đồn dẫn trung đội xuống đường, rà mìn, lục soát, cho lính bố trí, canh gác xong, lên võng nằm đọc sách, báo. Chiều, bắn ba phát súng, hiệu lệnh cho thu quân, vào đồn, để đêm với dân, với Việt Cộng, mặc cho chúng tuyên truyền, thu thuế, bắt người và giết người. Tàng tàng, ngày lại ngày. Nắng mưa đều như rứa hết.

Trong khi đó, đại bàng Trần Hoài Thư nhảy trực thăng, leo núi đá, đột nhập, truy lùng, bao vây, phục kích, phản kích khắp các chiến trường, mặt trận, có mặt trên hầu hết các điểm nóng của chiến tranh Vùng Hai.

Trong khi tôi thì mỗi cuối tuần, bằng mọi cách, tìm về nhà ngủ với vợ, vợ mới cưới còn thơm mùi mít, thì hắn không có ngày, có đêm, miệt mài trong rừng sâu, giữa hố bom, tròng gai nhọn, đá núi sắc, hiên ngang, anh dũng, quần thảo với giặc như một hiệp sĩ, như một người hùng với khẩu súng cầm tay và ngòi bút từ tim.

Khẩu súng khạc ra lửa và ngòi bút làm nên chữ, nên văn. Anh viết bằng máu của chính mình và đồng đội. Từ đó, tác phẩm của anh mang sức mạnh của những trái pháo, những tạc đạn, những quả mìn, làm rung động Ngũ Giác Đài, là sụp đổ Điện Cẩm Linh, làm thoi thóp những thầy ma còn di động ở Bắc Bộ Phủ.

Đúng như thế đó. Lối viết của anh, hay lối đánh của anh, chiến thuật cũng như chiến lược, là chiêu đánh ngày trước của Nguyễn Trãi, Tâm Công. Đánh vào lòng người. Với lối đánh đó, chiến trường không có xác chết, súng đạn

không làm thành chiến lợi phẩm, nhưng làm nên những trái tim nhức nhối, những lòng người thao thức, những phận đời đắng cay. Anh làm cho kẻ thù của anh, cũng như kẻ thù của nhân dân anh, anh làm cho đồng minh của anh, cũng gọi là người bạn của nhân dân anh, ngày ăn không ngon, đêm ngủ không yên.

Tác phẩm của anh là tấm gương soi, nhìn thấy cái bản mặt của chúng. Tàn ác là phản bội. Đạo đức giả vô luân. Không bỏ qua, cái bọn nhân danh lãnh đạo, để buôn bán chiến tranh, là xác chết đồng đội và máu xương đồng bào. Tác phẩm của anh sẽ trở thành bất tử. Lời tố cáo của anh, qua tác phẩm, sẽ sống mãi với thiên thu. Anh chơi tối đa, dù không nói ra, tao sẽ bỏ tù chúng nó, trong lịch sử. Hoan hô Trần Hoài Thu.

Không phải nghi ngờ, anh là nhà văn đích thực, anh chàng còn là một thi sĩ. Nhưng để đó, tôi sẽ làm việc sau với anh.

Vâng, Đại bàng Trần Hoài Thu là như thế. Không nói sai một tác, một ly. Vậy thì mày là cái thá gì mà dám đụng vào Đại bàng, hồi thằng Lê Mai Lĩnh mắt sâu râu rậm.

Đúng như thế. Anh là Đại bàng, tôi là chim sẻ. Anh là đại dương, tôi là ao tù.

Thôi tôi sợ ông lắm rồi. Nhiều thằng sợ ông, thêm tôi nữa, có sao. Ông tha cho con. Anh tha cho em. Mày tha cho tao. Tôi sợ đụng vào đứa con của anh lắm lắm.

Thưa anh Trần Hoài Thu,

Tôi nói dzậy, nhưng không phải dzậy. Anh biết tính tôi mà. Đã hứa là phải làm. Đã chơi không biết run. Tôi sẽ tới luôn. Một trăm phần trăm. Cạn ly.

Vâng. Một trăm phần trăm. Cạn ly.

Tôi sẽ không nói với quý vị, *Ra Biển Gọi Thăm* gồm 21 truyện ngắn. Tôi cũng sẽ không nói với quý vị, tập truyện dày 222 trang không tính cả bìa.

Tôi cũng quên luôn, và quý vị cũng không cần nhớ, truyện có bao nhiêu nhân vật. Già, trẻ, sồn sồn, dậy thì, vị thành niên, đực hay cái. Không nhớ là tốt. Nặng óc. Nhọc thân.

Nhưng có điều mà chúng ta không thể quên. Cái điều này nó đã làm thay đổi mọi số phận. Cái điều này nó không tha, không từ chối, phủ bóng đêm đe dọa lên mỗi người chúng ta. Tôi muốn nói tới con quái vật chiến tranh.

Vâng. Con quái vật chiến tranh. Mà là chiến tranh Việt Nam. Một thứ chiến tranh không giống ai. Một thứ chiến tranh mang quá nhiều bộ mặt ba trợn, ba que, ba xạo. Một thứ chiến tranh mang tính chất xà bít. Nó không phân định lẫn ranh, giới tuyến, không có hậu phương, tiền tuyến rõ ràng, dứt khoát. Chiến tranh trên mỗi mâm cơm, từ một quả lựu đạn ném vào. Chiến tranh trên mỗi chiếc giường ân ái, từ một quả đạn pháo kích rớt xuống. Từ một cỗ quan tài nổ tung, người chết hai lần, do một quả mìn chôn giấu dưới mặt đất. Vân vân và vân vân. Trong một cuộc chiến tranh, mà chính nghĩa và phi nghĩa, được hiểu như thế nào cũng được.

Một cuộc chiến tranh thực kỳ cục. Một cuộc chiến tranh không giống ai. Một cuộc chiến tranh, mà trong khi người lính ngày đêm săn lùng, tìm kiếm, truy kích, tìm diệt đối phương, kẻ thù, thì cấp lãnh đạo, ông tướng mặt trận lại đi bán gạo, thuốc tây cho kẻ thù Việt Cộng.

Cứ như thế. Hết biết. Không giống ai. Không giống con giáp nào. Mập mờ. Lùng khùng. Chao đảo. Ngả nghiêng. Rối như tơ. Đen như mồm chó.

Và Trần Hoài Thư đã xuất hiện. Ngòi bút của anh là thứ ánh sáng rọi vào bóng đêm, đem ánh ngày lại, phân biệt

phải trái, đúng sai, với anh, với bạn bè, cho cuộc đời phía trước.

Trong *Nhật Ký Hành Quân*, trang 129, anh viết: “Tôi đang viết về một thảm kịch cho con cháu chúng ta trong tương lai, để sau này khi lớn lên chúng sẽ hiểu về cuộc chiến này”. Đúng như thế. Tác phẩm của anh là một thông điệp gửi tới tương lai. Nhà văn Trần Hoài Thu làm cái công việc đại diện cho chúng ta, nói lên cái thảm kịch chiến tranh Việt Nam vừa qua, để khi lớn lên, con cái chúng ta hiểu về nó, tức là cũng để cho chúng hiểu về chúng ta mà thông cảm và tha thứ. Nếu thiếu điều này, sự hiểu biết về chiến tranh Việt Nam, chúng sẽ nguyên rủa chúng ta. Chúng sẽ nghĩ, chúng ta là những kẻ bỏ ngũ và thua cuộc.

Trong ý nghĩ đó, Trần Hoài Thu còn có sứ mệnh của một nhà chép sử. Người chép sử, thoát ra từ vị trí chúng nhân và nạn nhân, bằng máu của chính mình, qua ngòi bút, vẽ lên những trang sách bi tráng, từ đau buồn hiện tại, báo hiệu niềm lạc quan vô bờ ở tương lai, từ cúi mặt nhận chịu hiện tại tới ngẩng cao đầu kiên hãnh mai sau. Nhất định là như thế. Rõ ràng là như thế.

Trần Hoài Thu đang làm cái công việc trả Sự Thật lại cho Sự Thật, sau nhiều năm im lặng. Một lần nữa, riêng tôi, xin cảm ơn nhà văn Trần Hoài Thu.

Thưa quý vị,

Xin quý vị hãy coi như này giờ tôi không nói gì hết, tôi không hiểu gì hết. Chim sẻ làm sao hiểu được đại bàng, ao tù làm sao biết được ngọn nguồn của đại dương.

Tôi cũng có cảm tưởng là biết đâu, trong số quý vị có mặt hôm nay, cũng như tôi, một số ít người, sẽ không hiểu thấu đáo, tường tận những gì nhà văn Trần Hoài Thu gửi gắm qua tác phẩm của anh, *Ra Biển Gọi Thăm*.

Đặc sệt, nhưng nhúc, lữ lượt những chữ và chữ, qua 222 trang sách, không đếm xuể dòng nào, truyện nào, cũng có cái bóng chiến tranh trùm kín, khóa lấp, tràn đầy.

Đúng như thế. Vì chủ đề của *Ra Biển Gọi Thảm* là viết về chiến tranh, nói về chiến tranh. Vì thế cho nên, muốn đi vào trái tim đen của chàng, đi vào những ngõ ngách tâm hồn chàng, chúng ta hãy xem, hãy nhìn, hãy khám phá, hãy nghiên cứu, hãy căng thần kinh, hãy bết con mắt, hãy banh lồng ngực xông tới, tìm cho ra, nắm cho vững, đâu là bản chất của chiến tranh Việt nam.

Chỉ khi nào chúng ta hiểu được bản chất của chiến tranh Việt Nam, chúng ta mới hiểu được tâm hồn chàng, nỗi đau cũng như niềm vui của chàng.

Trong ý nghĩ đó, tôi định là những trang kế tiếp bài viết này, tôi thử đề nghị với quý vị, một cái nhìn về Bản Chất Cuộc Chiến Tranh Việt Nam.

Nhưng buổi chiều nay, Trần Trung Đạo phone cho tôi, nói với tôi gởi gấp bài viết về Trần Hoài Thư để đánh máy cho kịp số báo sắp phát hành là tờ *Đông Tâm* của anh Trần Minh Trí và Nguyễn Thanh Huy. Tôi OK.

Do vậy, phần nói về bản chất của chiến tranh Việt Nam xin quý vị cho tôi khất lại lần khác, số sau tôi sẽ trình bày.

Nói về nhà văn Trần Hoài Thư, có lẽ tôi còn nói nhiều hơn nữa.

Tạm thời xin ngưng ở đây.

Điều sau cùng tôi muốn nói là xin cảm ơn song thân anh, đã cho ra đời một Trần Quý Sách. Tiếp đến, tôi cảm ơn chị Trần Hoài Thư và những người nữ đã đi qua trong đời chàng. Từ những trái tim nồng nàn của những người nữ đó, đã kết thành một Trần Hoài Thư nhà văn và nhà thơ.

Hoan hô người đàn bà.

Muôn năm những người nữ.

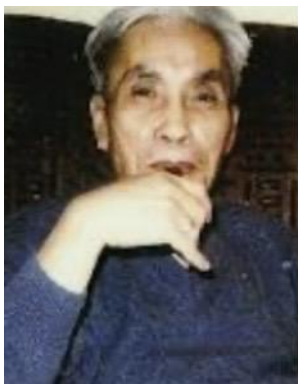
Vạn tuế những người tình.

Cảm ơn những đôi mắt thật sắc, những mái tóc thật dài, những nụ hôn nồng cháy.

Mắt đã chém, tóc đã cột, nụ hôn đã cảm tù, cho ta biết thế nào là Thú Đau Thương khi trái tim khóc những dòng lệ đỏ.

Điều này tôi nói hộ cho Trần Hoài Thư và mượn Trần Hoài Thư nói hộ cho lòng mình.

28. NHÀ THƠ THANH TÂM TUYỀN, BUỔI NHẬU LÒNG TRÂU XÀO CÁI CHUA



Trước năm 1975, tôi mê ông, tôi thương ông.

Tôi ghiền **TÔI KHÔNG CÒN CÔ ĐỘC**, tôi ghiền **LIÊN, ĐÊM MẶT TRỜI TÌM THẤY. CÁT LẦY, BẾP LỬA**, tôi cũng ghiền tuốt.

Nhưng **BẾP LỬA**, tôi ghiền cách khác. Tôi ôm nó như ôm người tình, cho tới những ngày trước lúc đi trình diện cải tạo.

Nó là cuốn sách đầu tiên của ông là tác phẩm thứ nhất.

Tôi sẽ nói điều này trong một bài khác, về đứa con đầu tiên, một định mệnh nghiệt ngã, của người cầm bút, như **DẤU BINH LỬA** của Phan Nhật Nam, **ĐÔI CÁ THIÊN**

THU TIẾNG MẸ CUỒI của Trần Trung Đạo, như ĐÊM GIÃ TỪ HÀ NỘI của Mai Thảo, như NHÃ CA MỚI của Nhã Ca, hay THỔ DÀI của Túy Hồng, TẶNG VẬT TỎ TÌNH của Trần Dạ Từ.

Trước năm 1975, tôi chưa gặp ông, dù cùng Đà Lạt. Ông bên Võ bị, tôi bên Tiểu khu. Có thể đã có lúc ngồi chung quán cà phê hay cùng một xuất chiếu bóng, nhưng tôi không biết mặt ông.

Vào tù, năm 1979, tôi K4, ông K2.

Mãi tới khi tôi viết thư cho Lê Duẩn đề nghị thay đổi đường lối lãnh đạo, họ chuyển tôi sang trại K2. Cùng trại với ông, tôi theo sát thần tượng của mình.

Giữa ông và tôi có giao ước bắt thành văn. Khi ông có thăm nuôi, có bột ngọt, ông nạp cho tôi. Tôi mỗi ngày phải “triều công” cho ông rau xanh và sắn, mà tôi chôm chia được của trại.

Sau đó, tôi là một trong năm anh em cứng đầu, bị chuyển trại về K1, tôi chia tay anh.

Anh hay tôi, ai ra khỏi trại trước, sau, tôi không biết. Nhưng gặp lại nhau tại một trại mộc, đường Lê Văn Duyệt, do người bạn tôi, bạn tù và bạn văn nghệ, là anh Lê Xuân Nho, khóa 1 Chính trị Kinh doanh Đà Lạt, cũng là người ái mộ ông, làm chủ kinh doanh.

Bấy giờ, anh NHO nhờ tôi làm đầu bếp cho toán thợ 5 người.

Mỗi ngày tôi đi bỏ mồi bia, sinh tố, cho các quán giải khát, canh giờ về nấu ăn.

Mỗi người góp 5 đồng và lon gạo một ngày.

Thức ăn chỉ hai thứ, canh và xào.

Một ngày nọ, tôi đạp xe vào vùng sâu, gặp một bà bán “chửi” lòng trâu.

Tôi mua ba kí lô. Buổi chiều hôm đó, trại nghỉ sớm để
nhậu.

Trong đó có “đại thi hào” Thanh Tâm Tuyền có mặt.

Nói là lòng, thực ra không phải lòng. Nói lòng, cho oai,
khỏi mất mặt bầu cua cá cọp.

Vì, gọi là lòng, thì phải có tim, gan, phèo, phổi.

Nhưng đây chỉ là ruột trâu. Không biết đực hay cái, già
hay trẻ, bệnh hay không. Chơi tươi hạt sen.

Mồi là vậy, rượu là Alcohol pha nước lạnh. Cũng nhâm
nhi, tới luôn đi, bác tài, Dzur Văn Tâm, là tên của nhà thơ.

VÌ ÔNG, TÔI MẤT 500

Một ngày cận Tết, bạn tôi, ông Cử nhân Chính trị Kinh
doanh, không chạy ra tiền trả công cho 5 người thợ, trong
đó có nhà thơ TÔI KHÔNG CÒN CÔ ĐỘC.

Mà tôi thì biết, ông sẽ cô độc đêm nay, nếu không có
đồng nào cho bà TÚ XƯƠNG, những người kia cũng thờ
vấn than dài.

Cầm lòng không đậu, tôi móc túi 500 cho bạn mượn,
khi nào có thì trả.

Lúc đó vừa mới đổi tiền, 500 tương đương 5.000.

Từ đó, gặp bạn tôi không làm sao mở lời đòi nợ.

Có một lúc, bạn làm cho một công ty ngoại quốc gần
nhà tôi.

Mỗi lần tôi đến, bạn mời tôi (như hỏi lỗi) cũng được gọi
là trám mồm, một ly cà phê sữa đá và hai điếu 555.

Tôi câm như thóc, không nói lên lời.

Thực tình nếu không có chúng, tôi cũng không nói lên
lời.

Trên đời, tôi ghét nhất hai thứ: ĐÀN BÀ và ĐI ĐÒI
NỢ.

Đàn bà, để đó, tôi tính sau.

Riêng những ai mắc nợ tôi, hãy tự động đem trả cho tôi trước giờ giao thừa. Nếu không, qua Tết là xù.

Vậy là, quý vị nợ tôi suốt đời.

Trên đây là nội dung thông báo, tôi viết trên bảng đen, khi còn QUÁN BÊN ĐƯỜNG mà tôi là chủ, và mẹ của con tôi, là cô gái Huế, RẤT HUẾ.

Sau khi trại cửa đóng cửa, tôi và ông ít gặp nhau.

Nhưng có một lần, tôi đưa bà bạn của tôi là một giáo sư Việt Văn trường Đồng Khánh đến thăm ông. Vì bà thắc mắc một câu trong BÉP LỬA, mà nhà văn chấm câu rất lạ.

Thay vì, TRỞ VỀ MÁI NHÀ XƯA.

Ông lại chấm câu thành TRỞ VỀ MÁI NHÀ. XƯA.

Tôi để hai người nói chuyện.

Tôi ngồi nhìn cái nốt ruồi của bà nơi khoe miệng. Như nốt ruồi ca sĩ Thanh Lan.

Nốt ruồi bà là thật, vì có đôi lần tôi đã lung tung. Nhưng nốt ruồi cô ca sĩ kia, tôi chưa lung tung, nên không biết thật hay không.

Lần sau tôi đến, ông hỏi cậu nhật đầu con đàn bà thông minh thế.

Tôi nói, từ trên trời rơi xuống sau một cơn bão.

Một lần khác, cô thư ký tôi (thư ký nhà văn) đi Đà Lạt, tôi quỳ xuống năn nỉ cô tiêu giùm 500. Khi về, cô tặng tôi 10 đóa bông hồng, tôi đem tặng lại tác giả TÔI KHÔNG CÒN CÔ ĐỘC.

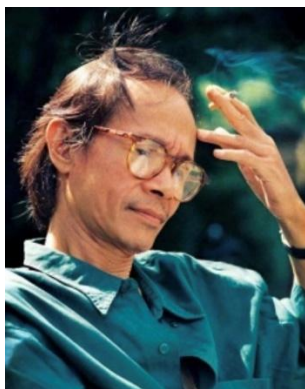
Ông không còn cô độc là khi gần Tết, ông có 100 đưa về cho bà “quản giáo”, chứ ông mà về tay không, ông cô độc liền!

Biết thế, nên tôi cúng cô hồn cho thằng bạn tôi, bây giờ đang ở bên Nam Cali, LÊ XUÂN NHO, 500 để ông có 100, ông nờ.

Tôi đang ngậm ngùi nhớ ông đây!

Thần tượng văn chương của tôi, một thời!

29. NHẠC SĨ TRỊNH CÔNG SƠN, THẨM KỊCH CỦA MỘT THIÊN TÀI



“Trong bóng tối tôi đã hát về bóng tối. Tôi đã quen thuộc bóng tối đến độ mà tôi đi trong nó mà không phải thấp đèn. Tôi đã sống với bóng tối như một kẻ được sinh ra mà định mệnh của nó là niềm tuyệt vọng. Rất may, giai đoạn này đã khép lại kịp thời. Khép lại vĩnh viễn với một đất nước đã được giải phóng hoàn toàn, giành lại độc lập, thống nhất và hòa bình”.

(Trịnh Công Sơn/ trích từ tạp chí *Cộng Sản*).

Hơn 40 năm nay, kể từ lúc cầm bút tập tễnh làm thơ, viết văn, tôi đã có một điều tâm niệm là: "Trước cái chết của một đồng loại, nếu không nói được những gì thơ thो, tốt lành thì tốt nhất là nên im lặng". Nhưng rồi, 40 năm qua tôi đã có lần tự cho phép mình xé rào, vượt lệ, là đã nói về cái chết của tên bạo chúa Hồ Chí Minh. Hẳn nhiên là với những lời không thơ thो, tốt lành chút nào.

Hôm nay, trước cái chết của người nhạc sĩ thiên tài Trịnh Công Sơn, tôi chỉ muốn im lặng, dù trong đời sống mấy mươi năm lưu lại trên cõi đời này không phải ông không có những sai lầm. Thậm chí như, cách nay ba tuần

(hôm nay 20-5-2001) một độc giả ở Canada viết thư yêu cầu tôi lên tiếng về những hiện tượng không bình thường sau cái chết của ông, với nội dung như sau:

Canada ngày 14 tháng 4 năm 2001

Anh Mai Lĩnh thân mến,

Tôi là một chiến hữu như anh và rất phục anh qua tác phẩm ĐÚNG NGỒI KHÔNG YÊN. Tôi lưu ý tới phần viết về nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Tuy bút pháp của anh có hơi nặng tay, nhưng với kẻ thù không nên khoan nhượng là đúng. Ngày 1-4 vừa qua, tôi có nghe TCÔNG SẢN đã chết trước khi báo chí hải ngoại đưa tin. Con người hấn chết, mang xuống tuyền đài một mối hận. Đâm sau lưng chiến sĩ, giúp kẻ thù xâm lăng và dày ải dân tộc. Rồi kẻ chiến thắng cũng chẳng ban phát bổng lộc gì. Cái tài của hấn, tưởng đã tự do sáng tác, nào ngờ còn bị trói tay. Từ đó đến giờ, hấn chẳng sáng tác bài nào ra hồn. Gọi là nhạc phản chiến, tuy chúng ta không thích, nhưng có một số người ưa. Miền Nam lúc đó tuy đang chiến tranh, nhưng văn nghệ sĩ vẫn có cái quyền tự do tối thiểu. Nhưng ngày 30-4, hấn lên đài hô hào ủng hộ và hoan hỉ khi cái gọi là cách mạng thành công. Thì rõ ràng nhạc hấn bấy lâu nay là nhạc phản bội chứ đâu phải là nhạc phản chiến. Người chết rồi đáng lẽ để yên. Nhưng một tờ báo lớn ở Toronto Canada (TB) đã trình trọng loan tin cái chết của hấn, hình màu trang bìa và cả ở trong. Bài của TK thì hết lòng ca tụng công đức của hấn như một thiên tài âm nhạc phục vụ đại chúng. Và hứa sẽ đăng tiếp. Tôi hy vọng và kỳ vọng, với ngòi bút sắc bén của anh, hãy chặn đứng lại những âm mưu biến kẻ có tội với dân tộc thành một kẻ có công với dân tộc và nhân loại.

Mến

ký tên/Luân

Kèm theo thư là bản copy bài báo và tranh ảnh của TCỘNG SẢN.

Ngay sau đó, tôi đã trả lời người đọc giả thân quý của tôi như sau:

- Một: tôi cảm ơn sự ưu ái và tin tưởng anh dành cho tôi.
- Hai. Trường Kỳ là một nhà báo chuyên nghiệp và bình thường. Tiếng nói của anh ta không đại diện và phản ảnh nguyện vọng chung của quần chúng nên chưa đáng cho mình đôi co, đối thoại.
- Ba. Tôn trọng sự đau đớn hiện nay của gia đình người nhạc sĩ, tôi chưa thấy có gì cần lên tiếng lúc này.

Thế là, tính tới ngày 20-5, sau khi đọc xong hai số báo VĂN đặc biệt viết về Trịnh Công Sơn (TCỘNG SẢN) của ông Nguyễn Xuân Hoàng, tôi quyết định phá bỏ sự im lặng, là tôi đã im lặng được đúng 50 ngày.

LÝ DO PHÁ BỎ SỰ IM LẶNG

Sau ngày TCỘNG SẢN qua đời, tờ báo VĂN của ông Nguyễn Xuân Hoàng ở Bắc California ra hai số đặc biệt viết về TCỘNG SẢN với những tên tuổi tương đối có vị thế trong sinh hoạt Văn học Hải ngoại như Đặng Tiến, Trịnh Cung, Đinh Cường, Bùi Bảo Trúc, Vũ Thư Hiên, Thượng Văn...

Chính vì nó được viết bởi những tên tuổi như thế nên tác hại của nó sẽ lớn lao, nếu không có sự phản hồi đúng mức, những trả đũa thích đáng ..

Tôi không nghĩ là khi thực hiện số báo này, ông Nguyễn Xuân Hoàng làm theo đơn đặt hàng của Hà Nội. Nhưng qua số báo này, với những tên tuổi và nội dung như thế,

hắn những người lãnh đạo Hà Nội phải rung đùi cười hay vỗ tay reo hò.

Vì tờ báo này đang làm cái công việc trao vòng hoa cho một “tên bò bút”, một tên tự sát về mặt sinh mệnh chính trị, để nạp mạng cho Bác và Đảng, mà đáng ra Thành ủy TP.HCM phải nhân danh ban lãnh đạo Đảng thực hiện điều này.

Thế nhưng, Bộ Chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam đã mừng hụt.

Ông Nguyễn Xuân Hoàng thì không ngờ tới, và ngay cả những tác giả mà tôi vừa nói tới, họ cũng không ngờ tới rằng đây là một vòng hoa giã hay hoa dờm...

Dù được hay bị nhìn dưới lăng kính nào, âm nhạc hay chính trị, thì người nhạc sĩ của chúng ta đã là người của lịch sử.

Do vậy, khi phán đoán về một con người của lịch sử, chúng ta phải có một cái nhìn công bằng, không thiên vị, hay nói một cách khác, anh phải phán đoán vừa bằng cái đầu vừa bằng con tim.

Những tác giả tôi vừa nói, họ viết thuần bằng CON TIM, thiếu CÁI ĐẦU.

Thậm chí có tác giả trong chiều hướng muốn nói tốt cho bạn, bênh vực, nhưng thực chất bài viết lại là lời tố cáo hay buộc tội cho bạn.

Diễn hình như, ông Đặng Tiến viết: *“Anh là người được hưởng nhiều bổng lộc của chính quyền, nhiều hơn những cán bộ vào sinh ra tử trong cả hai cuộc chiến tranh”*.

Hay một đoạn khác, cũng Đặng Tiến viết: *“Về phía Trịnh Công Sơn, anh cũng khéo léo thỏa hiệp với chính quyền mới”*.

Trong khi đó, Vũ Thư Hiên cho biết Trịnh Công Sơn đã tâm sự như sau: *“Mình nhiều lúc ngã lòng, nhất là khi mình thấy người ta chẳng hiểu gì về mình, chỉ bới mình, hành hạ mình”*.

Đến nỗi, muốn thỏa hiệp cho xong. Nhưng nghĩ lại, thấy không được. Nghệ sĩ không thể thỏa hiệp với CÁI XẤU, CÁI ÁC” (tạp chí *VĂN*, số 53/54, trang 92).

Người ta ở đây là Cộng Sản (chẳng lẽ là bọn Chống Cộng tại hải ngoại).

Muốn thỏa hiệp cho xong.

Thỏa hiệp ở đây là thỏa hiệp với Cộng Sản (chẳng lẽ là thỏa hiệp với bọn chống Cộng Sản tại hải ngoại).

Nghệ sĩ không thể thỏa hiệp với cái Xấu, cái Ác.

Cái Xấu, cái Ác ở đây ám chỉ Cộng Sản (chẳng lẽ bọn chống Cộng hải ngoại là cái Xấu, cái Ác). Ông Đặng Tiến thì cho rằng kết luận : TRỊNH CÔNG SƠN KHÉO LÉO THỎA HIỆP VỚI CHÍNH QUYỀN MỚI, chữ “KHÉO LÉO” ông Đặng Tiến dùng ở đây là rất “ĐỀU”. Ông Bùi Bảo Trúc thì viết: *“Trịnh Công Sơn trong thế đứng khó khăn, thế đứng dựa vào NHÂN BẢN và DÂN TỘC đó, ông đã giữ được cho đến lúc qua đời mặc dù trong đời sống, đã có lúc ông bị buộc phải đi trên sợi dây cheo leo, dưới chân là bờ vực hiểm nghèo”*.

Ông Thượng Văn viết: *“Chúng ta quên rằng trong lúc sinh tiền, Ông (Martin Luther King) là người đã nhiều lần lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh của Mặt trận Giải Phóng ở Miền Nam thời chiến tranh. Thế thì tại sao chỉ và phải là Trịnh Công Sơn”*.

Trong một đoạn khác, ông Thượng Văn mượn lời của René Wellek và Austin Warren trong *The Theory of Literature* để nhằm ý bênh vực họ Trịnh như sau: *“Văn chương không thể thế chỗ cho xã hội học hay chính trị. Văn chương có biện minh riêng và cứu cánh riêng”*. Và Ông Thượng Văn đặt câu hỏi: *“Ca ngợi về tình yêu như Trịnh Công Sơn đã làm trước và sau 75, phải chăng cũng là một thái độ chính trị?”* (*VĂN*, trang 95). Ông Trịnh Cung viết: *“Chúng ta không biết bị kịch đó nên chúng ta có những ngộ nhận đáng tiếc”* (*VĂN*, trang 80). Bà Khánh

Ly nói: “*Và Ông đã ở lại Việt Nam. Ông đã sống những tháng ngày ở Việt Nam sau năm 75 bằng cả một tấm lòng. Một tấm lòng, một trái tim không nặng nề cho dẫu là có những đau đớn Ông phải trải qua, có những nỗi oan Ông phải gánh chịu*”. Bà Khánh Ly, một đoạn khác: “*Bởi vì ở Ông Trịnh Công Sơn, điều vĩ đại nhất, vĩ đại hơn cả những tác phẩm của ông là Nhân Cách, Nhân Phẩm của ông*” (VĂN, trang 123). Bà Kiều Chinh nói sáng hôm nghe tin ông mất: “*Được sống cùng thời với Trịnh Công Sơn là một vinh hạnh*” (VĂN, trang 45).

Rất chi nói xa nói gần, rất chi nói bóng nói gió, nói khéo léo, nói chanh chua, nói chanh cốm, những người này ngầm ý cho rằng, do những nghi ngờ, do những ngộ nhận, do chụp mũ, do những oan khiên từ phía những người chống Trịnh Công Sơn trong hàng ngũ Quốc gia, đẩy anh ta vào thế cô đơn, buồn chán, thất vọng mà chết. Ngoại trừ bài của Ông Đặng Tiến mang tính hai mặt, cho rằng Quốc gia giết Trịnh Công Sơn hay Cộng Sản giết Trịnh Công Sơn cũng được, còn những bài khác không một ai đặt nghi vấn hay vấn đề là phải chăng Cộng sản đã giết chết Trịnh Công Sơn? Phải chăng theo những người này (ngoài ông Đặng Tiến) thì Cộng Sản vô tội trong cái chết của Trịnh Công Sơn về mặt xác phạm cũng như về mặt sinh mệnh chính trị?

Mục đích viết bài này, tôi muốn ném một quả tạc đạn vào bọn người nhân danh bằng hữu của Trịnh Công Sơn, nhưng chính họ đã dự phần làm tan nát uy tín và danh dự của người nhạc sĩ tài hoa. Nếu viết bài này có gì liên quan tới họ Trịnh, là chỉ vì ông đã để cho bọn này đứng bám sát vào ông gần quá, nên ông là người bị ăn mảnh đạn. Chứ trong thâm tâm tôi, với ông, tôi không muốn nói thêm điều gì nữa. Ông SƠN, xin ông đừng buồn tôi.

TRƯỚC NĂM 1975, TRỊNH CÔNG SƠN LÀ CON NGƯỜI CỦA ÂM NHẠC.

Có nhiều người cho rằng, ngay từ trước năm 1975, Trịnh Công Sơn đã là người theo Cộng Sản. Tôi phủ nhận điều này. Tôi có những lý do khả tín để phủ nhận điều này. Trước năm 1975 tôi có hai người bạn văn nghệ, nhà thơ Lê Văn Ngăn và họa sĩ Lê Ký Thương. Lê Văn Ngăn là trung sĩ Quân tiếp vụ vùng 2, địa bàn hoạt động là Tuyên Đức/Đà Lạt. Tôi là trung úy, Trưởng ban Chiến tranh Chính trị chi khu Lạc Dương, Đà Lạt. Anh là bạn thiết thân văn nghệ của tôi nhưng cũng là nguồn cung cấp sữa Quân tiếp vụ cho các con tôi. Bấy giờ, lương trung úy của tôi 27.000 đồng một tháng. Tôi nuôi ba đứa con của tôi bằng sữa Quân tiếp vụ. Mỗi tháng ông trung sĩ bán cho tôi 2 thùng là 96 lon. So với thời giá bên ngoài rẻ được khoảng 200 đồng. Nhưng mỗi lần đến nhận hàng, tôi thường bao thi sĩ Lê Văn Ngăn và hai đệ tử của trung sĩ một châu nhậu khoảng từ 500 tới 1.000 đồng. Chắc có người hỏi tôi tiền đâu có. Tôi xin thưa, tôi còn một đầu lương vợ là 30.000 đồng với cấp đại úy Trưởng phòng Tâm lý Ty Cảnh sát (con gà) Đà Lạt.

Có một lần sau mùa hè đỏ lửa, trong bàn nhậu tôi nói: *“Tướng Tư lệnh Vùng con c., gì mà mỗi lần đi hành quân đều hỏi ý kiến thầy bói. Như vậy, thầy bói chỉ huy chứ đâu phải Tướng Hoàng Xuân Lãm chỉ huy”*. Ngay lúc đó cô chủ quán tới bàn nói: *“Các anh nói nhỏ nhỏ, ông Lãm đang tưới hoa ngoài kia kìa”*. Chúng tôi nhìn qua vườn bên cạnh, Tướng Lãm đang tưới hoa trước căn nhà loại mobile house dành cho Tướng Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Hình như tôi đang lang thang ngoài vườn địa đàng (lạc đề).

Điều tôi muốn nói là sau 1975, anh Lê Văn Ngăn về quê vợ ở Qui Nhơn. Anh trình với Ban quân quản, rằng trước 1975 anh có hoạt động cho Cách mạng tại Đà Lạt. Lãnh đạo Ban quân quản yêu cầu anh về lại Đà Lạt, tìm gặp cơ

sở nằm vùng tại địa phương xin giấy CHỨNG NHẬN là anh có hoạt động cho Cách mạng trước 1975. Anh Lê Văn Ngăn có được tờ chứng nhận đó nên được vào biên chế làm việc cho tờ báo *Nghĩa Bình* tại Qui Nhơn sau 1975.

Người thứ hai, họa sĩ Lê Ký Thương, cũng thế. Cơ sở nằm vùng địa phương Phan Rang cấp giấy Chứng nhận cho anh. Anh được vào biên chế trong Hội Nhà văn Khánh Hòa và làm việc cho tạp chí *Cánh Én*. Nếu Trịnh Công Sơn trước 1975 có hoạt động chính thức cho Cộng Sản, hẳn anh cũng có Giấy chứng nhận và chỗ đứng sau 1975 như nhà thơ Lê Văn Ngăn hay họa sĩ Lê Ký Thương, chứ anh không phải trải qua những ngày thê lương, thảm bại như Trịnh Cung viết: “*SON phải trốn ra Huế sau khi được đánh tiếng là sẽ bị thủ tiêu bởi vì tính chất hai mặt của SON trong âm nhạc và tính chất hai mặt của SON trong cuộc đời. Bởi vì SON là bạn của những nhân vật cao cấp của chính quyền Sài Gòn. SON đã từng viết CHO MỘT NGƯỜI NĂM XUỐNG về cái chết của Lưu Kim Cương và đồng thời với HAI MƯƠI NĂM NỘI CHIẾN từng ngày, thì điều đó người Cộng Sản không chấp nhận. Tôi nghe kể lại cuộc họp ở khu người ta lên án Trịnh Công Sơn. Sau đó Sơn phải về Huế để tìm một nơi nương tựa bởi vì ở đó Sơn có nhiều anh em. Anh hy vọng là họ sẽ giúp đỡ mình. Nhưng tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Ở đây SON còn bị nặng hơn nữa là bị tố cáo tại các trường học, các biểu ngữ giăng lên. SON phải lên đài truyền hình Huế nhận lỗi của mình mà người ta gọi là bài thu hoạch. SON rất khéo léo trong bài nhận lỗi đó. Chính SON kể cho tôi nghe. Hoàng Phủ Ngọc Tường không đồng ý bài đó. Nói phải viết lại vì chưa thành thật”.*

Từ hai trường hợp Lê Văn Ngăn và Lê Ký Thương, liên hệ qua trường hợp Trịnh Công Sơn, tôi nghĩ rằng trước 1975, ông chưa phải là một người Cộng sản.

CÒN NHU NHẠC PHẢN CHIẾN CỦA TRỊNH CÔNG SƠN THÌ SAO?

Có người gọi Trịnh Công Sơn là nhạc sĩ “phản chiến”. Tôi không đồng ý như thế. Trước khi là tác giả của những bài ca lấy lòng một cõi mênh mông, số lượng những ca khúc tình yêu, quê hương, thân phận vượt quá xa con số những bài ca phản chiến. Trịnh Công Sơn cũng không phải tác giả duy nhất hay độc quyền phản chiến. Phản chiến (chống chiến tranh) là tâm lý chung của nhiều người vào giai đoạn đó. Nó không phải là một tuyên ngôn độc quyền của ai cả. Vào thời đó, trong hàng ngũ những người cầm bút, lại là cầm bút trong quân đội, đã phát sinh ra nhiều nhà văn, nhà thơ cũng phản chiến như ai, cũng phản chiến như họ Trịnh.

Phía nhà văn nổi bật có Thế Uyên, Trần Hoài Thư, Lâm Chương, Trần Doãn Nho, Hà Thúc Sinh, Hồ Minh Dũng... Phía nhà thơ nổi bật nhất có Nguyễn Bắc Sơn hàng đầu, sau đó là Phan Nhự Thức, Hà Nguyên Thạch, Thái Tú Hạp, Lê Văn Ngăn, Lâm Hảo Dũng, Phan Lạc Giang Đông, Tô Thùy Yên, Sương Biên Thùy... Điều đặc biệt lạ lùng nhất, cũng để nói lên một thứ tự do lạ lùng nhất, là tạp chí *KHỎI HÀNH* của Hội Văn nghệ sĩ Quân đội lại là tờ đăng nhiều văn thơ phản chiến nhất, cũng nhiều người phản chiến như Trịnh Công Sơn. Nhưng SƠN đứng đầu đường tên mũi đạn vì bộ phận âm nhạc phổ biến rộng rãi hơn, thích hợp với quần chúng hơn và nghệ thuật diễn đạt tư tưởng và ngôn ngữ của họ Trịnh độc đáo và xuất sắc nhất.

Công bình mà nói, nhạc phản chiến của Trịnh vô thưởng vô phạt. Người nào khôn ngoan, biết khai thác, thì có lợi cho phe mình. Thế thôi. Họ Trịnh, qua nhạc phản chiến, không làm tay sai cho Cộng sản hay Quốc gia. Khi viết văn, làm thơ phản chiến, các ông nhà văn, nhà thơ

cũng không nghĩ mình làm tay sai cho ai hết. Có chăng làm tay sai, là họ làm tay sai cho chính tâm hồn họ và tâm hồn thanh thiếu niên, con người thời đại bấy giờ, nói chung.

Biết tôi đang viết loạt bài này vào thời gian đang lên cơn suyễn nặng, có lúc phải vào nhà thương cấp cứu, nên thỉnh thoảng ông bạn nhà văn Lâm Chương gọi điện thoại hỏi thăm xem tôi còn sống hay đã chết. Cách nay năm phút, ông gọi hỏi thăm và cho biết một chi tiết liên quan tới Trịnh. Theo Lâm Chương, là sau 1975 trong trại cải tạo, ông có đọc một bài viết do họ Trịnh thuật lại chuyến đi vào BUNG của SƠN. Tôi chợt nhớ ra tôi cũng có đọc bài báo đó. Nhưng tôi vẫn nuôi giữ ý nghĩ, là ngay cả bấy giờ họ TRỊNH vào BUNG thì chuyến đi như chỉ để thỏa mãn tò mò, như một chuyến du lịch mạo hiểm, do sự thúc đẩy của tính lãng mạn nghệ sĩ, chứ không phải thực tình tham gia Cách mạng hay Cộng Sản. Với tôi, nếu có ai rủ đi tôi cũng đi, chơi cho vui. Không phải tất cả những ai sau khi vào Bung trở ra đều là Cộng Sản.

Tôi còn nhớ, cuối năm 1968, đầu năm 1969, Bộ Thông tin Việt Nam Cộng Hòa ra lệnh cấm phổ biến nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn. Trên trang nhất tạp chí *KHOÍ HÀNH* của Hội Văn nghệ sĩ Quân đội, thi sĩ VIÊN LINH trong vai trò chủ bút, ông đã cho đăng bài viết của tôi bênh vực Trịnh Công Sơn.

Bài này tôi viết giữa lúc mới ra trường Thủ Đức, làm trung đội trưởng giữ cầu Phú Long, cách Phan Thiết bảy cây số về phía Bắc, viết dưới hầm cát, trên đầu là những vì sao, mùa hè nóng như trong lò bánh mì. Tôi viết nhằm mục đích bênh vực Thần tượng của mình và xác nhận giá trị của một dòng văn học: văn học phản chiến. Trước nhất, tôi xác nhận đúng đó là nhạc phản chiến. Nhưng tôi cũng xác nhận như guồng máy thông tin và tuyên truyền bấy giờ là: trong cuộc chiến này, chúng ta chỉ là những người chiến đấu trong tư thế tự vệ. Cuộc chiến này do tập đoàn lãnh đạo

Cộng Sản Hà Nội với sự xúi giục và chi viện của hai quan thầy Liên Xô và Trung Cộng gây ra.

Phản chiến là chống chiến tranh, tức là chống những người gây ra chiến tranh. Tôi không thấy Trịnh Công Sơn có tội lỗi gì hết với những sáng tác của anh được mệnh danh là phản chiến. Thêm vào đó, tôi không thấy có gì tác hại tiêu cực lên tinh thần phản chiến từ những bản nhạc phản chiến của anh, trong đó có tôi. Tôi không thấy chân run, gối mỏi từ những bài hát của anh. Tôi không thấy viên đạn trật đường bay khi nhắm vào đầu Hồ Chí Minh lại trật sang đầu Nguyễn Văn Thiệu. Sau một cuối tuần về nghỉ phép, ngồi trước cốc cà phê, miệng ngậm điều thuốc lá Quân Tiếp Vụ, nghe giọng hát Khánh Ly và nhạc Trịnh Công Sơn, hôm sau trở lại đơn vị, tiền đồn, tinh thần sáng khoái, trí óc minh mẫn, nếu khéo điều chỉnh nòng súng từ lỗ nhắm tới đỉnh đầu ruồi, người lính có thể với một viên đạn bắn xâu táo từ đầu Hồ Chí Minh, sang đầu Lê Duẩn, qua đầu Lê Đức Thọ, tới đầu Trường Chinh, tới đầu Phạm Hùng... là chuyện thường ngày ngoài mặt trận. Có thể khác nhau cách dùng chữ, cách diễn đạt tư tưởng, chứ tựu trung tôi nghĩ bấy giờ cũng nhiều người bên Trịnh Công Sơn, cũng thấy thích thú với những bài hát chống chiến tranh như thế.

Một câu hỏi tôi muốn đặt ra ở đây, không phải với tất cả mọi người, mà là chỉ với một số người, gọi là bạn nhậu với Trịnh Công Sơn, gọi là bạn văn nghệ với Trịnh Công Sơn, chờ tới sau ngày Trịnh Công Sơn chết mới lên tiếng ca tụng và bênh vực. Xin quý vị độc giả lưu ý cho tôi cụm chữ “*chờ tới sau ngày Trịnh Công Sơn chết mới lên tiếng bênh vực và ca tụng*”. Vậy thử hỏi, những người đó vào thời đó, sao không lên tiếng nửa câu, nửa chữ, bênh vực cho bạn mình. Sao lại để tôi, không là bạn của Sơn, người đầu tiên và duy nhất, bênh vực cho Sơn. Một câu hỏi khác, tôi cũng sẽ đặt ra cho những người này ở phần sau, là chính

bạn bè Sơn đã dự phần giết chết Sơn, sau Cộng sản. Trong bài viết “TÔI SẼ THA THỨ CHO TRỊNH CÔNG SƠN KHI NÀO...” của bác sĩ - nhà văn Trần Mộng Lâm đăng trên tạp chí *Phụ Nữ Ngày Nay* hải ngoại, số mùa hạ năm 2001, có mấy khẳng định như sau, làm sáng tỏ cho bài viết của tôi 32 năm về trước “Sự thật: miền Nam mất chẳng phải vì nhạc Trịnh Công Sơn. Sự thật: Thanh niên miền Nam nhập ngũ chẳng phải vì những bản nhạc kiểu *Một Hai Ba, chúng ta đi lính Cộng Hòa*. Sự thật: thiếu số lính miền Nam đào ngũ chẳng phải vì nhạc Trịnh Công Sơn”.

SAU NĂM 1975, TRỊNH CÔNG SƠN ĐẦU HÀNG CỘNG SẢN, DỪNG ÂM NHẠC PHỤC VỤ CHÍNH TRỊ

Trước 1975, Sơn có những bạn bè thân, rất thân hoạt động công khai hay bí mật cho Cộng sản như Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Ngô Kha, Phan Chánh Dinh (Phan Duy Nhân), Trần Vàng Sao, Thái Ngọc San, Tôn Thất Lập, Trần Long Ẩn, Trương Quốc Khánh, Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Văn Nuôi ... Nhưng Sơn không phải là người chính thức ở trong tổ chức của Cộng sản. Có thể qua bạn bè, Sơn có cảm tình mà thôi. Chính vì vậy mà sau năm 75, Sơn phải gánh chịu nhiều trầm luân, khổ ải do những người Cộng Sản đẩy đọa.

Có nhiều người nguyên rủa Sơn hay kết luận Sơn là Cộng Sản khi giữa trưa ngày 30-4-75 Sơn lên đài phát thanh hô hào NỔI VÒNG TAY LỚN. Tôi chưa kết tội Sơn vào trưa hôm đó. Ngay giữa lúc giao thời, tranh sáng tranh tối, con người dễ dàng lầm lỗi, dễ dàng được tha thứ. Nghĩ về Cộng Sản giữa trưa 30-4 hoàn toàn khác xa cái thứ Cộng Sản những năm tháng về sau. Sơn đáng trách, hơn thế Sơn đáng tội là vào những năm tháng về sau, khi bộ mặt thật dã man, cơn đờ Cộng phỉ của Cộng Sản phơi bày công khai lộ liễu, thế mà Sơn không chọn cho mình THỂ

ĐỨNG NGANG TÀNG CỦA MỘT THIÊN TÀI mà Sơn lại loay hoay xoay xở tìm kiếm một chỗ đứng của CÔNG DÂN HẠNG HAI. Sau năm 75, nếu thông minh và giữ vững DỮNG KHÍ CỦA KẺ SĨ, tập đoàn lãnh đạo Cộng Sản sợ Trịnh Công Sơn, chứ Trịnh Công Sơn không sợ bọn chúng.

Chúng ta thông cảm cho Sơn nhưng chúng ta cũng khó lòng chấp nhận thái độ ĐÀU HÀNG của một TRỊNH CÔNG SƠN THIÊN TÀI/ KẺ SĨ. Chúng đầy đọa xác thân và tinh thần nhạc sĩ cho đến tàn tạ, rách nát, tận đáy địa ngục. Rồi đến khi, do tình thế đòi hỏi, cần làm mới bộ mặt để đánh lừa dư luận, Trịnh Công Sơn, cùng lúc với Nguyễn Xuân Oánh, Bà Ngô Bá Thành, Bà Phước Đại..., những người của chế độ cũ vẫn được trọng dụng. Cộng Sản tưởng rằng mở ra SINH LỘ cho Trịnh Công Sơn, nhưng khi Trịnh Công Sơn nhảy vào, là Trịnh Công Sơn tự chọn cho mình TỬ LỘ... Nếu cho rằng câu nói “Một Tinh Thần Minh Mẫn Trong Một Thân Thể Tráng Kiện” là đúng, thì rõ ràng nhà nhạc sĩ của chúng ta ĐÃ THIẾU MINH Mẫn VỚI MỘT THÂN THỂ ỒM ĐÓI, RỜI RÃ. Trịnh Công Sơn là một thiên tài về âm nhạc, nhưng là một con người THIẾU KINH NGHIỆM VÀ VỐN SỐNG. Hình ảnh Trịnh Công Sơn giữa đám cán bộ Cộng Sản là hình ảnh CON NAI TƠ GIỮA BẦY CHÓ SÓI. Vì vậy, thay vì Cộng Sản SỢ Trịnh Công Sơn, Trịnh Công Sơn lại SỢ Cộng Sản. Thay vì chọn cho mình cái chết của VỊ THÁNH TỬ VÌ ĐẠO, Trịnh Công Sơn chọn cho mình CÁI CHẾT CỦA MỘT KẺ ĐÀU HÀNG. Không riêng một mình tôi mà có lẽ sẽ có nhiều người đặt câu hỏi, tại sao Trịnh Công Sơn nhận làm một ủy viên trong bảy ủy viên của Hội Âm nhạc Thành phố. Cái HÈN của Văn Cao, Nguyễn Tuân trước 75 tại Hà Nội chúng ta thông cảm, vì trong đời sống họ bị bao vây, chỉ huy bằng bao tử. Có thực mới vực được đạo. Trịnh Công Sơn sau 75 chưa đến nỗi bao tử bị chỉ huy, bị bao

vây. Vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long, cái tình nhân dân miền Nam dưới chế độ Cộng hòa, cùng núi quạ thân nhân, bạn bè hải ngoại tiếp tế, nhất định là, chắc chắn là, cái bao tử của họ Trịnh còn thừa sức để Độc lập và Tự do dài dài.

Thế thì tại sao, họ Trịnh lại đưa cái đầu của mình cho ma quỷ chỉ huy, dẫn thân làm nô lệ? Nguyên nhân, động cơ nào, ma đưa lối quỷ đưa đường ra làm sao, để họ Trịnh cầm bút viết như thế ni: *“Sự có mặt của Đảng vẫn luôn luôn đủ kiên nhẫn để duy trì một tình cảm đôn hậu và nồng nhiệt cứ sẵn sàng chờ đợi tôi, cũng như ở các bạn tôi một tiếng nói mới. Điều may mắn cho riêng tôi, là tôi vẫn chưa quá già để không thể trả nổi cái ân tình nồng hậu của các anh, các bạn, và nhất là cuộc sống hôm nay bằng một “tiếng hát về ánh sáng”, đó phải là tiếng nói của hạnh phúc và của niềm hy vọng”*.

Nguyên nhân, động cơ nào, ma đưa lối quỷ đưa đường ra làm sao, để họ Trịnh cầm bút viết, như ri ni: *“Trong quá khứ, tôi đã hát về bóng tối. Tôi đã quen với bóng tối đến độ mà tôi đi trong nó mà không phải thấp néon. Tôi đã sống với bóng tối như một kẻ đã được sinh ra mà định mệnh của nó là niềm tuyệt vọng. Rất may giai đoạn này đã khép lại kịp thời. Khép lại vĩnh viễn với một đất nước đã được giải phóng hoàn toàn, giành lại độc lập, thống nhất và hòa bình”*.

Nguyên nhân, động cơ nào, ma đưa lối quỷ đưa đường ra làm sao, để họ Trịnh, từ một nhạc sĩ của tình yêu trở thành một tên cán bộ chính trị hạng bét, viết như rứa: *“Sau mỗi cuộc cách mạng, luôn luôn có sự làm sạch cần thiết và tất yếu về con người và môi trường sống của nó là xã hội. Việc làm sạch bản thân những con người cũ sau ngày giải phóng miền Nam, do đó cũng cần thiết và cấp bách phải được đặt ra. Có nhiều biện pháp để cải tạo con người mới, nhưng biện pháp tốt nhất vẫn bằng con đường giáo dục”*.

Trên đây là những đoạn trích dẫn từ bài báo “Trịnh Công Sơn, nhạc sĩ phản chiến hay cán bộ Cộng Sản?” của tác giả Lê Trà Khúc, đăng trên tờ tạp chí U.S.VIET TIMES, số 24, phát hành tại Austin/ Texas do nhà văn Phạm Ngũ Yên làm chủ bút.

Trên đây là những phát biểu mang tính MARXIST/ LENINIST và Tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại của cán bộ Cộng Sản Trịnh Công Sơn. Sau ngày 30-4-1975, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cũng sử dụng âm nhạc cho những mục tiêu chính trị của Bác và Đảng. Để ca tụng rằng thì là LAO ĐỘNG LÀ VINH QUANG và không khí hồ hởi, phấn khởi của người lao động, nhạc sĩ có ra bài RA CHỢ NGÀY THỐNG NHẤT như sau: “Gánh gánh gánh gánh rau ra chợ, sáng sớm hôm nay lòng chị xông xao, quê hương ta thống nhất thật rồi”. Một bài khác sáng tác năm 1982, họ Trịnh viết như ri: “Xanh lá xanh trên cây xanh nên đời trẻ lại. Một mùa Xuân thống nhất xanh nước non hôm nay”.

Để cổ vũ cho phong trào Thanh niên xung phong, một hình thức tù lao công dành cho thanh thiếu niên miền Nam (con nguy quân nguy quyền) và động viên thanh niên đi lính cho chiến trường Cam Bốt, Trịnh Công Sơn sáng tác bài *Em ở nông trường, anh ra biên giới* như ri “*Khi qua rừng, khi qua suối, thấy vui theo bước chân đồng đội. Trong những ngày gian nguy ấy biết bao nhiêu những câu chuyện đời*”.

LỜI CUỐI CÙNG CHO MỘT NGƯỜI NĂM XUỐNG

Ông SƠN, trước năm 1975, tôi là người duy nhất công khai viết bài bênh vực Ông. Ngày 7-5-1975 ra mắt Ban quân quản, tôi gặp Ông lần đầu tiên, cũng là cuối cùng, dưới gốc cây đa bên hông dinh ĐỘC LẬP. Tôi nói và Ông cảm ơn tôi về bài báo đó.

Năm 1979, trong nhà tù tại Vĩnh Phú, tôi đọc bài viết của Ông đăng trên số báo ĐỐI DIỆN tròn 100 số. Ông viết: “Sau một đêm ngủ dở, sáng hôm sau thức dậy, thấy nhà máy, công trường mọc lên như nấm”. Tôi tự nhủ: “Thằng này hồng. Đồ hèn”. Suốt những năm tháng về sau, những tưởng ông khá hơn sau Liên Xô, Đông Âu, bức tường Bá Linh sụp đổ, tôi chờ đợi ông, tiếng nói đồng dạng của người trí thức văn nghệ sĩ, tiếng nói đại diện cho những tiếng đau thương của 75 triệu đồng bào. Hóa ra, hư vô. Hóa ra, điều tôi tự nhủ từ năm 1979 trong nhà tù Vĩnh Phú lại là ĐIỀU TIÊN TRI. “Thằng này hồng/ Đê hèn”. Sau này ra hải ngoại, có thêm duy nhất một lần nữa, tôi nguyện rửa ông. Vì trước đó tôi nghĩ, sẽ có ngày THẦN TƯỢNG BỊ XÉ XÁC. Và, tôi muốn im lặng. Tôi không muốn quấy rầy giấc ngủ ngàn thu của ông, dù tôi biết ông không hề nhắm mắt. Ông không bao giờ nhắm mắt. Nhưng tôi không thể im lặng không lên tiếng, vì SỰ THẬT, vì LỊCH SỬ và cũng vì ÔNG.

Có người nhân danh bạn của ông, muốn viết bài bênh vực ông, chúng lại kết tội ông. Có người nhân danh bạn ông, khóc ông, dù trước đó chúng đã giết ông. Tệ hơn hết là có người, nhân danh bạn ông, muốn giành lẽ phải về ông, nhưng lại xuyên tạc LỊCH SỬ và SỰ THẬT. Có một tác giả nào đó nói đúng: “Suốt đời, ông là người cô đơn dù chung quanh rất nhiều bạn”.

Mục đích tôi viết bài này là viết vì những người đó. “Cái gì của Trịnh Công Sơn, trả lại cho Trịnh Công Sơn. Cái gì của Sự Thật và Lịch sử, trả lại cho Sự Thật và Lịch Sử”. Tôi xin nói thêm nữa một điều tiên tri: ông không chết đâu. Gia tài âm nhạc của ông quá lớn và quá độc đáo, mà đồng bào ta thì luôn luôn có lòng bao dung và tha thứ.

Sơn Không Chết Đâu Sơn.

Amen.

30. NHÀ THƠ TÔ ĐÌNH SỰ, MỘT THI SĨ YẾU MỆNH

Tôi viết về nhà thơ Tô Đình Sự, vì rằng tôi biết mọi người đã quên anh, trừ con cháu anh, vợ anh cũng đã không còn.

Nhưng một người, như nhà thơ Tô Đình Sự, chỉ có con cháu nhớ, thì tội cho vong linh anh quá.

Như thế, chẳng khác nào bạn bè anh đã giết anh lần thứ hai.

Tôi còn nhớ những năm đầu mới qua Mỹ, tôi đã viết bài, đặt vấn đề PHẢI CHĂNG NHÀ VĂN Y UYÊN đã chết thêm lần hai?

Chuyện là như thế này.

Sau ngày nhà văn mất, nhà văn Trần Phong Giao có làm một số báo *VĂN* đặc biệt tưởng niệm anh.

Tôi có góp bài trong đó, bài nằm giữa Võ Phiến và Thanh Tâm Tuyền, tôi mừng hóm.

Nhà văn tí hon nằm giữa hai đại thụ, không mừng sao được.

Bài của tôi, phải chăng như chó ngáp phải ruồi, tới nay vẫn còn nức tiếng.

Nhà thơ Hạ Quốc Huy nói vào thời điểm đó, nghĩ, viết như Lê Văn Chính là đi trước thế kỷ.

Sau đó nhà văn Trần Phong Giao viết thư cho tôi, đề nghị sung số tiền nhuận bút bài viết vào quỹ tương tế, tôi OK.

Ra hải ngoại, nhìn trước ngó sau, nhìn lên ngó xuống, chẳng thấy tờ báo nào, bạn hữu nào của Y UYÊN nhắc tới chàng.

Chẳng là, họ đã đồng lõa giết chàng đó chẳng, cùng với thời gian.

Nay đến nhà thơ TÔ ĐÌNH SỰ, cũng chẳng ai thèm nhớ tới.

Ai đó từng nói. Tôi cũng đã từng nói THI SĨ KHÔNG CHẾT.

Thi sĩ không chết là khi mọi người còn nhớ, còn nhắc nhở đến.

Các anh, những người cầm bút, phải nhắc nhở tới những người chết, cầm bút.

Rồi nay mai, những người sống, cầm bút, sẽ nhắc tới các anh là những người cầm bút, đã chết.

Có như thế, mới gọi là thi sĩ, nhà văn, không chết.

Nếu không thế, các anh, những người cầm bút, sẽ bị đòi cười chê.

Trở lại chuyện nhà thơ Tô Đình Sự.

Tôi không biết có ai là người thứ hai, sau anh, quý bạn đến độ không tưởng.

Đầu niên học năm đệ tam, 1963, Trường Võ Tánh, tôi xuất bản tập thơ NỖI BUỒN NHƯỢC TIẾU, bằng tiền bán xe đạp và áo quần.

Nhà in HOA SEN, thầy Thích Nguyên Nghĩa, khoái tôi, ông tặng thêm 200 tờ bích chương quảng cáo.

Quý vị biết trên đó tôi viết gì không.

Trạng quá trời.

Độc giả

Của trào lưu văn học nghệ thuật mới

Hãy tìm đọc

NỖI BUỒN NHƯỢC TIẾU

Thi sĩ Sương Biên Thùy

Giá văn nghệ. 12.00

Một mình, đơn thân độc mã, ốm nhóm, cùng một lon sữa bò hồ, quấy từ bột gạo, cùng bó bích chương, tôi đi dán khắp thành phố, hang cùng ngõ hẻm Nha Trang.

Có một “biển cố”, nhớ mãi.

Một lần tôi đang lúi húi dán trên tường của Trường Bùi Thị Xuân của nhà văn CUNG GIỮ NGUYỄN, ông cai trường ra xé và cự nự, đòi đánh tôi.

Thế mà những lần trước, nhiều lần trước, tôi bị xé, tôi cứ tưởng là hậu duệ của TỰ LỰC VĂN ĐOÀN xé, vì cho rằng tôi là người lính tiền phong của nền VĂN HỌC NGHỆ THUẬT MỚI.

Từ đó, tôi SƯƠNG BIÊN THÙY, nổi tiếng từ Hòn Chồng xuống Cầu Đá, từ nhà thờ NÚI tới THÀNH, mà hiện nay nhà thơ NGUYỄN VŨ SINH, đang làm VUA THƠ tại đây, gọi là HÓC BÀ TỐ.

Nhiều nơi, các em nữ sinh gặp, thấy tôi là chi, là thậm thụt, ÔNG ấy là nhà thơ SƯƠNG BIÊN THÙY.

Đúng vào thời điểm đó, từ PHAN RANG, TÔ ĐÌNH SỰ tìm đến nhà trọ tôi, đường Lạc Long Quân, mời tôi đi ăn sáng, uống cà phê.

Mùa hè bắt đầu, nghỉ dài ngày, anh mời tôi vào Phan Rang.

Hẳn nhiên tôi đồng ý.

Lúc này anh là nhân viên Ty Thuế vụ.

Trong khách sạn ngàn sao của nhà anh, trông hươ trông hoắc, từ nơi mô cũng thấy sao trời.

Anh và các con, hình như là ba đứa, nằm giường trong nhà, tôi là thượng khách, anh dành cho cái giường tre ngoài hiên, trước nhà, là giang sơn của tôi.

Tôi hạnh phúc lắm.

Anh bị động viên vào Thủ Đức, khóa mấy tôi không biết.

Anh ra trường về Trung tâm Huấn luyện Đồng Đé, Nha Trang.

Vì là nhà thơ khá nổi tiếng bấy giờ, anh phụ trách báo chí cho trung tâm.

Lúc này, nhà thơ CHU TRÂM NGUYỄN MINH, làm sĩ quan huấn luyện.

Vì lo tờ báo cho trung tâm, anh thường xuyên vào SÀI GÒN in báo nên anh đã buộc chặt mối tình với cô chủ sạp báo cạnh cà phê KIM SƠN, hướng Quốc hội.

Tôi nghe nói ngày anh mất, cô này cũng chí tình, lo lắng cho anh các thứ, khi Sài Gòn xa lạ với thân nhân.

Tôi không hay tin anh chết.

Một chiều cuối tuần, ngồi cà phê KIM SƠN nhìn các ông đi qua, nhìn các em hippy đi lại, rửa mắt, tôi thấy LÂM CHƯƠNG và PHẠM NHÃ DỰ đi qua, tôi mới biết hiện nay xác của anh đang nằm trên Tổng y viện Cộng Hòa.

Ba chúng tôi đi xích lô máy lên thăm.

Khi người lính phụ trách mở phòng lạnh, một bầu hơi lạnh tung ra, ông lính chỉ tay vào trong nói, trung úy SỰ kia kìa.

Ra khỏi quân y viện, chúng tôi chia tay.

Biệt động quân Lâm Chương trở lại mặt trận THUỜNG ĐỨC, ông cao lêu nghêu PHẠM NHÃ DỰ, về thôn vườn trà Gò Vấp, tôi về rong chơi trong mật khu Lê Hồng Phong, Tam giác sắt, Bình Thuận nãy cò, làm thơ, uống rượu hay cụng ly trăm phần trăm với Nguyễn Bắc Sơn, Từ Thế Mộng và nhạc sĩ Phan Anh Dũng tại Phan Thiết.

Tôi nói lại, chưa có ai hiểu bạn và thủy chung với anh em như nhà thơ TÔ ĐÌNH SỰ.

Qua nhà thơ cao, mẫu người đủ chuẩn thi mỹ nam, Phạm Nhã Dự, tôi biết con cái anh bây giờ khá giả với những vườn nho bát ngát.

Tôi cũng nghe nói, sau ngày anh ra đi, thiếu úy Phạm Nhã Dự, cưa nửa tháng lương cuu mang các con anh.

Phải bạn đang về phù hộ cho các cháu chăng?

Cứ vậy nghe SỰ, nhà thơ hào hoa TÔ ĐÌNH SỰ.

Mày sẽ không chết, tao sẽ sống mãi và nhắc tên mày mãi, nghe TÔ ĐÌNH SỰ.

31. NHÀ VĂN VIÊN LINH, TÔI VÀ ĐÀI PHÁT THANH MẸ VIỆT NAM



Tôi nghe nói là một nhà văn, muốn trở thành một nhà văn lớn, siêu to, khổng lồ, phải có cho mình một cô thư ký. Các nhà văn ngoại quốc đều có thư ký, thậm chí, nhiều thư ký, cho một tuần đúng 7 cô cho bảy ngày, chia ca, ngày ba ca.

Nhờ thế họ mới có NOBEL văn chương, biết đâu.

Việt Nam mình, có lẽ chỉ có ông nhà văn, nhà thơ VIÊN LINH là có thư ký.

Những người khác, tôi biết chỉ có bồ nhí chứ không có thư ký.

Cái cảnh một nhà thơ nợ và cô hoa khôi Nha Trang nợ, xé vé máy bay tại sân bay Nha Trang mà tôi chứng kiến, là bồ nhí, chứ không phải thư ký.

Em chưa no, chưa đã, chưa thỏa.

Em muốn thêm.

Vé máy bay bị xé rồi, nhất định phải nán lại thêm đôi tuần cho cô hoa khôi được no, được thỏa.

Nói về ông nhà văn, nhà thơ kia với cô thư ký.

Lúc bảy giờ, từ Phan Thiết, tôi vào SÀI GÒN lo in tờ tạp chí *QUÊ HƯƠNG* mà tôi là chủ nhiệm, nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn là chủ bút, và nhà thơ Từ Thế Mộng là thư ký tòa soạn.

Lại tại nhà in của nhật báo *TRANH ĐẤU*.

Ông ấy viết truyện dài nhiều kỳ cho tờ báo.

Mỗi buổi chiều, cô thư ký đến bằng chiếc xe Velo Solex.

Ông nhà văn ngồi trên cái ghế, trước cái bàn.

Ông uốn mình ra phía sau, chút chút tay cầm chai bia 33 cổ lùn, tu liên tục.

Cô thư ký ngồi viết, viết, viết những gì ông đọc, khi ông vừa tu bia vừa đọc.

Phải thế mới là nhà văn lớn, mới hy vọng trở thành nhà văn lớn, như các nhà văn lớn ngoại quốc, như thế mới hy vọng có giải NOBEL văn chương.

Tôi, khùng thi sĩ, đang muốn trở thành nhà văn lớn.

Nên tôi đang tìm một cô thư ký.

Bây giờ là chuyện vị *ÂN NHÂN* của tôi, nhà thơ Viên Linh.

Tôi không biết kiếp trước, liệu chúng tôi có nợ gì nhau, có ân oán giang hồ gì nhau không mà kiếp này ông Viên Linh quá đổi mất thì giờ, mất tiền bạc, nhọc thân vì tôi.

Một lần tôi đến tòa soạn, ông kéo đi uống bia, quán cô *HỒNG* cạnh bên.

Mà tôi 40 chai, đồ bỏ, nói “dóc” như ngài Nguyễn Bắc Sơn.

Tồn tiền.

Mỗi lần tôi đưa bài, ông xem qua loa, móc bóp trả trước 1, 2 xấp.

Tồn tiền.

Lần tôi nhớ ông làm thẻ báo chí cho binh nhì Nguyễn Văn Hải, tên thật của nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn, và đại úy

Vĩnh Vũ, ông chở tôi tới trụ sở Hội Văn nghệ sĩ Quân đội, đường Phan Đình Phùng.

Tồn tiền nhiên liệu.

Nhờ ông đóng tiền mua nhà trong làng báo chí cho ba người VĨNH VŨ, BẮC SƠN, BIÊN THUY, lại ông, lộ trình như trên.

Tồn tiền nhiên liệu.

Lại ông chở đi rút tiền lại, vì thiếu kiến nhẫn, vô hy vọng, về giấc mơ có căn nhà trong làng báo chí, vì tưởng mua nhà như mua tôm, tiền trao, tôm múc.

Lại ông, lộ trình như cũ.

Tồn tiền nhiên liệu, thời gian.

Lần này, từ tòa soạn trên đường Phạm Ngũ Lão đến đường Hồng Thập Tự.

Với cái TÂM LÒNG, THỜI GIAN và TIỀN BẠC, vô giá.

Ông Viên Linh ơi, giờ này ông nơi nào, Bến Hải hay Cà Mau, cho tôi nói với ông một lời xin lỗi và cảm ơn.

Chuyện là...

Đó là năm 1966, đang ăn yên làm yên, cho hãng thầu Mỹ RMK - BRJ tại phi trường Bửu Sơn, Phan Rang. Giữa lúc đó, thanh niên Huế, Sài Gòn biểu tình chống Mỹ, đốt xe Mỹ. Tôi thấy mặc cảm tội lỗi, tôi bỏ việc về Sài Gòn, lang thang mấy tháng, tiêu hết số tiền dành dụm mang theo.

Khi hết tiền, tôi đến gặp Viên Linh, nhờ tìm việc.

Viên Linh chở tôi đến đài phát thanh MỆ VIỆT NAM, mà theo anh, nơi đó đang cần người biên tập viên.

Khi đến còn sớm, anh đưa tôi vào câu lạc bộ của đài.

Vào đây, tôi muốn ở lì nơi đây không muốn ra.

Những Quỳnh Giao, Hoàng Oanh, Phương Hồng Quế, Hồng Hạnh... đang riu rít, lú lo như tiếng chim, tiếng suối.

Nơi thì Thái Thanh, Kiều Hạnh, Hà Thanh... đang nhâm nhi cà phê, trò chuyện.

Nơi nọ Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Tú Kêu đang nói chuyện râm ran.

Đó là thế giới tôi mơ ước. Đó là không gian tôi đợi chờ, mình phải cố mặt.

Đến giờ làm việc, Viên Linh đưa tôi lên văn phòng gặp trung úy NGUYỄN VĂN HIỆP, trưởng phòng biên tập.

Ông đưa tôi lên lầu gặp nhân viên phụ trách để tôi phải trải qua hai bài thi.

Một, dịch từ Anh qua Việt một bản tin về một cán bộ CỘNG SẢN hồi chánh bên Campuchia.

Hai, viết một bài phóng sự về chợ Tết Bến Thành.

Tôi qua được cả hai cũng vừa lúc cuối ngày.

Sáng hôm sau, tôi đến làm giấy tờ và nhận việc.

Đêm hôm đó, tôi như người trên mây, chập chờn những giấc mơ đời hồng, nhung, tím, đỏ.

Đêm hôm đó, tôi mơ thấy Quỳnh Giao, Hoàng Oanh, Phương Hồng Hạnh nhờ tôi viết thư tình cho họ.

Đêm hôm đó, tôi không mơ thấy Thái Thanh, Kiều Hạnh, Hà Thanh, có lẽ vì họ là đồ để “cúng”, không phải là đồ để “xoi”.

Đêm hôm đó, tôi nghe những tiếng líu lo của chim, tiếng róc rách của suối, lời thảm thì của những đôi tình nhân.

Trong đó, có tôi là một gã trai hào hoa, mắt sâu, râu rậm, niềm ước ao của những ai đó.

Đêm hôm đó, tôi mơ tôi là con của Thượng Đế, là rể của Ngọc Hoàng, là bạn tình của nàng Trăng, là bạn rượu của ông Lưu Linh, là người ngồi chung sòng xì phé với Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Sa...

Đêm hôm đó, tôi mơ là bạn chiến đấu của vua truyện ngắn Lâm Chương, những ngày biệt động, mặt trận Bình Long, An Lộc, là người lính tà lợt cho quý ngài Phan Ni Tấn, Lê Ngọc Châu, Vương Trùng Dương.

Đêm hôm đó, tôi mơ và lịm dần trong giấc mơ hoa, hương thơm mùi dạ lan, quỳnh hương.

Hôm sau, tôi lên đường, hùng dũng tiến tới con đường Hồng Thập Tự, ngôi nhà số 7, tọa lạc đài MỆ VIỆT NAM, lương tập sự 9.000 trong túi, giá bằng 1 lượng vàng thời giá bấy giờ.

Vị chi 12 lượng mỗi năm.

Vị chi 120 lượng 10 năm.

Vị chi 1.200 lượng cho 100 năm.

Làm giàu, đâu có khó.

Mở đầu buổi làm việc và nhận việc, trung úy HIỆP hỏi tôi:

"Vây tình trạng lính tráng của anh như thế nào?".

Với câu hỏi này, tôi chọn con đường ngu để nói, để trả lời.

Hay nói một cách khác, tôi trả lời THẬT THÀ và NGU NGỐC.

Thay vì nói tôi có hai anh em. Anh tôi đi lính, tôi được miễn. Tôi không biết nơi tới. Tôi thật thà nói:

"Tôi còn 6 tháng để đi Thủ Đức".

Và tôi nghe: "Thế là không được rồi".

Nghe câu này, giấc mơ cạnh các cọc tiền, các lượng vàng đã không còn.

"Đài nhận anh vào 6 tháng TẬP SỰ. Sau đó nếu được, nhận anh làm nhân viên chính thức. Nay 6 tháng sau, anh đi Thủ Đức, đài lại phải chọn người tập sự khác, gây trở ngại cho đài. Xin lỗi anh".

Tôi ra về.

Không còn chi để nói.

Chào vĩnh biệt ngôi nhà số 7 đường Hồng Thập Tự.

Chào các cô đẹp như tiên, tiếng nói như chim hót, suối reo.

Sẽ không bao giờ có những buổi cà phê trong câu lạc bộ của đài, chiêm ngưỡng nhan sắc quý cô nương, quý bà, có mùi thơm của hột vịt lộn, sầu riêng.

Sẽ không còn.

Sẽ không còn.

Sẽ không còn.

Sẽ không có mỗi tháng 1 lượng vàng.

Sẽ không có 1 năm 12 lượng vàng.

Sẽ không có 10 năm 120 lượng vàng.

Và 100 năm 1.200 lượng vàng.

Làm giàu, đâu có dễ.

Phải vậy không, quý Thượng đế?

Độc giả là Thượng đế.

Nhưng nay, tôi lại nghĩ:

Cảm ơn ông HIỆP, cảm ơn đài vì đã từ chối tôi.

Vì rằng, nếu theo đài thì hẳn rằng hôm nay, tôi là một nhà văn, nhà thơ, nhà báo, có vốn sống tràn ngập theo tháng ngày.

Nay tôi là nhà triệu, triệu phú của văn chương, viết hoài, viết mãi cũng không hết.

Tôi sẽ sống tới 100 năm để lấy lại 1.200 lượng vàng.

Cách nay mấy năm, tôi có làm một bài thơ, tựa đề là:

**KHI ĐÃ BẰNG LÒNG VỚI HIỆN TẠI,
HÃY NÓI LỜI CẢM ƠN VỚI QUÁ KHỨ.**

Tôi xin nói lời cảm ơn quá khứ, khi hiện tại tôi có 22 tác phẩm đáng tự hào và một ngòi bút không mệt mỏi, ở cái tuổi 82.

Và lời khen tặng từ một nhà thơ, nhà giáo khó tính, NGUYỄN HẦN CHUNG.

"Lê Mai Linh tài hoa, đặc dị, hiếm có, giữa văn chương hải ngoại".

Tôi là vậy, trời sinh tôi là vậy.

Hiểu tôi hay nguyên rửa tôi, xin mời.
Tôi là vậy,
Trời sinh tôi là vậy.

32. NHÀ THƠ THANH ĐẶNG, NGƯỜI CÔI CÔI XUỐNG TRẦN GIAN VÃI THƠ



Tôi sống ba thì, quá khứ, hiện tại, tương lai.
Nói cách khác, tôi có ba đời để sống, đời trước, đời nay,
đời sau.

Trước, sau, thì đời tôi không nói.

Tôi chỉ nói hiện tại, đời nay.

Và hiện tại, đời nay thì tôi thấy ông làm thơ, Thanh
Đặng, là một trường hợp quá đổi lạ lùng, rùng rợn, kinh dị,
khiếp đảm.

Tôi không nghĩ ông làm thơ, như những người làm thơ
khác, mà phải nói ông là người côi côi xuống trần gian vãi
thơ, như người nông dân ngày xưa vãi thóc trên những thửa
ruộng sẵn sàng gieo hạt.

Chữ, ngôn ngữ, một biển trời mênh mông. Chữ, ngôn
ngữ đầy ắp trong đầu ông, và cứ thế ông ném, ông vãi, ông
tung, ông vơ tay, ông thụt chân. Chữ, ngôn ngữ từ ông,
như từ một bàn tay phũ phàng, với nhiệm màu, thánh linh,
thần thơ, xếp hàng tuần tự, theo nhau xếp hàng vào đội ngũ
bài thơ, nhiều bài thơ ra đời, thiếu cái thủ.

Nói rõ ra, thơ ông không có cái đầu, tức là cái tiêu, cái tựa đề cho bài thơ.

Trước sau như một, thơ chảy như nước sông chín con rồng chảy, nhưng không có thủ.

Điều này có thể là thú tiêu khiển của ông, trò chơi, một trong 36 kiểu chãng, nhưng là một khó khăn cho người đọc.

Bài thơ hay nhưng không nhớ, biết bài thơ nào.

Có tựa đề, có số má đầu mà biết, nhớ.

Và cứ thế, thơ đến, thơ đi tuồn tuột.

Tựa đề bài thơ là bản tóm lược bài thơ.

Đọc tựa đề bài thơ, người đọc có thể đoán biết bài thơ muốn nói gì.

Nhờ tựa đề bài thơ giúp người đọc còn nhớ lâu hơn bài thơ.

Ông ác đạn lắm, nghe Ngài.

33. NHÀ THƠ PHẠM NHÃ DỰ, BÀI THƠ SOẠN SẴN CHO ÔNG CHỖ NGỒI TRONG CHIỀU VẮN CHƯƠNG



Trần Trung Đạo có lý khi nói hể nhắc tới Phạm Nhã Dự là nhớ tới bài thơ *Buổi Chiều Ở Nghĩa Trang Cà Đú*.

Cũng như nhắc tới nhà thơ Hữu Loan là hiện hồn *Màu Tím Hoa Sim*, Thâm Tâm là *Tổng biệt hành*, Quang Dũng là *Tây tiến*, *Đôi mắt người Sơn Tây*, Phùng Quán là *Lời mẹ dặn*, Hoàng Cầm là *Bên kia sông Đuống*...

Từ đó tôi có suy nghĩ,

Người làm thơ như người mua vé số.

Phạm Nhã Dự là người mua vé số, mà *Buổi chiều ở nghĩa trang Cà Đú* là lô độc đắc.

Tiểu sử văn học: PHẠM NHÃ DỰ

Tên thật: Lê Văn Hải.

Sinh năm 1943, tại Mười Tám Thôn Vườn Trầu Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định.

Chủ trương: Tạp chí *Thế Đứng* (với Tô Đình Sự).

Cộng tác với một số tạp chí văn nghệ Sài Gòn trước 1975, và tại hải ngoại sau 1975, cùng Tuyển tập thơ *CỤM HOA TÌNH YÊU* từ 1997 đến nay.

Tác phẩm bản thảo đã in:

Ở Phương Đông Có Một Vàng Trắng (thi phẩm)

Sau đây là những nhận định của nhà phê bình văn học Ngô Nguyên Nghiễm, về tác phẩm *Ở Phương Đông Có Một Vàng Trắng* của nhà thơ Phạm Nhã Dự:

“Hành trình về một phương hướng vĩnh cửu là đặt sâu trong tâm thức nhiều yếu tố cất lực, mang đầy tâm huyết trọng đại cho một quyết định mang bản ngã siêu tuyệt. Nhất nhất động thái diễn biến trên con đường bước đến ý niệm là một sát na chuyển giới thật hoành tráng, trong suốt đời tự thân của hành giả. Ánh mắt xuyên thấu vào cõi vô cùng, cũng chỉ là bước đầu của những thử thách, giúp bước du hành thêm nhiều ý nghĩa, củng cố một chân tâm hoạt hóa đa diện cho cuộc hóa thân. Suốt ngày tháng đem chân tâm đối lưu cùng cuộc sống thường hằng dưới ánh nắng chọi đến rồi chọi tắt, bắt chọi làm xao động chân tướng, thực hư giữa cõi tạm phù đồ. Mũi tên được vạch sẵn, chỉ hướng vào con đường trước mặt, là tạo một cơ hội cho hành giả bước đến, như một la bàn dẫn dắt bước chân định mệnh trên hướng tới rồi bỏ mê lộ một cách tự tại. Vàng trắng cũng là một ý niệm, thi vị hóa của thiền học, làm sáng tỏ vàng sáng của chân tâm trong một thế giới lưỡng nghi, nửa trần tục nửa thanh thoát. Sự diễn biến cõi đời nhiều khi như một con nước lúc vui lúc đầy, theo khí hậu của vạn vật và sự tĩnh động của hồn người. Ở trong cõi mang mang khuất nẻo, một vàng trắng vắng vặc chiếu xuống đỉnh đời lạnh lẽo. Một vàng trắng phương Đông, ghi đầy trong nỗi nhớ của quê hương, diệu vợi trong cuộc rong du của đời người phiêu bạt, ngơ ngẩn quanh hiu giữa mấy ngõ u trầm”.

Hãy xem, lô độc đặc thơ của gã, người đàn ông đủ tiêu chuẩn thi mỹ nam, Phạm Nhã Dự.

BUỔI CHIỀU Ở NGHĨA TRANG CÀ ĐÚ.

(Gởi linh hồn mày, Tô Đình Sự)

Trở lại Phan Rang, lần này nữa
Thăm mày, không biết ngắn hay lâu
Thăm mày, dù má, mày đã chết
Hay chi nắm cỏ mọc xanh mờ.

Chiều nay, sao gió nhiều mày nhi
Gió nổi trong tao, đến lạnh mình
Đù má, nhang mày sao chẳng cháy
Đốt mãi que diêm, đến cạn cùng.

Bên kia dãy núi, tro thân chó
Cỏ dưới chân tao, lại sứt sùi
Mẹ kiếp, vợ mày đang khóc mướt
Con mày, trời hỡi, nó cười vui.

Còn tao, tao chẳng cười, chẳng khóc
Chẳng ngậm ngùi chi, lũ kiếp người
Đù má, tao chửi thề đây Sự
Chửi suốt trăm năm, chửi hết đời.
Bây giờ mày đã nằm yên phận
Còn vợ, bào thai, ba đứa con
Đù má, một đời làm thi sĩ
Chẳng đủ cho con lấy một đồng

Tụi mình dẫm đũa, đời lang bạt
Sống chẳng ra chi, chẳng bận lòng
Việc nước, việc đời, đem dẹp hết
Uống rượu quanh năm, đếch ngại ngừng.

Mày nhớ đêm tàn trên xa lộ
Thằng Chương đem xé lái quanh trời
Đù má, cũng còn cười khi sắp chết

Ngỡ rằng mình hái được hoa mơ!

*Thằng Chương nay đã nằm biên giới
Mày ở nơi đây, biết được gì
Rượu chắc đã thèm, môi đã tím
Hơi nồng theo gió núi bay đi.*

*Chẳng khóc được mày, mà nước mắt tao rơi
Bạn bè dẫm đũa chết dần với
Đụt núi, mà tìm quên tri kỷ
Còn thôi nắm mộ phủ quanh người.*

*Tao trở lại đây, đường dụi với
Đốt nén hương tàn hát biệt ly
Thăm mày, ùu má, lòng buốt xót
Ngó trời chỉ biết chửi thể thôi!*

*Thôi hãy ngủ yên thằng chó chết
Tao về đây... Vui với cỏ cây
Nếu nhớ tìm tao nơi thôn nhỏ
Rượu với lang thang vẫn ngất trời.*

Phạm Nhã Dự

Nhà thơ Đặng Toàn, sau khi đọc bài thơ, nói ông run.

Ông lại bảo, sao có người “ùu má” mà hay đến thế.

Có lẽ ngưng nơi đây là nên lắm.

Nhưng không, cho tôi nói thêm.

Thơ chửi, thể kỷ này, có lẽ chỉ có *Tao Chửi*

của Trần Vàng Sao và *Buổi Chiều Ở Nghĩa trang Cà Đú*

là đi vào văn học.

34. LÊ MAI LĨNH: NÚI TÀ DÔN VÀ DẤU CHÂN Y UYÊN



Nhà văn Y Uyên – trước hầm trú ẩn ở đồn Nora, vùng núi Tà Dôn, Bình Thuận. 1969. (Thư quán Bản thảo số tháng 2/2005).

Đêm 8.1.69

Tôi nghĩ là hắn. Đúng là hắn. Chẳng thế nào là ai khác, ngoài hắn. Tôi biết hắn đóng ở Nora. Tôi biết ngay khi đến đây, hai tháng sau ngày hắn đến. Trình diện phòng I, hỏi thăm, được biết hắn đang ở Nora, tôi thú thật: tôi thất vọng. Thất vọng vì người ta không dùng hắn như một nhà văn có tài (26 tuổi với 4 tác phẩm vững vàng, phong phú biết bao). Người ta dùng hắn như một chuẩn úy, trung đội trưởng địa phương quân. Nhớ đến thơ Luân Hoán: “*Tôi là một sĩ quan mù, chỉ huy một trung đội điếc...*”. Lúc này, nếu gặp Uy, tôi ắt hỏi: mày có mù, lính có điếc? Hỡi Uy!

Tôi nghĩ đến hắn. Tôi nghĩ ngay Uy như thế khi người lính truyền tin ở yếu khu Phú Long nói cho tôi biết, có một chuẩn úy ở đồn Nora đã mất tích!

Đêm nay đến phiên tôi dẫn lính giữ cầu Phú Long, ngủ dưới gầm cầu. Tôi nghĩ là Uy không thể chết. Chỉ những viên đạn vô tình thì mới không phân biệt được, còn như nếu bị bắt, Uy không thể chết. Việt Cộng có thể không coi

trọng Uy như một nhà văn. Nhưng biết đâu chúng chẳng dẫn Uy ra Bắc rồi tuyên truyền âm ỉ là chính Uy đã “trở về với nhân dân”. Rồi Uy sẽ được dẫn đi khắp nơi, sẽ lên tiếng ở đài phát thanh, sẽ kêu gọi bạn bè của anh trong ban biên tập nguyệt san *Bộ Binh* hãy “quay súng về với nhân dân”. Rồi Uy sẽ được một thiếu nữ xinh đẹp, ngon lành nhất Hà Nội ôm hôn và chào hoa. Có thể nữa, Uy sẽ làm tờ chối từ những tác phẩm của anh. Rồi Uy sẽ bắt đầu lại từ đầu, trong sự dẫn đường “của Bác và Đảng”. Tôi nghĩ đến Uy trong một cuộc đời mới. Tôi cũng định tâm từ nay theo dõi đài Hà Nội, để chờ nghe hấn lên tiếng. Tôi không một mảy may nghĩ rằng hấn sẽ chết. Tôi không nghĩ là hấn sẽ chết nếu bị rơi vào tay Việt Cộng, nhưng tôi tin hấn sẽ thoát xác một cách chóng vánh và tức cười.

Ngồi trên thành cầu đến khuya, tôi nhìn về phía ngọn núi Tà Dôn và tôi nghĩ, lúc này có lẽ hấn đang bị trói tay, cũng có thể không bị trói tay nếu gặp được những đứa Việt Cộng biết trọng nhân tài và đoàn người có Uy đang di chuyển trong đêm lấy núi làm chuẩn.

Ngày 9.1.69

Đến nhà Nguyễn Hiếu Học lúc 1 giờ 30, tôi gặp Thái Phi Kích. Và bây giờ tin Uy tử trận đã rõ ràng. Chúng tôi lặng người. Trước mọi cái chết, sự lên tiếng, dù thể nào cũng đều ló bịch - nhất là trước những cái chết của những trường hợp như Uy, những người hiếm hoi như Uy.

Học nói cho tôi biết về những giấy tờ do đầu đó làm chậm trễ, gây nên cái chết của Uy, chứ đáng ra Uy đã được về Cục Chiến tranh Chính trị. Lúc đó hình như tôi có chủ ý đồng một câu. Cũng không mấy tin tưởng là tin Uy tử trận sẽ sớm được thông báo cho gia đình Uy nên chúng tôi chia tay nhau đi nhờ gọi điện thoại vào Sài Gòn, tới hai nơi mà chúng tôi tin là có người biết nhà của Uy, tòa soạn *Bách*

Khoa và Văn. Buổi chiều hôm đó, Thái Phi Kịch đã nói chuyện được với Sài Gòn. Chúng tôi tạm yên tâm là hôm sau thế nào cũng có thân nhân của Uy ra.

Chúng tôi lên Quân y viện Đoàn Mạnh Hoạch thì tin xác Uy chưa được chở về.

Tôi để Học và Kịch lại nhà, rồi lên đồn, trong ý định xin Đại đội trưởng về nhà một đêm để tiếp tay các bạn. Tôi vừa lên đồn, lúc đó khoảng 6 giờ chiều, thì nhận được lệnh cùng với đại đội trưởng đi hành quân mở đường khoảng Phú Long - Tuy Hòa cho đoàn công voa chở xác Uy về.

Khi đến Ba Cây, tôi gặp chiếc xe Hồng thập tự. Người tài xế cho biết ông chuẩn úy nằm trên băng ca, còn dưới sàn xe là hai người lính. Lúc đó, tôi vạch tấm vải làm cửa xe và tôi chỉ kịp nắm bàn chân Uy vừa khi chiếc xe rồ máy chạy. Trở về đồn đã hơn 7 giờ, tôi phải ở lại đồn, chẳng giúp gì cho Học và Kịch đêm đó.

Uy ra trường trước tôi một tháng. Ngày còn ở trong trường Thủ Đức chúng tôi thường gặp nhau vào chiều thứ sáu mỗi tuần. Ngày bàn giao ban biên tập, chính nhờ Y Uyên mà chúng tôi, trong số đó có các anh Dương Kiên, Lê Tất Điều... được ăn một châu hột vịt lộn, nhậu bia 33...

Đến khi về Phan Thiết, tôi được tin anh đóng đồn ở Nora, thỉnh thoảng mới có dịp xuống phố. Vài lần anh tìm đến thăm tôi, nhưng không gặp. Mấy lần nghe tin anh về, tôi tìm thăm nhưng anh đi vắng.

Chiều nay, bên lề đường tôi nắm chân anh trong lúc giữ phần an ninh lộ trình cho chuyến xe chở xác. Lúc trở về đồn, tôi không thể ngăn mình suy nghĩ mông lung. Mọi người sinh ra, mọi người phải chết. Mọi người, với tư cách công dân, phải góp phần cho sự trường tồn của Tổ quốc. Nhưng mỗi người thực sự chết có nghĩa lý khi y được sử dụng đúng. Trường hợp của Uy, cái chết dưới chân núi Tà Dôn, năm 26 tuổi, là một cái chết uổng...

Chiều đến, tôi chở Kịch và Học lên nhà xác Quân y viện. Đó là một đỉnh cát trắng, trông ra biển cả. Những ngọn gió quất tứ tung vào mặt, thổi cát lấp lên lá cờ vàng ba sọc phủ trên áo quan. Nắm com và bọc nước cam vàng trong túi nylon cùng với điều thuốc do người chị đốt cháy mời gọi Uy trở dậy, sao em tôi nằm đây, em tôi không cần Tổ quốc ghi ơn, Uy ơi là Uy...

Tất cả, thực sự để làm gì? Để đổi lấy những cái chết, để chúng kiến những cái chết, để đợi chờ những cái chết. Can đảm, sáng suốt, hiên ngang cách mấy, trước buổi chiều đó, trước cái chết đó, trước cảnh thê lương âm đạm của cái cảnh bạn bè nằm xuống đó, người ta cũng nghẹn ngào, tức tối. Trong chúng tôi những thằng bạn cũ của Uy đứng đó, đều thấy rằng khi ta còn sống, còn lên mặt trận, ta còn được bọc quanh mình bằng những gian trá, bằng những lừa dối. Nhưng khi ta chết đi, điển hình là Y Uyên nằm đó, trong quạnh hiu, buổi chiều nay trên đồi cát này, có ai làm được cái gì hơn là cho một làn kềm để bọc, một lá cờ vải để che. Một làn kềm để bọc. Còn như ngại đường xa, thêm một làn kềm nữa, tang gia phải trả thêm ba ngàn đồng phí tổn.

10.1.69

Sáng nay chúng tôi được tiếp chuyện trung úy Q., người chỉ huy trận đánh và cũng là đại đội trưởng của Uy. Theo anh thì Uy chết ngay loạt đạn đầu tiên vì bị phục kích. Việt Cộng đào hầm độn thổ từ trước, có đến cỡ tiểu đoàn. Chúng chờ phục kích đoàn công voa của tỉnh từ Sông Mao về. Trung đội của Uy phát giác một phần của lực lượng địch nằm dưới hầm bắn lên. Với gia đình, bè bạn của Uy, với văn học Việt Nam, anh chết là một mất mát lớn lao. Còn như đối với chính quyền Phan Thiết, với đại đội 784 Địa phương quân thì đây là một chiến thắng: địch để lại

trên 40 xác chết; bên ta chỉ có một chuẩn úy và hai binh sĩ hy sinh.

11.1.69

Tôi nghĩ Uy sẽ không bị chết nếu bị bắt, nếu Uy biết cách nói cho những người ở phía bên kia biết Uy là một nhà văn. Tôi cũng nghĩ đến trường hợp sau khi bị bắt, Uy sẽ được ra Hà Nội, và guồng máy tuyên truyền phía bên kia sẽ khai thác nhà văn của chúng ta. Nhưng tất cả những điều tôi tưởng tượng đều trái ngược với thực tế, một thực tế phũ phàng, tàn nhẫn: Y Uyên sau khi chết rồi còn bị bắn bồi mấy phát súng ở mắt, tai và đấm bồi thêm mấy nhát dao ở hai cánh tay và hai bên hông.

Tôi không có mặt khi bạn hữu tâm liệt chàng, nhưng Học nói lại những nhận định như thế khi quan sát xác chết với những đầu đạn, dấu dao trên mình chàng. Có những đầu đạn người ta biết được là từ đâu, như thế nào, và người ta cũng biết được những đầu đạn nào là vô ích, là của hận thù. Trên thân xác của Uy, khi chở anh về quân y viện, có những đầu đạn thừa, những dấu dao vô lối. Những đầu đạn, vết dao không thể cắt nghĩa được. Nếu không phải là chúng có từ những thù hận ghê gớm, những chất ngất căm hờn, thì không thể làm sao tìm ra lý do giải thích sự hiện diện của chúng trên thân hình một người đã chết.

Từ những đầu đạn, vết dao đó, tôi có một nhận định về những người ở bên kia chiến tuyến. Tôi không hiểu bằng cách nào, trong cuộc chiến tương tàn, rùng rã hơn hai mươi năm này, những người lãnh đạo cộng sản đã dạy cho binh lính của họ như thế nào để lòng thù hận chất ngất mênh mông đến thế? Tôi chấp nhận những viên đạn thứ nhất hợp lý. Ừ, thì cứ cho là hợp lý.

Những viên đạn bắn bồi, những nhát dao đâm thêm trên một xác thân đã chết là những viên đạn, những nhát dao

không thể cắt nghĩa, không thể chấp nhận được. Những người cộng sản Việt Nam đã làm những điều dã man như thể khởi đi từ lòng thù hận, từ sự cuồng tín. Từ đó chúng ta có một nhận thức mới, họ mù quáng trong khi chiến đấu, họ không mảy may hiểu về những căn nguyên cuộc chiến tương tàn này.

12.1.69

Tôi có đọc Y Uyên, nhưng anh không phải là một nhà văn tôi thích. Người ta chỉ chọn thích một số nào đó thôi trong những tác giả mình đọc. Tôi thì không thích Y Uyên vì văn anh khô và khó quá. Không thích, nhưng tôi không thể không đọc anh vì anh là một trong số nhà văn có chân tài. Ngay từ những tác phẩm đầu, những tác phẩm dù không toàn bích, bút pháp của anh đã khiến người ta chú ý và tin tưởng. Hai mươi sáu tuổi, bốn tác phẩm đã in (hầu hết do những nhà xuất bản đứng đắn, có uy tín ẩn hành), điều đó thiết nghĩ đã đủ để chứng tỏ anh không phải là một tác giả có thể xem thường và sự thành công của anh không phải chỉ là một may mắn, tình cờ như một vài trường hợp khác.

Trước ngày nhập ngũ, anh đã viết nhiều chuyện thời chiến, lúc đó anh còn là nhà giáo, nên chuyện thường mang nặng tính chất tưởng tượng hoặc dựa theo những kinh nghiệm chiến tranh mà anh được nghe kể lại.

Nhưng nay anh lại là lính chiến, thứ lính chiến của một chiến trường thường xuyên sôi động là Bình Thuận - nơi mà Cộng Sản đã có cơ sở từ năm 1954, hẳn nhiên anh phải thường xuyên mở to đôi mắt, lắng đôi tai để đối đầu. Trong chờ đợi, trong tham dự, hẳn anh quan sát được nhiều. Từ đó, chúng ta đủ tin rằng nếu anh sống, biết đâu từ anh văn học Việt Nam sẽ chẳng có những tác phẩm viết về chiến tranh bình tĩnh, sâu sắc và lớn lao.

Nhà văn Việt Nam, trong chiến tranh Việt Nam, đã thiếu thốn quá nhiều thứ. Hoàn cảnh để sống, phương tiện để viết và nhất là, họ thiếu sự rõ ràng của chính nghĩa để phụng thờ, để làm sáng tỏ. Nhà văn Việt Nam, sống trong sự mù mờ, dường như đã thiếu tin tưởng ở những lẽ phải để phụng dưỡng, nuôi nấng. Từ một hoàn cảnh như thế, một tâm trạng như thế, nói ra những nhận định của mình, nhất là nói ra một cách bộc trực, sợ dễ dàng sai lạc và không chùng lại đắc tội với lịch sử.

Giờ đây, một trong những nhà văn trẻ của chúng ta, một trong những cây bút sống, lớn và viết về cuộc sống đang tàn phá chúng ta, đã nằm xuống - hay nói theo kiểu một nhà thơ trẻ khác - đã “về trời”. Chỗ anh ta nhắm mắt là dưới chân núi Tà Dôn, nơi nổi tiếng từ những ngày chiến tranh Việt Nam (trong chiến trường Phan Thiết, núi được xem là đích cho những lần hành quân và bố phòng).

Sau ngày anh ta mất đi, những chiến hữu của anh sống trong sôi bỏng của chiến trường Bình Thuận, nhìn về núi Tà Dôn như một ám ảnh của Định Mệnh. Họ thầm nghĩ một mai, một ngày nào đó, chẳng biết rồi sẽ tới phiên ai trong bọn họ? Rồi họ sẽ quay đầu hay quay chân về phía núi để có thu lấy những hình ảnh cuối cùng của cuộc đời trước khi nhắm mắt? Vì rằng, như một nhận thức, gần như thế trong cuộc chiến dai dẳng này, cái chết là một cái vốn mà ai cũng nắm dễ dàng trong tay, còn như số lời thì đã trở nên hiếm hoi lắm lắm.

1.3.69

Uy oi, anh bỏ đi thế mà đã hơn hai tháng. Nay tôi thuyên chuyển về đồn Sara, cách chỗ xưa anh đóng khoảng 4 cây số, cách chỗ xưa anh chết khoảng 3 cây số.

Mới hơn hai tháng trời, mà nay nhắc tới anh đã như nhắc chuyện “ngày xưa”. Có phải tôi say? Không biết nữa,

chỉ biết mỗi lần nhớ đến anh là mắt tôi lại rung rung muốn khóc. Mà không phải chỉ khóc cho anh.

Tôi về gần rồi đó, chỗ xưa anh nhắm mắt và ngọn Tà Dôn như tôi chỉ với một tay là tới đỉnh. Mỗi ngày tôi mở mắt cùng với tiếng la om sòm của những chiếc xe đồ lui tới, và ban đêm tôi nhắm mắt lại cùng với tiếng chim te te. Và bao giờ, và ở đâu, cái chết của anh dưới chân Tà Dôn này cũng là điều làm tôi nhớ, nhớ hoài hoài không thôi. Tôi định một ngày rất gần, sẽ dắt lính lên vùng trận địa anh ngã, thăm lại con suối anh chúi xuống để chết.

Hình như cỏ ở đó xanh hơn mọi ngày, và một bóng *Ngựa Tía* chờn vờn mỗi đêm trên ngọn Tà Dôn - ngọn Tà Dôn, vùng đất *Quê Nhà* của anh rồi đó - quần quanh bên những *Tượng Đá Sườn Non*. Nhưng tất cả, phải còn gì nữa chứ? Chẳng lẽ như thế rồi hết! Tôi không tin đâu. Qua con *Bão Khô* này... những gì còn lại... hơn là những dấu chân anh...

(Phan Thiết, 12.1.1969)

- Ghi chú: *Ngựa Tía*, *Quê Nhà*, *Tượng Đá Sườn Non*, *Bão Khô* là tên 4 tác phẩm của Y UYÊN.

35. LÊ MAI LĨNH: HỒ CÔNG TÂM VÀ TÔI (*Tâm bút*)



Nhà thơ HỒ CÔNG TÂM (1938-2024)

Sáng nay, 9-5-2024, qua tin tức từ nhà thơ Võ Thạnh Văn, tôi biết tin Hồ Công Tâm đã nói lời vĩnh biệt với thế gian. Tin anh mất không làm tôi ngạc nhiên, như ngày mai tôi chết, cũng chẳng làm ai ngạc nhiên. Chúng tôi, ở cái tuổi bát thập hay hơn chút chút, là đã được thần chết nói tay, hay tạm thời cho hưu chiến.

Nay anh ra đi, không còn dịp nhìn thấy nhau, tôi không thể không nói lời cảm ơn anh, gửi theo về bên kia suối vàng.

Những ngày mới qua Mỹ, 1994, bắt đầu cầm bút trở lại, tôi xem mình là mầm non văn nghệ, mà anh mầm già, với vai trò chủ bút tạp chí *Dân Chủ Mới*, là đất, luống cày, cho tôi gieo trồng những hạt giống văn chương. Những bước thứ nhất, khởi đầu cho ngòi bút lưu vong, gặp *Dân Chủ Mới*, Hồ Công Tâm, tôi mặc tình rong chơi.

Bấy giờ chưa có kỹ thuật hiện đại nên anh, trong vai trò chủ bút, dưới tầng hầm, anh một mình đánh máy, đêm, ngày, những bài thơ của tôi. Không nói làm gì, mà cái khổ ải phải nói là những bài tiểu luận chính trị, dài năm, bảy trang, anh xoi tái, gõ tuốt.

Nếu những tháng ngày chân ướt chân ráo đó, không có anh và *Dân Chủ Mới*, tôi đã không là tôi như hôm nay. Cũng anh, người đầu tiên đặt cho tôi biệt danh, Lê Mai Nở. Cũng anh, người đầu tiên trả tiền nhuận bút cho tôi.

Chuyện là giữa cuộc rệu với anh em văn nghệ Boston, tại tòa soạn báo *Thăng Long* của nhà báo Nguyễn Mạnh Cường, anh rút trong túi ra trao cho tôi một nắm bạc và nói: “*Dân Chủ Mới* chưa bao giờ trả nhuận bút cho ai, cậu mới qua cần tiền, lại là bình bút, nên tôi trả nhuận bút cho cậu”. Một chốc sau, lấy cớ đi restroom, tôi đếm được \$175.00 gồm các tờ bạc mệnh giá từ \$1.00 đến \$20.00. Tôi mừng hóm.

Tôi cũng có lần, mừng hóm, khi vào CASINO Atlantic, Trần Trung Đạo đưa tôi một bùm tiền \$.25cent. Cũng Hồ Công Tâm, buổi sinh hoạt văn chương nào, anh cũng nói tôi đọc bài thơ *Chuyến Tàu Cuối Năm*. Anh nói với bài thơ đó, giọng đọc của cậu nghe mới đã cái lỗ nhĩ.

Anh cũng nói, có thể gọi bài *TA VỀ* của Tô Thùy Yên là *TA VỀ I*, *Chuyến Tàu Cuối Năm* của Lê Mai Lĩnh là *TA VỀ 2*.

Cũng Hồ Công Tâm và chỉ Hồ Công Tâm, lần nào in sách, tôi cũng gửi tặng anh, và lần nào anh cũng gửi lại tôi \$50.00 hay \$100.00 gọi là phụ tiền in ấn với cậu.

Một lần, khi in *Chân Dung Người Lính Thi Sĩ Miền Nam* gặp lúc dịch Covid, chưa gửi tặng anh, anh viết tin nhắn: “*Cậu nghĩ tôi không có tiền mua sao?*”.

Hồ Công Tâm là vậy.

Hồ Công Tử là vậy.

Vua thơ trào phúng là vậy.

Làm bạn với anh, không dễ. Được anh ưu ái, rất khó.
Tôi được cái khó đó.

Thưa Đại ca, ngày đại ca lên đường vào nước Trời, mà
tôi tin điều này, vì đại ca là một tín đồ ngoan đạo nên Chúa
sẽ mở rộng cửa, cho Hồ thi sĩ vào nhà Trời.

Amen.

36. NHÀ VĂN TRƯƠNG VẤN, NGƯỜI TÔI PHẢI NÓI LỜI TRI ÂN

Tâm bút LÊ MAI LĨNH



(Xin chị cho phép tôi một lần đọc tên chị Nguyễn Thị Kim Oanh, người tình muôn đời của bạn tôi, nhà văn Trương Vấn)

Trước CỖ NGƯỜI,

Tôi, chưa phải đến độ phải tắm rửa, trước khi cầm tới cuốn sách đó.

Tôi, lại càng không nên đốt trầm, trước lúc ngồi vào bàn cầm tới cuốn sách đó.

Nhưng tôi phải ngồi ngay ngắn, không ngả nghiêng, không nằm, không cười đùa khi đọc, đúng hơn, khi chiêm ngưỡng và nghiệm cuốn sách đó.

Vì rằng, hình thức cuốn sách đẹp chưa từng thấy. Khỏi chê, rất mê.

Vì rằng cuốn sách viết, nói về, và dành cho một người đàn bà đã quá vắng.

Và người đàn bà đó lại là người vợ tuyệt vời, hiện thực của gã sĩ quan xuất thân khóa 3, Trường đại học Chiến tranh Chính trị, mà đại tá Nguyễn Quốc Quỳnh là chỉ huy trưởng, và ông là bạn tù của tôi trong những ngày chung

trại tù Z30A, Xuân Lộc, lại là vị ân nhân của tôi, là chủ soái một trang văn học - trang web T.Vấn & Bạn Hữu.

Tôi là người gieo trồng, tung, vãi những hạt giống văn chương, mà ông là người cho mượn, cho nhờ những luống đất, những thửa ruộng đã cày, bừa, sản, phẳng phiu.

Cũng đôi lần ông giúp tôi nhặt đi những viên sạn, gạt bỏ những hạt lép, treo cổ, chặt chém những dấu hỏi, ngã, những chữ thừa vô nghĩa, những con chữ vô duyên, làm nên một toàn bích, một hoàn thiện cho một nàng tùy bút, cho một cô nương tạp ghi, phóng bút hay một bài thơ cho độ chín tới, cho mùi.

Cũng đôi lần giữa đêm, ông gọi điện thoại góp ý, nên bỏ câu này, nên giữ câu kia.

Có một lần thứ nhất, trong bài viết “Nhà văn Nguyễn Đình Toàn, tôi và nhà hàng Kim Sơn”, ông ra lệnh tôi phải bỏ đoạn nói về mối tình giữa Nhà hát lớn Hà Nội, của bà Bích Hợp với một gã đàn ông si mê bà.

Có một lần hai, trong bài viết về bà Tư đồ Bích Liên, mà năm tôi viết bài, tôi 75, bà 80, đang ở Canada, mà ngày xa lắc xa lơ xưa, tôi si mê khi bà là mẹ một con trông mòn con mắt.

Ông lệnh cho tôi phải xóa, bôi, hủy.

Ông lệnh tôi hãy để cho người ta an hưởng tuổi già, cho mối tình đại, si, buổi học trò an giấc ngàn thu.

Nhưng rồi cũng có lần, hai lần, tôi nói với ông là tôi hối hận về những bài thơ tôi làm và ông cho đăng tá lả những bài thơ 18+1.

Nhưng rồi trước tô phở tái, gầu, nước béo, trong lần thứ nhất diện kiến nhà văn hôm tháng 4-2023 tại tiệm phở Sài Gòn, AUSTIN, TEXAS, ông lại nói thơ như thế là hay, mới thể hiện phong cách thơ riêng của Khùng thi sĩ.

Một lần khác, cũng dịp hội ngộ đó, tôi nói về câu thơ đã làm tôi áy náy trong bài thơ *TƯƠNG TƯ MÙI SẦU RIÊNG*:

*“Roi của ta, làm bằng đuôi ngựa,
Đính vào, là in dấu trăm năm,
Đính vào, là không còn trí nhớ,
Tại vị trần gian, cứ như đang thiên đường”.*

Khi làm thơ, tôi làm theo sự chỉ bảo của trái tim.

Nhưng khi đọc lại, cái đầu nói cho tôi biết, mày bậy rồi, khùng ạ.

Roi bằng “đuôi ngựa” thô, nhám, hình tượng hung dữ, mất vệ sinh.

Nhưng ông nhà văn cũng nói, đó mới là phong cách rất riêng, độc, lạ.

CÔI NGƯỜI là tập tùy bút của ông, mà theo ông nói: *“sẽ là tập cuối cùng trong cái gọi là ‘sự nghiệp’ viết lách của mình, nên giờ đây trong căn phòng chung cư ẩm cúng nhờ tình thương yêu và sự chăm sóc của các con, tôi hoàn tất một lần và mãi mãi tập sách tiền định như tôi và người bạn đời mong muốn”* - trích trong trang không ghi số *CÔI NGƯỜI*.

Ông ký tặng tôi vào tháng 4-2023, tôi viết những dòng này như một tri ân ông, mà lý do tôi đã nói trên, vào tháng 5-2024, tức sau 13 tháng.

Biết là một cuốn sách mang linh hồn một người khuất núi.

Biết cuốn sách chất chứa những niềm đau, nơi những người còn lại.

Biết là thế nên tôi đã không thể nói nhiều, trích dẫn những lời xót ruột, từ người chồng, các con và những người bạn.

CÔI NGƯỜI, tôi đã chọn cách xâm nhập, tiên quân, chưa ai từng:

Tôi đọc vài trang trước.

Đoạn, tôi đọc vài trang sau.

Rồi trở lại vài trang trước.

Rồi trở lại các trang sau.

Những trang giữa sách lại là những trang cuối cùng, tôi nhâm nhi.

Và tôi thấy, với CÔI NGƯỜI, lối tiếp nhận, xung phong thế thế mà lại hay.

Như tự mình thay đổi thực đơn, thay đổi khẩu vị, mà CÔI NGƯỜI là mâm cỗ, bàn tiệc văn chương.

Ông ấy, người tôi phải nói lời tri ân, chính là nhà văn Trương Văn, nguyên soái trang web T.VAN & BANHUU, người dọn vườn cho tôi gieo những hạt giống thi ca, để tôi là tôi, của hôm nay, bây giờ.

* Dưới đây là một đoạn ông viết giới thiệu về tôi trên trang mạng T.Văn & Bạn Hữu:

“Lê Mai Lĩnh viết nhiều. Đủ thể loại. Văn, thơ, tùy bút, phóng bút, loạn... bút, tiểu luận. Đủ đề tài trong mọi lãnh vực: chính trị, văn chương...”

Nhưng riêng tôi, tôi chỉ thích thơ Lê Mai Lĩnh. Nhất là thơ tình. Mà thơ tình viết khi ông trên 70 tuổi mới phản ánh đầy đủ tính cách con người Lê Mai Lĩnh. Một ngoại lệ: bài thơ *Sấn*, tuy không phải thơ tình, nhưng lại là bài thơ dẫn tôi vào thế giới văn chương và con người Lê Mai Lĩnh. Cũng dễ hiểu.

Năm xưa (mấy chục năm xưa) ở tù chung với nhau, tôi không biết anh chàng dong dỏng cao, đẹp trai (hồi đó) nói giọng Quảng Trị réo rắt như chim hót. Lê Văn Chính là tên thật của Sương Biên Thùy, một nhà thơ miền Trung quen thuộc với các tạp chí văn học miền Nam trước 1975.

Anh thực sự lôi cuốn tôi với bài thơ *Sấn* và giọng đọc sang sảng trong các buổi văn nghệ tù khúc cuối tuần. Bài thơ *Sấn* cũng là bài thơ duy nhất sánh vai chung với các ca khúc (nhạc) viết trong tù được lưu trữ và giới thiệu trên chuyên mục “Tù Khúc” của trang T.Vấn & Bạn Hữu. Bằng bài thơ *Sấn*, cánh cửa văn chương của Lê Văn Chính, tức Lê Mai Lĩnh, mở ra cho tôi bước vào.

Thế nên tôi mang ơn bài thơ *Sấn*. Thế nên tôi yêu bài thơ *Sấn*. Nhờ nó, tôi khám phá ra một Lê Mai Lĩnh đầy tính cách ngược ngạo, kể cả trong thơ tình”.

Pittsburgh, Pennsylvania

21-5-2024

Lê Mai Lĩnh

Phụ lục

37. TRẦN THỊ KIM HẠNH, BIÊN TẬP VIÊN “TÔI ĐÃ LÀ NÀNG THƠ CỦA ÔNG SƯƠNG BIÊN THÙY”



1 - Tôi là nguồn cảm hứng cho Sương Biên Thùy viết bài tùy bút “*Những điều nói với Kim Hạnh*” đăng trên tuần báo *Nghệ Thuật* của nhà văn Mai Thảo, năm 1965.

Tôi cũng là nguồn cảm hứng cho Sương Biên Thùy làm các bài thơ *Trên Đồi Trà Thử Thả Hồn Chút Chơi*, *Bên Nay Bên Kia Núi Chứa Chan*, *Thơ Tình Mùa Hạ*, *Trong Tủ Sờ Râu*.

Vậy trong gia tài văn chương của Sương Biên Thùy, cũng có sự góp sức của cô sinh viên văn khoa, là tôi, Trần Thị Kim Hạnh, chứ bộ.

2 - Mùa hè năm 1965, khi tôi thấy gã tại trại hè “công trường thanh niên tự do” tại Gò Vấp, là tôi biết gã không thoát được tay tôi.

Khi tôi gọi điện mời gã xem phim “YÊU LÀ KHỔ”, gã vui vẻ, ngoan ngoãn nhận lời.

Vậy là tôi biết tôi là ai.

Cũng như tôi biết gã đang say tình như con nọ là đũa mà tôi là hướng gã chúí mũi.

Ngồi trong rạp, gã bóc kẹo cho tôi ăn và đưa kẹo cho tôi bằng hai ngón tay, ngón trỏ và ngón giữa của bàn tay phải.

Sau này tôi hỏi gã, tại sao vậy?

Gã nói đưa nguyên bàn tay sợ vụng về, lỡ chạm vào “vùng cấm địa” của tôi.

Gã không nhìn lên màn hình mà gã luôn nhìn vào tôi.

Tôi hỏi gã sao vậy?

Gã nói gã nhớ một đoạn văn trong truyện ngắn *LÊN MỘT CHIẾC CẦU, QUA MỘT CÁI ĐỐC* của nhà văn THẢO TRƯỜNG cũng có một tình huống như thế.

Và người con trai trả lời: *“Anh không thích cuộc đời trên đó. Anh thích cuộc đời dưới này. Trong đôi mắt em có anh”*.

Đó là năm 1965.

3/ Sau buổi xem phim đó, gã về Nha Trang. Tôi lại Sài Gòn, lòng nhớ gã quay quắt.

Trong lá thư đầu tiên cho gã, tôi nhớ là mình đã viết: *“Đôi mắt người đàn ông sao mà đẹp thế. Đôi mắt nhìn làm chết lòng người ta. Bây giờ sóng biển Nha Trang vỗ về và những tà áo trắng, chắc CHÍNH đã quên HẠNH ở Sài Gòn?”*.

4/ Năm 1967, chúng tôi về chung một nhà, như ngôn ngữ bây giờ.

Và cuộc sống gia đình đã không như mơ.

Năm 1988, chúng tôi chia tay, đồng thuận chia tay CHIÊN LỢC, để tôi đưa các con sang Mỹ trước.

Nhưng rồi, ông ở lại, ông “cuỗm” một cô gái Huế.

Cuộc chia tay từ CHIẾN LƯỢC biến thành chia tay CHIẾN THUẬT.

May quá, nhờ vậy tôi thoát ông.

5/ Hôm gặp nhau lần đầu tiên trên đất Mỹ, hai chị em chúng tôi ôm nhau, trước sự ngỡ ngàng của các con, các cháu và cả ông nữa.

Lỡ đại, dan díu với các ông làm thơ, đành chấp nhận thôi.

Kiếp sau, nếu có kiếp sau, tôi cũng ngã vào vòng tay của các ngài “thi sỡ”.

38. BÙI PHƯƠNG ĐÔNG, NỘI TRỢ, HỮU TRÍ “BA MƯƠI NĂM QUA, TÔI SỐNG NHƯ TRONG MƠ”



Huế, những năm đầu thập niên 1980, là Huế te tua.
Chính vì sự te tua ấy của Huế mà nhiều người bỏ Huế ra đi, mà tôi là một.

Nhưng có lẽ, trường hợp tôi là định mệnh, nếu như có thật một định mệnh cho một kiếp người, hay là ân sủng từ Thượng đế, mà tôi được Ngài trao ban.

Bỏ te tua Huế vào Sài Gòn là bước thứ nhất.

Rồi chỉ một nốt nhạc theo sau, bước thứ hai, tôi bỏ Việt Nam bay qua Mỹ, tới nay vừa chẵn 30 năm.

Mấy năm nay tôi nghỉ hưu.

Tôi có nhà, có xe, có hai cô con gái đã xong đại học, cháu lớn là pharmacist, đang làm quản lý cho nhà thuốc CVS bên Austin, Texas.

Còn chú Chính, ông chủ quán BÊN ĐƯỜNG ngày xưa của tôi, cô gái Huế, giờ chỉ còn hai việc để làm ở tuổi 82 là rửa chén bát và viết văn, làm thơ.

Trở lại chuyện đời tôi.

Vào Sài Gòn, tôi làm thợ may cho một công ty gần quán chú.

Mỗi lần dạo xe ngang qua, nhìn chú là tôi đã chét mê, chét mê.

Chú có vẻ đẹp đàn ông, lãng tử, nghệ sĩ với mái tóc phiêu bồng.

Nhân dịp công ty hết hợp đồng, công nhân thất nghiệp, tôi quyết định hiên ngang, hùng dũng, can đảm đến gặp chú xin việc làm.

Chú nhìn tôi, trên xuống dưới lên, trái phải, rồi nói OK. Tôi như người trúng số độc đắc Ái Tinh, khi nghe chú phán OK.

Chú tưởng người Huế ai cũng biết nấu bún bò Huế, khi chú hỏi tôi biết nấu bún bò Huế không.

Hẳn nhiên tôi ừ ị, mặc dù tôi có biết cái chi mô nà.

Chú đưa tôi 40.000 để mua xoong và giò heo và bún, gia vị, cho kịp ngày mai, tốt ngày khai trương món bún bò HUẾ, RẤT HUẾ, mà chú đã viết lên tấm bảng đen treo trước quán.

Buổi chiều, tôi vệ sinh, luộc giò heo chuẩn bị cho sáng hôm sau.

Tôi để giò heo lên chiếc bàn thấp cạnh bếp, lấy vật dụng đậy kín và vài thanh củi dẵn lên trên, nghĩ như thế là yên tâm.

Nào ngờ sáng hôm sau ra quán, trông như một buổi chợ chiều chưa dọn dẹp.

Bàn theo đặng bàn, củi theo đặng củi, giò heo nằm vương vãi giữa đất, chỉ còn xương và da.

Thấy tôi gom những cục xương còn lại, chú bảo vớt đi, rồi đưa tiền mua số giò heo khác.

Lần đó, tôi nghĩ mình sẽ bị mất việc. Nhưng không, vì chú có trái tim bồ tát.

Hôm đó, cũng kịp khai trương món bún bò HUẾ RẤT HUẾ.

Nhưng rồi ngày đó cũng như những ngày sau, thực khách chỉ có chú, hai đứa con của chú, tôi và một ông hàng xóm, chẳng biết đến để ăn bún bò hay để dê cô bán bún bò.

Tuổi thọ của món bún bò chưa tới 30 ngày.

Lúc này, vợ con chú đã sang Mỹ, nên tôi tự cho mình là nữ tướng.

Trước ngày chú đưa tôi đi làm hôn thú, tôi thấy có nhiều bà đến đến chờ chú đi chơi.

Bà nào cũng xinh đẹp, giàu có, tôi sống trong thấp thỏm, âu lo.

Theo chú và tôi tin, có bà gạ giá 10, 20 lượng vàng, nhưng chú vẫn chọn tôi.

Âu là tôi có số hưởng.

39. LÊ THANH PHONG, “TÔI TỰ HÀO VỀ BỐ TÔI”



Ông là nhà thơ Sương Biên Thùy, khi mới quen mẹ tôi, theo mẹ tôi nói, ông đẹp trai, lãng tử với mái tóc phiêu bồng.

Cũng theo mẹ tôi, khi nhìn thấy ông lần đầu, mẹ tôi đã chao đảo vì nhan sắc ông, nhan sắc của một thi sĩ.

Cũng theo mẹ tôi, ông yêu mẹ tôi lắm.

Bằng chứng cho điều này, mẹ tôi là nguồn cảm hứng cho ông làm thơ, viết văn.

Sau ngày có mẹ tôi bên đời, ông sáng tác rất hưng. Văn, thơ ông xuất hiện trên nhiều tạp chí trước năm 1975.

Nghĩ rằng, theo cổ nhân, “hỗ phụ sinh hồ tử” nên đôi lần tôi cũng tập tễnh làm thơ như ông.

Thấy ông làm thơ như nói chuyện, nói chuyện như làm thơ nên tôi cũng làm theo.

Tôi nói chuyện không thành thơ và làm thơ cũng không thành thơ.

Nhiều lần, sau khi làm xong, đọc lại, tôi thấy vô duyên, chẳng có chút nào cảm xúc.

Tôi đành bỏ tham vọng làm thi sĩ như ông, đi làm chủ tiệm nail.

Và nhờ làm chủ nail, tôi mới có tiền cho ông in sách, tặng bạn bè, vì đó là thú vui của ông.

Nghĩ rằng, cha mình không sống bao lâu nữa, theo luật trời, nên ông muốn chi anh em tôi đều chiu.

Thơ ông hay thì bạn bè, đồng nghiệp ông đã xác nhận, tôi không nói thêm.

Thấy ông được nhiều người trong văn giới ngợi khen, tôi cũng thấy tự hào, hãnh diện vô cùng.

Một thi sĩ tài hoa, đặc dị, hiếm có.

Bố ơi, gắng chơi tới 100 niên, nghe Bố.

MỤC LỤC

LỜI NGỎ.....	5
1. PHÁC THẢO TIỂU SỬ NHÀ THƠ / NHÀ VĂN / NHÀ BÁO LÊ MAI LĨNH	9
2. NGUYỄN THỊ SÂM, NHỮNG DẤU CHÂN DỌC ĐƯỜNG KHÁNG CHIẾN.....	14
3. ÔNG TÔI, ÔNG TRÙM TÍT	17
4. BẦU SỮA MẸ	24
5. ĐỘC THOẠI GIỮA ĐÊM KHUYA.....	31
6. NHÀ VĂN DIỆM TRẦN, NGƯỜI EM VĂN CHƯƠNG.....	39
7. NHÀ THƠ DU TỬ LÊ, VỊ HOÀNG ĐẾ HAY TÊN NÔ LỆ TÌNH YÊU	44
8. NHẠC SĨ CUNG MINH HUÂN, ĐỜI DỄ GÌ CÓ ĐƯỢC MỘT THẲNG EM.....	53
9. NHẠC SĨ TRẦN GIA TOẢN, GỞI VÀO HƯ KHÔNG LỜI TẠ LỖI BẠN HIỀN	57
10. NHÀ VĂN LÂM CHƯƠNG, VUA TRUYỆN NGẮN.....	63
11. NHÀ VĂN MAI THẢO, CÒN NỢ TÔI “BẦY THỎ NGÀY SINH NHẬT”	66
12. MỘT CHÚT SÀI GÒN GIỮA LÒNG PARIS.....	70
13. THANH HỒ, HOA SĨ, NGƯỜI TRỢ XẠ THỦ CHO THƠ TÔI	77
14. NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH TOẢN, TÔI VÀ NHÀ HÀNG KIM SƠN.....	80
15. NGHIÊM NGỘ LANG, CHÁU TÔI	84
16. NGUYỄN THỊ LƯƠNG NGA, THƠ LÀM TỪ MỘT GIẤC MƠ.....	87
17. NHẢ CA, NHÀ THƠ, EM YÊU CHI	89
18. NHA TRANG, 25 NĂM TRỞ LẠI.....	94
19. NHÀ THƠ NGUYỄN NGUYỆT, MỘT NHAN SẮC THI SĨ.....	99

20. NGUYỄN BẮC SƠN, PHAN THIẾT, NHỮNG HỒI
ỨC MUỘN 108
21. NHÀ THƠ NGUYỄN BẮC SƠN, SÀI GÒN VÀ TÔI 114
22. NHÀ BÁO VŨ NGỌC LONG: ĐỊNH MỆNH, NGƯỜI
SẼ BIẾT TAY TA 117
23. NHÀ THƠ PHAN XUÂN SINH, ĐÊM, CHÉN RƯỢU
MỜI NGƯỜI 125
24. THI SĨ THẠCH NHÂN TRẦN ĐÌNH BÉ, MỘT NHÀ
THƠ YẾU MỆNH 129
25. NHÀ THƠ THỤY SƠN, NGÀY KHÔNG GIÓ 139
26. NHÀ THƠ TRẦN THỊ CỎ TÍCH, NGƯỜI RẮC MUỐI
VÀO THƠ 147
27. NHÀ VĂN TRẦN HOÀI THƯ, TÊN CAO BỒI HAI
SÚNG 166
28. NHÀ THƠ THANH TÂM TUYỀN, BUỔI NHẬU
LÒNG TRẦU XÀO CẢI CHUA 176
29. NHẠC SĨ TRỊNH CÔNG SƠN, THẨM KỊCH CỦA
MỘT THIÊN TÀI 181
30. NHÀ THƠ TÔ ĐÌNH SỰ, MỘT THI SĨ YẾU MỆNH
197
31. NHÀ VĂN VIÊN LINH, TÔI VÀ ĐÀI PHÁT THANH
MẸ VIỆT NAM 201
32. NHÀ THƠ THANH ĐẶNG, NGƯỜI CỎI CỎI
XUỐNG TRẦN GIAN VẢI THƠ 208
33. NHÀ THƠ PHẠM NHẢ DỰ, BÀI THƠ SOẠN SẴN
CHO ÔNG CHỖ NGỒI TRONG CHIẾU VĂN CHUÔNG 210
34. LÊ MAI LĨNH: NÚI TÀ DÔN VÀ DẤU CHÂN Y
UYÊN 214
35. LÊ MAI LĨNH: HỒ CÔNG TÂM VÀ TÔI 222
36. NHÀ VĂN TRƯƠNG VẤN, NGƯỜI TÔI PHẢI NÓI
LỜI TRI ÂN 225
- Phụ lục 230
37. TRẦN THỊ KIM HẠNH, BIÊN TẬP VIÊN “TÔI ĐÃ
LÀ NÀNG THƠ CỦA ÔNG SƯỞNG BIÊN THUY” 231

38. BÙI PHƯƠNG ĐÔNG, NỘI TRỢ, HƯU TRÍ “BA MƯƠI NĂM QUA, TÔI SỐNG NHƯ TRONG MƠ” 234
39. LÊ THANH PHONG, “TÔI TỰ HÀO VỀ BỐ TÔI” 237